***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

### Tiết 1. Đọc văn.

### KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM

### TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp học sinh nắm được:

**1. Kiến thức:** Một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT năm 1945 đến năm 1975.

**2. Kĩ năng:** Rèn luyện năng lực tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá các kiến thức đã học về VHVN từ CMTT năm 1945 đến hết thế kỉ XX.

**3. Thái độ, tư tưởng:** Có quan điểm lịch sử, quan điểm toàn diện khi đánh giá văn học thời kì này; không khẳng định một chiều mà cũng không phủ nhận một cách cực đoan

**B. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: SGK Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: …………………………..**

**2. Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra sự chuẩn bị đầu năm học của học sinh.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Ở chương trình Ngữ văn lớp 10 và 11, các em đã được tìm hiểu về các giai đoạn phát triển của nền văn học Việt Nam từ khi hình thành nền văn học dân gian, văn học viết từ thế kỉ X cho đến hết thế kỉ XIX. Ở chương trình Ngữ văn 12 này, các em sẽ được tìm hiểu thêm về một giai đoạn văn học có thể nói là phát triển trong hoàn cảnh đặc biệt của dân tộc : Chặng đường văn học từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.*

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những nét khái quát nền văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng tám 1945 đến năm 1975**  **+ GV:** Tác giả SGK đã triển khai bài học theo các nội dung như thế nào?  **+ HS:** Nêu các đề mục chính của bài học.  **+ GV: Khái quát bằng sơ đồ:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng tám 1945 đến năm 1975** | | | | | | Khái quát văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 | | | Vài nét khái quát văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX | | | Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa | Các chặng đường phát triển, thành tựu chủ yếu | Những đặc điểm cơ bản | Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa | Những chuyển biến và thành tựu bước đầu | | Kết luận | | | | | | |
| **- Thao tác 1:**  **+ GV:** Thời đại nào thì văn học ấy. Vậy VHVN từ CMTT 1945 đến 1975 đã tồn tại và phát triển trong những điều kiện, lịch sử, xã hội và văn hóa như thế nào? | **I. KHÁI QUÁT VHVN TỪ CMTT NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975:**  **1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:**  - CMTT thành công đã mở kỉ nguyên mới cho dân tộc, khai sinh một nền văn học mới gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.  - Đường lối văn nghệ của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quan trọng đã tạo nên một nền văn học thống nhất.  - Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ kéo dài suốt 30 năm đã tạo nên những đặc điểm và tính chất riêng của nền văn học hình thành và phát triển trong điều kiện chiến tranh lâu dài và vô cùng ác liệt.  - Nền kinh tế còn nghèo và chậm phát triển.  - Giao lưu văn hoá hạn chế, chủ yếu tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hóa các nước XHCN (Liên Xô, Trung Quốc). |
| **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ 1945 – 1975.**  **+ GV:** Văn học VN 1945-1975 phát triển qua mấy chặng?  **+ GV:** Chủ đề chính của những tác phẩm văn học trong giai đoạn này là gì? | **2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:**  **a. Chặng đường từ 1945 đến 1954:**  ***\* Chủ đề chính:***  - 1945 – 1946: Phản ánh được không khí hồ hởi, vui sướng đặc biệt của nhân dân khi đất nước vừa giành được độc lập.  - 1946 – 1954:  + Phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp: gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến.  + Tập trung khám phá sức mạnh và những phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân.  + Thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến. |
| **+ GV:** Truyện ngắn và kí có những thành tựu tiêu biểu nào? | ***\* Thành tựu:***  - Truyện ngắn và kí: (SGK)  + *Một lần tới Thủ đô* và *Trận phố Ràng* (Trần Đăng) ,  + *Đôi mắt, Ở rừng* (Nam Cao) ;  + *Làng* (Kim Lân) ;  + *Thư nhà* (Hồ Phương) ,…  + *Vùng mỏ* (Võ Huy Tâm) ;  + *Xung kích* (Nguyễn Đình Thi) ;  + *Đất nước đứng lên* (Nguyên Ngọc) ,… |
| **+ GV:** Nêu tên những bài thơ hoặc tập thơ tiêu biểu ra đời trong văn học giai đoạn này? | - Thơ ca:  + *Cảnh khuya, Cảnh rừng Việt Bắc, Rằm tháng giêng, Lên núi*.. (Hồ Chí Minh),  + *Bên kia sông Đuống* (Hoàng Cầm),  + *Tây Tiến* (Quang Dũng),..  + *Việt Bắc* (Tố Hữu). |
| **+ GV:** Kịch nói trong giai đoạn này có những tác phẩm nổi bật nào?    **+ GV:** Lĩnh vực phê bình văn học có những tác phẩm đáng chú ý nào? | - Kịch:  + *Bắc Sơn, Những người ở lại* (Nguyễn Huy Tưởng)  *+ Chị Hòa* (Học Phi)  - Lí luận, phê bình:  + *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam* (Trường Chinh)  *+ Nhận đường, Mấy vấn đề về văn nghệ* (Nguyễn Đình Thi)  *+ Quyền sống của con người trong “Truyện Kiều”* (Hoài Thanh) |
| **+ GV:** Nêu một số nét chính về hoàn cảnh lịch sử, xã hội chặng 1955-1964?  **+ GV:** Chính vì vậy, chủ đề chính của những tác phẩm văn học giai đoạn này có gì khác trước? | **b. Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964:**  ***\* Chủ đề chính:***  - Ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội  - Nỗi đau chia cắt và ý chí thống nhất đất nước. |
| **+ GV:** Văn xuôi trong giai đoạn này viết về những đề tài nào? Nêu tên một số tác phẩm tiêu biểu ? | ***\* Thành tựu:***  - Văn xuôi: mở rộng đề tài, bao quát nhiều vấn đề, phạm vi của cuộc sống:  **+ Đề tài về sự đổi đời, khát vọng hạnh phúc của con người:**  o *Đi bước nữa* (Nguyễn Thế Phương)  o *Mùa lạc* (Nguyễn Khải)  o *Anh Keng* (Nguyễn Kiên)  **+ Đề tài cuộc kháng chiến chống Pháp:**  o *Sống mãi với thủ đô* (Nguyễn Huy Tưởng)  o *Cao điểm cuối cùng* (Hữu Mai)  o *Trước giờ nổ súng* (Lê Khâm) |
|  | + Đề tài hiện thực đời sống trước CMTT:  o Tranh tối tranh sáng (Nguyễn Công Hoan).  o Mười năm (Tô Hoài).  o Vỡ bờ (Nguyễn Đình Thi).  o Cửa biển (Nguyên Hồng).  + Đề tài công cuộc xây dựng CNXH:  o Sông Đà (Nguyễn Tuân).  o Bốn năm sau (Nguyễn Huy Tưởng).  o Cái sân gạch (Đào Vũ). |
| + GV: Tình hình thơ ca trong giai đoạn này như thế nào? Có những thành tựu thơ ca tiêu biểu nào? | - Thơ ca: nhiều tập thơ xuất sắc  + Gió lộng (Tố Hữu).  + Ánh sáng và phù sa (Chế Lan Viên).  + Riêng chung (Xuân Diệu).  + Đất nở hoa (Huy Cận).  + Tiếng sóng (Tế Hanh). |
| + GV: Tình hình kịch nói trong giai đoạn này ra sao? Có những tác phẩm tiêu biểu nào? | - Kịch nói:  + Một Đảng viên (Học Phi).  + Ngọn lửa (Nguyễn Vũ).  + Chị Nhàn và Nổi gió (Đào Hồng Cẩm). |
| + GV: Chủ đề chính của những tác phẩm văn học giai đoạn này là gì? | c. Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975:  \* Chủ đề chính:  Ngợi ca tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng |
| + GV: Hãy nêu tên những tác phẩm tiêu biểu trong thể loại văn xuôi văn học giai đoạn này? | \* Thành tựu:  - Văn xuôi: Phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, khắc hoạ hình ảnh con người VN anh dũng, kiên cường, bất khuất.  + Ở miền Nam:  o Người mẹ cầm súng (Nguyễn Thi)  o Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành).  o Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng).  o Hòn Đất (Anh Đức).  o Mẫn và tôi (Phan Tứ).  + Miền Bắc:  o Kháng chiến chống Mĩ của Nguyễn Tuân  o Truyện ngắn của Nguyễn Thành Long, Nguyễn Kiên, Vũ Thị Thường, Đỗ Chu  o Tiểu thuyết: Vùng trời (Hữu Mai), Cửa sông và Dấu chân người lính (Nguyễn Minh Châu), Bão biển (Chu Văn). |
| + GV: Tình hình thơ ca trong giai đoạn này có gì mới? Có những tác phẩm tiêu biểu nào? | - Thơ ca: mở rộng và đào sâu hiện thực, tăng cường chất suy tưởng và chính luận.  + Ra trận, Máu và hoa (Tố Hữu)  + Hoa ngày thường, Chim báo bão (Chế Lan Viên)  + Đầu súng trăng treo (Chính Hữu)  + Vầng trăng quầng lửa (Phạm Tiến Duật)  + Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm)  + Gió Lào cát trắng (Xuân Quỳnh)  + Hương cây, Bếp lửa (Lưu Quang Vũ và Bằng Việt)  + Cát trắng (Nguyễn Duy),  + Góc sân và khoảng trời (Trần Đăng Khoa) |
| + GV: Kịch nói đạt được những thành tựu nào? | - Kịch nói:  + Quê hương Việt Nam, Thời tiết ngày mai (Xuân Trình)  + Đại đội trưởng của tôi (Đào Hồng Cẩm)  + Đôi mắt (Vũ Dũng Minh)  - Lí luận, phê bình:  Các công trình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên… |
| + GV: Cho HS đọc SGK và yêu cầu HS tóm tắt những đóng góp của xu hướng văn học tiến bộ, yêu nước và cách mạng. | d. Văn học vùng địch tạm chiếm:  - Phức tạp: xen kẽ nhiều xu hướng phản động, tiêu cực, đồi trụy và tiến bộ, yêu nước, cách mạng.  - Hình thức thể loại: gọn nhẹ như truyện ngắn, phóng sự, bút kí.  - Tác phẩm tiêu biểu:  + Hương rừng Cà Mau (Sơn Nam)  + Thương nhớ mười hai (Vũ Bằng) |
| - Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn 1945 – 1975.  + GV: Nhìn một cách bao quát văn học VN 1945- hết TK XX mang những đặc điểm nào?  + GV: Khuynh hướng chủ đạo của nền văn học cách mạng là gì?  + GV: Văn học giai đoạn này tập trung vào những đề tài nào?  + GV: Nhân vật trung tâm trong những tác phẩm văn học giai đoạn này là những con người như thế nào? | **3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT năm 1945 đến năm 1975**  a. Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.  - Khuynh hướng, tư tưởng chủ đạo: tư tưởng cách mạng, văn học là thứ vũ khí phục vụ sự nghiệp cách mạng, nhà văn là người chiến sĩ  - Đề tài: Tổ Quốc với hai vấn đề trọng đại: đấu tranh bảo vệ, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội  - Nhân vật trung tâm: người chiến sĩ, dân quân, du kích, TNXP; người lao động mới có sự hòa hợp giữa cái riêng và cái chung, cá nhân và tập thể.  🡪 Văn học là tấm gương phản chiếu những vấn đề trọng đại của LSDT. |
| + GV: Đại chúng có vai trò như thế nào trong nền văn học giai đoạn 1945-1975?  + GV: Cái nhìn mới của người sáng tác trong văn học giai đoạn này là gì?  + GV: Nội dung của những tác phẩm văn học hướng vào điều gì nơi đại chúng?  + GV: Do văn học hướng về đại chúng nên hình thức những tác phẩm như thế nào? | b. Nền văn học hướng về đại chúng:  - Đại chúng: vừa là đối tượng phản ánh và đối tượng phục vụ, vừa là nguồn bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học  - Cái nhìn mới của người sáng tác về nhân dân: Đất nước là của nhân dân.  - Nội dung:  + quan tâm đến đời sống nhân dân lao động;  + những bất hạnh trong cuộc đời cũ và niềm vui sướng, tự hào về cuộc đời mới;  + khả năng cách mạng và phẩm chất anh hùng;  + xây dựng hình tượng quần chúng cách mạng  - Hình thức: ngắn gọn, dễ hiểu, chủ đề rõ ràng, hình thức nghệ thuật quen thuộc, ngôn ngữ bình dị, trong sáng. |
| + GV: Khuynh hướng sử thi được biểu hiện như thế nào ở đề tài trong các tác phẩm văn học? Thử chứng minh qua một tác phẩm đã học?  + GV: Khuynh hướng sử thi được biểu hiện như thế nào trong việc xây dựng nhân vật trong các tác phẩm văn học? | c. Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.  \* Khuynh hướng sử thi:  - Đề tài: đề cập tới những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và tính chất toàn dân tộc: Tổ quốc còn hay mất, độc lập hay nô lệ  - Nhân vật chính:  + những con người đại diện cho tinh hoa và khí phách, phẩm chất và ý chí của dân tộc, tiêu biểu cho lí tưởng dân tộc hơn là khát vọng cá nhân;  + văn học khám phá con người ở khái cạnh trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ công dân, ý thức chính trị, tình cảm lớn, lẽ sống  - Lời văn: mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng (Sử dụng BPNT trùng điệp, phóng đại). |
| + GV: Cảm hứng lãng mạn được biểu hiện như thế nào trong những tác phẩm văn học thời kì này? | \* Cảm hứng lãng mạn:  - Là cảm hứng khẳng định cái tôi dạt dào tình cảm hướng tới cách mạng  - Biểu hiện:  + Ngợi ca cuộc sống mới, con người mới,  + Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.  🡪 Cảm hứng nâng đỡ con người vượt lên những chặng đường chiến tranh gian khổ, máu lửa, hi sinh. |
| + GV: Khuynh hướng sử thi kết hợp với cảm hứng lãng mạn đã tạo nên điều gì cho những tác phẩm văn học giai đoạn này? | \* Khuynh hướng sử thi kết hợp với cảm hứng lãng mạn:  - Tạo nên tinh thần lạc quan thấm nhuần cả nền văn học 1945 - 1975  - Đáp ứng được yêu cầu phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển cách mạng.  - Tạo nên đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn này về khuynh hướng thẩm mĩ. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Quá trình phát triển những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ Cáchmạng tháng Tám 1945 – 1975.

- Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT 1945 – 1975.

**5. Dặn dò:**

- Học bài, tìm đọc các tác phẩm của giai đoạn văn học này. Tóm tắt ra giấy những nội dung chủ yếu của bài học.

- Đọc lại bài học, học thuộc Ghi nhớ, viết một đoạn văn ngắn cho đề bài luyện tập

- Chuẩn bị tiết tiếp theo của bài này.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

### Tiết 2. Đọc văn.

### KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM

### TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp học sinh nắm được:

**1. Kiến thức:** Một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản, những đổi mới bước đầu của VHVN giai đoạn từ năm 1975, nhất là từ năm 1986 đến hết thế kỉ XX.

**2. Kĩ năng:** Rèn luyện năng lực tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá các kiến thức đã học về VHVN từ CMTT năm 1945 đến hết thế kỉ XX.

**3. Thái độ, tư tưởng:** Có quan điểm lịch sử, quan điểm toàn diện khi đánh giá văn học thời kì này; không khẳng định một chiều mà cũng không phủ nhận một cách cực đoan

**B. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: SGK Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp:**

**Sĩ số: …………………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Ở tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu khái quát về văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 : hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa; quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu; những đặc điểm cơ bản. Hãy tiếp tục tìm hiểu khái quát về văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vài nét khái quát nền văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá.**  **+ GV:** Hãy tóm tắt những nét chính về tình hình lịch sử, xã hội, văn hoá thời kì văn học này?  **+ GV:** Trước những khó khăn như vậy, Đảng ta đã đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới như thế nào? | **II. VÀI NÉT KHÁI QUÁT VHVN TỪ NĂM 1975 ĐẾN HẾT TK XX:**  **1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:**  - 1975 - 1985: nước nhà hoàn toàn độc lập, thống nhất ta nhưng gặp phải những khó khăn thử thách mới.  - Từ 1986: Đảng đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện.  + Kinh tế: Chuyển sang kinh tế thị trường  + Văn hoá: Tiếp xúc rộng rãi với nhiều nước trên thế giới 🡪 văn học có điều kiện giao lưu, tiếp xúc mạnh mẽ (văn học dịch thuật, báo chí và các phương tiện truyền thông phát triển mạnh mẽ) 🡪 đổi mới văn học phù hợp với quy luật khách quan và nguyện vọng của văn nghệ sĩ | |
| **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu**  **+ GV:** Tình hình thơ ca sau năm 1975 có đặc điểm gì? | **2. Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu:**  **a. Thơ:**  - Thơ không tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như giai đoạn trước nhưng vẫn có những tác phẩm đáng chú ý:  + Chế Lan Viên với khát vọng đổi mới thơ ca qua các tập thơ *Di cảo,*  *+* các cây bút thuộc thế hệ chống Mĩ như Xuân Quỳnh*,* Nguyễn Duy, Thanh Thảo… | |
| **+ GV:** Thành tưu nổi bật của thơ ca giai đoạn này là hiện tượng gì? Với những tác phẩm tiêu biểu nào? | - Trường ca nở rộ:  + *Những người đi tới biển* (Thanh Thảo)  + *Đường tới thành phố* (Hữu Thỉnh)  + *Trường ca sư đoàn* (Nguyễn Đức Mậu) | |
|  | **- Những tác phẩm đáng chú ý:**  + *Tự hát* (Xuân Quỳnh)  *+ Người đàn bà ngồi đan* (Ý Nhi)  *+ Thư mùa đông* (Hữu Thỉnh)  *+ Ánh trăng*(Nguyễn Duy)  *+ Xúc sắc mùa thu* (Hoàng Nhuận Cầm)  *+ Nhà thơ và hoa cỏ* (Trần Nhuận Minh)  *+ Gọi nhau qua vách núi* (Thi Hoàng)  + *Tiếng hát tháng giêng* (Y Phương)  + *Sự mất ngủ của lửa* (Nguyễn Quang Thiều) | |
| **+ GV:** Tình hình văn xuôi sau 1975 như thế nào? Những tác phẩm giai đoạn này có khuynh hướng gì mới?  **+ GV:** Kể tên những tác phẩm tiểu biểu? | **b. Văn xuôi:**  - Có nhiều khởi sắc hơn thơ ca.  - Một số cây bút bộc lộ ý thức đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp cận hiện thực đời sống.  + *Đất trắng* ( Nguyễn Trọng Oánh)  + *Hai người trở lại trung đoàn* ( Thái Bá Lộc)  + *Đứng trước biển, Cù lao Tràm* (Nguyễn Mạnh Tuấn)  + *Cha và con và …,* *Gặp gỡ cuối năm* ( Nguyễn Khải)  + *Mưa mùa hạ, Mùa lá rụng trong vườn* ( Ma Văn Kháng)  + *Thời xa vắng* (Lê Lựu)  + *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Bến quê* (Nguyễn Minh Châu) | |
| **+ GV:** Từ năm 1986, văn học chính thức đổi mới như thế nào? Nêu tên một vài tác phẩm theo khuynh hướng đổi mới? | - Từ năm 1986: văn học chính thức bước vào thời kì đổi mới: gắn bó, cập nhật hơn đối với những vấn đề đời sống. Văn xuôi thực sự khởi sắc với các thể loại:  **+ Tập truyện ngắn:**  o *Chiến thuyền ngoài xa, Cỏ Lau* (Nguyễn Minh Châu)  o *Tướng về hưu* (Nguyễn Huy Thiệp)  **+ Tiểu thuyết:**  o *Mảnh đất lắm người nhiều ma* (Nguyễn Khắc Tường)  o *Bến không chồng* (Dương Hướng)  o *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh)  **+ Bút kí:** *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường)  **+ Hồi kí:** *Cát bụi chân ai* , *Chiều chiều* (Tô Hoài) | |
| **+ GV:** Tình hình kịch nói sau 1975 như thế nào? | - Kịch nói: phát triển mạnh mẽ  + *Hồn Trương Ba da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)  + *Mùa hè ở biển* (Xuân Trình) ,…  - Lí luận phê bình: có nhiều đổi mới, xuất hiện một số cây bút trẻ có triển vọng |
| **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số phương diện đổi mới trong văn học sau 1975.**  **+ GV:** Hãy thử nêu các phương diện đổi mới của văn học từ 1986 trở đi ?  **+ GV:** Nêu những thành tựu nổi trội của văn học VN 1945-1975?  **+ GV:** Quá trình đổi mới cũng bộc lộ những khuynh hướng lệch lạc nào? | **2. Những dấu hiệu của sự đổi mới:**  - Vận động theo khuynh hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc.  - Phát triển đa dạng hơn về đề tài, chủ đề; phong phú và mới mẻ về thủ pháp nghệ thuật, cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy  - Khám phá con người trong những mối quan hệ đa dạng và phức tạp, thể hiện con người ở nhiều phương diện của đời sống, kể cả đời sống tâm linh.  🡪 Cái mới của văn học giai đoạn này là tính chất hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh phức tạp, đời thường.  🡪 Văn học cũng nảy sinh xu hướng: nói nhiều đến mặt trái của xã hội, có khuynh hướng bạo lực. |
| **Hướng dẫn học sinh tổng kết.**  **+ GV:** Gọi 1 học sinh đọc phần Kết luận trong SGK | **III. KẾT LUẬN:**  Ghi nhớ (SGK). |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam từ 1975 đến hết thế kỉ XX.

**5. Dặn dò:**

- Đọc lại bài học, học thuộc Ghi nhớ, viết một đoạn văn ngắn cho đề bài luyện tập

- Chuẩn bị bài mới: ***Nghị luận về một tư tưởng đạo lí***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 3. Làm văn. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp học sinh :

**1. Kiến thức**: Nắm được cách viết bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

**2. Kĩ năng**: Tìm hiểu đề và lập dàn ý .

**3.Tư duy, thái độ**: Có ý thức và khả năng tiếp thu những quan niệm đúng đắn và phê phán những quan niệm sai lầm về tư tưởng , đạo lí

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

**Sĩ số: ………………………………..**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Hãy nêu những thành tựu ban đầu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Ở chương trình Ngữ văn lớp 10 và 11, chúng ta đã được học về thể văn nghị luận. Trong chương trình lớp 12, chúng ta sẽ tiếp tục hoàn thiện về thể văn này với một đề tài nghị luận khác: Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.*

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Cách làm bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh Tìm hiểu đề và lập dàn ý** | **I. Cách làm bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí:**  **1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:**  Đề bài:  Anh (chị) hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu:  *“ Ôi ! Sống đẹp là thế nào, hỡi bạn? ”* |
| **+ GV:** Câu thơ của Tố Hữu nêu lên vấn đề gì?  **+ GV:** Thế nào là “sống đẹp”? | **a. Tìm hiểu đề:**  - Vấn đề nghị luận: lối sống đẹp của mỗi người .  - Để sống đẹp, mỗi người cần xác định:  + Lí tưởng (mục đích sống) đúng đắn, cao cả,  + Tâm hồn, tình cảm lành mạnh, nhân hậu  + Trí tuệ (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt  + Hành động tích cực, lương thiện. |
| **+ GV:** Với thanh niên, học sinh, để trở thành người “sống đẹp”, cần phải có những phẩm chất nào? | - Với thanh niên, học sinh muốn trở thành người *“ sống đẹp”* cần:+ Chăm chỉ học tập, khiêm tốn học hỏi, biết nuôi dưỡng hoài bão, ước mơ + Thường xuyên tu dưỡng và rèn luyện đạo đức, có tinh thần bao dung, độ lượng |
| **+ GV:** Cần vận dụng những thao tác lập nào để giải quyết vấn đề trên?  **+ GV:** Bài viết có thể sử dụng những tư liệu từ đâu? | - Các thao tác lập luận cần vận dụng:  + Giải thích (“sống đẹp”);  + Phân tích (các khía cạnh biểu hiện của “sống đẹp”);  + Chứng minh, bình luận (nêu những tấm gương người tốt; bàn cách thức rèn luyện để “sống đẹp”; phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực)  - Dẫn chứng: chủ yếu tư liệu thực tế, có thể lấy dẫn chứng trong thơ văn nhưng không cần nhiều. |
| **+ GV:** Mở bài phải đảm bảo những yêu cầu nào?Ta có thể mở bài bằng những cách nào? | **b. Lập dàn ý:**  ***\* Mở bài: Phải bảo đảm hai yêu cầu chính***  - Giới thiệu chung vấn đề (diễn dịch, quy nạp hay phản đề… đều phải dẫn đến vấn đề nghị luận)  - Nêu luận đề cụ thể (dẫn nguyên văn hoặc tóm tắt đều phải xuất hiện câu/đoạn chứa luận đề) |
| + GV: Phần thân bài cần sắp xếp các ý theo trình tự như thế nào? | \* Thân bài:  - Giải thích thế nào là lối sống đẹp? (Ý 2 của Tìm hiểu đề)  - Phân tích, chứng minh các khía cạnh biểu hiện của sống đẹp bằng 1 trong 2 cách:  + Cách 1: Nêu ví dụ điển hình, tập trung, tiêu biểu cho các khía cạnh đã nêu (Tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh)  + Cách 2: Mỗi khía cạnh quan trọng đưa ra dẫn chứng tiêu biểu khác nhau hoặc trong đời sống thờng ngày mà ai cũng phải thừa nhận (một gương người tốt, một việc làm đẹp)  - Bình luận: Khẳng định lối sống đẹp:  + Là mục đích, lựa chọn, biểu hiện của con người chân chính, xứng đáng là người  + Có thể thấy ở những vĩ nhân nhưng cũng có ở con người bình thường; có thể là hành động cao cả, vĩ đại, nhưng cũng thấy trong hành vi, cử chỉ thường ngày  + Chủ yếu thể hiện qua lối sống, hành động.  - Bác bỏ và phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực…  - Liên hệ bản thân. |
| + GV: Phần kết bài ta có thể kết thúc vấn đề bằng những ý chính nào? | \* Kết bài:  - Khẳng định ý nghĩa của lối sống đẹp: là chuẩn mực đạo đức, nhân cách của con người  - Nhắc nhở mọi người coi trọng lối sống đẹp, sống cho xứng đáng; cảnh tỉnh sự mất nhân cách của thế hệ trẻ trong đời sống nhiều cám dỗ hiện nay. |
| - Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách làm một bài văn về tư tưởng, đạo lý.  + GV: Qua cách làm bài văn trên, em hiểu thế nào là nghị luận về một tư tưởng, đạo lý? | **2. Cách làm một bài văn về tư tưởng, đạo lý:**  a. Đối tượng được đưa ra nghị luận: là một tư tưởng, đạo lí (Nhận thức, Tâm hồn, tính cách , Quan hệ gia đình , Quan hệ xã hội, Cách ứng xử, hành động trong cuộc sống…) |
| + GV: Nêu thứ tự các bước tiến hành khi nghị luận về một tư tưởng, đạo lí? | b. Cách thức tiến hành:  - Thứ nhất, giới thiệu vấn đề đưa ra bàn luận.  - Thứ hai, giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (Nêu các khía cạnh biểu hiện của tư tưởng, đạo lí này)  - Thứ ba, phân tích, chứng minh, bình luận các khía cạnh; bác bỏ, phên phán những sai lệch liên quan.  - Thứ tư, khẳng định chung, nêu ý nghĩa, liên hệ, rút ra bài học nhận thức và hành động. |
| + GV: Cách diễn đạt trong bài văn về tư tưởng đạo lý cần tuân thủ những yêu cầu nào ? | \* Diễn đạt:  - Chuẩn xác, mạch lạc  - Có thể sử dụng phép tu từ, biểu cảm nhưng phải ở mức độ phù hợp |
| + GV: Gọi học sinh đọc phần Ghi nhớ. | 🡪 Ghi nhớ (Sách giáo khoa trang 21) |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn học sinh luyện tập.  - Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh luyện tập Bài tập 1  + GV: Vấn đề mà tác giả nêu ra trong bài viết là gì?  + GV: Có thể đặt tên cho văn bản là gì?  + GV: Tác giả sử dụng các thao tác lập luận nào?  + GV: Nhận xét về cách diễn đạt trong văn bản? | **3. LUYỆN TẬP:**  a. Bài tập 1:  - Vấn đề: văn hóa, sự khôn ngoan của mỗi con người …  - Có thể đặt tên cho văn bản là : Văn hóa con người , Thế nào là người sống có văn hóa…  - Tác giả sử dụng các thao tác : Giải thích (Đoạn 1), Phân tích (Đoạn 2), Bình luận (Đoạn 3)…  - Cách diễn đạt trong văn bản: rất đặc sắc, khá sinh động, hấp dẫn.  + Dùng câu nghi vấn để thu hút.  + Đối thoại trực tiếp để tạo gần gũi và sự thẳng thắn  + Dẫn thêm thơ để gây ấn tượng, hấp dẫn |
| - Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh luyện tập Bài tập 2  + GV: Nhắc lại hệ thao tác đã đúc gọn: Giới – Giải – Phân – Chứng – Bình – Bác – Khẳng – Nêu ; vừa phân tích thao tác vừa cho “MẪU”  + GV: Nêu ví dụ thao tác Giới thiệu  *Người ta nói, lạc rừng cứ nhìn sao Bắc Đẩu mà đi, vì sao Bắc Đẩu chỉ cho ta đường đi đúng. Trong cuộc sống mỗi con người, lí tưởng được ví như sao Bắc Đẩu vậy. Về điều này, nhà văn L. Tôn – xtôi đã từng nói: “Lí tưởng …”*  + GV: Yêu cầu HS thực hiện các phần còn lại ở nhà. | b. Bài tập 2:  - Giải thích các khái niệm: *“lí tưởng, cuộc sống”*, ý nghĩa câu nói của nhà văn L. Tôn-xtoi .  - *“lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường”:* Đưa ra phương hướng cho cuộc sống của Thanh niên trong tương lai  🡪 thanh niên sống cần có lí tưởng , biết đề ra mục tiêu để phấn đấu vươn tới ước mơ…  - *Vai trò của lý tưởng:* Lí tưởng có vai trò quan trọng trong đời sống của thanh niên, là yếu tố quan trọng làm nên cuộc sống con người .  - Cần đặt ra câu hỏi để nghị luận:  + Tại sao cần sống có lí tưởng?  + Làm thế nào để sống có lí tưởng?  + Người sống không lí tưởng thì hậu quả như thế nào?  + Lí tưởng của thanh niên, học sinh ngày nay ra sao?  - *Rút ra bài học* cho bản thân, hoàn thiện nhân cách để sống tốt hơn, có ích hơn cho xã hội … |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Các bước tiến hành khi làm bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý.

**5. Dặn dò:**

- Hoàn thiện bài tập 2.

- Chuẩn bị cho bài học: ***“Tuyên ngôn độc lập”* – Hồ Chí Minh.**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 4. Đọc văn. TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

HỒ CHÍ MINH

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp học sinh:

**1. Kiến thức:** Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản trong phong cách nghệ thật của Hồ Chí Minh.

**2. Kĩ năng:** Vận dụng có hiệu quả những kiến thức nói trên vào việc đọc hiểu văn thơ của Người.

**3. Tư duy, thái độ:** Trân trọng di sản văn học của Hồ Chí Minh.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS : Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

- GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

- Riêng phần tác gia: Hướng dẫn học sinh ở nhà đọc kĩ sách giáo khoa và trả lời câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài.* GV nêu câu hỏi, HS trả lời và thảo luận; sau đó GV nhấn mạnh khắc sâu những ý chính

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp.**

**Sĩ số: ……………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

* Nêu và phân tích ngắn gọn những đặc điểm chính của VHVN từ sau CMTT đến năm 1975.
* Trình bày những dấu hiệu đổi mới của VHVN từ sau 1975 đến hết TK XX.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng, người mở đường cho văn học cách mạng. Sự nghiệp văn học của Người rất đặc sắc về nội dung tư tưởng, phong phú đa dạng về thể loại và phong cách sáng tác. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.*

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vài nét về tiểu sử của Bác.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu vài nét về tiểu sử**  **+ GV:** Yêu cầu học sinh đọc nhanh mục Tiểu sử trong SGK.  **+ GV:** Kết hợp với những hiểu biết của mình, trình bày ngắn gọn tiểu sử của Hồ Chí Minh? | **PHẦN MỘT: TÁC GIẢ**  **I. Vài nét về tiểu sử:**  **- Xuất thân:** Sinh ngày 19-5-1890, trong một gia đình nhà nho yêu nước.  **- Quê quán:** làng Kim Liên, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An  **- Song thân:**  + Cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc  + Mẹ là cụ bà Hoàng Thị Loan  **- Học vấn:**  + Thời trẻ, học chữ Hán ở nhà  + Học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Quốc học Huế.  + Có thời gian dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết). |
| **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu quá trình hoạt động cách mạng của Bác.**  **+ GV:** Nêu những mốc thời gian hoạt động Cách mạng của Bác? | **- Quá trình hoạt động cách mạng:**  **+ 1911:** ra đi tìm đường cứu nước.  **+ 1919:** gởi tới Hội nghị Véc-xây *“Bản yêu sách của nhân dân An Nam”*  **+ 1920:** Dự đại hội Tua, là một trong những thành viên sáng lập Đảng cộng sản Pháp  **+ 1923 - 1941:** Hoạt động ở Liên Xô, Trung Quốc và Thái Lan, tham gia thành lập nhiều tổ chức cách mạng:  .Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925),  .Chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước tại Hương Cảng, Đảng cộng sản Việt Nam.  **+ 1941:** Về nước lãnh đạo cách mạng.  **+ 1942 – 1943:** bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt và giam giữ ở các nhà ngục Quảng Tây, Trung Quốc.  **+ Sau khi ra tù:** về nước, lãnh đạo cách mạng  **+ 1946:** được bầu làm chủ tịch nước VNDCCH.  **+ 2 – 9 – 1969:** Người từ trần. |
| + GV: cung cấp thêm: Năm 1990, kỉ niệm 100 năm ngày sinh của chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) suy tôn là “Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa”  🡪 Sự nghiệp chính là sự nghiệp cách mạng, nhưng người cũng để lại một sự nghiệp văn học to lớn. | 🡪 Vị lãnh tụ vĩ đại, đồng thời là nhà văn, nhà thơ lớn với di sản văn học quý giá. |
| **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu quan điểm sáng tác của Bác**  + GV: Giải thích khái niệm quan điểm sáng tác:  + GV: Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh có những nội dung nào? | **II. Sự nghiệp văn học:**  **1. Quan điểm sáng tác:**  a. Văn học là một thứ vũ khí lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng, nhà văn là người chiến sĩ xung phong trên mặt trận văn hoá tư tưởng:  - “Nay ở trong thơ nên có thép  Nhà thơ cũng phải biết xung phong”  (Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”).  - “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”.  (Thư gửi các hoạ sĩ nhân dịp triển lãm hội hoạ 1951) |
| + GV: Vì sao Hồ Chí Minh lại đề cao tính chân thực và tính dân tộc của văn học?  + GV: Người còn nhắc nhở giới văn nghệ sĩ điều gì để thể hiện được tính dân tộc trong tác phẩm văn chương? | b. Tính chân thực và tính dân tộc trong văn học:  - Tính chân thực: cảm xúc chân thật, phản ánh hiện thực xác thực  + Người nhắc nhở những tác phẩm: “chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sự sinh hoạt rất ít”  + Người căn dặn: “miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn”, phải “giữ tình cảm chân thật”.  - Tính dân tộc:  + Người nhắc nhở giới nghệ sĩ: phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi viết, “nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc”  + Người đề cao sự sáng tạo của văn nghệ sĩ: “chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo”. |
| + GV: Bốn câu hỏi Hồ Chí Minh tự đặt ra khi cầm bút sáng tác văn học là gì? | c. Sáng tác xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm:  Người luôn đặt 4 câu hỏi:  - “Viết cho ai?” (Đối tượng),  - “Viết để làm gì?” (Mục đích),  - “Viết cái gì?” (Nội dung).  - “Viết thế nào?” (Hình thức).  🡪 Tuỳ trường hợp cụ thể, Người vận dụng phương châm đó theo những cách khác nhau 🡪 Tác phẩm của Người có tư tưởng sâu sắc, nội dung thiết thực, hình thức sinh động, đa dạng. |
| **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu di sản văn học của Bác.**  + GV: Những bài văn chính luận được Bác viết ra nhằm mục đích gì? | **2. Di sản văn học:**  a. Văn chính luận:  - Cơ sở: Khát vọng giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ.  - Mục đích: Đấu tranh chính trị, tiến công trực diện kẻ thù, giác ngộ quần chúng và thể hiện những nhiệm vụ cách mạng của dân tộc qua những chặng đường lịch sử. |
| + GV: Nêu và phân tích một số tác phẩm văn chính luận tiêu biểu của Bác?  + GV: Nội dung của những tác phẩm này nêu lên điều gì?  + GV: Tác phẩm này lay động tình cảm người đọc nhờ vào cách viết như thế nào?  + GV: Văn bản này có những giá trị gì?  + GV: Những văn bản này có ý nghĩa gì? | - Tác phẩm tiêu biểu:  + “Bản án chế độ thực dân Pháp” (1925)  Tố cáo đanh thép tội ác của thực dân Pháp ở thuộc địa  Lay động người đọc bằng những sự việc chân thật và nghệ thuật châm biếm, đả kích sắc sảo, trí tuệ.  + “Tuyên ngôn độc lập” (1945)  Một văn kiện có ý nghĩa lích sử trọng đại và là một áng văn chính luận mẫu mực (bố cục ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, ngôn ngữ hùng hồn, giàu tính biểu cảm)  Thể hiện tình cảm cao đẹp của Bác với dân tộc, nhân dân và nhân loại)  + Các tác phẩm khác: “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (1946); “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” (1966) …  🡪 Được viết trong những giờ phút thử thách đặc biệt của dân tộc, thể hiện tiếng gọi của non sông đất nước, văn phong hòa sảng, tha thiết, làm rung lòng người. |
| + GV: Những tác phẩm truyện và kí của Bác được viết nhằm mục đích gì? Kể tên những tác phẩm truyện và kí tiêu biểu của Bác? | b. Truyện và kí:  - Mục đích:  + Vạch trần bộ mặt tàn ác, xảo trá, bịp bợm của chính quyền thực dân, châm biếm sâu cay vua quan phong kiến ôm chân thực dân xâm lược,  + Bộc lộ lòng yêu nước nồng nàn và tự hào về truyền thống anh dũng bất khuất của dân tộc  - Tác phẩm tiêu biểu:  + Pa-ri (1922),  + Lời than vãn của bà Trưng Trắc (1922),  + “Vi hành” (1923),  + Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (1925),  + Nhật kí chìm tàu (1931),  + Vừa đi đường vừa kể chuyện (1963)... |
| + GV: Những tác phẩm này có những đặc điểm gì nổi bật? | - Đặc điểm nổi bật:  Chất trí tuệ và tính hiện đại, ngòi bút châm biếm vừa sâu sắc, vừa đầy tính chiến đấu, vừa tươi tắn, hóm hỉnh. |
| + GV: Tác phẩm được Bác viết trong khoảng thời gian nào, nhằm mục đích gì?    + GV: Tác phẩm đã ghi lại những gì? Nêu ví dụ một tác phẩm tiêu biểu của Bác?  + GV: Qua một số bài thơ đã học, em hiểu được những gì về Bác? Nêu một số ví dụ tiêu biểu. | c. Thơ ca:  \* *Nhật kí trong tù*:  - Mục đích:  Sáng tác trong thời gian bị cầm tù trong nhà giam Tưởng Giới Thạch từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943 🡪 “ngày dài ngâm ngợi cho khuây”  - Nội dung:  + Ghi lại chân thật, chi tiết những điều mắt thấy tai nghe trong nhà tù và trên đường đi đày.  + Bức chân dung tự hoạ về con người tinh thần Hồ Chí Minh:  nghị lực phi thường;  tâm hồn khao khát hướng về Tổ quốc;  vừa nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, dễ xúc động trước nỗi đau của con người;  vừa tinh tường phát hiện những mâu thuẫn của xã hội mục nát để tạo tiếng cười đầy chất trí tuệ |
| + GV: Qua nội dung trên và một số bài thơ đã được học, em có nhận xét gì về giá trị của tập thơ? | 🡪 Tập thơ sâu sắc về tư tưởng, độc đáo, đa dạng về bút pháp, kết tinh giá trị và tư tưởng nghệ thuật thơ ca Hồ Chí Minh. |
| + GV: Những bài thơ này được Bác viết nhằm những mục đích gì? Nêu tên một số tác phẩm tiêu biểu của Bác?  + GV: Những bài thơ này có đặc điểm gì nổi bật? | \* Chùm thơ sáng tác ở Việt Bắc (1941- 1945):  - Mục đích: tuyên truyền và thể hiện những tâm sự của vị lãnh tụ ưu nước ái dân  - Tác phẩm:  + Thơ tuyên truyền: Dân cày, Công nhân, Ca binh lính, Ca sợi chỉ ... .  + Thơ nghệ thuật: Pắc Bó hùng vĩ, Tức cảnh Pắc Bó, Đăng sơn, Nguyên tiêu, Báo tiệp, Cảnh khuya...  - Đặc điểm nổi bật: vừa cổ điển vừa hiện đại, thể hiện cốt cách, phong thái điềm tĩnh, ung dung tự tại. |
| **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về phong cách nghệ thuật thơ văn của Bác.**  **+ GV:** Ta có thể nhận định chung như thế nào về phong cách nghệ thuật thơ văn của Bác? | **3. Phong cách nghệ thuật:**  **\* Nhận định chung:**  - Độc đáo, đa dạng;  - Bắt nguồn từ:  + Truyền thống gia đình, hoàn cảnh sống, quá trình hoạt động CM, chịu ảnh hưởng và chủ động tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới.  + Quan điểm sáng tác. |
| + GV: Những đặc điểm chủ yếu trong phong cách văn chính luận của Bác là gì? | \*Văn chính luận:  - Ngắn gọn, tư duy sắc sảo,  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng thuyết phục,  - Giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp. |
| + GV: Những tác phẩm truyện và kí thể hiện phong cách viết gì của Bác? | \* Truyện và kí:  - Vẻ đẹp hiện đại,  - Tính chiến đấu mạnh mẽ  - Nghệ thuật trào phúng sắc bén, nhẹ nhàng mà hóm hỉnh sâu cay. |
| + GV: Những bài thơ nhằm mục đích tuyên truyền được Bác viết với lời lẽ như thế nào?  + GV: Những bài thơ viết theo cảm hứng nghệ thuật thể hiện cách viết như thế nào của Bác? | \*Thơ ca:  - Thơ tuyên truyền: Lời lẽ giản dị, mộc mạc, dễ nhớ, mang màu sắc dân gian hiện đại.  - Thơ nghệ thuật: Vẻ đẹp hàm súc, hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và hiện đại, giữa chất “tình” và chất “thép”. |
| **Hướng dẫn học sinh tổng kết bài học**  **- GV:** Gọi học sinh đọc phần kết luận để ghi nhớ, đánh giá tổng quát về thơ văn của Bác. | **III. Tổng kết**:  *Ghi nhớ (SGK)* |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

**-** Quan điểm sáng tác của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

- Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài mới: ***“Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”***

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 5. Tiếng Việt. GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

**1. Kiến thức:** Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

**2. Kĩ năng**: Nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nói, viết) để đạt được yêu cầu trong sáng.

**3. Tư duy, thái độ:** Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

**B. PHƯƠNG TIỆN :**

**-** GV:Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ……………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu và phân tích ngắn gọn quan điểm sáng tác của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

- Trình bày tóm tắt phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Đã là người Việt Nam thì bất cứ ai trong chúng ta cũng biết sử dung tiếng Việt trong công việc giao tiếp hàng ngày, nhưng sử dụng tiếng Việt như thế nào để đảm bảo sự trong sáng và đạt hiệu quả cao? Đó là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.*

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về sự trong sáng của tiếng Việt.**  - Thao tác 1: Giải thích khái niệm *trong* *sáng của tiếng Việt*. | **I. Sự trong sáng của tiếng Việt:**  o *“Trong”:* có nghĩa là trong trẻo, không có chất tạp, không đục.  o *“Sáng”:* là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong, nhờ đó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả trung thành và sáng tỏ những điều chúng ta muốn nói |
| - Thao tác 2: Đưa ra ngữ liệu và yêu cầu học sinh phân tích:  + GV: Đọc và so sánh ba câu văn trong SGK, xác định câu nào trong sáng, câu nào không trong sáng? Vì sao? | o Câu đầu: không trong sáng vì cấu tạo câu không đúng quy tắc (chuẩn mực) ngữ pháp tiếng Việt.  o Hai câu sau: đạt được sự trong sáng vì cấu tạo câu theo chuẩn mực ngữ pháp của tiếng Việt. |
| + GV: Qua đó theo em biểu hiện thứ nhất của trong sáng tiếng Việt là gì?    + GV: Có trường hợp tiếng Việt được sử dụng linh hoạt, sáng tạo, có sự biến đổi, lúc đó tiếng Việt có đảm bảo được sự trong sáng hay không? Hãy phân tích câu thơ của Nguyễn Duy và câu văn của chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi trên.  + GV: Các từ ngữ dùng sáng tạo trong câu thơ của Nguyễn Duy là những từ nào? Chúng có nét nghĩa mới nào? Chúng được dùng theo biện pháp tu từ nào?  + GV: Trong câu văn của Bác, từ “*tắm”* được dùng theo nghĩa mới là gì? Có phù hợp với quy tắc tiếng Việt hay không? | - Thể hiện ở chuẩn mực và việc tuân thủ đúng chuẩn mực của tiếng Việt  o Phát âm theo chuẩn của một phương ngữ nhất định, chú ý cách phát âm ở phụ âm đầu, phụ âm cuối, thanh điệu.  o Tuân theo quy tắc chính tả, viết đúng phụ âm đầu, cuối, thanh điệu các từ khó.  o Khi nói viết phải dùng từ đúng nghĩa và đầy đủ các thành phần câu.  - Trong câu thơ của Nguyễn Duy, các từ “*lưng, áo, con”* được dùng theo nghĩa mới nhưng vẫn theo quy tắc ẩn dụ.  - Trong câu văn của Bác, từ “*tắm”* được dùng theo nghĩa mới và đặc điểm ngữ pháp mới. Nhưng đó vẫn là sự chuyển nghĩa nghĩa và đặc điểm ngữ pháp theo quy tắc của tiếng Việt.  - Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt. |
| + GV: Nhận xét về các từ ngữ nước ngoài được sử dụng trong câu văn của SGK?  + GV: Trong sáng thì không cho phép pha tạp, vẩn đục. Vậy sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép pha tạp của yếu tố ngon ngữ khác không? Qua ví dụ trên, em rút ra biểu hiện thứ hai của sự trong sáng của tiếng Việt là gì?  + GV: Nêu thêm ví dụ:  o Tổng thống và phu nhân. (Cần)  o Chị là người vợ thương chồng thương con (không dùng phu nhân thay cho *người vợ*).  o Báo Thiếu niên nhi đồng. (Cần)  o Trẻ em lang thang cơ nhỡ. (Không dùng Thiếu niên nhi đồng thay cho *trẻ em*)  🡪 Hiện tượng lạm dụng tiếng nước ngoài chỉ làm vẩn đục tiếng Việt. | - Câu văn có những từ ngữ nước ngoài được sử dụng không cần thiết vì tiếng Việt vẫn có những từ ngữ thay thế tương xứng.  - Tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, sử dụng tuỳ tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác. |
| + GV: Nêu ví dụ 5: Đoạn hội thoại trong SGK trang 33  + GV: Phân tích tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói của các nhân vật trong đoạn hội thoại?      + GV: Vậy theo em, sự trong sáng của tiếng Việt còn thể hiện ở phương diện nào? | -Tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói thể hiện ở cách xưng hô, thưa gửi, cách sử dụng từ ngữ:  o Cách xưng hô:  Ông giáo: *Cụ với tôi, ông với con*  🡪 thể hiện sự kính trọng, thân thiết gần gũi.  Lão Hạc: *Ông giáo, chúng mình, tôi với ông*  🡪 thể hiện sự tôn trọng của Lão Hạc đối với ông giáo  o Cách thưa gửi của Lão Hạc với ông giáo: *“ Vâng! Ông giáo dạy phải”*  🡪 Sự trân trọng, tin tưởng và có phần ngưỡng mộ của lão Hạc với ông giáo  o Các từ ngữ: trong sáng, rõ ràng, nhã nhặn, lịch sự  - Lời nói thô tục, bất lịch sự sẽ làm mất đi vẻ trong sáng của tiếng Việt, phải có tính lịch sự, văn hoá. |
| **Hoạt động 3: Hoạt động thực hành**  **Hướng dẫn học sinh luyện tập**  - Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh làm bài tập 1  + GV: Gọi HS đọc bài tập 1, xác định yêu cầu của bài  + GV: Yêu cầu HS tìm những từ ngữ tiêu biểu mà tác giả dùng để miêu tả diện mạo hoặc tính cách nhân vật trong Truyện Kiều? | **II. Luyện tập:**  *1. Bài tập 1*.  Các từ ngữ Nguyễn Du và Hoài Thanh nói về các nhân vật rất chuẩn xác vì miêu tả đúng diện mạo hoặc lột tả được tính cách nhân vật.  - Kim Trọng: *rất mực chung tình*  - Thuý Vân: *cô em gái ngoan*  - Hoạn Thư: *người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt*  - Thúc Sinh: *sợ vợ*  - Từ Hải: *chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ*  - Tú Bà: màu da “*nhờn nhợt*”  - Mã Giám Sinh: “*mày râu nhẵn nhụi*”  - Sở Khanh: *chải chuốt dịu dàng*  - Bạc Bà, Bạc Hạnh: *miệng thề “xoen xoét”* |
| - Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh làm bài tập 2  + GV: Yêu cầu học sinh điền vào đoạn văn các dấu câu thích hợp để đoạn văn được trong sáng. | *2. Bài tập 2:*  Cần đặt một số dấu câu:  - Dấu chấm giữa hai từ *dòng sông.*  - Dấu chấm trước cụm từ *dòng ngôn ngữ.*  - Dấu hai chấm sau từ *cũng vậy*  - Dấu phẩy trước từ *nhưng* và sau từ *gạt bỏ.*  “ *Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận – dọc đường đi của mình – những dòng nước khác . Dòng ngôn ngữ cũng vậy: một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì thời đại đem lại* .”  (Chế Lan Viên) |
| - Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh làm bài tập 3  + GV: Yêu cầu học sinh chỉ ra những từ ngữ nước ngoài nào cần phải được dịch nghĩa khi sử dụng để đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt. | *3. Bài tập 3:*  - Câu văn dùng nhiều từ nước ngoài.  - Cần thay một số từ bằng từ tiếng Việt hoặc dịch nghĩa sang tiếng việt.  - Microsoft: là tên công ty nên để lại không sửa  - Từ File → tệp tin: người không rành máy tính dễ hiểu hơn.  - Từ Hacker → Kẻ đột nhập trái phép hệ thống máy tính ( kẻ xâm nhập trái phép hệ thống máy tính. ...  - Cocoruder là danh từ tự xưng để nguyên. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**:

- Thế nào là sự trong sáng của tiếng Việt?

- Sự trong sáng của tiếng Việt được biểu lộ ở những phương diện nào?

**5. Dặn dò**:

- Sưu tầm trên đài, trên báo những hiện tượng làm vẩn đục sự trong sáng của tiếng Việt

- Ôn tập lại kiến thức đã học chuẩn bị ***Viết bài viết số 1***, đặc biệt là nghị luận về một tư tưởng đạo lý.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 6. Làm văn. BÀI LÀM VĂN SỐ 1**

**(NGHỊ LUẬN XÃ HỘI)**

**A.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

**1. Kiến thức**: Củng cố kiến thức nghị luận xã hội bàn về một vấn đề tư tưởng, đạolí.

**2. Kĩ năng**: Viết được bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí, trước hết là của tuổi trẻ học đường ngày nay.

**3. Tư duy, thái độ**: Nâng cao ý thức rèn luyện tư tưởng, đạo đức để không ngừng tự hoàn thiện nhân cách của mình.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Giấy kiểm tra.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

Ra đề phù hợp trình độ HS: tập trung vào những quan niệm về đạo lí, những vấn đề tư tưởng phổ biến trong HS như: ước mơ, quan hệ gia đình, bạn bè lối sống...

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: ...................................................**

**2. Kiểm tra bài cũ :** không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Các em đã được học cách làm bài nghị luận về tư tưởng, đạo lí. Hôm nay các em sẽ viết bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí quen thuộc trong đời sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động thực hành**  **Ôn tập kiến thức và kĩ năng về làm văn NL**  **-** GV yêu cầu HS xem lại các vấn đề có lên quan đến bài viết:  + Về bố cục  + Lập luận  **GV cho đề bài.**  **Gợi ý học sinh cách làm bài.**  - Thao tác 1: GV nhắc lại một số yêu cầu về nội dung và cách làm bài.  - Thao tác 2: GV hướng dẫn học sinh xác định cách thức làm bài  - Thao tác 3: GV lưu ý về thời gian làm bài  - Thao tác 3: GV gợi ý một số luận điểm trong bài viết | **I. Ôn tập kiến thức:**  **1. Bố cục: 3 phần**  **2. Lập luận:**   1. Cách xác lập luận điểm, luận cứ 2. Các thao tác lập luận: giải thích, chứng minh, phân tích, bác bỏ, bình luận… 3. Đặc biệt, xem lại bài nghị về một tư tưởng, đạo lí   **II. Đề bài :**  **Đề 1:** **Tình thương là hạnh phúc của con người.**  **III. Gợi ý cách làm bài:**  **1. Xác định nội dung bài viết:**   1. Tập trung vào vấn đề tư tưởng, đạo lí, đặc biệt là đối với HS trong giai đoạn hiện nay 2. Cần đọc kĩ đề để xác định đúng vấn đề cần bàn bạc và xác định các luận điểm   **2. Xác định cách thức làm bài:**   1. Thao tác lập luận: phối hợp các thao tác 2. Lựa chọn dẫn chứng: chủ yếu dùng dẫn chứng thực tế trong cuộc sống. Có thể dẫn một số thơ văn để bài viết sinh động, nhưng cần vừ mức, tránh lan man, lạc sang NLVH. 3. Diễn đạt cần chuẩn xác, mạch lạc, có thể sử dụng một số yếu tố biểu cảm, nhất là ở phần liên hệ thực tế và trình bày suy nghĩ riêng của cá nhân. 4. Cần chú ý lập hệ thống dàn ý trước khi viết bài.   **3. Xác định thời gian làm bài**:  45 phút.  **4. Dàn ý tham khảo:**  **Đề 1:** **Tình thương là hạnh phúc của con người.**  **4.1. Mở bài:**  - Hạnh phúc là một khái niệm tinh thần trừu tượng.  - Tùy theo vai trò, vị trí của từng cá nhân, từ giai cấp trong xã hội mà có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc.  - Nhân dân ta quan niệm: Tình thương là hạnh phúc của con người.  **4.2. Thân bài:**  **a. Giải thích câu nói: Tình thương là hạnh phúc của con người.**  - Tình thương: là tình cảm nồng nhiệt làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người, với vật (Từ điển tiếng Việt)  - Hạnh phúc: là trạng thái sung sướng vì cảm thấy hoàn toàn đạt được ý nguyện. (Từ điển tiếng Việt)  - Tại sao Tình thương là hạnh phúc của con người?  + Tình thương khiến cho người ta luôn hướng về nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau.  + Như vậy là thỏa mãn mọi ý nguyện, đã được hưởng sung sướng, hạnh phúc mà tình thương mang lại.  **b. Phân tích, chứng minh các biểu hiện của tình thương:**  **- Trong phạm vi gia đình:**  + Cha mẹ yêu thương con cái, chấp nhận bao vất vả, cực nhọc, hi sinh bản thân để nuôi dạy con cái nên người. Con cái ngoan ngoãn, trưởng thành, cha mẹ coi đó là hạnh phúc nhất của đời mình.  + Trong đời người có nhiều nỗi khổ, nhưng con cái không nên danh nên phận hoặc hư hỏng là nỗi đau lớn nhất của cha mẹ.  + Con cái biết nghe lời dạy bảo của cha mẹ, biết đem lại niềm vui cho cha mẹ, đó là hiếu thảo, là tình thương và hạnh phúc.  + Tình thương yêu, sự hòa thuận giữa anh em, giữa cha mẹ và con cái tạo nên sự bền vững của hạnh phúc gia đình.  **- Trong phạm vi xã hội:**  + Tình thương chân thành là cơ sở của tình yêu đôi lứa. (Dẫn chứng)  *Nước chảy liu riu, lục bình trôi líu ríu*  *Anh thấy cô nàng nhỏ xíu anh thương*  *Tóc em dài em cài hoa lí*  *Miệng em cười hữu ý anh thương*  *Thò tay mà ngắt ngọn ngò*  *Thương em đứt ruột giả đò ngó lơ*  *Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo*  *Ngũ lục sông cũng lội, thất bát cửu thập đèo cũng qua.*  *Muối ba năm muối đang còn mặn*  *Gừng chín tháng gừng hãy còn cay*  *Đôi ta nghĩa nặng tình dày*  *Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.*  + Tình thương là truyền thống đạo lí: *Thương người như thể thương thân*; tạo nên sự gắn bó chặt chẽ trong quan hệ cộng đồng giai cấp, dân tộc. (Dẫn chứng)  *Bầu ơi thương lấy bí cùng*  *Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*  *Một miếng khi đói bằng một gói khi no*  *Lá lành đùm lá rách*  *Lá rách đùm lá nát…*  *Nhiễu điều phủ lấy giá gương*  *Người trong một nước phải thương nhau cùng*  + Tình thương mở rộng, nâng cao thành tình yêu nhân loại.  **- Những tấm gương sáng trong lịch sử coi Tình thương là hạnh phúc của con người:**  + Vua Trần Nhân Tông trong một chuyến đi thăm quân sĩ đã cởi áo bào khoát cho một người lính giữa đêm đông lạnh giá.  + Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng chia sẻ ngọt bùi, cùng vào sinh ra tử với tướng sĩ dưới quyền trong ba cuộc kháng chiến chống quan xâm lược Nguyên – Mông, giành thắng lợi vẻ vang cho dân tộc.  + Người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi suốt đời đeo đuổi lí tưởng vì dân vì nước, gác sang một bên những oan ức, bất hạnh của riêng mình.  + Người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuất phát từ lòng yêu nước thương dân trong tình cảnh nô lệ nên đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Phương châm sống đúng đắn của Người là: Mình vì mọi người. Bác luôn lấy tình yêu thương con người làm mục đích và hạnh phúc cao nhất của cuộc đời mình.  **c. Phê phán, bác bỏ:**  Lối sống thờ ơ, vô cảm, thiếu tình thương…  **d. Liên hệ bản thân:**  Rút ra bài học về phương châm sống xứng đáng là con người có đạo đức, có nhân cách và hành động vì tình thương.  **4.3. Kết bài:**  **-** Tình thương là lẽ sống cao cả của con người.  - Tình thương vượt lên trên mọi sự khác biệt giữa các dân tộc trên thế giới.  - Để tình thương thực sự trở thành hạnh phúc của con người, mỗi chúng ta phải vươn lên chống đói nghèo, áp bức bất công, chiến tranh phi nghĩa… để góp phần xây dựng một thế giới hòa bình thịnh vượng… |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố :**

- Bố cục bài văn.

- Các ý chính.

**5. Dặn dò:**

**-** Đọc và soạn *“****Tuyên ngôn Độc lập****”* – Phần hai: Tác phẩm.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 7. Đọc văn. TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (Hồ Chí Minh)**

**(Phần 2. TÁC PHẨM)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung chính của ***Tuyên ngôn Độc lập***: một bản tổng kết về lịch sử dân tộc dưới ách thực dân Pháp - một thời kì lịch sử đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập tự do của nước Việt Nam trước toàn thế giới

- Hiểu được giá trị của áng văn nghị luận chính trị bất hủ: lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng hùng hồn.

**2. Kĩ năng**: Viết văn bản nghị luận xã hội.

**3. Tư duy, thái độ**

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

**Sĩ số: ……………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Thế nào là sự trong sáng của tiếng Việt?

- Sự trong sáng của tiếng Việt được thể hiện qua những phương diện nào? Cho ví dụ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Như ta đã biết, chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là vị lãnh tụ vĩ đại mà còn là một nhà văn chính luận mẫu mực. Điều này ta có thể thấy qua một tác phẩm bất hủ của Người: Tuyên ngôn Độc lập.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | HOẠT ĐỘNG CỦA HS |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về bản tuyên ngôn.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác của bản tuyên ngôn.**  **+ GV:** Bản tuyên ngôn ra đời trong hoàn cảnh của thế giới và Việt Nam như thế nào?  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh xác định mục đích viết và đối tượng hướng đến của bản tuyên ngôn.**  **+ GV:** Nói thêm về tình thế đất nước lúc bấy giờ:  - Miền Bắc: quân Tưởng mà đứng sau là Mĩ đang lăm le  - Miền Nam: quan Anh cũng sẵn sàng nhảy vào  - Pháp: dã tâm xâm lược VN lần thứ 2.  + **GV:** Trước tình hình như thế, theo em, đối tượng mà bản tuyên ngôn hướng đến là những ai? Bản tuyên ngôn được viết ra nhằm mục đích gì?  **- Thao tác 4: Hướng dẫn học sinh xác định bố cục của văn bản.**  **+ GV:** Cho học sinh nghe một số đoạn qua giọng đọc của Bác. Sau đó, gọi học sinh đọc tiếp văn bản.  **Yêu cầu:**  - Đọc rõ ràng, âm vang, có ngắt nghỉ giữa các phần như giọng đọc của Bác.  **- Phần nội dung:** đọc với giọng hùng hồn, đanh thép, nhấn mạnh vào cấu trúc trùng điệp để tô đậm tội ác của Pháp.  **- Phần viết về quá trình nổi dậy:** đọc với giọng tự hào, nhấn giọng vào chữ *sự thật.*  **- Lời tuyên ngôn và tuyên bố cuối cùng:** giọng trang trọng, hùng hồn.  **+ HS:** Đọc nối tiếp bản tuyên ngôn theo yêu cầu của GV.  + **GV:** Một bản tuyên ngôn độc lập thường có ba phần: Mở đầu, nội dung và kết luận. Căn cứ vào tác phẩm, hãy đánh dấu vị trí từng phần và phát biểu khái quát nội dung mỗi phần?  **Hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần 1 của bản tuyên ngôn.**  **+ GV:** Cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn độc lập này là gì?  **+ GV:** Theo em, việc Bác trích dẫn lời của hai bản tuyên ngôn này thể hiện sự khôn khéo như thế nào?    **+ GV:** Việc trích dẫn này cũng thể hiện được sự kiên quyết như thế nào?  **+ GV:** Từ ý nghĩa trên, em hiểu được là Bác trích dẫn hai bản tuyên ngôn này nhằm mục đích gì?  **+ GV:** Theo em, việc Bác trích dẫn như vậy để từ đó suy rộng ra điều gì?  **+ GV:** Khẳng định đóng góp lớn về tư tưởng của Bác ở phần này. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Hoàn cảnh sáng tác:**  **- Thế giới:**  + Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc: Hồng quân Liên Xô tấn công vào sào huyệt của phát xít Đức,  + Nhật đầu hàng Đồng minh  **- Trong nước:**  + CMTT thành công, cả nước giành chính quyền thắng lợi.  + Ngày 26 tháng 8 năm 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội  + Ngày 28 tháng 8 năm 1945: Bác soạn thảo bản ***Tuyên ngôn độc lập*** tại tầng 2, căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội.  + Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác đọc bản ***Tuyên ngôn độc lập*** tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước VNDCCH.  **2. Mục đích sáng tác:**  - Công bố nền độc lập của dân tộc, khai sinh nước Việt Nam mới trước quốc dân và thế giới  - Cương quyết bác bỏ luận điệu và âm mưu xâm lược trở lại của các thế lực thực dân đế quốc.  - Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc.  **3. Bố cục:**  - Phần 1: Từ đầu đến *“…không ai chối cãi được”*  🡪 Nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn độc lập.  - Phần 2: *“Thế mà, …. phải được độc lập”*  🡪 Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.  - Phần 3: Còn lại  🡪 Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc  **II. Đọc – hiểu văn bản:**  **1. Cơ sở pháp lí của bản tuyên ngôn độc lập:**  - Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ làm cơ sở pháp lí:  + [***Tuyên ngôn độc lập***](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tuy%C3%AAn_ng%C3%B4n_%C4%90%E1%BB%99c_l%E1%BA%ADp_Hoa_K%E1%BB%B3) của [Mỹ](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9):  *“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”*  + [Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tuy%C3%AAn_ng%C3%B4n_Nh%C3%A2n_quy%E1%BB%81n_v%C3%A0_D%C3%A2n_quy%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1) của [Cách mạng Pháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_Ph%C3%A1p) năm [1791](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=1791&action=edit&redlink=1):  *“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.”*  **- Ý nghĩa:**  + Vừa khôn khéo: Tỏ ra tôn trọng những tuyên ngôn bất hủ của cha ông kẻ xâm lược vì những điều được nêu là chân lí của nhân loại  + Vừa kiên quyết: Dùng lập luận *Gậy ông đập lưng ông* , lấy chính lí lẽ thiêng liêng của tổ tiên chúng để phê phán và ngăn chặn âm mưu tái xâm lược của chúng.  + Ngầm gửi gắm lòng tự hào tự tôn dân tộc: đặt ba cuộc cách mạng, ba bản tuyên ngôn, ba dân tộc ngang hàng nhau.  **- Trích dẫn sáng tạo:**  + Từ quyền bình đẳng, tự do, mưu cầu hạnh phúc của *con người* (tuyên ngôn của Mĩ và Pháp)  + Bác *suy rộng ra*, nâng lên thành quyền bình đẳng, tự do của các *dân tộc* trên thế giới  🡪 Đó là suy luận hợp lí, sáng tạo, là đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa.  => Hồ Chí Minh mở đầu bản tuyên ngôn thật súc tích, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, cách trích dẫn sáng tạo để đi đến một bình luận khéo léo, kien quyết: “*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”.* |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

**-** Ý nghĩa cách mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập.*

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị tiết tiếp theo của bài này.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 8. Đọc văn. TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (Hồ Chí Minh)**

**(Phần 2. TÁC PHẨM)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung chính của ***Tuyên ngôn Độc lập***: một bản tổng kết về lịch sử dân tộc dưới ách thực dân Pháp - một thời kì lịch sử đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập tự do của nước Việt Nam trước toàn thế giới

- Hiểu được giá trị của áng văn nghị luận chính trị bất hủ: lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng hùng hồn.

**2. Kĩ năng**: Viết văn bản nghị luận xã hội.

**3. Tư duy, thái độ**

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

**Sĩ số: ………………………………..**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Phần mở đầu bản “Tuyên ngôn Độc lập” có ý nghĩa gì?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Như ta đã biết, chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là vị lãnh tụ vĩ đại mà còn là một nhà văn chính luận mẫu mực. Điều này ta có thể thấy qua một tác phẩm bất hủ của Người: *Tuyên ngôn Độc lập.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn.**  **+ GV:** Câu văn chuyển tiếp mở đầu đoạn 2 có tác dụng gì?  **+ GV:** Khi Pháp có luận điệu về công *“khai hóa”* nhân dân các nước thuộc địa, tác giả đã vạch rõ những tội ác nào mà thực dân Pháp đã gieo rắc trên đất nước ta suốt hơn 80 năm qua?  **+ GV:** Nhà văn đã dùng những nghệ thuật nào để làm nổi bật những tội ác đó và để tăng cường sức mạnh tố cáo?  **+ GV:** Khi Pháp kể công *“bảo hộ”,* bản tuyên ngôn lên án chúng điều gì?  + GV: Những hành động này của Pháp đã gây nên hậu quả gì trên nhân dân ta?  + GV: Còn ta, ta đối xử với người Pháp như thế nào?  **+ GV:** Khi Pháp muốn nhân danh Đồng minh để vào chiếm lại Đông Dương, Bác đã vạch trần những tội trạng gì của chúng?  **+ GV:** Trong phần này, Bác còn nêu rõ quá trình nổi dậy giành chính quyền thắng lợi của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh như thế nào?  **+ GV: Từ những chứng cứ lịch sử hiển nhiên trên, bản tuyên ngôn nhấn mạnh các thông điệp quan trọng.**  **+ GV:** Trong ba câu văn ngắn gọn này, Bác muốn khẳng định điều gì?  **+ GV:** Trong đoạn văn này, Bác đã tuyên bố điều gì?  **+ GV:** Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở hai hội nghị Tê – hê – răng và Cựu Kim Sơn, chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi điều gì?  **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần tuyên bố cuối cùng.**  **+ GV:** Người tuyên bố với toàn thể nhân dân trên thế giới điều gì?  **+ GV:** Người còn nêu lên quyết tâm gì của dân tộc?  **- Thao tác 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những yếu tố thành công, mẫu mực của bản tuyên ngôn.**  **+ GV: Nêu nhận định chung.**  **+ GV:** Em hãy chứng minh điều đó qua nhận xét về lập luận của bản tuyên ngôn?  **+ GV:** Bản tuyên ngôn được xây dựng bằng những lí lẽ như thế nào?  **+ GV:** Nhận xét về những dẫn chứng mà Bác đưa vào bản tuyên ngôn?  **+ GV:** Ngôn ngữ của bản tuyên ngôn thể được những tình cảm gì của Bác?  **Hướng dẫn học sinh tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của bản tuyên ngôn.**  **+ GV:** Qua việc tìm hiểu, em có nhận xét gì về giá trị của bản ***Tuyên ngôn độc lập***? | **2. Cơ sở thực tế của bản Tuyên ngôn Độc lập:**  **a.** **Tố cáo tội ác của thực dân Pháp:**  - Câu mở đầu đoạn 2:  “*Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta.”*  🡪 Câu chuyển tiếp, tương phản với các lí lẽ của đoạn 1: thực dân Pháp đã phản bội lại tuyên ngôn thiêng liêng của tổ tiên chúng, phản bội lại tinh thần nhân đạo của nhân loại.  **- Pháp kể công *“khai hóa”,* Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:**  **+ Về chính trị:** *không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào, thi hành luật pháp dã man,* chia rẽ dân tộc, *tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*  **+ Về kinh tế:** Cướp không ruộng đất, hầm mỏ; độc quyền in giấy bạc, xuất cảng, nhập cảng; đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí  + **Văn hóa – xã hội – giáo dục:** *lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn , thuốc phiện*  🡪 Biệp pháp liệt kê + điệp từ *chúng* + lặp cú pháp + ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn đanh thép 🡪 nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.  **- Pháp kể công “bảo hộ”, bản tuyên ngôn lên án chúng:**  *+ “Mùa thu năm* [*1940*](http://vi.wikipedia.org/wiki/1940)*,* [*phát xít*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1t_x%C3%ADt) *Nhật đến xâm lăng* [*Đông Dương*](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4ng_D%C6%B0%C6%A1ng) *để mở thêm căn cứ đánh* [*Đồng Minh*](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Minh)*, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật.”*  *+ “Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng.”*  + Vậy là trong 5 năm, chúng bán nước ta hai lần cho Nhật.  + Hậu quả: làm *cho “hơn hai triệu đồng bào của ta bị chết đói”*  *+* Ngược lại, Việt Minh đã cứu giúp nhiều người Pháp, bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.  **- Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:**  + Chính Pháp là kẻ phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đông Dương cho Nhật.  + Không hợp tác với Việt Minh chống Nhật mà trước khi thua chạy, Pháp còn *“nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở* [*Yên Bái*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Y%C3%AAn_B%C3%A1i) *và* [*Cao Bằng*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_B%E1%BA%B1ng)*.”*  *+ “Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa.”*  *+* Nêu rõ thắng lợi của cách mạng Việt Nam:  **o** *“Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.”*  **o** *“Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.”*  🡪 Bác bỏ luận điệu xảo trá, lên án tội ác dã man của Pháp, khẳng định vai trò của CM vô sản Việt Nam và lập trường chính nghĩa của dân tộc.  **b. Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc:**  - Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định:  + Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị  + Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay  + Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ  🡪 Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử.  *-* Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để *tuyên bố: “thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.”*  🡪 Không chịu sự lệ thuộc và xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp về nước Việt Nam  - Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng tại hai Hội nghị [Tê – hê - răng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tehran) và [Cựu Kim Sơn](http://vi.wikipedia.org/wiki/San_Francisco,_California) để buộc các nước Đồng minh: *“quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.”*  *-* Khẳng định về quyền độc lập tự do của dân tộc:  *“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”*  🡪 Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lí và công ước quốc tế.  => Kiểu câu khẳng định, điệp từ ngữ, song hành cú pháp… tạo nên âm hưởng hào hùng, đanh thép, trang trọng của đoản khúc anh hùng ca.  **3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc:**  *-* Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập.”*  🡪 Những từ ngữ trang trọng: *“trịnh trọng tuyên bố”, “có quyền hưởng”, sự thật đã thành”* vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời khẳng định một chân lí.  *-* Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: *“Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”*  🡪 Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.  **4. Nghệ thuật:**  Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Bác:  **- Lập luận:** chặt chẽ, thống nhất từ đầu đến cuối (dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc)  **- Lí lẽ:** xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc.  - **Dẫn chứng:** xác thực, lấy ra từ sự thật lịch sử  **- Ngôn ngữ:** đanh thép, hùng hồn, chan chứa tình cảm, cách xưng hô bộc lộ tình cảm gần gũi.  **III. Tổng kết:**  Ghi nhớ (SGK)  - Là một văn kiện chính trị lớn, tổng kết cả một thời kì lịch sử.  - Là áng văn chính luận mẫu mực với lập luận chặt chẽ, kế thừa các chân lí lớn của thế giới.  - Nâng cao lòng tự hào về truyền thống và lịch sử văn học. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4.Củng cố**

- Cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn Độc lập.

- Hệ thống lập luận chặt chẽ của tác phẩm.

**-** Lí giải vì sao bản tuyên ngôn độc lập từ khi ra đời cho đến nay là một áng văn chính luận có sức lay động sâu sắc hàng chục triệu trái tim con người?

**Gợi ý:**

- Có giá trị lịch sử lớn lao.

- Chứa đựng tình ảm yêu nước, thương dân nồng nàn, niềm tự hào sâu sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, ngôn ngữ chuẩn xác, giọng văn khi hùng hồn đanh thép, khi chan chứa tình cảm, giàu sức thuyết phục.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: ***Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*** (tiếp theo).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 9. Tiếng Việt.**

**GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT (tiếp)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

**1. Kiến thức:** Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

**2. Kĩ năng**: Nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nói, viết) để đạt được yêu cầu trong sáng.

**3. Tư duy, thái độ:** Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

**B. PHƯƠNG TIỆN :**

**-** GV:Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ………………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Tác phẩm “Tuyên ngôn Độc lập” là một áng văn chính luận mẫu mực. Hãy làm sáng tỏ điều đó.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Đã là người Việt Nam thì bất cứ ai trong chúng ta cũng biết sử dung tiếng Việt trong công việc giao tiếp hàng ngày, nhưng sử dụng tiếng Việt như thế nào để đảm bảo sự trong sáng và đạt hiệu quả cao? Đó là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.**  **- Thao tác 1:** **Hướng dẫn học sinh xác định trách nhiệm về phương diện tình cảm.**  **+ GV:** Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta phải có thái độ và tình cảm như thế nào đối với tiếng Việt?  **+ GV:** Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có hiểu biết về tiếng Việt hay không? Và là thế nào để có những hiểu biết về tiếng Việt?  **+ GV:** Về mặt hành động, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mọi người cần sử dụng tiếng Việt như thế nào? | **II. Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:**  **1. Về thái độ, tình cảm:**  - Cần có ý thức tôn trọng và yêu quý tiếng Việt, xem đó là *”thứ của cải vô cùng lâu đời và quí báu của dân tộc”*  **2. Về nhận thức:**  - Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt  (Cần có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực của tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp)  **-** Hiểu biết đó không chỉ qua học tập ở trường, mà còn bằng tự học hỏi.  **3. Về hành động:**  - Sử dụng tiếng Việt theo chuẩn mực và quy tắc, trong đó có các quy tắc chuyển hoá, biến đổi.  - Không lạm dụng tiếng nước ngoài làm vẩn đục tiếng Việt.  - Tránh những lối nói thô tục, thiếu văn hoá. |
| **Hướng dẫn học sinh tổng kết và luyện tập.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tổng kết**  **+ GV:** Cho 1 -2 học sinh đọc phần Ghi nhớ của sách giáo khoa  **+ GV:** Yêu cầu học sinh đọc các bài tham khảo phía sau bài học ở nhà | **III. Kết luận:**  *Ghi nhớ (SGK)* | |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **Hướng dẫn học sinh luyện tập**  **+ GV:** Gọi học sinh đọc các ngữ liệu  **+ GV:** Yêu cầu học sinh phân tích từng câu văn để tìm ra những câu văn *“trong sáng”* và những câu *“không trong sáng”?* | **IV. Luyện tập :**  **1. Bài tập 1:**  - Câu *a* không trong sáng (có sự lẫn lộn giữa trạng ngữ *muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn* và chủ ngữ ) vì dùng thừa từ *đòi hỏi*.  - Các câu *b, c, d* viết đúng chuẩn ngữ pháp nên là những câu trong sáng. | |
| **+ GV:** Gọi học sinh đọc ngữ liệu  **+ GV:** Yêu cầu học sinh phân tích để tìm ra những từ nước ngoài nào không nên sử dụng và thay thế bằng từ khác để đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt. | **2. Bài tập 2:**  - Dùng từ *Tình nhân* thì thiên về việc nói đến con người hơn là ngày lễ  - Dùng từ *Valentine* là từ vay mượn nên không cần thiết.  🡪 Dùng từ (*ngày*) *Tình yêu* là đủ diễn đạt nội dung và sắc thái tình cảm. Không nhất thiết dùng từ nước ngoài.  - Trong lời quảng cáo dùng 3 hình thức biểu hiện cùng 1 nội dung: *ngày lễ tình nhân, ngày Valentine, ngày Tình yêu* .  🡪 Cùng biểu hiện ý nghĩa cao đẹp là tình cảm con người .  - Từ cần thay thế: *ngày Valentine*  🡪 *ngày lễ tình nhân, ngày Tình yêu.* | |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Mỗi người cần có ý thức như thế nào để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài : ***Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc****.* (Phạm Văn Đồng).

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 10. Đọc văn.**

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG**

**TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC**

***Phạm Văn Đồng***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS thấy được:

**1. Kiến thức:**

- Những ý kiến sâu sắc, có lí, có tình của Phạm Văn Đồng về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu

- Những giá trị lớn lao của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đối với thời đại bấy giờ và đối với ngày nay.

**2. Kĩ năng**

**-** Đọc hiểu văn bản nghị luận theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Thêm yêu quý con người và tác phẩm của nhà thơ lớn đó.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: …………………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, cần phải có những tình cảm, hiểu biết và hành động như thế nào?

- Câu văn sau đây trong sáng hay không trong sáng, vì sao:

*“Trong Truyện Kiều của Nguyễn Du đã nêu cao một tinh thần nhân đạo hết sức là cao đẹp”*

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Nguyễn Đình Chiểu từ lâu đã đi vào cuộc đời của mỗi người dân Nam Bộ và thơ ca của dân tộc. Đánh giá về những đóng góp của nhà thơ cũng có nhiều biểu hiện khác nhau, nhất là vào những năm chống Mĩ ác liệt. Hôm nay, chúng ta cùng nhìn nhận lại vấn đề qua một bài viết của Phạm Văn Đồng về nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu.*

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Tìm hiểu những nét chính về tác giả và văn bản.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu những nét chính về tác giả**  **+ GV:** Dựa vào phần *Tiểu dẫn*, nêu những nét chính về tác giả? | **I. Giới thiệu chung:**    **1. Tác giả: (SGK)**  **-** Phạm Văn Đồng (1906 – 2000).  - Quê: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.  - Là một nhà Cách mạng lớn của nước ta trong thế kỉ XX.  - Quá trình hoạt động cách mạng:  + Tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng từ khi chưa đầy 20 tuổi.  + 1929 – 1936: bị thực dân Pháp bắt, kết án tù và đày ra Côn Đảo  + Đầu những năm 1940: được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng biên giới Việt – Trung, được bầu vào Ủy ban Dân tộc giải phóng.  + Từng đảm nhiệm các cương vị:  o Bộ trưởng Bộ Tài chính  o Bộ trưởng Bộ ngoại giao  o Phó thủ tướng  o Thủ tướng (1955-1981)  o Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1981-1987)  🡪 Được đánh giá là một trong những học trò xuất sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh.  - Ông còn là một nhà giáo dục tâm huyết, nhà lí luận văn hoá văn nghệ lớn.  - Có những tác phẩm đáng chú ý về văn học nghệ thuật, bởi:  + Quan niệm: viết cũng là một cách phục vụ cách mạng  + Quan tâm, am hiểu và yêu thích văn học nghệ thuật.  + Vốn sống lịch lãm, tầm nhìn sâu sắc, nhân cách lớn 🡪 đủ để đưa ra những nhận định đúng đắn, mới mẻ, sắc sảo về những vấn đề văn học nghệ thuật  - Tác phẩm tiêu biểu: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ.* |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu chung về văn bản** | **2. Văn bản:** |
| + GV: Nêu hoàn cảnh ra đời của bài viết?  + GV: Bài viết ra đời trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ như thế nào? Bài viết được viết nhằm mục đích gì? | a. Hoàn cảnh ra đời:  - Viết nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu (3 – 7 – 1888), đăng trên tạp chí Văn học tháng 7 – 1963.  - Hoàn cảnh năm 1963: Tình hình miền Nam có nhiều biến động lớn  + Mĩ tài trợ và can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh  + Phong trào đấu tranh chống Mĩ và tay sai nổi lên khắp nơi, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi. |
| **- Thao tác 3: Tìm hiểu bố cục văn bản.**  + GV: Bài nghị luận này có thể chia làm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì?  + GV: Phần thân bài có bao nhiêu luận điểm? Tìm những câu chủ đề thể hiện luận điểm đó? | b. Bố cục:  \* Ba phần:  - Phần mở bài: Từ đầu đến “... cách đây hơn một trăm năm”  🡪 Nêu luận đề: Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ lớn của dân tộc.  (“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”)  - Phần thân bài: Từ “Nguyễn Đình Chiểu” đến “... văn hay của Lục Vân Tiên”  🡪 Nêu ba luận điểm tương ứng với ba câu chủ đề:  + Luận điểm 1: Từ “Nguyễn Đình Chiểu” đến “... khôn lường thực hư”  🡪 Con người và quan niệm văn chương của Nguyễn Đình Chiểu.  (“Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là của một chiến sĩ phấn đấu hi sinh vì một nghĩa lớn”)  + Luận điểm 2: Tiếp theo đến “hai vai nặng nề”  🡪 Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu.  (“Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu làm sống lại trong tâm trí chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bĩ của nhân dân Nam Bộ từ 1860 về sau, suốt hai mươi năm trời”)  + Luận điểm 3: Tiếp theo đến “văn hay của Lục Vân Tiên”  🡪 Đánh giá về truyện thơ Lục Vân Tiên.  (“Lục Vân Tiên, một tác phẩm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu, rất phổ biến trong dân gian, nhất là ở miền Nam”)  - Phần kết bài: Còn lại  🡪 Đánh giá khái quát về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu  (“Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao đại vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sư mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng”) |
| **Tìm hiểu văn bản.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu phần mở bài .**  + GV: Tác giả mở đầu bằng một nhận định như thế nào, nêu lên điều gì?  + GV: Hiểu “lúc này” là thời điểm nào? Nhấn mạnh thời điểm ấy, Phạm Văn Đồng muốn nêu lên điều gì?  + GV: Sau đó, Phạm Văn Đồng đã dùng câu văn ẩn dụ để khẳng định điều gì về Nguyễn Đình Chiểu? | **II. Đọc – hiểu văn bản:**  **1. Phần mở bài: Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ lớn của dân tộc**  - Tác giả mở đầu bằng một nhận định khách quan có tính thời sự:  “Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là vào lúc này”  🡪 “Lúc này”: năm 1963, phong trào đấu tranh chống Mĩ – nguỵ của nhân dân miền Nam đang phát triển sôi sục, rộng khắp  🡪 Nhấn mạnh thời điểm ca ngợi nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu để khẳng định truyền thống chống ngoại xâm, động viên nhân dân cả nước vùng lên.  - Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu:  “Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”.  🡪 Cách đặt vấn đề: đúng đắn, toàn diện và mới mẻ, như một định hướng để tìm hiểu về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. |
| + GV: Theo tác giả, những lí do nào làm “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trên bầu trời văn nghệ của dân tộc? | - Tác giả nêu hai lí do khiến cho “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc:  + Thứ nhất: Nhiều người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của truyện thơ *Lục Vân Tiên* và hiểu tác phẩm này khá thiên lệch về nội dung và nghệ thuật.  + Thứ hai: Người đọc biết rất ít về thơ văn yêu nước - một bộ phân quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. |
| **- Thao tác 2:Tìm hiểu phần thân bài.**  + GV: Tác giả đã giới thiệu những gì về con người nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu?  + GV: Tác giả đã nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật nào khi giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu? | **2. Phần thân bài:**  a. Luận điểm 1: Con người và quan niệm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu  - Con người:  + Sinh ra trên đất Đồng Nai hào phóng  + Triều đình nhà Nguyễn cam tâm bán nước, nhân dân khắp nơi đứng lên đánh giặc cứu nước  + Bị mù, Nguyễn Đình Chiểu dùng thơ văn phục vụ chiến đấu  + Thơ văn ông ghi lại tâm hồn trong sáng và cao quý của ông và thời kì khổ nhục nhưng vĩ đại của dân tộc.  🡪 Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu mà nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật: khí tiết của một người chí sĩ yêu nước, trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn. |
| + GV: Tác giả đã giới thiệu cho ta biết thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn như thế nào?  + GV: Nguyễn Đình Chiểu có quan niệm như thế nào về văn chương? Nhận xét về quan niệm sáng tác đó?  + GV: Trong phần này, tác giả đã đưa ra những luận điểm và luận cứ như thế nào? Có tác dụng gì? | - Quan điểm sáng tác:  + Thơ Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn mang tính chiến đấu, đánh thẳng vào giặc xâm lược và tôi tớ của chúng.  + Với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút còn là một thiên chức nên ông khinh miệt những kẻ lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa.  🡪 Quan niệm sáng tác thống nhất với con người Nguyễn Đình Chiểu: văn thơ phải là vũ khí chiến đâu sắc bén.  ⇒ Tác giả đã đưa ra luận điểm có tính khái quát cao, luận cứ bao gồm các lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, giúp người đọc hiểu rõ và sâu sắc vấn đề. |
| + GV: Trong phần đầu của luận điểm 2, Phạm Văn Đồng đã tái hiện lại thời kì Nguyễn Đình Chiểu sống. Đó là thời kì như thế nào?  + GV: Tác giả gọi thời kì Nguyễn Đình Chiểu là thời kì “khổ nhục nhưng vĩ đại”. Văn chương Nguyễn Đình Chiểu phản chiếu lại thời kì này như thế nào?  + GV: Văn chương chân chính còn phải tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh của thời đại. Phạm Văn Đồng đã khẳng định thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu có tính chiến đấu như thế nào? | b. Luận điểm 2: Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu  - Nêu bối cảnh thời đại Nguyễn Đình Chiểu cầm bút: “khổ nhục nhưng vĩ đại”  + Nguyễn Tri Phương thua ở Sài Gòn, Triệu Đức vội vã đầu hàng  + Năm 1862, cắt ba tỉnh miền Đông và năm 1867 cắt ba tỉnh miền Tây cho giặc  + Cuộc chiến tranh của nhân dân lan rộng khắp nơi làm cho kẻ thù khiếp sợ và khâm phục  🡪 Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là “ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”, vì thơ văn ông đã “làm sống lại phong trào kháng Pháp bền bĩ và oanh liệt của nhân dân Nam Bộ từ 1860 trở về sau” 🡪 Vì nhà văn lớn, tác phẩm lớn khi phản ánh trung thành những đặc điểm bản chất của một giai đoạn lịch sử trọng đại.  - Nêu nội dung chính thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:  + Là tấm gương phản chiếu thời đại nên sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là lời ngợi ca những nghĩa sĩ nông dân dũng cảm và cũng là lời khóc thương cho những anh hùng thất thế, bỏ mình vì dân vì nước  🡪 Phần lớn là những bài văn tế  + Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu mang tính chiến đấu vì đã xây dựng những hình tượng “sinh động và não nùng” về những con người “suốt đời tận trung với nước, trọng nghĩa với dân, giữ trọn khí phách hiên ngang cho dù chiến bại” và “ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu”: |
| + GV: Phạm Văn Đồng đã phân tích tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu để cho người đọc thấy được sự sáng tạo của Nguyễn Đình Chiểu? Sự sáng tạo đó là gì?  + GV: Tác giả đã so sánh bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc với Bình Ngô đại cáo. So sánh như vậy để làm gì?  + GV: Phạm Văn Đồng đã dẫn thêm bài thơ Xúc cảnh của Nguyễn Đình Chiểu nhằm mục đích gì?  + GV: Phạm Văn Đồng đã đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng. Đặt như vậy là nhằm mục đích gì? | o Phân tích một tác phẩm tiêu biểu: “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”  🡪 Ta thấy được tính chiến đấu và sự sáng tạo trong việc xây dựng hình tượng người anh hùng hoàn toàn mới trong văn học – nghĩa sĩ nông dân  o So sánh với “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi: Bài cáo là khúc ca khải hoàn, bài văn tế là khúc ca của những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang  🡪 Khẳng định giá trị to lớn của bài văn tế.  o Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, hòn ngọc rất đẹp như “Xúc cảnh”  🡪 Tác giả không phân tích mà chỉ gợi ra để người đọc cảm nhận được sự phong phú trong thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu  o Đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa...  🡪 Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu góp phần tạo nên diện mạo của văn học thời kì này và Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu, là ngôi sao sáng nhất của thơ văn yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX. |
| + GV: Trong luận điểm 2, Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu với trí tuệ, sự hiểu biết như thế nào? Nhận xét về cách viết của tác giả?  + GV: Phạm Văn Đồng không nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu với con mắt hoài cổ mà luôn nhìn từ trung tâm cuộc sống hôm nay. Cách nhìn nhận như vậy là tác giả muốn cho người đọc thấy được điều gì? | => Nhận xét:  + Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu bằng một trí tuệ sáng suốt, hiểu biết sâu sắc qua hệ thống lập luận rõ ràng và chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể và thuyết phục  🡪 Giọng văn nghị luận không khô khan mà thấm đẫm cảm xúc  + Tác giả không nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu với con mắt hoài cổ - tiếc thương những giá trị cũ, mà luôn nhìn từ trung tâm cuộc sống hôm nay – những năm 60 của thế kỉ XX  🡪 Con người hôm nay có điều kiện để đồng cảm với một con người đã sống hết mình vì dân tộc, thấu hiểu hơn những giá trị thơ văn của con người đó. |
| + GV: Phạm Văn Đồng đã nêu lên lí do nào làm cho tác phẩm *Lục Vân Tiên* được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian?  + GV: Khi bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm, Phạm Văn Đồng thừa nhận điều gì?  + GV: Tác giả cũng đã khẳng định đó là những hạn chế như thế nào của tác phẩm *Lục Vân Tiên*? Vì sao?  + GV: Việc nêu lên hạn chế trước rồi sau đó lí giải có tác dụng gì? | c. Luận điểm 3: Truyện thơ Lục Vân Tiên  - Nêu nguyên nhân làm cho tác phẩm được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian:  “trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những con người trung nghĩa”  - Bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm:  + Thừa nhận sự thật: “Những giá trị luân lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi, ở thời đại chúng ta, theo quan điểm của chúng ta thì có phần đã lỗi thời”, trong tác phẩm có những chỗ “lời văn không hay lắm” 🡪 trung thực, công bằng khi phân tích.  + Khẳng định bằng những lí lẽ và dẫn chứng xác thực: đó là những hạn chế không thể tránh khỏi và không phải là chính yếu:  o Hình tượng con người trong “Lục Vân Tiên” gần gũi với mọi thời, vấn đề đạo đức trong Lục Vân Tiên mang tính phổ quát xưa nay 🡪 “gần gũi với chúng ta”, “làm cho chúng ta cảm xúc và thích thú”  o Lối kể chuyện “nôm na” dễ nhớ, dễ truyền bá trong dân gian 🡪 người miền Nam say sưa nghe kể “Lục Vân Tiên”  🡪 Thủ pháp “đòn bẩy”: nêu hạn chế để khẳng định giá trị trường tồn của tác phẩm “Lục Vân Tiên” |
| + GV: Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “Truyện Lục Vân Tiên” trong mối quan hệ nào? Đó là cách xem xét như thế nào? | => Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “Truyện Lục Vân Tiên” trong mối quan hệ mật thiết với đời sống nhân dân (quen thuộc với nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến) 🡪 Đó là cơ sở đúng đắn và quan trọng nhất để đánh giá tác phẩm này. |
| **- Thao tác 3: Tìm hiểu phần kết bài.**  + GV: Tác giả đã khẳng định những gì về Nguyễn Đình Chiểu? | **3. Phần kết bài:**  - Khẳng định vẻ đẹp nhân cách và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc:  “Nguyễn Đình Chiểu là một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta”.  - Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là bài học cho mỗi con người:  “Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chí sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng”  🡪 Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước, lá cờ đầu của thơ văn yêu nước, là người nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng. |
| **Tổng kết**  GV: Gọi học sinh đọc Ghi nhớ của SGK. | **III. Tổng kết:**  Ghi nhớ (SGK) |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Nắm được hệ thống luận điểm, luận cứ của bài văn.

- Cách giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu.

- Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu.

- Nhận xét về cách viết của tác giả trong bài văn nghị luận này.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài mới: Mấy ý nghĩ về thơ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 11. Đọc văn. Đọc thêm:**

**- MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ (trích) *(Nguyễn Đình Thi)***

**- ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI (trích) *(X.Xvai-gơ)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Củng cố kiến thức về văn bản nghị luận

- Học tập các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận về một vấn đề văn học.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ:**

- Tình yêu văn học.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1.Ổn định lớp**

**Sĩ số: …………………………..**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Cách giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu có gì khác lạ, nhằm mục đích gì?

- Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện điều gì? Có tính chiến đấu như thế nào?

- Nhận xét về cách viết của tác giả trong bài văn nghị luận này?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Hôm nay chúng ta hãy cùng tìm hiểu hai bài đọc thêm để bổ sung kiến thức về lí luận văn học (đặc trưng của thể loại thơ) và hiểu biết hơn về chân dung một nhà văn nổi tiếng thế giới.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn bản *Mấy ý nghĩ về thơ***  - **GV**: Nguyễn Đình Thi lí giải về đặc trưng cơ bản nhất của thơ: Thơ là biểu hiện của tâm hồn con người như thế nào?  - **GV**: Theo NĐT thơ có những đặc trưng nào?  - **GV**: Nguyễn Đình Thi chỉ cho ta thấy được sự khác biệt của ngôn ngữ thơ với các ngôn ngữ thể loại khác là gì?  **- GV:** Nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi được bộc lộ như thế nào trongnghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh,... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra?  - **GV:** Quan niệm về thơ của NĐT ngày nay còn có giá trị không? Vì sao?  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn bản *Ñoâ-xtoâi-ep-ki***  - **GV**: Đô-xtôi-ép-ki qua nét vẽ của X. Vai gơ là một con người có những nét gì đặc biệt về tính cách và số phận?  - **GV**: Tìm dẫn chứng về số phận bị vùi dập và sức lao động phi thường của Đô-xtôi-ép-xki ?  - **GV**: Hiệu quả của lối cấu trúc những hình ảnh trái ngược khi thể hiện chân dung Đô-xtôi-ép-xki?  - **GV**: Từ câu “*Cuối cùng* …” đến hết đoạn trích, các biện pháp so sánh, ẩn dụ đều quy tụ về một thế giới như thế nào? Qua đó, X.Vaigơ muốn nói lên những gì về sứ mạng, về tầm vóc của Đôx-xtôi-ép-xki?  - **GV**: Việc X.Vaigơ luôn gắn Đôx-xtôi-ép-xki với bối cảnh thời sự, chính trị và văn chương có tác dụng như thế nào trong việc làm nổi bật vai trò của nhà văn? | **I. MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ (trích):**  **1 . Đặc trưng cơ bản nhất của thơ:** thể hiện tâm hồn con người.  **- Đặt ra một câu hỏi:** không mang nghĩa nghi vấn mà khẳng định:  “*Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng?”*.  - **Khởi đầu một bài thơ:** phải có “*rung động thơ*”, sau đó mới “*làm thơ*”.  - **Rung động thơ:**  + có được khi tâm hồn ra khỏi trạng thái bình thường;  + do có sự va chạm với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác mà tâm hồn thức tỉnh, bật lên những tình ý mới mẻ.  **- Còn làm thơ:**  + là thể hiện những rung động của tâm hồn con người bằng lời nói (tức là chữ).  + Những lời, những chữ ấy phải có sức mạnh truyền cảm tới người đọc, khiến “*mọi sợi dây của tâm hồn rung lên”.*  **2. Những đặc trưng khác của thơ** gồm: hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực,...  - Hướng tới việc biểu hiện tâm hồn con người, **hình ảnh của thơ**: không chỉ ghi lại cái vẻ bề ngoài mà “*đã bao hàm một nhận thức, một thái độ tình cảm hoặc suy nghĩ*”.  - Thơ gắn liền với sự suy nghĩ, thơ phải có tư tưởng, nhưng **tư tưởng trong thơ** cũng là tư tưởng - cảm xúc, “*thơ muốn lay động những chiều sâu của tâm hồn, đem cảm xúc mà đi thẳng vào sự suy nghĩ*”.  - **Cảm xúc, tình cảm** là những yếu tố quan trọng bậc nhất mà nhà thơ hướng tới.  “*Cảm xúc là phần thịt xương hơn cả của đời sống tâm hồn”.*  - Ngay **cái thực trong thơ** cũng là sự thành thực của cảm xúc, là biểu hiện một cách chân thật và sinh động những gì đang diễn ra trong tâm hồn, đó là *“hình ảnh thực nảy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trạng thái nào đấy”.*  🡪 Tóm lại, hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực của thơ đều nằm trong hệ quy chiếu của tâm hồn con người.  **3. Ngôn ngữ thơ** có nét khác biệt so với ngôn ngữ các thể loại văn học khác.  - Ngôn ngữ trong truyện, kí: chủ yếu là ngôn ngữ tự sự, kể chuyện,  - Ngôn ngữ trong kịch: chủ yếu là ngôn ngữ đối thoại  - Ngôn ngữ thơ ca: có tác dụng gợi cảm đặc biệt nhờ yếu tố nhịp điệu, “*Cái kì diệu ấy của tiếng nói trong thơ, có lẽ chăng ta tìm nó trong nhịp điệu (...) một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn*”.  - Xuất phát từ sự đề cao nhịp điệu bên trong, nhịp điệu của tâm hồn, Nguyễn Đình Thi quan niệm:  + “*không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không vần*” mà chỉ có “*thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ*”.  + Thời đại mới, tư tưởng, tình cảm mới, nội dung mới đòi hỏi một hình thức mới, điều quan trọng là dùng thơ tự do, thơ không vần, hay “*dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn đạt được đúng tâm hồn con người mới ngày nay”.*  **4. Nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi:**  Bộc lộ trong nghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh,... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra.  - Mở đầu bài viết, dùng ngay lập luận phủ nhận để khẳng định (bác bỏ một số quan niệm có phần phiến diện về thơ- có người cho “*thơ là ở những lời đẹp*” lại có người cho “*thơ khác với các thể văn khác ở chỗ thơ in sâu vào trí nhớ”*, để nhấn mạnh đặc trưng cơ bản nhất của thơ là biểu hiện tâm hồn con người), từ đó triển khai các ý ngày càng cụ thể hơn, xoáy sâu vào vấn đề chính.  - Lí lẽ gắn với dẫn chứng. Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh rất cụ thể, sinh động, gây ấn tượng mạnh:  + “*Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống. Toé lân ở những nơi giao nhau của tâm hồn với ngoại vật, trước hết là những cảm xúc”,*  *+ “Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung”.*  **5. Giá trị của bài văn:**  - Việc nêu lên những vấn đề đặc trưng bản chất của thơ ca không chỉ có tác dụng nhất thời lúc bấy giờ mà ngày nay nó vẫn còn có giá trị, bởi ý nghĩa thời sự, tính chất khoa học đúng đắn, gắn bó chặt chẽ với cuộc sống và thực tiễn sáng tạo thi ca.  **II. ĐÔ - XTÔI – ÉP – XKI *(Trích)*:**  **1. Tính cách và số phận của Đô – xtoi – ép – xki:**  **a. Hai thời điểm đối lập trong cuộc sống:**  **- Thời điểm thứ nhất:** kiếp sống của một kẻ lưu vong (*tờ séc cuối cùng ,hiệu cầm đồ, phòng làm việc, cơn động kinh, tiền nợ* 🡪 thời điểm của sự tuyệt vọng lớn nhất.  **- Thời điểm thứ hai:**  + Trở về Tổ quốc, “*một giây hạnh phúc tuyệt đỉnh”,*  *+* những giờ phút *“xuất thần”,*  *+* niềm hứng khởi trước đám đông cuồng nhiệt.  + Sau đó là cái chết khi *“sứ mệnh đã hoàn thành*”, trong tình cảm anh em của tất cả các giai cấp và tất cả các đẳng cấp của nước Nga.  **b. Những mâu thuẫn trong thiên tài Đô-xtôi-ép-xki:**  - Những tình cảm mãnh liệt >< trong cơ thể yếu đuối của con bệnh thần kinh;  - Con người mang trái tim vĩ đại >< phải tìm đến những cơ hội thấp hèn, bị giày vò vì hoàn cảnh.  - Số phận vùi dập thiên tài >< nhưng thiên tài tự cứu vãn bằng lao động và tự đốt cháy trong lao động.  - Vinh quang tột đỉnh của Đốt >< cũng vẫn gắn với đau khổ.  - Người bị lưu đày biệt xứ- *đau khổ một mình ->< sứ giả của xứ sở mình.*  **2. Cấu trúc tương phản ở nhiều cấp độ:**  - Trong nội bộ một câu, hoặc giữa hai vế, giữa hai từ ngữ. Ví dụ :  + N*ước Nga tiếng gọi vĩnh cửu của niềm tuyệt vọng của ông..,*  *+ Lao động là sự giải thoát và là nỗi thống khổ của ông.*  - Trong từng đoạn. Ví dụ :  + Hai hệ thống hình ảnh trái ngược ở đoạn từ *“Suốt đêm...tinh thần của chúng ta*”.  + Ở đây có sự đối lập: sự dằn vặt của cuộc sống hằng ngày >< những tác phẩm đồ sộ, thế giới tinh thần.  - Sự đối lập giữa những chi tiết hèn mọn về đời thường >< với những hình ảnh cao cả khác thường của khát khao sáng tạo của thiên tài  **3. Biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ:**  - So sánh:  + “*tác phẩm…là rượu ngọt”,*  *+ “đếm các ngày như trước đây đếm cái cọc của trại giam”,*  *+ “trở về như một kẻ hành khuất”,*  *+ “lời như sấm sét”.*  *-* Ẩn dụ:  + “*quả đã được cứu thoát, vỏ khô rụng xuống”,*  *+ “thành phố ngàn tháp chuông”.*  🡪 Những hình ảnh so sánh và ẩn dụ có hệ thống ở đây đều thuộc lĩnh vực tôn giáo, hoặc những lực lượng siêu nhiên.  🡪 Mục đích: từ chỗ mô tả như một con người khốn khổ, bị chà đạp, nâng lên thành một vị thánh, một con người siêu phàm  **4. Biện pháp tô đậm chân dung văn học:**  Gắn hình tượng con người trên khung cảnh rộng lớn.  **-** Cái nền **Đô-xtôi-ép-xki** xuất hiện: hình ảnh xã hội Nga đương thời.  - Thiên tài bị đè nén bởi số phận, nhưng cũng có thể tác động trở lại số phận, không chỉ số phận mình mà của cả dân tộc, thời đại: Hình ảnh nước Nga ở nửa đầu và cuối đoạn trích. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

**-** Nội dung và đặc sắc về nghệ thuật trong hai văn bản Đọc thêm.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: ***“Nghị luận về một hiện tượng đời sống”.***

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

Tiết 12. Làm văn. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS :

**1. Kiến thức:**

-Nắm được cách làm bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**2. Kĩ năng:**

**-** Huy động kiến thức và những trải nghiệm của bản thân để viết bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**3. Tư duy, thái độ:**

- Có nhận thức, tư tưởng, thái độ và hành động đúng đắn trước những hiện tượng đời sống hằng ngày.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

- GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- HS: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

**Sĩ số: ……………………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Nguyễn Đình Thi đã nêu lên đặc trưng cơ bản nhất của thơ như thế nào?

- Nguyễn Đình Thi có quan niệm như thế nào về thơ tự do?

- Thiên tài Đôx có những mâu thuẫn như thế nào trong cuộc đời và số phận?

- Tác giả đã làm nổi bật chân dung Đôx bằng cách nào?

**3. Bài mới** :

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Chúng ta đã được học cách nghị luận về một tư tưởng đạo lí. Bài học hôm nay sẽ cung cấp cho chúng ta kĩ năng viết một bài văn về một dạng nghị luận xã hội khác: Nghị luận về một hiện tượng đời sống.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Tìm hiểu cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đời sống**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu đề của SGK**  **+ GV:** Yêu cầu học sinh đọc tư liệu tham khảo *“Chia chiếc bánh của mình cho ai?”* (SGK)  **+ GV:** Đề bài yêu cầu nghị luận về hiện tượng gì?  **+ GV:** Em dự định trong bài viết của mình gồm có những luận điểm nào?    **+ GV:** Bài viết sẽ sử dụng những dẫn chứng nào?  **+ GV:** Cần vận dụng những thao tác lập luận nào?  **- Thao tác 2: Hướng dẫn lập dàn ý**  **+ GV:** Phần mở bài cần nêu lên những gì? Giới thiệu về hiện tượng như thế nào?  **+ GV:** Phần thân bài có những ý chính nào?  **+ GV:** Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa gì, tiêu biểu cho phẩm chất nào của thanh niên ngày nay?  **+ GV:** Em hãy đánh giá chung về những hiện tượng tương tự như hiện tượng Nguyễn Hữu Ân?  **+ GV:** Những hiện tượng nào cần phê phán?  **+ GV:** Em rút ra được bài học gì cho những thanh niên, học sinh ngày nay?  **+ GV:** Phần kết bày nêu lên điều gì?  **- Thao tác 3: Tìm hiểu cách làm bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.**  **+ GV:** Nghị luận đời sống là gì?  **+ GV:** Cần đạt được những yêu cầu nào khi làm bài một bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống?  **Hoạt động 3: Hoạt động thực hành.**  **- Thao tác 1: Luyện tập bài tập 1 SGK 68 -69.**  **+ GV:** Hiện tượng mà Nguyễn Ái Quốc nêu lên trong bài viết là gì? Hiện tượng ấy diễn ra vào khoảng thời gian nào?  **+ GV:** Nguyễn Ái Quốc đã dùng các thao tác lập luận nào?  + **GV:** Nhận xét về cách dùng từ, diễn đạt của Bác?  + **GV:** Qua bài viết trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?  **- Thao tác 2: Luyện tập bài tập 2:**  **+ GV:** Nêu lên dàn ý đại cương cho bài viết? | **I. Cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đời sống**  **1.** **Tìm hiểu đề:**  **- Đề bài yêu cầu bày tỏ ý kiến:** việc làm của anh Nguyễn Hữu Ân - vì tình thương *“dành hết chiếc bánh thời gian của mình”* chăm sóc cho hai người mẹ bị bệnh hiểm nghèo.  **- Luận điểm:**  + Việc làm của Nguyễn Hữu Ân: đã nêu một tấm gương về lòng hiếu thảo, vị tha, đức hi sinh của thanh niên.  + Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân là một hiện tượng sống đẹp, thế hệ ngày nay cần có nhiều tấm gương như Nguyễn Hữu Ân.  + Bên cạnh đó, còn một số người có lối sống ích kỉ, vô tâm, đáng phê phán, *“lãng phí chiếc bánh thời gian vào những việc vô bổ”.*  + Bài học: Tuổi trẻ cần dành thời gian tu dưỡng, lập nghiệp, sống vị tha để cuộc đời ngày một đẹp hơn.  **- Dẫn chứng:**  + Một số việc làm có ý nghĩa của thanh niên ngày nay tương tự như Nguyễn Hữu Ân: dạy học ở các lớp tình thương, giúp đỡ người tàn tật có hoàn cảnh neo đơn, tham gia phong trào tình nguyện…  + Một số việc làm đáng phê phán của thanh niên học sinh: bỏ học ra ngoài chơi điện tử, đánh bi a, tham gia đua xe…  **- Thao tác nghị luận:** phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ.  **2. Lập dàn ý:**  **a. Mở bài:**  - Giới thiệu hiện tượng Nguyễn Hữu Ân  - Trích dẫn đề văn, nêu vấn đề *“chia chiếc bánh mì của mình cho ai?”*  **b. Thân bài:**  **- Tóm tắt hiện tượng:**  Nguyễn Hữu Ân đã dành hết thời gian của mình cho những người ung thư giai đoạn cuối.  **- Phân tích hiện tượng:**  Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay:  + Hiện tượng này chứng tỏ thanh niên Việt Nam đã và đang phát huy truyền thống *Lá lành đùm lá rách*, tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau của cha ông xưa.  + Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân tiêu biểu cho lối sống đẹp, tình yêu thương con người của thanh niên ngày nay.  + Một số tấm gương tương tự.  **- Bình luận:**  **+ Đánh giá chung về hiện tượng:**  Đa số thanh niên Việt Nam có ý thức tốt với việc làm của mình, có hành vi ứng xử đúng đắn, có tấm lòng nhân đạo, bao dung. Không chỉ vì một số ít thanh niên có thái độ và việc làm không hợp lí mà đánh giá sai toàn bộ thanh niên.  **+ Phê phán:**  Một vài hiện tượng tiêu cực *“lãng phí chiếc bánh thời gian”* vào những việc vô bổ, không làm được gì cho bản thân, gia đình, bạn bè, những người cần được quan tâm, chia sẻ.  **+ Kêu gọi:**  Thanh niên, học sinh ngày nay hãy noi gương Nguyễn Hữu Ân để thời gian của mình không trôi đi vô ích.  **c. Kết bài:**  Bày tỏ suy nghĩ riêng của người viết đối với hiên tượng.  **3. Cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống:**  *Ghi nhớ* (SGK).  **- Nghị luận đời sống:** là bàn về một hiện tượng có ý nghĩa trong xã hội.  **- Bài nghị luận cần:**  + Nêu rõ hiện tượng  + Phân tích các mặt đúng – sai, lợi – hại  + Chỉ ra nguyên nhân  + Bày tỏ ý kiến, thái độ của người viết  - Ngoài việc vận dung các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận…, cần: diễn đạt sáng sủa, ngắn gọn, giản dị, nhất là phần nêu cảm nghĩ của riêng mình.  **II.** **LUYỆN TẬP**:  **1. Bài tập 1:**  **a. Nguyễn Ái Quốc bàn về hiện tượng:**  - Sự lãng phí thời gian của thanh niên An Nam. Hiện tượng ấy diễn ra vào những năm đầu thế kỉ XX. Với hoàn cảnh xã hội nước ta ngày nay, hiện tượng ấy vẫn còn.  **- Nêu và phê phán hiện tượng:** thanh niên, học sinh Việt Nam du học lãng phí thời gian vào những việc vô bổ  **- Chỉ ra nguyên nhân:** Họ chưa xác định được lí tưởng sống đúng đắn, ngại khó, ngại khổ, lười biếng hoặc chỉ sống vìe tiền bạc, vì lợi ích nhỏ hẹp  **- Bàn bạc:** Nêu một vài tấm gương thanh niên, sinh viên chăm học đạt địa vị cao, khi trở về thì phục vụ cho nước nhà (giảng dạy ở các trường đại học hoặc làm việc ở các ngành kinh tế, khoa học, kĩ thuật)  **b. Nguyễn Ái Quốc đã dùng các thao tác lập luận:**  *- Phân tích:* thanh niên du học, thanh niên trong nước, lối sống của họ nguy hại cho đất nước  *- So sánh:* nêu hiện tuợng thanh niên, sinh viên Trung Hoa du học chăm chỉ, cần cù.  *- Bác bỏ*: “*Thế thì thanh niên chúng ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: Họ không làm gì cả.”*  **c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:**  - Dùng từ ngữ giản dị, không hoa mĩ, nêu dẫn chứng xác thực, cụ thể;  - Kết hợp nhuần nhuyễn các kiểu câu trần thuật, câu hỏi (“*Thế thì … gì*?”), câu cảm thán (“*Hỡi … hồi sinh*”!).  **d. Rút ra bài học:**  - Xác định lí tưởng, cách sống;  - Mục đích, thái độ học tập đúng đắn.  **2. Bài tập 2:**  Dàn ý:  **- Mở bài:** Nêu hiện tượng, trích dẫn đề, nhận định chung.  **- Thân bài:**  + Phân tích hiện tượng  + Bình luận hiện tượng  o Đánh giá chung về hiện tượng  o Phê phán các biểu hiện chưa tốt  **- Kết bài:**  + Bày tỏ suy nghĩ riêng của mình.  + Kêu gọi mọi người tránh xa các tệ nạn xã hội. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Khái niệm nghị luận về một hiện tượng đời sống.

- Cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: ***Phong cách ngôn ngữ khoa học***

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 13-14. Tiếng Việt. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC**

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

- Giúp HS: Nắm được khái niệm:*ngôn ngữ khoa học* (phạm vi sử dụng, các loại văn bản) và *phong cách ngôn ngữ khoa học* (các đặc trưng để nhận diện và phân biệt trong sử dụng ngôn ngữ).

**2. Kĩ năng :**

- Có kĩ năng lĩnh hội, phân tích và tạo lập các văn bản khoa học (thuộc các ngành khoa học trong chương trìnhTHPT).Trình bày, trao đổi về đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học.

**3. Tư duy, thái độ :**

- Phân tích đối chiếu các ngữ liệu để tìm hiểu về phong cách ngôn ngữ khoa học, các loại văn bản khoa học.

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV.

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C.Phương pháp:**

- Tìm hiểu ví dụ trong thực tế về hai phương diện: các dạng và các loại văn bản của ngôn ngữ khoa học, khái niệm và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ khoa học.

- Liên hệ với phong cách ngôn ngữ sinh hoạt hoặc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật để thấy được sự đối lập với 3 đặc trưng của phong cách ngôn ngữ khoa học.

**D.Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Sĩ số: ..............................................

**2. Kiểm tra bài cũ:**

***Nghị luận về một hiện tượng đời sống***

- Thế nào là nghị luận về một hiện tượng đời sống?

- Cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống?

- Trình bày các luận điểm trong dàn ý của đề bài Bài tập 2 phần Luyện tập?

**3**. B**ài mới:**

**Hoạt động 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Trong cuộc sống thường ngày, ta được tiếp xúc và sử dụng nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Trong số đó có phong cách ngôn ngữ khoa học. Vậy ngôn ngữ khoa học là loại ngôn ngữ như thế nào? Nó có những đặc trưng gì? Tất cả sẽ được giải đáp trong bài học hôm nay.*

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **TIẾT 13** | |
| **Hoạt động 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu các loại văn bản khoa học**  **+ GV:** Yêu cầu 3 học sinh lần lượt đọc 3 đoạn trích từ 3 văn bản khoa học.  **+ HS 1:** Đọc đoạn trích a  **+ HS 2:** Đọc đoạn trích b  **+ HS 3:** Đọc đoạn trích c  **+ GV:** Ba đoạn trích trên đều nói về những vấn đề khoa học. Nhưng khác nhau về mức độ và phạm vi sử dụng như thế nào?  **+ HS:** Trả lời.  **+ GV:** Như vậy, các văn bản trên là thuộc những loại văn bản khoa học nào?  **+ HS:** Trả lời. | **I. Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học:**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu:**  ***- Về mức độ:***  + Văn bản a: chuyên sâu  + Văn bản b: phù hợp với học sinh THPT  + Văn bản c: phổ cập  ***- Về phạm vi sử dụng:***  + Văn bản a: những người có trình độ chuyên môn sâu  + Văn bản b: trong nhà trường  + Văn bản c: mọi người  ***- Các loại văn bản khoa học:***  + Văn bản a: VBKH chuyên sâu  + Văn bản b: VBKH giáo khoa  + Văn bản c: VBKH phổ cập |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu khái niệm ngôn ngữ khoa học.**  **+ GV:** Qua các ngữ liệu đã phân tích, em hiểu thế nào là ngôn ngữ khoa học?  **+ HS:** Trả lời.  **+ GV:** Ngôn ngữ khoa học tồn tại dưới những dạng nào? Nêu ví dụ một số loại văn bản khoa học của từng dạng?  **+ HS:** Trả lời. | **2. Ngôn ngữ khoa học:**  ***- Ngôn ngữ khoa học:*** Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản khoa học, trong phạm vi giao tiếp về những vấn đề khoa học.  ***- Các dạng:***  + Dạng viết: báo cáo khoa học, luận văn, luận án, SGK, sách phổ biến khoa học…  + Dạng nói: giảng bài, nói chuyện khoa học, thảo luận – tranh luận khoa học... |
| **GV hướng dẫn HS : Tìm hiểu đặc trưng của ngôn ngữ khoa học.**  **- Thao tỏc 1: Tìm hiểu tính khái quát, trừu tượng của ngôn ngữ khoa học.**  **+ GV:** Dựa vào những tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, cho biết tính khái quát trừu tượng của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?  **+ HS:** Trả lời. | **II. Đặc truwngc ủa ngôn ngữu khoa học.**  **1. Tính khái quát, trừu tượng :**  **- Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học:** từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học.  **- Kết cấu văn bản:** mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể) |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu tính lí trí, logic của ng«n ng÷ khoa häc.**  **+ GV:** Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính lí trí, logic của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?  **+ HS:** Trả lời. | **2. Tính lí trí, logic:**  **- Từ ngữ:** chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.  **- Câu văn:** chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.  **- Kết cấu văn bản:** Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic. |
| **- Thao tác 3: Tìm hiểu tính khách quan, phi cá thể hoá của ngôn ngữ khoa học**  **+ GV:** Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính khách quan, phi cá thể hoá của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?  **+ HS:** Trả lời. | **3. Tính khách quan, phi cá thể:**  **- Câu văn trong văn bản khoa học:** có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc  **- Khoa học có tính khái quát cao** nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân |
| **+ GV:** Yêu cầu một học sinh đọc to phần Ghi nhớ trong SGK. |  |
| **TIẾT 14**  **Sĩ số: ………………………………** | |
| **\* Hoạt động 3: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH.**  **- Thao tác 1: Luyện tập Bài tập 1**  **+ GV:** Nội dung thông tin là gì ?  **+ HS:** Trình bày  **+ GV:** Thuộc loại văn bản nào ?  **+ HS:** Trình bày  **+ GV:** Tìm các thuật ngữ khoa học được sử dụng trong văn bản ?  **+ HS:** Trình bày | **III. Luyện tập:**  **1. Bài tập 1:**  Bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX*  - Nội dung thông tin:  + Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá  + Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn  + Những đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn từ 1945 đến 1975 và 1975 đến hết thế kỉ XX.  - Thuộc loại văn bản: ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn, hoặc chuyên ngành Khoa học Ngữ văn  - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm:  + Dùng nhiều thuật ngữ khoa học.  + Kết cấu của văn bản mạch lạc, chặt chẽ: có hệ thống đề mục lớn nhỏ, các phần, các đoạn rõ ràng |
| **- Thao tác 2: Luyện tập bài tập 2**  **+ GV:** Cho ví dụ về đoạn thẳng và chia nhóm cho học sinh thảo luận các từ còn lại  **+ HS:** Trình bày | **2. Bài tập 2:**  Ví dụ: *Đoạn thẳng*  - Thông thường: là đoạn không cong queo, gãy khúc  - Toán học: Đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau |
| **- Thao tác 3: Luyện tập bài tập 3**  **+ GV:** Tính lí trí và logic của văn bản được thể hiện ở những phương diện nào?  **+ HS:** Trình bày | **3. Bài tập 3 :**  - Thuật ngữ: *khảo cổ, người vượn, hạch đá, mảnh tước, rìu tay, di chỉ, công cụ đá…*  - Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận:  + Câu đầu: nêu lên luận điểm  + Các câu sau: nêu các luận cứ, cứ liệu thực tế |
| **Hoạt động 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  **+ GV:** Hướng dẫn học sinh làm bài tập 4 . | **4. Bài tập 4:**  - Lưu ý: Cần đảm bảo:  + Nhất quán về nội dung: các câu đều tập trung vào chủ đề “sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường sống” và phát triển, làm rõ chủ đề đó.  + Các câu liên kết với nhau và có quan hệ lập luận chặt chẽ.  + Mỗi câu, mỗi từ cần đúng về nghĩa, về phong cách khoa học.  - Đoạn văn: Hoàn thiện. |

**Hoạt động 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Thế nào là ngôn ngữ khoa học? Có các loại văn bản khoa học nào?

- Các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học là gì?

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Soạn bài học tiếp theo: Trả bài viết số 1. Bài viết số 2: Nghị luận xã hội (Bài làm ở nhà).

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 15. Làm văn.**

**TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 1.**

**BÀI VIẾT SỐ 2: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (Làm ở nhà)**

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** :

Giúp HS:

Hiểu rõ những ưu, khuyết điểm của bài làm để củng cố kiến thức và kĩ năng về văn nghị luận.

**2.Kĩ năng**

- Củng cố và nâng cao thêm tri thức và kĩ năng viết bài nghị luận xã hội bàn về một tư tưởng, đạo lí. Rút kinh nghiệm và chuẩn bị cho bài viết số 2.

**3. Tư duy,thái độ :**

- Rèn luyện cách phân tích, nêu cảm nghĩ của bản thân.

**B. Chuẩn bị :**

+GV : chấm bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

Kết hợp thuyết trình, giảng giải và phát vấn của GV với ý kiến HS tự nhận xét, đánh giá kết quả bài làm. GV hướng dẫn học sinh phân tích đề, lập dàn ý và chữa lỗi từ bài làm của học sinh.

**D.Tiến trình tổ chức:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Sĩ số: .............................................

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Câu hỏi:

- Thế nào là ngôn ngữ khoa học? Có các loại văn bản khoa học nào?

- Ngôn ngữ khoa học có những đặc trưng cơ bản nào?

- Các bài học trong sách giáo khoa thuộc loại văn bản khoa học nào? Ngôn ngữ của chúng có đặc trưng gì?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Các em đã học cách làm văn về một tư tưởng, đạo lí và đã có một bài viết cụ thể về đề tài này. Hôm nay, trong tiết học này, chúng ta cùng nhìn nhận lại kết quả làm bài của minh để rút kinh nghiệm cho những bài viết tiếp theo.*

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài.  **GV: Hướng dẫn học sinh phân tích đề.**  **- GV:** Khi phân tích một đề bài, ta cần phân tích những gì?  **- GV:** Bài viết cần theo thể loại nào, sử dụng những thao tác lập luận nào?  **- GV:** Dẫn chứng ta có thể lấy từ đâu?  **GV: Hướng dẫn học sinh lập dàn ý.**  **GV: Nhận xét đánh giá bài làm.**  **\* Các tiêu chí đánh giá:**  - Nhận thức đúng vấn đề nghị luận chưa?  - Vận dụng các thao tác lập lụân như thế nào?  - Hệ thống luận điểm đủ hay thiếu? Sắp xếp hợp lí chưa?  - Các luận cứ (lí lẽ, dẫn chứng) có chặt chẽ, tiêu biểu, phù hợp với vấn đề không?  - Những lỗi về kĩ năng, diễn đạt:  + Chính tả  + Dùng từ  + Đặt câu  + Xây dựng đoạn  **- Thao tác 1: Nhận xét về ưu điểm của học sinh trong bài viết.**  **- Thao tác 2: Nhận xét về nhược điểm của học sinh trong bài viết.**  **- Thao tác 3: Nêu biểu điểm để học sinh tham khảo.**  **GV: Hướng dẫn học sinh chữa những lỗi tiêu biểu trong bài viết.**  **- GV:** Nêu các lỗi mà học sinh thường gặp trong bài văn của mình.  - **GV:** Đưa ra những câu văn sai phổ biến, yêu cầu học sinh sữa chữa.  **- HS:** Lần lượt sửa những lỗi sai.  **GV: Đọc những bài viết khá giỏi của học sinh.**  **Tổng kết bài viết của học sinh.**  **HOẠT ĐỘNG 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  **GV ra đề bài viết số 2 ở nhà.**  **- Thao tác 1: Yêu cầu chuẩn bị.**  **+ GV:** Nêu những công việc mà học sinh chuẩn bị trước khi viết bài văn.  **+ HS:** Lắng nghe, ghi nhận  **- Thao tác 2: Ra đề bài viết số 2.**  **+ GV:** Nêu đề bài. Hướng dẫn học sinh cách xác định các luận điểm.  **+ HS:** Lắng nghe, ghi nhận  **+ GV:** Nhắc nhở thời gian nộp bài. | **Đề 1:** **Tình thương là hạnh phúc của con người.**  **I. Phân tích đề:**  **- Nội dung vấn đề:** Ý nghĩa và tác dụng của lối sống có tình thương.  **- Thể loại và thao tác nghị luận:** nghị luận xã hội: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ…  **- Phạm vi tư liệu:**  + Tấm gương của những con người sống có tình thương  + Những danh ngôn, ca dao, tục ngữ… nói về ý nghĩa của lối sống có tình thương  **II. Xây dựng dàn ý:**  ( Như tiết 6)  **III. Nhận xét, đánh giá:**  **\* Ưu điểm:**  - Nhận thức vấn đề nghị luận:  - Vận dung các thao tác:  - Hệ thống ý:  - Các lí lẽ, dẫn chứng:  - Kĩ năng, diễn đạt: **\* Khuyết điểm:**  - Nhận thức vấn đề nghị luận:  - Vận dung các thao tác:  - Hệ thống ý:  - Các lí lẽ, dẫn chứng:  - Kĩ năng, diễn đạt: **\* Biểu điểm:**  **- Điểm 9 - 10**: Đáp ứng tốt và đầy đủ các yêu cầu trên về nội dung và kĩ năng.  **- Điểm 7 - 8**: Trình bày được khoảng 2/3 số ý đã nêu, bố cục rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung giải quyết tốt, có thể mắc sai sót nhỏ về diễn đạt.  **- Điểm 5 - 6**: Giải quyết được 1/2 số ý nói trên, phân tích dẫn chứng chưa sâu sắc, diễn đạt còn hạn chế.  **- Điểm 3 - 4**: Trình bày được khoảng 1/3 số ý nói trên, phân tích dẫn chứng chưa sâu sắc, diễn đạt còn hạn chế.  **- Điểm 1 - 2**: Phân tích đề yếu, không nắm được yêu cầu của đề, diễn đạt kém.  **- Điểm 0**: Không hiểu đề, mắc lỗi trầm trọng về kiến thức và kĩ năng.  **IV. Sửa lỗi bài viết:**  **\* Các lỗi thường gặp cần tránh:**  - Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí.  - Sự kết hợp các thao tác lập luận chưa hài hoà, chưa phù hợp với từng ý.  - Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém.  - Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ, viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp  **V. Bài viết tiêu biểu:**  - Bài viết tốt:  - Bài viết đạt yêu cầu:  - Bài viết kém  **VI. Tổng kết rút kinh nghiệm:**  **\* Thống kê :**    **\* Rút kinh nghiệm:**  **VII. Viết bài làm văn số 2:**  **Nghị luận văn học (Bài làm ở nhà)**  **1. Chuẩn bị:**  - Tìm hiểu những hiện tượng được nhiều người quan tâm, gần gũi với thanh niên, học sinh.  - Tìm hiểu, lắng nghe, đọc trên các phương tiện thông tin để nắm bắt dư luận xã hội, thu thập tư liệu về các hiện tượng nổi bật.  - Ôn tập về hai bài học về nghị luận xã hội để củng cố kiến thức và kĩ năng làm bài nghị luận xã hội.  - Lập dàn ý trước khi làm bài.  **2. Đề bài:**  Bày tỏ suy nghĩ về tình trạng môi trường hiện nay.  **-** Luận đề:  Thực trạng môi trường hiện nay.  - Thao tác:  Giải thích, chứng minh, bình luận.  - Tư liệu: trong cuộc sống. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

Rút kinh nghiệm các lỗi đã thống kê cho những bài viết sau

**5. Dặn dò:**

- Đọc và soạn trước: ***“Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003.”***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 16. Đọc văn.**

**THÔNG ĐIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI**

**PHÒNG CHỐNG AIDS, 01- 12 - 2003**

***Cô-phi An-nan***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:** Thấy được tầm quan trọng và sự bức thiết của công cuộc phòng chống HIV/AIDS đối với toàn nhân loại và mỗi cá nhân. Nhận thức rõ trách nhiệm của các quốc gia và từng các nhân trong việc sát cánh, chung tay đẩy lùi hiểm họa.

**2. Kĩ năng:**Rèn luyện kĩ năng tìm hiểu văn bản nhật dụng. Cảm nhận được sức thuyết phục của bài văn.

**3. Tư duy, thái độ:** Giáo dục HS thái độ nghiêm túc, đúng đắn trong việc phòng chống HIV/AIDS.

**B. PHƯƠNG TIỆN :**

GV: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

HS: Sách giáo khoa, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

**Sĩ số: ………………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**:

*Hiện giờ, đại dịch HIV/AIDS đang hoành trên thế giới. Chúng ta phải có thái độ ra sao trước tình hình đó, đặc biệt là trước những người bị nhiễm căn bệnh này? Chúng ta sẽ có câu trả lời hợp lí thông qua việc tìm hiểu bài học hôm nay.*

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Tìm hiểu những nét chính về tác giả và văn bản?**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu những nét chính về tác giả.**  **+ GV:** Dựa vào SGK, em hãy trình bày một vài nét về tác giả Cô-phi An-nan?  **+ HS:** Dựa vào SGK và phát biểu.  **+ GV:** Lúc đưa ra văn bản này, Cô -phi An - nan có những hành động gì? | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  - Sinh ngày 8 – 4 - 1938 tại Ga-na (Châu Phi) .  - Năm 1997: là người thứ bảy và là người châu Phi da đen đầu tiên được bầu làm Tổng thư kí Liên hợp quốc.  - Đảm nhiệm chức vụ này trong hai nhiệm kì, từ tháng 1 - 1997 đến tháng 1 - 2007.  **- Hoạt động:**  + Ra lời kêu gọi hành động gồm năm điều về đấu tranh chống lại đại dịch HIV/AIDS  + Kêu gọi thành lập quỹ sức khoẻ về AIDS toàn cầu  + Kêu gọi chống khủng bố trên toàn thế giới  - Được trao giải thưởng Nô-ben Hòa bình. |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu chung về văn bản.**  **+ GV:** Nêu lên hoàn cảnh ra đời bức thông điệp?  **+ HS:** Phát biểu.  **+ GV:** Giới thiệu thể loại của văn bản:  o **Văn bản nhật dụng:** Nói về vấn đề có ý nghĩa bức thiết của toàn nhân loại.  o **Thông điệp:** Những thông báo có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều người, nhiều quốc gia.  + **GV:** Bản thông điệp có ý nghĩa như thế nào? | **2. Văn bản:**  ***a. Hoàn cảnh ra đời:***  Được viết và gởi nhân dân thế giới nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS 01/12/2003.  ***b. Ý nghĩa:***  Cảnh báo và kêu gọi thế giới trước vấn nạn hiểm hoạ chung toàn cầu, toàn nhân loại |
| **+ GV:** Gọi học sinh đọc văn bản.  Yêu cầu đọc: Giọng khẩn thiết, thể hiện được tâm huyết của tác giả. | **+ HS:** Đọc văn bản theo yêu cầu. |
| **Tìm hiểu văn bản**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu vấn đề được nêu trong văn bản**  **+ GV:** Bức thông điệp đề cập đến vấn đề gì?  + **GV:** Tại sao phải đặt vấn đề này lên vị trí hàng đầu?  **+ HS:** Trao đổi và trả lời theo những hiểu biết của mình về hiện tượng. | **II- Đọc – hiểu văn bản.**  ***1. Vấn đề được nêu trong bản thông điệp:***  - Vấn đề: phòng chống AIDS.  - Là vấn đề cần đặt lên vị trí hàng đầu, vì:  + là vấn đề nóng bỏng, bức thiết của toàn nhân loại và đe doạ nghiêm trọng con người  + đang hoành hành, lây lan với tốc độ đáng báo động và ít có dấu hiệu suy giảm  + làm tuổi thọ con người bị giảm sút nghiêm trọng, gây tỉ lệ tử vong cao  + những cách thức cạnh tranh khác không quan trọng bằng vấn đề HIV/AIDS |
| **- Thao tác 2: Tìm hiểu tình hình cuộc chiến phòng chống AIDS**  **+ GV:** Mở đầu bản thông điệp, tác giả nhắc lại vấn đề gì?  **+ GV:** Vấn đề này được thực hiện như thế nào?  **+ GV:** Tác giả đã công bố những kết quả mà chúng ta đã đạt được là gì? | ***2. Cuộc chiến phòng chống AIDS:***  ***a. Diễn biến cuộc chiến:***  - Dẫn lại những điều được các nước nhất trí để đánh bại HIV/AIDS: cam kết, nguồn lực và hành động.  - Đã có cam kết, nguồn lực đã được tăng lên, nhưng hành động còn quá ít so với yêu cầu thực tế  ***b. Công bố một số kết quả đạt được:***  - Ngân sách cho phòng chống AIDS tăng lên đáng kể  - Quỹ toàn cầu về phòng chống AIDS, lao, sốt rét được thông qua  - Ngày càng nhiều công ty áp dụng chính sách phòng chống AIDS tại nơi làm việc  - Các nhóm từ thiện luôn đi đầu trong cuộc chiến chống AIDS; có hoạt động tích cực, phối hợp với chính phủ và các tổ chức khác. |
| **+ GV:** Tác giả đã làm thế nào để cho việc tổng kết tình hình thực tế của mình trung thực, đáng tin cậy?  **+ HS:** Trả lời.  **+ GV:** Tác giả đã nêu những tồn tại nào của tình hình phòng chống HIV/AIDS?  **+ HS:** Trả lời. | ***c. Nêu lên những mặt chưa đạt được:***  - Nạn dịch vẫn hoành hành, có ít dấu hiệu suy giảm  - Mỗi phút có khoảng 10 người bị nhiễm HIV  - Tuổi thọ bị giảm sút nghiêm trọng.  - Tốc độ lây lan đáng báo động ở phụ nữ  - Lây lan sang những trước đây an toàn, đặc biệt là Đông Âu và toàn bộ châu Á  - Cảnh báo về việc không hoàn thành mục tiêu vào năm 2005. |
| + GV: Cách trình bày của bức thông điệp có tính toàn diện và bao quát như thế nào?  + GV: Những dẫn chứng và tình hình được tác giả trình bày như thế nào?  + GV: Cách trình bày của tác giả còn như thế nào để tác động trực tiếp đến người nghe?  + GV: Cách tổng kết của bức thông điệp như thế nào? Hướng vào việc gì? | d. Cách trình bày:  - Toàn diện và bao quát:  + mặt làm được và chưa tốt  + tại các khu vực khác nhau trên thế giới  + trong những giới tính, lứa tuổi khác nhau  + những hành động của quốc gia và các tổ chức, công ty, nhóm từ thiện  - Cụ thể, rõ ràng: số liệu, tình hình được chọn lọc và kịp thời  - Sáng tạo trong cách trình bày để tác động trực tiếp đến người nghe:  “Trong năm qua, mỗi phút đồng hồ của một ngày trôi đi, có khoảng 10 người bị nhiễm HIV”  - Cách tổng kết: có trọng tâm và điểm nhấn vào “hành động của chúng ta vẫn quá ít so với yêu cầu thực tế” |
| **- Thao tác 3: Tìm hiểu lời kêu gọi phòng chống AIDS.**  + GV: Tác giả đã kêu gọi các quốc gia và tổ chức phải có những hành động gì trong việc phòng chống AIDS?  + HS: Thảo luận chung và trả lời.  + GV: Đối với mỗi người, tác giả kêu gọi và nhắc nhở điều gì?  + HS: Trả lời. | ***3. Lời kêu gọi phòng chống AIDS:***  - Các quốc gia và tổ chức:  + Phải nỗ lực hơn nữa trong hành động.  + Phải đưa vấn đề AIDS lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự chính trị và hành động thực tế.  - Với mọi người:  + Phải công khai lên tiếng về AIDS, đối mặt với thực tế không mấy dễ chịu này.  + Không vội vàng phán xét đồng loại mình  + Không kì thị và phân biệt đối xử đối với người nhiễm bệnh.  + Không ảo tưởng về sự bảo vệ bằng cách dựng lên hàng rào ngăn cách với người bị nhiễm HIV  + Hãy sát cánh cùng ông trong cuộc chiến chống HIV/AIDS |
| **- Thao tác 4: Tìm hiểu sức lay động của bản thông điệp.**  + GV: Bản thông điệp này tác động đến người đọc bằng cách trình bày như thế nào?  + GV: Những câu văn, đoạn văn nào trong bản thông điệp gây cho ta cảm động nhiều nhất? | ***4. Sức lay động của bản thông điệp:***  - Lập luận đầy sức thuyết phục  - Lí lẽ, tình cảm sâu sắc  - Những câu văn cảm động:  + “Hãy đừng để … cái chết”  + “Hãy cùng tôi … này” |
| **Tổng kết**  **+ GV:** Bản thông điệp nêu lên những nội dung gì? | **III. Tổng kết:**  - Bản thông điệp khẳng định phòng chống HIV/AIDS phải là mối quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại, và những cố gắng của con người về mặt này vẫn còn chưa đủ.  - Tác giả tha thiết kêu gọi các quốc gia và toàn thể nhân dân thế giới hãy coi việc đẩy lùi đại dịch đó là công việc chính của mình, hãy sát cánh bên nhau để cùnh *“đánh đổ các thành lũy của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử”* với những người bị HIV/AIDS. |
| **+ GV:** Cách viết của bản thông điệp như thế nào? | - Văn phong chính luận rõ ràng, trong sáng, dễ hiểu, giàu hình ảnh, có sức truyền cảm với một lập luận lôgíc, chặt chẽ.  - Thể hiện được tâm huyết và trách nhiệm của người viết đã làm nên sức thuyết phục cao cho bức thông điệp lịch sử này |
| **+ GV:** Bản thông điệp có ý nghĩa như thế nào? | - Bản thông điệp là tiếng nói kịp thời trước một nguy cơ đe doạ cuộc sống của loài người. Nó thể hiện thái độ sống tích cực, một tinh thần trách nhiệm cao, tình yêu thương nhân loại sâu sắc.  - Thông điệp giúp mọi người biết quan tâm tới hiện tượng đời sống đang diến ra; biết chia sẻ, không vô cảm trước nổi đau của con người. |
| **+ GV:** Gọi HS đọc *Ghi nhớ* SGK | **Ghi nhớ (SGK).** |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **- Thao tác 1: Luyện tập tại lớp**  **+ GV:** Nêu yêu cầu của bài tập 1. Yêu cầu HS thảo luận và trình bày ý kiến.  **+ GV:** Tổng kết ý kiến của học sinh  **HOẠT ĐỘNG 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  **- Thao tác 2: Hướng dẫn luyện tập ở nhà**  **+ GV:** Nêu đề bài và hướng dẫn học sinh luyện tập ở nhà. | **IV. Luyện tập:**  **1. Bài tập 1:**  Giả sử em có bạn thân là người mắc phải căn bệnh HIV/AIDS, em sẽ phải làm gì?  **2. Bài tập 2:**  Viết một bài nghị luận bàn về thái độ của học sinh hiện nay với vấn đề HIV/AIDS. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Bức thông điệp nêu lên vấn đề gì?

- Tác giả đã điểm lại tình hình như thế nào? Có tác dụng gì?

- Tác giả đã kêu gọi những gì đối với các quốc gia và tổ chức; với mọi người?

- Bức thông điệp tác động đến người đọc nhờ những yếu tố nào?

**5. Dặn dò:**

**-** Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: ***“Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ”.***

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 17-18. Làm văn. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:** Hệ thống hóa và nâng cao tri thức về làm văn nghị luận.

**2. Kĩ năng:** Biết làm bài nghị luận về tác bài thơ, đoạn thơ.

**3. Tư duy, thái độ:** Nâng cao ý thức trau rèn kĩ năng làm văn nghị luận nói chung và nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ nói riêng.

**B. PHƯƠNG TIỆN:**

**GV:** Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

**HS**: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: thảo luận nhóm, phát vấn, phân tích, diễn giảng, …

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:**

**TIẾT 17.**

**Sĩ số: ……………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ:** **“*Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS 1 – 12 – 2003”***

Câu hỏi:

- Bức thông điệp nêu lên vấn đề gì?

- Tác giả đã điểm lại tình hình như thế nào? Có tác dụng gì?

- Tác giả đã kêu gọi những gì đối với các quốc gia và tổ chức; với mọi người?

- Bức thông điệp tác động đến người đọc nhờ những yếu tố nào?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Trong những bài học trước, các em đã làm quen và biết được cách là một bài văn về những vấn đề xã hội. Bài học hôm nay sẽ cung cấp cho các em những kĩ năng cần thiết để biết cách làm một bài văn nghị luận về lĩnh vực văn học.*

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **TIẾT 17** | |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **Tìm hiểu cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ**  **- Thao tác 1: Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 1**  **+ GV:** Khi tìm hiểu đề, ta cần xác định những vấn đề gì?  **+ GV:** Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh như thế nào?  **+ GV:** Vấn đề cần giải quyết, làm rõ trong bài viết là gì?  **+ GV:** Phần mở bài ta cần giới thiệu những gì?  **+ GV:** Phần thân bài ta cần làm rõ điều gì trước tiên?  **+ GV:** Vẻ đẹp của núi rừng trong đêm trăng khuya được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào? Gợi lên những điều gì?  **+ GV:** Hình ảnh nổi bật nhất trong bào thơ là hình ảnh gì?  **+ GV:** Nhân vật trữ tình trong bài thơ có gì khác hình ảnh ẩn sĩ trong thơ cổ?  **+ GV:** Vì sao lại nói bài thơ vừa có tính chất cổ điển, vừa hiện đại?  **+ GV:** Nêu nhận đinh chung về giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ?  **+ GV:** Khẳng định lại những giá trị bài thơ?  **- Thao tác 2: Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 2**  **+ GV:** Khi tìm hiểu đề trong đề bài này, ta cần xác định những vấn đề gì?    **+ GV:** Mở bài, ta cần giới thiệu điều gì? Có gì khác với cách giới thiệu về một bài thơ?  **+ GV:** Khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào trong 8 câu thơ đầu?  **+ GV:** Khí thế hiện lên như thế nào?  **+ GV:** Khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau) được diễn đạt bởi những thủ pháp nghệ thuật nào?  **+ GV:** Khí thế đó tạo nên điều gì cho bức tranh công cuộc kháng chiến chống Pháp?  **+ GV:** Hệ thống từ ngữ nào đã được vận dụng trong đoạn thơ?  **+ GV:** Nhà thơ còn vận dụng những biện pháp tu từ nào?  + **GV:** Giọng thơ của đoạn thơ có âm hưởng như thế nào?  **+ GV:** Hãy nêu ý để chốt lại đoạn thơ?  **TIẾT 18**  **Sĩ số: .............................**  **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **- Thao tác 2: Tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ**  **+ GV:** Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?  + **GV:** Em có nhận xét gì về đối tượng nghị luận về thơ? Xuất phát từ điều này, chúng ta cần phải thao tác như thế nào khi nghị luận?  **+ GV:** Nội dung cơ bản của một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?    **HOẠT ĐỘNG 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG.**  **- GV:** Chia lớp làm 4 nhóm.  - Các nhóm thảo luận làm bài tập trong 5 phút.  - Đại diện các nhóm lần lượt trả lời.  - GV: Chốt lại các ý đúng.  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ  - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ  - Nhận xét chung về khổ thơ  - Dẫn văn bản khổ thơ  **2. Thân bài:**  - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối?  - Phân tích hai câu thơ đầu?  - Phân tích hai câu thơ cuối?  - Một vài nét về nghệ thuật?  Tổng hợp chung? | **I. Cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:**  **1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:**  ***A. Thực hành đề 1 – SGK:***  Phân tích bài thơ "*Cản“ khuya*" củ” Hồ Chí Minh.  **a. Tìm hiểu đề:**  **- Hoàn cảnh ra đời:**  + Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp  + Địa điểm là vùng chiến khu Việt Bắc.  + Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến đầy gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của nhân dân ta.  - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:  + Từ phân tích vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Việt Bắc thấy được vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vẻ đẹp của thơ ca Hồ Chí Minh.  + Từ vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của cuộc kháng chiến để thấy được vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam – sự tất thắng của cuộc kháng chiến.  **b. Lập dàn ý:**  **\* Mở bài:**  - Giới thiệu bài thơ (hoàn cảnh sáng tác)  - Nhận định chung về bài thơ (Định hướng giải quyết)  **\* Thân bài:**  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc:  + Thủ pháp so sánh: *Tiếng suối trong như­ tiếng hát xa”*  🡪 tiếng suối cộng hưởng với tiếng người, tiếng đời tươi trẻ, vang vọng tràn đầy niềm tin  + Hình ảnh: *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*  🡪 Điệp từ *lồng* : tạo nên hình ảnh huyền ảo, lung linh, thơ mộng  => Cảnh vật mang vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng 🡪 tâm hồn yêu thiên nhiên của Bác.  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp tâm hồn thi nhân qua hình ảnh nhân vật trữ tình:  + Nổi bật giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng lo *nỗi nước nhà*.  🡪 tấm lòng yêu nước sâu sắc của Bác.  + Khác với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi trần  🡪 Tinh thần ung dung tự tại lo việc nước, tràn đầy sự lạc quan, kiên định và tất thắng  - Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại:  + Tính cổ điển: thể thơ Đường luật, những hình ảnh thiên nhiên *tiếng suối, trăng, cổ thụ, hoa*.  + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình: thi sĩ – chiến sĩ, *lo nỗi nước nhà*, sự phá cách trong hai câu cuối (không tuân thủ luật đối)  - Nhận định giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ:  + Tư tưởng: Tình yêu thiên nhiên, đất nước sâu đậm  + Nghệ thuật: cổ điển và hiện đại  **\* Kết bài:**  - Sự hài hoà giữa tâm hồn nghệ sĩ và ý chí chiến sĩ: Mang cốt cách thanh cao, tấm lòng vì nước vì dân, khí chất ung dung của vị lãnh tụ  - Đây là một trong những bài thơ hay của Bác  ***b. Thực hành đề 2 – SGK:***  Phân tích đoạn thơ trong bài “*Việt Bắc*” của Tố Hữu  **a. Tìm hiểu đề:**  - Yêu cầu kiểu đề: phân tích một đoạn thơ.  - Yêu cầu về nội dung: Làm rõ hai vấn đề:  + Khí thế dũng mãnh và khí thế chiến thắng của quân ta trên khắp chiến trường  + Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc đáo của đoạn thơ  **b. Lập dàn ý:**  \* **Mở bài**:  - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ.  - Nêu xuất xứ đoạn trích  - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích  \* **Thân bài:**  - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):  + Nghệ thuật: Sử dụng từ láy (*rầm rập, điệp điệp trùng trùng*), so sánh (*Đêm đêm rầm rập như là đất rung*), hoán dụ (*mũ nan*), cường điệu (*bước chân nát đá*), đối lập (*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày >< Đèn pha bật sáng như ngày mai lên)*  + Nội dung: Khí thế chiến đấu sôi động, hào hùng với nhiều lực lượng tham gia (dân công, bộ đội, binh chủng cơ giới), hình ảnh con đường bộ đội hành quân, dân công đi tiếp viện, đoàn quân ô tô quân sự nối tiếp nhau...  - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):  + Nghệ thuật: Điệp từ *vui*, biện pháp liệt kê các địa danh của mọi miền đất nước  + Nội dung: Tin vui chiến thắng dồn dập bay về, vì Việt Bắc là thủ đô, là đầu não của cuộc kháng chiến. Niềm vui của đất nước hoà cùng Việt Bắc tạo nên bức tranh kháng chiến thắng lợi toàn diện và toàn vẹn.  - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:  Rất điêu luyện trong việc sử dụng thể thơ lục bát  + Các từ láy, động từ (*rầm rập, rung, nát đá, lửa bay*), tính từ gợi tả (*Quân đi điệp điệp trùng trùng, Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan, Dân công đỏ đuốc từng đoàn, Nghìn đêm thăm thẳm sương dày, Đèn pha bật sáng*)...  + Các biện pháp tu từ: so sánh, hoán dụ, cường điệu, trùng điệp...  + Giọng thơ: âm vang, sôi nổi, hào hùng  ***c. Kết bài:***  Đoạn thơ ngắn như thể hiện được không khí của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta một cách cụ thể, sinh động.  **2. Đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:**  Ghi nhớ (SGK)  **-** Đặc điểm **:** Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày ý kiến, nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó.  - Đối tượng: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ... Cách làm: cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu, cấu tứ...  - Nội dung:  + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ  + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ  + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ  **II. LUYỆN TẬP:**  **Đề bài**:  Hãy phân tích đoạn thơ trong bài “*Tràng giang*” của Huy Cận  **Dàn ý**:  **1. Mở bài:**  **- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ:**  Từ cảm hứng trước một buổi chiều đìu hiu, văng lặng buồn, khi lặng ngắm sông Hồng ngoại thành Hà Nội  **- Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ:**  Khổ cuối trong bài thơ *Tràng giang*  **- Nhận xét chung về khổ thơ:**  Một bài thơ buồn – đẹp vào bậc nhất của Huy Cận, của văn học lãng mạn Việt Nam  - Dẫn văn bản khổ thơ  **2. Thân bài:**  **- Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối:**  **+ Nhận xét:** Thơ Huy Cận trước CMTT là nỗi buồn của thế hệ thanh niên mất nước, tương lai mờ mịt. Bài thơ mở vào khoảng trời đất cao rộng, vắng lặng để nỗi buồn thấm sâu tận cõi lòng  **+ Phân tích ba khổ đầu bài thơ:** .  Cảnh buồn mênh mang, tâm hồn cô đơn không nguồn san sẻ (*sóng gợn tràng giang, sông dài trời rộng, mênh mang* sông nước với tâm trạng, tâm tình *sầu trăm ngả, cô liêu, không chút niềm thân mật* )  **- Phân tích hai câu thơ đầu:**  Trong ba khổ thơ trước: buồn trải ra xa, trong khổ cuối: buồn lên cao trong cánh chim nhỏ và dường như nhiều bơ vơ, không tìm ra phương hướng trong buổi chiều tắt nắng  **- Phân tích hai câu thơ cuối:**  + Cảnh hoàn toàn không còn dấu người. ở thời điểm này, quê hương là nơi neo đậu của lòng người. Câu thơ buồn nhưng sáng lên tình yêu quê hương đất nước sâu đậm.  **+ Thôi Hiệu:**  *Quê hương khuất bóng hoàng hôn*  *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai*  (Hoàng Hạc Lâu)  **+ Huy Cận:**  *Lòng quê dơn dợn vời con nước*  *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*  **- Một vài nét về nghệ thuật:**  + Mượn một số cách diến đạt thơ Đường nhưng vẫn giữ được nét riêng của Huy Cận:  o **Các hình ảnh**: *mây cao đùn núi bạc, chim nghêng cánh nhỏ, bóng chiều, con nước, nhớ nhà...* đậm chất thơ Đường  o **Nét riêng**: cách dùng từ láy (*lớp lớp, dợn dợn)*, cảm xúc lãng mạn tinh tế (*chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa*), cách nói ngược so với thơ Đường (*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*)  + Âm hưởng Đương thi cộng với những hình ảnh cô đơn, nỗi buồn thế hệ tạo nên vẻ đẹp cổ điển, hiện đại của khổ thơ, bài thơ.  **3. Kết bài:**  Tổng hợp chung:  - Đoạn thơ có nét cổ kính, trang nghiêm, đậm chất Đường thi nhưng vẫn giữ được cái hồn Việt Nam  - Thể hiện tình yêu quê hương đất nước sâu đậm của tác giả. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Nắm chắc kỹ năng và các bư­ớc nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

**5. Dặn dò:**

- Về nhà hoàn thành các bài viết đã lập dàn ý ở trên*.*

**-** Chuẩn bị bài: “***Tây Tiến***” (Quang Dũng).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 19-20. Đọc văn. TÂY TIẾN**

***Quang Dũng***

**A.Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**Giúp HS: Cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ, mĩ lệ của thiên nhiên miền Tây và hình tượng người lính Tây Tiến. Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật trong bài thơ: bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng điệu.

**2. Kĩ năng :** Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc cua bài thơ, về giai điệu, hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, về sự thể hiện hình tượng người lính của bài thơ so với thơ ca cách mạng cùng thời đại.

**3.** **Tư duy, thái độ :** Tự nhận thức về tinh thần yêu nước, ý chí vượt khó của người lính Tây Tiến, qua đó tự rút ra bài học cho cá nhân.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

**-** GV nêu vấn đề, gợi mở cho HS tiếp cận và khám phá tác phẩm.

- Đàm thoại, tổ chức thảo luận nhóm, kết hợp với diễn giảng.

**D.Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp:**

**Sĩ số: .........................................**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

***Nghị luận một bài thơ, đoạn thơ***

- Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?

- Hãy nêu các b­ước làm bài nghị luận một bài thơ, đoạn thơ?

- Đối tượng và cách làm bài nghị luận một bài thơ, đoạn thơ?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Trong những bài thơ hay hiếm hoi viết về người lính – anh bộ đội cụ Hồ- thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp – có bài Tây Tiến ( 1948) của Quang Dũng. Bài thơ của nhà thơ – người chiến sĩ – người lính viết về đồng đội và chính bản thân mình, về những kĩ niệm hãy còn nóng hổi mình từng trải qua.Bài thơ đã trở thành kiệt tác, thành bứctượng đài bất tử bằng thơ, bức chân dung người lính trung đoàn Tây Tiến ( 52) lừng danh một thuở hào hùng.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 19** | |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **?** *Hãy trình bày những nét cơ bản về nhà thơ Quang Dũng ?*    **?** *Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào ?*  **?***Em hiểu gì về nhan đề bài thơ?*  **?***Xác định bố cục bài thơ ?*  **?***Nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ ?*  **?***Trong hai câu thơ đầu, từ ngữ nào thể hiện cảm xúc gợi nhớ ?*  **?** *Trong phần I, thiên nhiên miền Tây được tác giả tái hiện qua những câu thơ tiêu biểu nào ?Phân tích.*  *- Em hãy tìm những từ ngữ miêu tả thiên nhiên ở đây? Nhận xét gì về thiên nhiên đó?*  **?** *Em có nhận xét gì về âm điệu của 4 câu thơ ?*  - *Bên cạnh những câu thơ toàn thanh trắc, có những câu thơ có nhiều thanh bằng, đó là câu nào ? Phân tích ?*  **?***Nhận xét chung về thiên nhiên Tây Bắc trong bốn câu?*  **?** *Nhớ về đoàn binh Tây Tiến đang hành quân nhà thơ nhớ về những vùng đất nào mà họ đi qua?*  **?** *Để đến với những vùng đất xa xôi ấy, đoàn quân phải trải qua những cuộc hành quân như thế nào ?*  **?** *Từ ngữ nào đã diễn tả sự hi sinh của người lính Tây Tiến ?*  **?***Em ấn tượng nhất về hình ảnh nào của người lính?*  **?***Em nhận xét gì về hình ảnh "súng ngửi trời" ?*  **?** *Nêu cảm nhận chung về người lính Tây Tiến ?*  **?** *Hai câu cuối của đoạn thơ thể hiện điều gì ?*  GV liên hệ tình quân dân qua những câu thơ của các nhà thơ khác.  **?** *Hình ảnh “ mùa em” gợi cho em suy nghĩ gì ?*  Cảnh núi rừng hoang vu, hiểm trở, dữ dội, lùi dần rồi khuất hẳn để bầt ngờ hiện ra vẻ mĩ lệ, thơ mộng, duyên dáng của miền Tây.  **?** *Khung cảnh đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị hiện lên như thế nào?*  **?***Những cô gái Thái hiện ra trong đêm liên hoan văn nghệ như thế nào?*  **?** *Tâm trạng của người lính trong đêm văn nghệ như thế nào?*  **?***Theo em, hình ảnh nào đáng nhớ nhất trong 4 câu thơ sau?*  Nếu đêm liên hoan văn nghệ đem đến cho người đọc không khí say mê, ngây ngất, thì cảnh sông nước miền Tây lại gợi lên được cảm giác mênh mang, mờ ảo.  **TIẾT 20.**  **?** *Hình ảnh người lính TT được tác giả miêu tả như thế nào ?*  Trên cái nền hùng vĩ, hiểm trở, dữ dội của núi rừng (đoạn 1), đến đoạn 3, hình tượng tập thể người lính xuất hiện với một vẻ đẹp đậm chất bi tráng.  *"không mọc tóc"*: vì bệnh sốt rét và vì cạo trọc để thuận tiện khi đánh nhau.  Liên hệ “ *Đồng chí*”  "*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,*  *Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*"    Phân tích câu thơ “ *Chiến* *trường .... đời xanh*”.  **?** *Hãy tìm những từ ngữ chỉ sự hi sinh của người lính? Nhận xét về loại từ đó?*  **?** Nhận xét âm điệu của 4 câu thơ cuối? nội dung ?  **?** Nêu chủ đề của bài thơ ?  **?** Đặc sắc nghệ thuật ?  **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  + Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về giai điệu, hình tượng người lính.  + Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, sự thể hiện hình tượng người lính. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:** Quang Dũng ( 1921- 1988 )  - Là người đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, làm nhạc.  - Hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa- đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây) .  \* Tác phẩm tiêu biểu (SGK)  **2. Bài thơ:**  ***a. Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:***  - Sáng tác năm 1948, tại làng Phù Lưu Chanh; lúc Quang Dũng đã rời xa đoàn quân Tây Tiến.  - Được đăng trong tập thơ “Mây đầu ô”.  ***b. Nhan đề bài thơ:***  ***­***- Ban đầu có tên là *Nhớ Tây Tiến*, sau đổi thành *Tây Tiến:* nỗi nhớ đã lặn xuống tầng sâu trong tâm hồn để chỉ còn hiển hiện một nỗi lòng hướng đến Tây Tiến, tạo nên một vẻ đẹp hàm súc cho bài thơ.  - Tây Tiến gợi nhắc đến một đơn vị quân đội lập đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với quân đội Lào bảo vệ vùng biên giới Việt – Lào và làm tiêu hao lực lượng Pháp ở thượng Lào và miền Tây Bắc Bộ Việt Nam. Quang Dũng là đại đội trưởng. Lính Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội thuộc nhiều tầng lớp khác nhau, đa phần là trí thức.  ***c. Bố cục của bài thơ:*** xuyên suốt bài thơ là nỗi nhớ.  - Nhớ về thiên nhiên miền Tây và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến.  - Nhớ những kỉ niệm về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây.  - Nhớ về chân dung của người lính Tây Tiến.  - Nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến (lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây).  =>Kết cấu bài thơ logic của mạch hồi tưởng, từ thực tại vọng về miền hoài niệm để trở lại với thực tại.  ***d. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ:***  - Cảm hứng lãng mạn.  - Cảm hứng bi tráng.  ⇒ Vẻ đẹp độc đáo, đậm chất sử thi cho bài thơ.  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Nhớ về thiên nhiên miền Tây và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến:**  **a. Cảm xúc gợi nhớ Tây Tiến:**  - *Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!*  *+* Nỗi nhớ đơn vị trào dâng, không kìm nén nổi, nhà thơ đã thốt lên thành tiếng gọi.  + *Sông Mã, Tây Tiến*: Tên đoàn quân gắn với tên sông Mã, với núi rừng miền Tây. Đoàn quân ấy sẽ bất tử cùng sông núi quê hương.  + “*xa rồi”*: đặt giữa sông Mã và Tây Tiến tạo nên khoảng cách giữa quá khứ và hiện tại làm bật lên tiếng gọi thiết tha như gọi người thân yêu, gọi vào hoài niệm gõ vào kí ức làm thức dậy bao kỉ niệm.  - “*Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”.*  *+* Từ “*ơi*” bắt vần với từ láy “*chơi vơi*” làm cho âm điệu câu thơ trở nên tha thiết, sâu lắng, bồi hồi .Vần “*ơi*” tạo ra âm hưởng mênh mang kéo dài khiến cho nỗi nhớ càng trở nên da diết.  + Từ ngữ độc đáo “ *nhớ chơi vơi*": nỗi nhớ khó tả, cứ lửng lơ, chập chờn, khó nắm bắt. Không có hình, không có lượng nhưng hình như rất nặng mà mênh mang đầy ắp, như vẽ ra trạng thái cụ thể của nỗi nhớ, hình tượng hoá nỗi nhớ => khơi nguồn cho kí ức lần lượt hiện về.  **b. Nhớ về thiên nhiên miền Tây:**  **\* Thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội, hoang dã:**  **-** "*Dốc lên khúc khuỷu...ngàn thước xuống*"  + Những từ ngữ giàu giá trị tạo hình: *khúc khuỷu, thăm thẳm, cồn mây, súng ngửi trời, ngàn thước lên cao ngàn thước xuống*=> diễn tả thật đắc địa sự hiểm trở, trùng điệp và độ cao ngất trời của núi đồi miền Tây.  + Nhịp thơ 4/3: như bẻ đôi câu thơ tạo thành giao điểm rạch ròi hai hướng lên xuống của vô vàn con dốc. đốc núi vút lên rồi đổ xuống gần như thẳng đứng, nhìn lên cao chót vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm.  + Những câu thơ nhiều vần trắc đọc lên nghe vất vả, nhọc nhằn.  - “ *Chiều chiều oai linh thác gầm thét.*  *Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người”*  *+* Âm thanh *gầm thét* kết hợp với tính từ *oai linh* rất mạnh và gợiđặt trong bối cảnh không gian núi rừng lúc chiều tối làm cho thác nước có sức mạnh linh thiêng, huyền bí; cái dữ dội của thiên nhiên được đẩy đến cực độ.  + Hai tiếng *Mường Hịch* đọc lên như lởn vởn tiếng chân cọp vừa lướt qua.  => Tiếng gầm núi rừng và tiếng gầm của chúa sơn lâm cùng lúc chứng tỏ sự oai linh tuyệt đối dữ dội của mình. Nó không chỉ được mở rộng ra ở chiều không gian mà còn khám quá ở chiều thời gian (*chiều chiều, đêm đêm)*, luôn là mối đe dọa khủng khiếp đối với con người.  Nét vẽ gân guốc, mạnh mẽ, khỏe khoắn đã tạo ra một bức tranh hoành tráng diễn tả rất đạt sự hiểm trở và dữ dội, hoang vu và heo hút của núi rừng miền Tây.  => Ba câu thơ được vẽ bằng những nét gân guốc (nhiều thanh trắc), câu thứ tư được vẽ bằng nét rất mềm mại (toàn những thanh bằng). Qui luật này giống như cách sử dụng những gam màu trong hội hoạ: giữa gam màu nóng, tác giả sử dụng gam màu lạnh làm dịu cả khổ thơ.  \* **Vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình:**  - Một bức tranh sương khói mơ màng, hoa đưa hương trong đêm: *Mường Lát hoa về trong đêm hơi.*  *-* Một bức tranh đầy sức gợi cảm: *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi=>* vẽ nên một bức tranh mịn màng, mờ ảo, đầy quyến rũ.  Tóm lại: Những tên đất lạ, những hình ảnh giàu giá trị tạo hình, những câu thơ nhiều vần trắc đọc lên nghe vất vả nhọc nhằn được xoa dịu bằng những câu thơ có nhiều vần bằng. Sự phối hợp ăn ý đã làm hiện lên một thế giới khác thường vừa đa dạng vừa độc đáo của núi rừng Tây Bắc.  **c. Nhớ về đoàn quân Tây Tiến trong những cuộc hành quân:**  - Dấu chân của họ đến những vùng đất xa lạ:gợi lên gian khổ, vất vả, nhọc nhằn.  - Họ phải đối mặt những cơn mưa rừng, những đêm sương lấp dày, thác gầm, cọp rừng sâu đe doạ.  - *Dãi dầu*: gian khổ, *"không bước nữa"*: hi sinh, “ *gục lên súng mũ*” gục trên đường hành quân, giữa trận đánh, súng còn cầm trên tay, mũ còn đội trên đầu, "*bỏ quên đời*": coi thường cái chết => tạo nên cảm hứng bi tráng.  ⇒ Tác giả miêu tả rất thực về sự vất vả, hi sinh của người lính, không tránh né che giấu. Nhưng người lính Tây Tiến không vì thế mà uỷ mị, ngược lại càng thêm cao đẹp hơn. Nói cái gian khổ để đề cao chiến thắng, nói hi sinh để nâng hình ảnh người lính lên tầm cao mới của thời đại.  - Hình ảnh người lính hiện ra với tư thế: "*súng ngửi trời*" rất hồn nhiên, tếu táo:  + Ngang tàng, tinh nghịch, đậm chất lính tráng.  + Người lính nối kết giữa trời và đất =>dáng hình người chiến sĩ hiên ngang, cao lớn, hùng vĩ. Ý thơ khắc tạc hình ảnh người lính vào không gian đất nước.  =>Những người lính trong đoàn quân Tây Tiến hiện ra với vẻ đẹp vừa hào hùng, dũng cảm, giàu ý chí lại vừa hào hoa lãng mạn cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.  - Hai câu thơ cuối là vẻ đẹp của tình quân dân gợi ra cuộc sống yên bình sau những vất vả hi sinh.  + “ Cơm lên khói”, “ thơm nếp xôi”: hương vị của miền Tây Bắc, tượng trưng cho tình quân dân, tình nghĩa gắn bó thuỷ chung của đồng bào Tây Bắc đối với bộ đội kháng chiến  + “ Mùa em”: cách dùng từ rất lạ, táo bạo, tinh nghịch của Quang Dũng và tình tứ, biểu cảm.  → Cảnh tượng hiện qua những câu thơ thật đầm ấm.  ⇒ Tác giả lấy cái gian khổ ác liệt của chiến trường để tô đậm, ngợi ca và khẳng định bản lĩnh phi thường ý chí của người chiến sĩ Việt Nam trong đoàn quân Tây Tiến.  **2. Nhớ về tình kỉ niệm quân dân:**  \* **4 câu đầu:** Gợi nhớ lại đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị.  - “ *bừng*”: bừng tỉnh, bừng sáng: cả doanh trại bừng dậy, qua rồi cuộc sống gian khổ. Đó còn là sự bừng sáng của tâm hồn.  - "*hội đuốc hoa":*  →đêm liên hoan văn nghệ như một ngày hội.  → đuốc hoa :hoa chúc (t.Hán) :tiệc cưới→ Đêm liên hoan văn nghệ qua cái nhìn trẻ trung, tinh nghịch, yêu đời của người lính như một tiệc cưới.  - **Những cô gái Thái:** dáng điệu e ấp, tình tứ trong bộ xiêm áo uốn lượn → như cô dâu trong tiệc cưới, là nhân vật trung tâm, là linh hồn của đêm văn nghệ.  - **Những người lính:**  + *Kìa em*: ngỡ ngàng, ngạc nhiên cả sự hân hoan, vui sướng trước vẻ đẹp của cô gái Tây Bắc  + Say mê âm nhạc với vũ điệu mang màu sắc của xứ lạ → Tâm hồn lãng mạn dễ kích thích, hấp dẫn.  => Bằng những nét bút mềm mại, tinh tế, tác giả đã vẽ nên đêm liên hoan văn nghệ diễn ra trong không khí ấm áp tình người, tưng bừng, nhộn nhịp có ánh sáng, màu sắc. Gợi nét lãng mạn, tình quân dân thắm thiết.  **\* 4 câu sau:**  - Dòng sông đậm màu sắc cổ tích, huyền thoại nổi bật lên dáng hình mềm mại của cô gái Thái trên chiếc thuyền độc mộc. Và như hoà hợp với con người, những bông hoa rừng cũng "*đong đưa*" làm duyên trên dòng nước lũ.  - Nghệ thuật: láy vắt dòng→ câu thơ trở nên mềm mại, uyển chuyển, níu kéo nhau.  → Thiên nhiên và con người như hoà vào nhau tạo thành bức tranh hữu tình.  \* Tóm lại: Bốn câu thơ đầu ngân nga như tiếng hát, như nhạc điệu cất lên từ tâm hồn ngây ngất, say mê của những người lính. Trong đoạn thơ sau, chất thơ và chất nhạc hoà quyện với nhau đến mức khó tách biệt.  **3. Chân dung người lính Tây Tiến:**  **\* 4 câu đầu:**  - Bên ngoài: có vẻ kì dị, lạ thường: không mọc tóc, da xanh màu lá → chiến trường khắc nghiệt vì thiếu thốn, vì bệnh sốt rét đang hoành hành.=>GIAN KHỔ.  - Bên trong: dữ oai hùm, mắt trừng →thậm xưng thể hiện sự dũng mãnh. Bề ngoài thì lạ thường nhưng bên trong không hề yếu đuối, vẫn oai phong lẫm liệt ở tư thế “ *dữ oai hùm*”=>Ý CHÍ.  - Người lính Tây Tiến là những chàng trai lãng mạn, hào hoa với trái tim rạo rực, khao khát yêu đương: gởi mộng, mắt trừng=>LÃNG MẠN.  \* Càng gian khổ=> càng căm thù=> tạo thành ý chí + nhờ tâm hồn lãng mạn giúp người lính vẫn sống, vẫn tồn tại trong đạn bom khắc nghiệt.  *dáng kiều thơm*: không làm người lính nản lòng, thối chí mà cổ vũ, động viên chiến sĩ, tiếp thêm sức mạnh cho chiến sĩ.  **\* 4 câu sau:**  - “ *Chiến trường....đời xanh*”: thái độ dứt khoát ra đi với tất cả ý thức trách nhiệm, không tính toán. Sẵn sàng hiến dâng tuổi thanh xuân cho đất nước  - *“ mồ viễn xứ”, “ áo bào thay chiếu”:* từ Hán Việt: nấm mồ của người chiến sĩ trở thành mộ chí tôn nghiêm.  *"áo bào":* cái chết sang trọng.  - Cái bi nâng lên thành hùng tráng bởi lí tưởng của người năm xuốngcái chết bi hùng, có bi nhưng không luỵ.  - Sông Mã: gợi điển tích Kinh Kha→khí khái của người lính. Cái chết đậm chất sử thi bi hùng bởi tiếng gầm của sông Mã.  \* Cả đoạn thơ là cảm hứng bi tráng về cuộc đời chiến đấu gian khổ, tư tưởng lạc quan và sự hi sinh gian khổ, anh dũng của người lính.  **4. Lời thề sắt son:**  - Âm điệu trầm hùng thể hiện ý chí quyết tâm lớn của người chiến sĩ với tinh thần một đi không trở lại. Sẵn sàng cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh.  - Gợi cho người đọc liên tưởng đến chất yên hùng của người tráng sĩ thời phong kiến.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:**  Nhà thơ hồi tưởng nhớ lại những chặng đường đã qua, những kỉ niệm sâu sắc. Đồng thời ca ngợi chí khí hào hùng của người lính Tây Tiến.  **2. Nghệ thuật:**  - Cảm hứng lãng mạn và sắc thái bi hùng tạo nên vẻ đẹp của bài thơ, Quang Dũng đã khắc hoạ thành công hình tượng tập thể Tây Tiến với nét vùa hào hoa, lãng mạn vừa hào hùng.  **IV. Luyện tập**  + Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về giai điệu, hình tượng người lính.  + Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, sự thể hiện hình tượng người lính.  + Tinh thần yêu nước, ý chí vượt khó, thích nghi hoàn cảnh. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:** Cảm hứng lãng mạn và tính chất bi tráng

**5. Dặn dò:**

- Học thuộc bài thơ. Nắm bài giảng.

- Chuẩn bị bài ***Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.***

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 21. Làm văn. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu bài học :**

**1. Kiến thức :**Giúp HS: rèn luyện khả năng suy luận để nhận rõ một ý kiến bàn về văn học là đúng hay sai, đúng hoàn toàn hay chỉ đúng một phần, có giá trị như thế nào trong cuộc sống ngày nay và qua đó có thái độ thích hợp.

**2. Kĩ năng :** Vận dụng các thao tác phân tích, bình luận, chứng minh, so sánh...để làm bài nghị luận văn học.

**3. Tư duy, thái độ :** Biết cách làm bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

GV khơi gợi cho HS thảo luận theo những câu hỏi trong SGK. GV theo dõi chỉnh sửa, sơ kết và tổng kết cuối buổi luyện tập (không thuyết giảng).

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**Sĩ số; ………………………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

***“Tây Tiến”***

- Bức tranh thiên nhiên được vẽ ra ở khổ thơ thứ nhất như thế nào? Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hiện ra như thế nào trên nền cảnh thiên nhiên ấy ?

- Đoạn thơ thứ hai mở ra một cảnh thiên nhiên khác với khổ thơ thứ nhất. Hãy phân tích để làm rõ điều đó?

- Hình ảnh người lính Tây Tiến được khắc họa như thế nào ở khổ thơ thứ ba?

- Ở đoạn thơ thứ tư, nỗi nhớ Tây Tiến được diễn tả như thế nào? Vì sao nhà thơ viết *“Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”*?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Trong văn nghị luận có nhiều loại : nghị luận về một tác phẩm , tác giả , văn bản , đoạn thơ , bài thơ , hình tượng văn học, nhân vật.... còn có ý kiến , nhận định về văn học ... và bài học hôm nay sẽ giúp các em định hướng về nghị luận một ý kiến văn học như thế nào cho đạt hiệu quả.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề và lập dàn ý.  -GV gọi một HS đọc rõ 2 đề bài ở mục 1- SGK (trang 91)  -HS đọc hai đề bài theo yêu cầu của GV.  -GV có thể chia đôi bảng và chép hai đề lên bảng.  -GV gợi cho hs thảo luận theo từng câu hỏi của SGK, lần lượt đối với đề1 và đề 2.  -HS theo dõi phần khơi gợi câu hỏi của GV, suy nghĩ và chuẩn bị trả lời.  -GV chia lớp thành 4 nhóm và tiến hành thảo luận nhóm  Nhóm 1, 3 : đề 1  Nhóm 2, 4 : đề 2  -HS tập trung về 4 nhóm theo 4 tổ thảo luận theo hai bước:  +Tìm hiểu đề  +Lập dàn ý  -Hs thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận lên bảng phụ.  -Đại diện nhóm 1, 2 lện trình bày kết quả thảo luận đề 1 và đề 2 lần lượt.  -HS tập trung theo dõi phần trình bày của hai đại diện nhóm và nhận xét bổ sung.  -HS chú ý phần chỉnh sửa, bổ sung kiến thức của GV và ghi bài (phần tìm hiểu đề và lập dàn ý)  -GV yêu cầu HS ghi kết quả thảo luận lên bảng phụ.  -GV gọi một HS bất kỳ của nhóm 1 và 2 trình bày kết quả thảo luận.  -GV mời hs khác nhận xét bổ sung.  -GV theo dõi kết quả trình bày của hai nhóm và chỉnh sửa phần tìm hiểu đề và lập dàn ý đối với cả hai đề, chốt lại phần kiến thức đề, học sinh ghi bài  HS trình bày kết quả tìm hiểu đề.  HS trình bày dàn ý.  ? Hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường ?  ? Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng của vấn đề ?  ? Bình luận bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề ?  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đối tượng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học và cách làm kiểu bài này.  -Sau khi hướng dẫn học sinh thực hiện hai đề bài SGK, giáo viên chốt lại kiến thức và đặt câu hỏi:  +Từ các đề bài và kết quả thảo luận trên, đối tượng của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là gì?  +Theo em, đối với kiểu bài đó, cách làm như thế nào?  +Giáo viên bổ sung lại toàn bộ kiến thức bài học  (cho học sinh ghi bài)  **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  Giáo viên hướng dẫn học sinh luyện tập  -Giáo viên gọi học sinh đọc đề bài tập 1 SGK/93  -Giáo viên cho học sinh thảo luận theo nhóm (8 nhóm)  -Học sinh đọc đề bài tập 1 SGK/93  -Học sinh thảo luận theo nhóm.  HS trình bày kết quả tìm hiểu đề.  HS trình bày dàn ý đã lập.  Các nhóm khác bổ sung. | 1. **Tìm hiểu đề - Lập dàn ý:**   **Đề 1:** Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai cho rằng: “*Nhìn chung văn học Việt Nam phong phú, đa dạng; nhưng nếu cần xác định một chủ lưu, một dòng chính, quán thông kim cổ, thì đó là văn học yêu nước*”(Dẫn theo Trần Văn Giàu tuyển tập-NXB Giáo dục-2001)  Hãy trình bày suy nghĩ của anh (chị) đối với ý kiến trên,  **1.Tìm hiểu đề:**  ***a. Thể loại:*** nghị luận ( bao hàm giải thích, chứng minh, bình luận) vể một ý kiến vể văn học.  ***b. Nội dung:*** Văn học Việt Nam phong phú và đa dạng, trong đó văn học yêu nước là dòng chính.  ***c. Phạm vi tư liệu:***  Các tác phẩm tiêu biểu có nội dung yêu nước của VHVN qua các thời kỳ.  **2. Lập dàn ý:**  ***a. Mở bài:*** Giới thiệu câu nói của Đặng Thai Mai  ***b. Thân bài:***  **\* Giải thích ý nghĩa của câu nói:**  - *Tìm hiểu nghĩa của các từ khó:*  + Phong phú, đa dạng: có nhiều tác phẩm với nhiều hình thức thể loại khác nhau  + chủ lưu: dòng chính (bộ phận chính).  + Quán thông kim cổ: thông suốt từ xưa đến nay.  - *Tìm hiểu ý nghĩa của các vế câu và cả câu:*  +Văn học VN rất đa dạng, phong phú  +Văn học yêu nước là chủ lưu  + Văn học Việt Nam rất phong phú và đa dạng (Đa dạng về số lượng tác phẩm, đa dạng về thể loại, đa dạng về phong cách tác giả)  +VH yêu nước là một chủ lưu, xuyên suốt.  **\* Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói:**  + Đây là một ý kiến hoàn toàn đúng  + Văn học yêu nước là chủ lưu xuyên suốt lịch sử VH Việt Nam:   * Văn học trung đại: *Nam quốc sơn hà, Cáo bình Ngô, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.* * Văn học cận – hiện đại: *Tuyên ngôn độc lập*   + Nguyên nhân:   * Đời sống tư tưởng con người Việt Nam phong phú đa dạng * Do hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử VN thường xuyên phải chiến đấu chống ngoại xâm để bảo vệ đất nước.   + Nêu và phân tích một số dẫn chứng …  ***c. Kết bài:*** Khẳng định giá trị của ý kiến.  + Giúp đọc hiểu hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm văn học dân tộc.  + Biết ơn, khắc sâu công lao của cha ông trong cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước.  +Giữ gìn, yêu mến, học tập những tác phẩm văn học có nội dung yêu nước của mọi thời đại.  **Đề 2:** Bàn về đọc sách, nhất là đọc các tác phẩm văn học lớn, người xưa nói: *“ Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ, lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân, tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài.”***(** Dẫn theo Lâm Ngữ Đường, Sống đẹp, Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Tao đàn, Sài Gòn, 1965)  Anh (chị ) hiểu ý kiến trên như thế nào?  **1.Tìm hiểu đề:**  ***a. Thể loại:*** Nghị luận (giải thích – bình luận) một ý kiến bàn về văn học.  ***b. Nội dung***: ý kiến của Lâm Ngữ Đường về việc đọc sách.  -Tìm hiểu nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường.  ***c. Phạm vi tư liệu:*** Thực tế cuộc sống  **2. Lập dàn ý:**  ***a. Mở bài:*** Giới thiệu ý kiến của Lâm Ngữ Đường.  ***b. Thân bài:***  **\* Giải thích:**  **- Hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường.**  + Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ: chỉ thấy được trong phạm vi hẹp  + Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân: tầm nhìn được mở rộng hơn khi kinh nghiệm, vốn sống nhiều hơn theo thời gian (khi đọc sách)  + Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài: Theo thời gian, con người càng giàu vốn sống, kinh nghiệm và vốn văn hóa thì khả năng am hiểu khi đọc sách sâu hơn, rộng hơn.  **-Tìm hiểu nghĩa của câu nói:** Sự khác nhau trong cách đọc và kết quả đọc ở mỗi lứa tuổi. Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm…càng nhiều thì đọc sách càng hiệu quả hơn. Khả năng tiếp nhận khi đọc sách (tác phẩm văn học) tùy thuộc vào điều kiện, trình độ, và năng lực chủ quan của người đọc.  \* **Bình luận và chứng minh những** **khía cạnh đúng của vấn** **đề:**  - Đọc sách tùy thuộc vào vốn sống, vốn văn hóa, kinh nghiệm, tâm lý, của người đọc.  - Ví dụ: Đọc Truyện Kiều của Nguyễn Du:   * Tuổi thanh niên: Có thể xem là câu chuyện về số phận đau khổ của con người. * Lớn hơn: Hiểu sâu hơn về giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm, hiểu được ý nghĩa xã hội to lớn của Truyện Kiều * Người lớn tuổi: Cảm nhận thêm về ý nghĩa triết học của Truyện Kiều.   **\* Bình luận bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề:**  - Không phải ai từng trải cũng hiểu sâu sắc tác phẩm khi đọc. Ngược lại, có những người trẻ tuổi nhưng vẫn hiểu sâu sắc tác phẩm (do tự nâng cao vốn sống, trình độ văn hóa, trình độ lý luận, ham học hỏi,…)  - Ví dụ: Những bài luận đạt giải cao của các bạn học sinh giỏi về tác phẩm văn học (tự học, ham đọc, sưu tầm sách, nâng cao kiến thức)  ***c. Kết bài:*** Tác dụng, giá trị của ý kiến trên đối với người đọc:  - Muốn đọc sách tốt, tự trang bị sự hiểu biết về nhiều mặt.  - Đọc sách phải biết suy ngẫm, tra cứu.  **II. Bài học:**  1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng: về văn học lịch sử, về lí luận văn học, về tác phẩm văn học…  2. Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào:  + Giải thích  + Chứng min  + Bình luận  **III. Luyện tập:** Bài tập 1/93:  **1. Tìm hiểu đề:**  ***a. Thể loại:*** Nghị luận (Giải thích, bình luận, chứng minh) một ý kiến bàn về một vấn đề văn học.  ***b. Nội dung:***  +Thạch Lam không tán thành quan điểm văn học thoát li thực tế: Thế giới dối trá và tàn ác  +Khẳng định giá trị cải tạo xã hội và giá trị giáo dục của văn học  ***c.Phạm vi tư liệu:***  -Tác phẩm Thạch Lam  -Những tác phẩm văn học tiêu biểu khác.  **2. Lập dàn ý:**  ***a. Mở bài:***  -Giới thiệu tác giả Thạch Lam.  -Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học.  ***b.Thân bài:***  **-Giải thích về ý nghĩa câu nói:** Thạch Lam nêu lên chức năng to lớn và cao cả của văn học.  **-Bình luận và chứng minh ý kiến:**  + Đó là một quan điểm rất đúng đắn về giá trị văn học:   * Trước CM tháng Tám: quan điểm tiến bộ. * Ngày nay: vẫn còn nguyên giá trị.   +Chọn và phân tích một số dẫn chứng (Truyện Kiều, Số đỏ, Chí Phèo, Hai đứa trẻ, Nhật ký trong tù...) để chứng minh 2 nội dung:   * Tác dụng cải tạo xã hội của văn học. * Tác dụng giáo dục con người.của văn học   ***c. Kết bài:***  -Khẳng định sự đúng đắn và tiến bộ trong quan điểm sáng tác của Thạch Lam.  -Nêu tác dụng của ý kiến trên đối với người đọc:  +Hiểu và thẩm định đúng giá trị của tác phẩm văn học.  +Trân trọng, yêu quý và giữ gìn những tác phẩm văn học tiến bộ của từng thời kỳ. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố :**

Giáo viên chốt lại một lần nữa kiến thức bài học (đối tượng và cách làm bài).

**5. Dặn dò :**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài mới: ***Việt Bắc*** (Tố Hữu).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 22. Đọc văn. VIỆT BẮC (Trích)**

***Tố Hữu***

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** Giúp HS :Nắm được những nét chính trong đường đời, đường cách mạng, đường thơ của Tố Hữu – nhà hoạt động cách mạng ưu tú, một trong những lá cờ đầu của nền văn học cách mạng Việt Nam.

**2.** **Kĩ năng** :Cảm nhận sâu sắc chất trữ tình chính trị về nội dung và tính dân tộc trong nghệ thuật biểu hiện của phong cách thơ Hố Hữu.

**3. Tư duy, thái độ** : Đường đời, đườngthơ Tố Hữu luôn song hành cùng con đường cách mạng của cả dân tộc; ở đó phong cách thơ Tố Hữu có những nét đặc sắc về cả nội dung và nghệ thuật biểu hiện.

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:** Kết hợp các phương pháp phát vấn, diễn giảng,bình giảng thảo luận nhóm.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Sĩ số: ........................................

**2. Kiểm tra bài cũ:**

***Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học***

**-**  Cho biết đối tượng của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là gì?

**-** Với kiểu bài đó, cách làm như thế nào? Diễn đạt cần có những yêu cầu nào?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Tố Hữu là nhà thơ lớn, cách chim đầu đàn của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Trong tác phẩm Một nhành xuân, ông tâm sự:*

*“Vâng, xin kể cùng Xuân đồng chí*

*Chuyện riêng chung, một cuộc đời bình dị”*

*Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về “cuộc đời bình dị” của nhà thơ ấy.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu về tiểu sử**  GV cho HS đọc lướt để có ấn tượng chung, ghi nhớ những ý chính  **?***Cuộc đời của Tố Hữu có thể chia làm mấy giai đoạn ?*  **Hướng dẫn HS tìm hiểu Đường cách mạng, đường thơ.**  GV cần nhấn mạnh bảy chặng đường đời của TH gắn liền với bảy chặng đường cách mạng và bảy tập thơ của TH ( nhất là 5 tập thơ đầu)  GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS thảo luận: Về nội dung chính của 5 tập thơ đầu.  -Nhóm 1: Tập ***Từ ấy***  Sau khi HS trình bày, GV nhấn mạnh ***Từ ấy*** là chất men say lí tưởng, chất lãng mạn trong trẻo, tâm hồn nhạy cảm, sôi nổi của cái tôi trữ tình  - Nhóm 2: ***Tập Việt Bắc***  - Nhóm 3: Tập ***Gió lộng***  - Nhóm 4: ***Ra trận, Máu và hoa***  - GV gọi 1 đên 2 HS tóm tắt nội dung chính của hai tập kế tiếp.  Sau cùng GV chốt lại các tập thơ của TH là sự vận động của cái tôi trữ tình, là cuốn biên niên sử ghi lại đời sống dân tộc, tâm hồn dân tộc trong sự vân động của tiến trình lịch sử.  **Hướng dẫn HS tìm hiểu phong cách thơ Tố Hữu**.  **?** *Phong cách thơ TH thể hiện ở những mặt nào?*  **?** *Tại sao nói thơ Tố Hữu mang phong cách* ***trữ tình chính trị?*** *Sau khi HS trả lời GV giải thích* ***trữ tình chính trị*** *thể hiện ở những điểm nào.*  **?** *Em chứng minh thơ Tố Hữu mang phong cách dân tộc đậm đà?*  **Hướng dẫn HS kết luận**  **?***Cảm nhận chung của em về nhà thơ Tố Hữu?* | **I. Vài nét về tiểu sử:**  - Thời thơ ấu: Tố Hữu sinh ra trong một gia đình Nho học ở Huế - mảnh đất thơ mộng, trữ tình còn lưu giữ nhiều nét văn hoá dân gian.  - Thời thanh niên: Tố Hữu sớm giác ngộ cách mạng và hăng say hoạt động, kiên cường đấu tranh trong các nhà tù thực dân  - Thời kỳ sau CM tháng Tám: Tố Hữu đảm nhiệm những cương vị trọng yếu trên mặt trận văn hoá văn nghệ, trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và nhà nước.  **II. Đường cách mạng, đường thơ:**  **1. Từ ấy:** (1937- 1946)  - Niềm hân hoan của tâm hồn trẻ đang gặp ánh sáng lý tưởng cách mạng, tìm thấy lẽ sống và quyết tâm đi theo ngọn cờ của Đảng.  **- Gồm có 3 phần:** *Máu lửa*,  *Xiềng xích*, *Giải phóng*.  **2. Việt Bắc:** (1946- 1954)  - Tiếng hùng ca thiết tha về cuộc kháng chiến chống Pháp và con người kháng chiến.  - Thể hiện những tình cảm lớn.  **3. Gió lộng**: (1955- 1961)  - Hướng về quá khứ để ghi sâu ân tình cách mạng- ngợi ca cuộc sống mới trên miền Bắc.  - Tình cảm thiết tha, sâu đậm với miền Nam ruột thịt.  **4.** **Ra trận** (1962- 1971), **Máu và hoa** ( 1972- 1977):  - Bản hùng ca về “Miền Nam trong lửa đạn sáng ngời”.  - Ghi lại chặng đường cách mạng đầy gian khổ, hi sinh, khẳng định niềm tin, niềm tự hào phơi phới khi “toàn thắng về ta”.  ***5.*Một tiếng đờn** (1992 ), **Ta với ta** (1999 ):  **-** Những suy tư, chiêm nghiệm mang tính phổ quát về con người, cuộc đời.  - Niềm tin vào lí tưởng và con đường cách mạng, tin vào chữ nhân luôn tỏa sáng trong mỗi tâm hồn con người.  **II. Phong cách thơ Tố Hữu:**  **1.Về nội dung**: Thơ Tố Hữu mang phong cách trữ tình chính trị sâu sắc.  -Trong việc biểu hiện tâm hồn, thơ Tố Hữu luôn hướng tới cái ***ta*** chung  - Trong việc miêu tả đời sống, thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi.  - Những điều đó được thể hiện qua giọng thơ mang tính chất tâm tình, tự nhiên, đằm thắm, chân thành  **2. Về nghệ thuật**: Thơ Tố Hữu mang phong cách dân tộc đậm đà.  - Về thể thơ:  + Vận dụng thành công thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc  + Thể thất ngôn trang trọng mà tự nhiên  -Về ngôn ngữ: Dùng từ ngữ và cách nói dân gian, phát huy tính nhạc phong phú của tiếng Việt.  **IV. Kết luận:**  Thơ Tố Hữu là bằng chứng sinh động về sự kết hợp hài hoà hai yếu tố cách mạng và dân tộc trong sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo thi ca. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:** Nhắc lại các chặng đường thơ và phong cách nghệ thuật.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài *Luật thơ.*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 23. Làm văn. LUẬT THƠ**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức :** Giúp HS:Hiểu luật thơ của một số thể thơ truyên thống: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn Đường luật.Qua các bài tập, hiểu thêm về một số đổi mới trong các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng.

**2. Kĩ năng :** Làm thơ

**3. Tư duy, thái độ** : Yêu thích thơ

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

C. **Phương pháp:**

- Hướng dẫn HS quan sát vần, nhịp, phép hài thanh qua các ví dụ đã nêu trong SGK. Có thể dùng phát vấn, đối thoại để tiết học thêm sinh động.

- Bài tập có thể hướng dẫn ngay tại lớp, không cần yêu cầu HS làm trước ở nhà.

**D.Tiến trình tổ chức:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Sĩ số: …………………………………..

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu nội dung chính của các tập thơ Tố Hữu?

- Hãy trình bày những hiểu biết của em về phong cách thơ Tố Hữu?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu , dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp , hài thanh…để thể hiện tâm tư tình cảm mà người viết muốn bày tỏ . Và một câu thơ hay, bài thơ hay được đánh giá tổng thể nhưng tuyệt đối phải hay về luật . Và thơ Đường chính vì vậy mà mãi đến ngàn năm sau vẫn được người đời ca ngời vì luật thơ Đường rất nghiêm và rất chuẩn mực , đây là hiện tượng đáng quý của văn học TQ nói riêng và văn học nghệ thuật toàn thế giới nói chung. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu thêm về Luật thơ*.

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **\* GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số nét khái quát về luật thơ**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu khái niệm luật thơ**  **+ GV:** Cho học sinh dựa vào SGK nêu khái niệm luật thơ.  **+ HS:** Cá nhân trả lời  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các thể thơ**  **+ GV:** Nêu các thể thơ được sử dụng trong văn chương Việt Nam?  **+ HS:** Cá nhân trả lời  **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự hình thành luật thơ**  **+ GV:** Luật thơ hình thành trên cơ sở nào?  **+ HS:** Dựa vào SGK trả lời  **+ GV:** Yếu tố nào đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành luật thơ?  **+ HS:** Dựa vào SGK trả lời  **+ GV:** Vì sao “*tiếng*” có vai trò quan trọng trong sự hình thành luật thơ?  **+ HS:** Dựa vào sgk trả lời  **+ GV:** chốt lại những cơ sở hình thành luật thơ của “*tiếng*”  **\* GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu luật thơ của một số thể thơ truyền thống.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Thể lục bát**  **+ GV:** Cho học sinh xem một bài thơ lục bát:  *“ Trăm năm/ trong cõi/ người ta*  *Chữ tài/ chữ mệnh/ khéo là /ghét nhau*  *Trải qua/ một cuộc /bể dâu*  *Những điều/ trông thấy/ mà đau/ đớn lòng”*  **+ GV:** Gọi hs đọc, nhận xét cách đọc, cho hs nhận xét về số tiếng trong câu, hiệp vần, nhịp, hài thanh  **+ HS:** Dựa vào đoạn thơ trả lời  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Thể song thất lục bát**  **+ GV:** Sử dụng phương pháp tương tự cho các thể thơ còn lại. Cho hs rút ra luật thơ của thể song thất lục bát qua 4 dòng thơ sau:  *“ Ngòi đầu cầu/ nước trong như lọc,*  *Đường bên cầu/ cỏ mọc còn non.*  *Đưa chàng/ lòng dặc/ dặc buồn,*  *Bộ khôn/ bằng ngựa, thủy khôn/ bằng thuyền”*  **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Các thể ngũ ngôn Đường luật**  **+ GV:** Cho học sinh tự rút ra luật thơ của thể thơ ngũ ngôn bát cú qua bài thơ sau:  *MẶT TRĂNG*  *Vằng vặc/ bóng thuyền quyên*  *Mây quang/ gió bốn bên*  *Nề cho/ trời đất trắng*  *Quét sạch/ núi sông đen*  *Có khuyết/ nhưng tròn mãi*  *Tuy già/ vẫn trẻ lên*  *Mảnh gương/ chung thế giới*  *Soi rõ:/ mặt hay, hèn*  **- Thao tác 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Các thể thất ngôn Đường luật**  **+ GV:** Cho hs tự rút ra luật thơ của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt qua bài thơ sau:  *ÔNG PHỖNG ĐÁ*  *Ông đứng làm chi/ đó hỡi ông?*  *Trơ trơ như đá/, vững như đ****ồng***  *Đêm ngày gìn giữ/ cho ai đó?*  *Non nước đầy vơi/ có biết kh****ông****?*  **+ GV:** Cho hs tự rút ra luật thơ của thể thất ngôn bát cú qua bài thơ sau:  *QUA ĐÈO NGANG*  *Bước tới Đèo Ngang/ bóng xế tà*  *Cỏ cây chen đá/, lá chen hoa*  *Lom khom dưới núi/, tiều vài chú,*  *Lác đác bên sông/, chợ mấy nhà.*  *Nhớ nước đau lòng/, con quốc quốc,*  *Thương nhà mỏi miệng/ cái gia gia.*  *Dừng chân đứng lại/, trời, non, nước,*  *Môt mảnh tình riêng/, ta với ta*  **- Thao tác 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Các thể thơ hiện đại**  **+ GV:** Cho hs quan sát một ví dụ về thơ hiện đại:  *TIẾNG THU*  *Em không nghe mùa thu*  *Dưới trăng mờ thổn thức?*  *Em không nghe rạo rực*  *Hình ảnh kẻ chinh phu*  *Trong lòng người cô phụ?*  *Em không nghe rừng thu*  *Lá thu rơi xào xạc,*  *Con nai vàng ngơ ngác,*  *Đạp trên lá vàng khô?*  **+ GV:** Yêu cầu hs cho biết nguồn gốc của thơ mới  **+ GV:** Cho hs xác định thể thơ, số dòng, gieo vần từ đó rút ra mối quan hệ giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại  **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **\* GV hướng dẫn HS luyện tập**  **- GV:** Yêu cầu hs chia thành 4 nhóm  + Nhóm 1, 2: Làm câu a.  + Nhóm 3, 4: Làm câu b.  **- HS:** Tiến hành thảo luận trong 3 phút, đại diện từng nhóm lên bảng viết lại  **- GV:** Nhận xét, bổ sung, cho hs rút ra sự khác nhau về gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh của 2 câu thơ 7 tiếng trong thể song thất lục bát với thể thất ngôn Đường luật | **I. KHÁI QUÁT VỀ LUẬT THƠ**:  **1. Khái niệm**:  Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp…trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định  **2. Các thể thơ**:  a. Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói  b. Đường luật: Ngũ ngôn, thất ngôn  c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,…  **3. Sự hình thành luật thơ**:  Dựa trên các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt:  \* Tiếng là đơn vị có vai trò quan trọng:  - Số tiếng trong câu tạo nên thể thơ  - Vần của tiếng → hiệp vần (mỗi thể thơ có vị trí hiệp vần khác nhau).  - Thanh của tiếng → hài thanh  - Tiếng là cơ sở để ngắt nhịp (mỗi thể thơ có cách ngắt nhịp khác nhau).  => Số tiếng, vần, thanh của tiếng và ngắt nhịp là cơ sở để hình thành luật thơ  \* Số dòng trong bài thơ, quan hệ của các dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa cũng là yếu tố hình thành luật thơ  **II. LUẬT THƠ CỦA MỘT SỐ THỂ THƠ TRUYỀN THỐNG:**  **1. Thể lục bát:**  - Số tiếng: Câu 6 - câu 8 liên tục  - Vần:  + Tiếng thứ 6 hai dòng  + Tiếng thứ 8 dòng bát với tiếng thứ 6 dòng lục  - Nhịp: Chẵn, dựa vào tiếng có thanh không đổi (2, 4, 6 → 2/2/2)  - Hài thanh:  + Tiếng 2 (B), tiếng 4 (T), tiếng 6 (B).  + Đối lập âm vực trầm bổng ở tiếng 6, 8 dòng bát  **2. Thể song thất lục bát:**  - Số tiếng: 2 dòng 7, dòng 6 - dòng 8 liên tục  - Vần:  + Cặp song thất: tiếng 7 - tiếng 5 hiệp vần vần T  + Cặp lục bát hiệp vần B, liền  - Nhịp: 2 câu thất 3/4 ; lục bát 2/2/2  - Hài thanh: song thất: tiếng 3 linh hoạt B/T  **3. Các thể ngũ ngôn Đường luật**    ***a. Ngũ ngôn tứ tuyệt***:  ***b. Ngũ ngôn bát cú:***  - Số tiếng: 5, số dòng: 8  - Vần: độc vận, vần cách  - Nhịp: 2/3  - Hài thanh: Có sự luân phiên B-T hoặc niêm B - B, T - T ở tiếng thứ 2,4  **4. Các thể thất ngôn Đường luật:**  ***a. Thất ngôn tứ tuyệt***:  - Số tiếng: 7, số dòng: 4  - Vần: vần chân, độc vận, vần cách  - Nhịp: 4/3  - Hài thanh: theo mô hình trong sgk.    ***b. Thất ngôn bát cú:***  - Số tiếng: 7, số dòng: 8 (4 phần: đề, thực, luận, kết).  - Vần: vần chân, độc vận ở các câu 1, 2, 4, 6, 8  - Nhịp: 4/3  - Hài thanh: theo mô hình trong sgk.  **5. Các thể thơ hiện đại**:  - Ảnh hưởng của thơ Pháp  - Vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân  **III. LUYỆN TẬP:**  Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh:  **a. Hai câu song thất**:  - Gieo vần: “*Nguyệt, mịt*”: Tiếng thứ 7 và tiếng thứ 5  → vần lưng  - Ngắt nhịp: 3/4  - Hài thanh: Tiếng thứ 3: “ *thành, Tuyền*”: đều là tiếng B  **b. Thể thất ngôn Đường luật:**  - Gieo vần: *“xa, hoa, nhà”:* Tiếng cuối câu 1, 2, 4 → vần chân, vần cách ( hoa – nhà).  - Ngắt nhịp: 4/3  - Hài thanh: Tiếng thứ 2, 4, 6 tuân thủ đúng luật hài thanh của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt:  + Tiếng thứ 2 các dòng:  suối, lồng, khuya, ngủ  **T B B T**  + Tiếng thứ 4 các dòng:  như, thụ, vẽ, lo  **B T T B**  + Tiếng thứ 6 các dòng:  hát, lồng, chưa, nước  **T B B T** |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Luật thơ .

- Luật thơ của một số thể thơ truyền thống .

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài : ***Trả bài làm văn số 2.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 24. Làm văn. TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 2**

**A .Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** : Giúp HS:Nhận thức rõ những ưu điểm và nhược điểm về kiến thức, kĩ năng làm bài nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng đời sống.

**2. Kĩ năng** : Tự đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi bài làm văn.

**3. Tư duy, thái độ** : Nâng cao thêm ý thức rèn luyện đạo đức để có thái độ, hành động đúng đắn trước những hiện tượng đời sống hiện nay.

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C.Phương pháp:** Kết hợp thuyết trình, giảng giải và phát vấn của GV với ý kiến HS tự nhận xét, đánh giá kết quả bài làm.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Sĩ số: ……………………………….

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Thế nào là luật thơ? Trong bài thơ, tiếng có vai trò như thế nào, nêu cụ thể?

- Xác định số câu, số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịp, cách hài thanh trong bài thơ *Cảnh khuya* (Hồ Chí Minh)?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Các em đã có bài viết số 2 ở nhà : Nghị luận về một hiện tượng đời sống. Tiết trả bài văn số 2 sẽ giúp chúng ta đánh giá bài làm của mình, đồng thời rút kinh nghiệm để có thể làm bài văn sau tốt hơn.*

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **\* GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh Tìm hiểu đề.**  **+ GV:** Luận đề mà đề bài đặt ra là gì? Hướng giải quýêt?  **+ GV:** Ta cần sử dụng những thao tác lập luận nào trong bài viết?  **+ GV:** Tư liệu trong bài viết được lấy từ đâu?  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh Lập dàn ý.**  **+ GV:** Mở bài cần nêu những ý gì?  **+ GV:** Phần thân bài cần phải trình bày những ý nào? Xác định các dẫn chứng cụ thể?  **+ GV:** Nêu cách ứng xử cụ thể của mọi người với vấn đề?  **+ GV:** Bài học rút ra là gì?  **- Thao tác 3: Nhận xét sửa lỗi bài làm của học sinh.**  \* Giáo viên nêu biểu điểm của bài viết.  \* GV cho đọc những bài viết khá giỏi của học sinh.  \* GV tổng kết bài viết của học sinh. | **Đề bài:**  Bày tỏ suy nghĩ về tình trạng môi trường hiện nay.  **I. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:**  **1**. ***Tìm hiểu đề***:  - Luận đề:  Thực trạng môi trường hiện nay.  - Thao tác:  Giải thích, chứng minh, bình luận.  - Tư liệu: trong cuộc sống.  **2. *Lập dàn ý*:**  **\*** Mở bài :  - Giíi thiÖu vÊn ®Ò ®Æt ra trong ý kiến  - Nêu luận đề chính của bài viết theo các cách khác nhau.  *\*Thân bài :*  - Tầm quan trọng của môi trường đối với đời sống con người.  + Tạo sự sống con người.  + Môi trường sống cho nhiều động, thực vật.  + Che chắn cho con người khỏi những nguy hại từ thời tiết.  + Cung cấp nhiều tài nguyên quý giá cho con người  - Thực trạng môi trường hiện nay:  + Môi trường đang bị ô nhiễm trầm trọng do các hoạt động thiếu ý thức của con người.  + Nạn thải chất thải từ nhà máy, khu công nghiệp ra sông,  + Nạn tàn phá rừng bừa bãi.  - Nguy cơ có thể xảy ra do biến đổi cực về môi trường:  + Không khí bị ô nhiễm, nguy hại đến sự sống.  + Thiên tai nghiêm trọng: trái đất nóng lên, hạn hán, lũ lụt, bão tố, động đất, song thần…  + Đất đai bị sa mạc hóa, không thể nào anh tác, sinh sống được.  + Nguồn tài nguyên không còn nữa: Động, thực vật quý hiếm bị tuyệt chủng, thiếu nước sạch, cạn kiệt mạch nước ngầm.  + Thiếu lương thực, đói nghèo, bệnh tật.  + Đói nghèo làm hủy hoại nhân cách, đạo đức con người.  + Chiến tranh giành nguồn nước, lương thực lan tràn, nhân loại bị diệt vong.  - Më réng, n©ng cao vÊn ®Ò, nªu biÖn ph¸p..  ***- Đối với các cấp lãnh đạo:***  + Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, các ban ngành và nhân dân.  + Tuyên truyền, vận động cấp kinh phí đứng mức cho kế hoạch bảo vệ môi trường.  + Xử lí thật nặng những kẻ phá môi trường.  + Không được khai thác môi trường bừa bãi, không có kế hoạch.  + Tăng cường lực lượng bảo vệ môi trường.  + Có chế độ đãi ngộ, khen thưởng đúng mức cho những người có công bảo vệ môi trường.  ***- Đối với bản thân:***  + Mạnh dạn tố cáo những kẻ phá hoại rừng.  + Tích cực trồng rừng và kêu gọi mọi người cùng trồng rừng.  *\*Kết bài :*  Bài học cho bản thân.  3. ***Nhận xét, chữa lỗi:***  **a. Nhận xét:**  **\* Về nội dung:**  - Lạc đề:  - Xa đề:  **\* Về phương pháp:**  - Cách dùng từ:  - Cách diễn đạt:  - Cách xây dựng đoạn, trình bày ý:  **b. Chữa lỗi:**  **III. Biểu điểm:**  - Điểm giỏi:  + Xác định rõ vấn đề nghị luận  + Xác định các luận cứ, luận điểm đầy đủ  + Sắp xếp triển khai các ý một cách khoa học  + Biết liên hệ mở rộng , lật đi lật lại vấn đề ở nhiều phương diện  + Hành văn trong sáng, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi từ, câu  - Điểm khá :  Như điều kiện của điểm giỏi, nhưng còn mắc một số lỗi về hành văn  - Điểm trung bình :  + Xác định đúng luận đề  + Luận điểm luận cứ chưa thực sự đầy đủ  + Biết trình bày các luận điểm luận cứ một cách khoa học  - Điểm kém :  + Hoặc chưa xác định được luận đề  + Hoặc chưa biết triển khai các luận điểm luận cứ để làm sáng rõ yêu cầu của đề bài  + Hành văn yếu, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp  **V. Đọc bài viết tốt của học sinh**  **VI. Tổng kết**  **\* Thống kê :** |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Cách làm bài văn nghị luận về hiện tượng đời sống.

- Rút kinh nghiệm, khắc phục những lỗi thường xuyên mắc phải.

- Đọc lại bài: Cách nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**5. Dặn dò:**

**-** Xem và sửa lại bài.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: ***Việt Bắc*** *(*Tố Hữu*).*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 25-26. Đọc văn. VIỆT BẮC (Trích- tiếp theo)**

**Phần hai:** **TÁC PHẨM**

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :** Giúp HS: Cảm nhận được một thời kháng chiến gian khổ mà hào hùng, tình nghĩa thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước.Nhận thức được tính dân tộc đậm đà không chỉ trong nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Kĩ năng**:Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về giai điệu, cảm xúc kẻ ở người đi trong bài thơ.Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của lối nói giao duyên trong bài thơ, về cách xưng hô, về hình ảnh kẻ đi, người ở, về tình cảm cách mạng cao đẹp.

**3. Tư duy,** **thái độ** : Tự nhận thức về nghĩa tình thủy chung cách mạng của những con người Việt Bắc.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C.** **Phương pháp:**

**-** Cho HS đọc một số đoạn phân vai.

- Phát vấn, thảo luận.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Sĩ số : ………………………………

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Em hãy trình bày chặng đường cách mạng, chặng đường thơ của Tố Hữu.

- Trình bày phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*“Việt Bắc” là một trong những đỉnh cao của thơ Tố Hữu nói riêng, của thơ ca kháng chiến chống Pháp nói chung. Cả bài thơ là một hoài niệm nhớ thương tuôn chảy về những năm tháng ở chiến khu Việt Bắc rất gian khổ nhưng vui tươi, hào hùng. Hãy cùng tìm hiểu bài thơ được coi là đỉnh cao của thơ trữ tình chính trị Việt Nam.*

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **TIẾT 25** | |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **\* GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về tác phẩm.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về hoàn cảnh sáng tác bài thơ.**  **+ GV:** Gọi học sinh đọc phần Tiểu dẫn.  **+ GV:** Dựa vào Tiểu dẫn, hãy nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sắc thái tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ?**  **+ GV:** Gọi học sinh đọc đoạn thơ. Chú ý cách đọc đúng với tơ lục bát, đọc với giọng tâm tình tha thiết.  **+ HS:** Đọc diễn cảm đoạn thơ.  **+ GV:** Hoàn cảnh sáng tác của bài thơ cho ta biết được tâm trạng gì của các nhân vật trữ tình? Câu thơ nào tập trung nói rõ điều đó?  **+ GV:** Đây cũng là cuộc chia tay của những con người đã từng trải qua những điều gì? Câu thơ nào cho em biết điều đó?  **+ GV:** Đọc bài thơ, ta có cảm tưởng như đây là lời của những ai?  **- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu kết cấu bài thơ.**  **+ GV:** Diễn biến tâm trạng được tổ chức như thế nào trong bài thơ?  **+ GV:** Lời hỏi và cả lời đáp đều mở ra những gì?  **+ GV:** Theo em đây có phải thực sự là lời của hai nhân vật không? Nếu không thì đó là lời của ai?  **\* GV hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vẻ đẹp của cảnh núi rừng và con người Việt Bắc**  **+ GV:** Cảnh vật núi rừng Việt Bắc được khắc hoạ trong đoạn thơ nào? Cảnh vật hiện lên như thế nào?  **+ GV:** Nỗi nhớ núi rừng Việt Bắc được so sánh với điều gì? Diễn tả một nỗi như như thế nào?  **+ GV:** Đoạn thơ có sử dụng hình thức nghệ thuật gì nổi bật? Biện pháp này muốn diễn tả điều gì?  **+ GV:** Đẹp nhất trong nỗi nhớ là có sự hoà quyện giữa những điều gì? Được thể hiện trong đoạn thơ nào?  **+ GV:** Phân tích bức tranh tứ bình trong đoạn thơ?  **+ GV:** Hình ảnh những con người được miêu tả như thế nào?  **+ GV:** Qua việc miêu tả đó, tác giả muốn nói lên điều gì?  **+ GV:** Trong nỗi nhớ của nhà thơ, đồng bào Việt Bắc hiện lên với những phẩm chất cao đẹp nào? Được thể hiện trong những câu thơ nào?  **+ GV:** Diễn tả hình ảnh người mẹ, tác giả muốn thể hiện tình cảm gì của mình?  **+ GV:** Tác giả còn nhớ về những tháng ngày như thế nào?  **+ GV:** Những tình cảm nào được thể hiện trong các câu thơ trên?  **TIẾT 26.**  **Sĩ số: ………………………………..**  **Thao tác 3: Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu, vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến**  **+ GV:** Bức tranh Việt Bắc ra quân hùng vĩ được miêu tả trong đoạn thơ nào?  **+ GV:** Nhận xét về những hình ảnh, từ ngữ và biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong đoạn thơ?  **+ GV:** Những nghệ thuật trên diễn tả điều gì?  **+ GV:** Đoạn thơ có âm hưởng như thế nào? thể hiện được điều gì?  **+ GV:** Khí thế chiến thắng của dân tộc được thể hiện trong những câu thơ nào?  **+ GV:** Tác giả đã liệt kê những gì?  **+ GV:** Tố Hữu còn đi sâu lí giải những cội nguồn đã làm nên chiến thắng. Điều đó được nói trong những câu thơ nào? những nguyên nhân đó là gì?  **+ GV:** Chốt lại.  **+ GV:** Vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến được thể hiện trong những câu thơ nào?  **+ GV:** Tác giả đã nêu lên những vai trò gì của Việt Bắc?  **+ GV:** Trong những câu thơ cuối đoạn trích, tác giả còn khẳng định những gì?  **- Thao tác 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ.**  **+ GV:** Tính dân tộc của đoạn thơ được thể hiện như thế nào qua thể loại? (Cấu tứ của bài thơ như thế nào?)  **+ GV:** Nhà thơ còn vận dụng hình thức gì của ca dao trong các câu thơ?  **+ GV:** Tác dụng của hình thức tiểu đối này là gì?  **+ GV:** Ngôn ngữ trong đoạn thơ được lấy từ đâu? Nó có đặc điểm như thế nào?  **+ GV:** Tìm những câu thơ giàu hình ảnh?  **+ GV:** Những câu thơ nào theo em là giàu nhạc điệu?  **+ GV:** Phép trùng điệp được thể hiện trong những câu thơ nào?  **+ GV:** Phép trùng điệp này đã tạo giọng điệu gì cho đoạn thơ, bài thơ?  **\* GV hướng dẫn học sinh tổng kết.**  **+ GV:** Nêu chủ đề của đoạn thơ?  **+ GV:** Đoạn trích *Việt Bắc* có những nét nghệ thuật đặc sắc nào? | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Hoàn cảnh sáng tác :**  - Tháng 10 - 1954, những người kháng chiến từ căn cứ mìêm núi về miền xuôi.  - Trung ương Đảng quyết định rời chiến khu Việt Bắc về lại thủ đô.  - Nhân sự kiện có tính chất lịch sử ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ *Việt Bắc* .  **2. Sắc thái tâm trạng:**  - Hoàn cảnh sáng tác tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt:  *“Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”*  🡪 đầy xúc động, bâng khuâng không nói nên lời.  - Đây cũng là cuộc chia tay của những người từng gắn bó:  *“Mười lăm năm ấy, thiết tha mặn nồng”*  🡪 có biết bao kỷ niệm ân tình thuỷ chung.  - Chuyện ân tình cách mạng được Tố Hữu thể hiện khéo léo như tâm trạng của tình yêu đôi lứa.  **3. Kết cấu :**  - Diễn biến tâm trạng được tổ chức theo lối đối đáp giao duyên trong ca dao - dân ca: bên hỏi, bên đáp, người bày tỏ, người hô ứng.  - Hỏi và đáp điều mở ra bao nhiêu kỷ niệm về cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, bao nỗi niềm nhớ thương.  - Thực ra, bên ngoài là đối đáp, còn bên trong là lời độc thoại, là biểu hiện tâm tư tình cảm của chính nhà thơ, của những người tham gia kháng chiến.  **II. Đọc - hiểu văn bản :**    **1. Vẻ đẹp của cảnh núi rừng và con người Việt Bắc:**  - Cảnh vật núi rừng Việt Bắc hiện lên với vẻ đẹp vừa hiện thực vừa mơ mộng:  *“Nhớ gì như nhớ người yêu*  *Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương*  *Nhớ từng bản khói cùng sương*  *Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.*  *Nhớ từng rừng nứa bờ tre*  *Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy”.*  + Nỗi nhớ Việc Bắc được so sánh “*như nhớ người yêu”*  🡪 Nỗi nhớ thật da diết, mãnh liệt, cháy bỏng.  + Điệp từ “*nhớ*” được đặt ở đầu câu  🡪 như liệt kê ra từng nỗi nhớ cụ thể: *nhớ ánh nắng ban chiều, ánh trăng buổi tối, những bản làng mờ trong sương sớm, những bếp lửa hồng trong đêm khuya, những núi rừng, sông suối mang những cái tên thân thuộc.*  => Nỗi nhớ bao trùm khắp cả không gian và thời gian.  - Đẹp nhất trong nỗi nhớ là sự hoà quyện thắm thiết giữa cảnh với người:  *Ta về mình có nhớ ta*  *Ta về ta nhớ những hoa cùng người.*  *Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*  *Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng*  *Ngày xuân mơ nở trắng rừng*  *Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang*  *Ve kêu rừng phách đổ vàng*  *Nhớ cô em gái hái măng một mình.*  *Rừng thu trăng rọi hoà bình*  *Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.*  + Thiên nhiên Việt Bắc hiệ lên với vẻ đẹp đa dạng, sinh động, thay đổi theo từng mùa:  o Mùa xuân: trong sáng, tinh khôi và đầy sức sống với “*mơ nở trắng rừng*”  o Mùa hè: rực rỡ, sôi động với âm thanh “*rừng phách đổ vàng*”  o Mùa thu: yên ả, thanh bình, lãng mạn với hình ảnh “*trăng rọi hoà bình*”  o Mùa đông: tươi tắn, không lạnh lẽo với hình ảnh “*hoa chuối đỏ tươi*”  + Gắn bó với thiên nhiên là những con người bình dị:  o Người đi làm nương rẫy (*Ngày xuân mơ nở trắng rừng*)  o Người khéo léo trong công việc đan nón (*Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang*)  o Người đi hái măng giữa rừng tre nứa (*Nhớ cô em gái hái măng một mình*)  🡪 Bằng những việc làm nhỏ bé, họ góp phần tạo nên sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến.  - Trong nỗi nhớ của nhà thơ, đồng bào Việt Bắc hiện lên với những phẩm chất cao đẹp:  + Hình ảnh *“Hát hiu lau xám, đậm đà lòng son”*  🡪 Tuy họ nghèo về vật chất nhưng lại giàu về nghĩa tình.  + Hình ảnh người mẹ:  *“Nhớ người mẹ nắng cháy lưng*  *Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô”*  🡪 nỗi xót xa về cuộc sống cơ cực của đồng bào miền núi.  + Những tháng ngày:  *“Thương nhau chia củ sắn lùi*  *Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng”*  🡪 Họ đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi với người cán bộ kháng chiến.  => Âm hưởng trữ tình tạo khúc ca ngọt ngào, đằm thắm của tình yêu thương đồng chí, đồng bào, tình yêu thiên nhiên, đất nước.    **3. Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu, vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:**  **a. Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu:**  - Bức tranh Việt Bắc ra quân hùng vĩ :  *Những đường Việt Bắc của ta*  *Đêm đêm rầm rập như là đất rung.*  *Quân đi điệp điệp trùng trùng.*  *Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan.*  *Dân công đỏ đuốc từng đoàn*  *Bước đi nát đá, muôn tàn lửa bay.*  *Nghìn đêm thăm thẳm sương dày*  *Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.*  + Những hình ảnh không gian rộng lớn, những từ láy (*rầm rập, điệp điệp, trùng trùng*), biện pháp so sánh (*như là đất rung*), cường điệu (*bước chân nát đá*), biện pháp đối lập (*Nghìn đêm … >< … mai lên*), những động từ (*rầm rập, đất rung, lửa bay*)  🡪 diễn tả được khí thế hào hùng của cuộc kháng chiến chống Pháp: không khí sôi động với nhiều lực lượng tham gia, những hoạt động tấp nập…  + Âm hưởng hùng ca, mang tính sử thi của đoạn thơ  🡪 thể hiện được sức mạnh của cả một dân tộc đứng lên chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc.  - Dân tộc ấy vượt qua bao khó khăn, thử thách, hi sinh để đem về những kì tích:  *+ “Tin vui thắng trận trăm miền.*  *Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về*  *Vui từ Đồng Tháp, An Khê,*  *Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”*  *+ “Ai về ai có nhớ không?*  *Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng*  *Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng*  *Nhớ từ Cao - Lạng, nhớ sang Nhị Hà…”*  🡪 Liệt kê những chiến công gắn liền với những địa danh lịch sử.  - Tố Hữu còn đi sâu lí giải những cội nguồn đã làm nên chiến thắng:  + Đó là sức mạnh của lòng căn thù: *“Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai”*  + Đó là sức mạnh của tình nghĩa thuỷ chung: *“Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi”*  + Sức mạnh của tình đoàn kết:  *“Nhớ khi giặc đến giặc lùng*  *Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.*  *Núi giăng thành luỹ sắt dày,*  *Rừng che bộ đội rừng vây quân thù.*  *Mênh mông bốn mặt sương dày,*  *Đất trời ta cả chiến khu một lòng”*  🡪 Khối đại đoàn kết toàn dân (“*Đất trời ta cả chiến khu một lòng”*), sự hoà quyện gắn bó giữa con người với thiên nhiên (*Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây*): tất cả tạo thành hình ảnh một *đất nước đứng lên* tiêu diệt kẻ thù.  **b. Vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:**  *- “Mình về, có nhớ núi non,*  *Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh.*  *Mình đi mình có nhớ mình,*  *Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa.”*  + Việt Bắc là quê hương của cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, là đầu não của cuộc kháng chiến, nơi hội tụ tình cảm, suy nghĩ, niềm tin và hi vọng của mọi người Việt Nam yêu nước..  + Việt Bắc là chiến khu kiên cường, nơi nuôi dưỡng bao sức mạnh đấu tranh, nơi khai sinh những địa danh mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc.  *- “Ở đâu u ám quân thù,*  *Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi*  *Ở đâu đau đớn giống nòi,*  *Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.*  *Mười lăm năm ấy, ai quên*  *Quê hương Cách mạng dựng nên cộng hoà”*  + Khẳng định Việt Bắc là nơi có *“Cụ Hồ sáng soi*”, có “*Trung ương chính phủ luận bàn việc công”*  + Khẳng định niềm tin yêu của cả nước với Việt Bắc bằng những vần thơ mộc mạc, giản dị mà thắm thiết nghĩa tình.  **4. Nghệ thuật đậm đà tính dân tộc:**  **a. Về thể loại:**  - Cấu tứ bài thơ là cấu tứ ca dao với hai nhân vật trữ tình “*ta”* và “*mình*”, người ra đi, người ở lại đối đáp nhau.  - Sử dụng kiểu tiểu đối của ca dao:  *+ “Mình về rừng núi nhớ ai,*  *Trám bùi để rụng,/ măng mai để già.”*  *+ “Điều quân chiến dịch thu đông,*  *Nông thôn phát động,/ giao thông mở đường.”*  🡪 Tác dụng:  + Nhấn mạnh ý  + Tạo nhịp thơ uyển chuyển, cân xứng, hài hoà  + Lời thơ dễ nhớ, dễ thuộc, cân xứng hài hoà.  **b. Về ngôn ngữ:**  - Sử dụng lời ăn tiếng nói của nhân dân rất mộc mạc, giản dị nhưng cũng rất sinh động để tái hiện lại một thời cách mạng và kháng chiến đầy gian khổ mà dạt dào nghĩa tình.  - Đó là thứ ngôn ngữ giàu hình ảnh cụ thể:  “*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày”*  *“Nắng trưa rực rỡ sao vàng”*  + Ngôn ngữ giàu nhạc điệu:  “*Chày đêm nện cối đều đều suối xa”*  *“Đêm đêm rầm rập như là đất rung”*  - Sử dụng nhuần nhuyễn phép trùng điệp của dân gian:  *+ “Mình về, mình có nhớ ta”*  *“Mình về, có nhớ chiến khu”*  *+ “Nhớ sao lớp học i tờ”*  *“Nhớ sao ngày tháng cơ quan”*  *“Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều”*  🡪 tạo giọng điệu trữ tình thiết tha, êm ái, ngọt ngào như âm hưởng lời ru, đưa ta vào thế giới của kỷ niệm và tình nghĩa thuỷ chung.  **III. TỔNG KẾT :**  *Ghi nhớ (SGK)*  - Qua nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến đối với chiến khu Việt Bắc, tác giả đã thể hiện được nghĩa tình thắm thiết giữa cán bộ kháng chiến với chiến khi Việt Bắc. Đồng thời ca ngợi vẻ đẹp của phong cảnh và con người Việt Bắc, đe cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng.  - Đoạn trích *Việt Bắc* đậm đà tính dân tộc từ hình thức nghệ thuật đến nội dung tình cảm. Việt Bắc là một bài thơ tiêu biểu nhiều mặt cho hồn thơ, phong cách thơ của Tố Hữu. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Cảnh đẹp của thiên nhiên và con người Việt Bắc qua nỗi nhớ của người ra đi.

- Hình ảnh Việt Bắc cách mạng, Việt Bắc anh hùng .

- Tính dân tộc trong đoạn thơ.

**5. Dặn dò:**

**-** Học thuộc lòng đoạn trích.

*-* Chuẩn bị bài *:* ***Phát biểu theo chủ đề.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 27. Làm văn. PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ**

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** :Qua bài học giúp HS:Hiểu được yêu cầu, cách thức phát biểu theo chủ đề.

Trình bày được ý kiến của mình trước tập thể phù hợp với chủ đề thảo luận và tình huống giao tiếp.

**2. Kĩ năng** : Xác định chủ đề, xây dựng dàn ý và trình bày bài phát biểu theo chủ đề.

Tìm kiếm và xử lí thông tin hợp lí, phù hợp với đối tượng và mục đích giao tiếp.

**3. Tư duy, thái độ** : Xác định đúng vấn đề và nội dung, tự tin khi phát biểu theo chủ đề.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:** GV hướng dẫn, gợi ý cho học sinh lựa chọn nội dung, chuẩn bị đề cương và phát biểu ý kiến theo chủ đề , sau đó cho HS nhận xét, thảo luận và rút ra cách phát biểu theo chủ đề.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ……………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

* Đọc thuộc đoạn trích.
* Phân tích cảnh đẹp của thiên nhiên và con người Việt Bắc qua nỗi nhớ của người ra đi.
* Hình ảnh Việt Bắc cách mạng, Việt Bắc anh hùng được nhà thơ miêu tả như thế nào?
* Tính dân tộc trong đoạn thơ được thể hiện như thế nào?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong quá trình học tập của học sinh thường nảy sinh nhiều vấn đề buộc các em phải suy nghĩ và đưa ra những ý kiến của mình để cùng với mọi người tìm ra một điểm chung, một cách giải quyết thoả đáng nhất. Để có được một bài phát biểu phù hợp với chủ đề đưa ra và thuyết phục người nghe, hôm nay chúng ta cùng đi vào tìm hiểu bài học :* ***Phát biểu theo chủ đề****.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | HOẠT ĐỘNG CỦA HS | |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  \* Hình thành khái niệm.  **-** Thế nào là phát biểu theo chủ đề? | | **I. KHÁI NIỆM:**  Phát biểu theo chủ đề là phát biểu bằng ngôn ngữ nói, có đề cương chuẩn bị trước để làm rõ nội dung một chủ đề nào đó (văn học, xã hội…. ). | |
| **\*** Xác định chủ đề và nội dung cần phát biểu.  Giáo viên đưa trước cho mỗi nhóm một VCD trong đó chứa một đoạn phim tư liệu về chủ đề *“Bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của con người”* (thời lượng 15 phút. và yêu cầu học sinh xem trước ở nhà, xác định chủ đề, nội dung chính của đoạn phim.  **-** Xác định chủ đề của đoạn phim tư liệu đã xem?  **-** Chủ đề đoạn phim được thể hiện qua những nội dung nào? | | **II. CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ PHÁT BIỂU:**  ***1. Xác định nội dung cần phát biểu:***  - Chủ đề: Bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của con người.  - Nội dung:  + Những lợi ích của rừng đối với cuộc sống con người  + Những hậu quả nghiêm trọng khi phá rừng.  + Trách nhiệm bảo vệ rừng của mỗi người. | |
| **\*** Nắm vững yêu cầu khi phát biểu, chọn nội dung phát biểu và chuẩn bị đề cương.  **-** Khi phát biểu theo chủ đề cần đảm bảo những yêu cầu nào? | ***2. Dự kiến đề cương phát biểu:***  - Yêu cầu chung:  + Chọn nội dung phát biểu: phù hợp chủ đề.  + Xây dựng đề cương: nổi bật trọng tâm, lôgích.  + Thái độ, cử chỉ, giọng nói: lịch sự, phù hợp với nội dung và cảm xúc. | |
| **-** Chủ đề thảo luận có 3 nội dung, hãy chọn 1 nội dung để phát biểu?  (Chọn nội dung 1, nội dung 2 và 3 dùng để luyện tập.  **-** Cho biết bố cục của đề cương?  - Giáo viên cho các nhóm thảo luận làm đề cương. | - Yêu cầu cụ thể:  + Nội dung phát biểu: Nội dung 1  + Bố cục đề cương:  o Mở bài: Giới thiệu khái quát nội dung.  o Thân bài: Trình bày hệ thống ý trong nội dung.  o Kết bài: Lời kết thúc và cảm ơn. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH** Tổ chức cho học sinh phát biểu ý kiến.  - Giáo viên gọi đại diện từng nhóm phát biểu ý kiến.  - Cho các nhóm khác nhận xét về giọng nói, thái độ, cử chỉ và bổ sung nội dung cho nhóm bạn. | **III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN:**  1. Mở bài: Những lợi ích lớn lao của rừng đối với sự sống của con người  2. Thân bài:  - Tạo ôxy cho sự sống con người.  - Điều hòa nhiệt độ, cân bằng thời tiết.  - Giữ mạch nước ngầm.  - Giữ độ màu mỡ cho đất, chống xói mòn.  - Môi trường sống cho nhiều động, thực vật quý hiếm.  - Che chắn giông bão, hạn chế lũ lụt.  - Cung cấp nhiều tài nguyên quý giá: thực phẩm, cây thuốc quý, gỗ, quặng mỏ…  - Căn cứ địa cách mạng thời chống giặc ngoại xâm.  - Cảnh quan hùng vĩ, nguồn đề tài sang tác cho văn học nghệ thuật.  => Lợi ích của rừng vô cùng to lớn nên bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của con người.  3. Kết bài: Lời kết thúc và cảm ơn. | |
| **\*** Đúc kết lại cách thức phát biểu theo chủ đề.  - Để phát biểu ý kiến theo chủ đề cần tiến hành theo cách thức nào? | **III. CÁCH THỨC PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ:**  1. Lựa chọn nội dung phát biểu phù hợp với chủ đề.  2. Dự kiến nội dung chi tiết và sắp xếp thành đề cương.  3. Có thái độ, cử chỉ, giọng nói: đúng mực, lịch sự, phù hợp với nội dung và cảm xúc. | |
| **HOẠT ĐỘNG 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  Luyện tập để khắc sâu kiến thức đã học.  - Cho các nhóm thảo luận, xây dựng đề cương theo nội dung thứ 2.  - Mỗi nhóm cử đại diện phát biểu.  - Các nhóm khác nhận xét về giọng nói, thái độ, cử chỉ và bổ sung cho hoàn chỉnh.  - Giáo viên trình chiếu đề cương tham khảo. | **V. LUYỆN TẬP:**  1. Phát biểu ý kiến theo nội dung thứ hai của chủ đề đoạn phim tư liệu đã xem.  1. Mở bài: Những hậu quả nghiêm trọng khi phá rừng  2. Thân bài:  - Không khí bị ô nhiễm, thiếu dưỡng khí cho sự sống.  - Thiên tai nghiêm trọng: trái đất nóng lên, hạn hán, lũ lụt, bão tố, động đất, song thần…  - Đất đai bị sa mạc hóa.  - Động, thực vật quý hiếm bị tuyệt chủng.  - Thiếu nước sạch, cạn kiệt mạch nước ngầm.  - Thiếu lương thực, đói nghèo, bệnh tật.  - Đói nghèo làm hủy hoại nhân cách, đạo đức con người.  - Chiến tranh giành nguồn nước, lương thực lan tràn, nhân loại bị diệt vong.  => Bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của con người.  3. Kết bài: Lời kết thúc và cảm ơn. | |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Cách thức phát biểu theo chủ đề.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài mới: Đoạn trích: *Đất Nước* (Nguyễn Khoa Điềm).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 28. Đọc văn. ĐẤT NƯỚC**

**(Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*)**

***Nguyễn Khoa Điềm***

**A. Mục tiêu bài học :**

**1. Kiến thức** Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được những suy tư sâu sắc của nhà thơ về đất nước và trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, xứ sở. Hiểu được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính luận và trữ tình, sự vận dụng các chất liệu văn hóa và văn học dân gian, sự phong phú, linh hoạt của giọng điệu thơ.

**2. Kĩ năng :**Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, sự thể hiện hình tượng đất nước của bài thơ.Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, chất chính luận và chất trữ tình của bài thơ, về sự thể hiện tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân”.

**3. Tư duy, thái độ** : Tự nhận thức về tình yêu đất nước của thế hệ các nhà thơ trẻ trong thời kì chống Mĩ.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

- Nêu vấn đề, phát vấn, kết hợp diễn giảng.

- Hoạt động song phương giữa HS và GV.

**D. Tiến trình tổ chức:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: …………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu hoàn cảnh sáng tác và phân tích sắc thái tâm trạng, lối đối đáp của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

- Vẻ đẹp của cảnh và người Việt Bắc hiện lên như thế nào?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Đất Nước là nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca và nghệ thuật. Mỗi nhà thơ đều có những cảm nhận rất riêng về đất nước. Bởi thế, đất nước, Tổ quốc hiện lên muôn màu muôn vẻ. Nếu như các nhà thơ cùng thời thường chọn điểm nhìn về đất nước bằng những hình ảnh kì vĩ, mĩ lệ hay cảm hứng về lịch sử qua các triều đại thì Nguyễn Khoa Điềm lại chọn điểm nhìn gần gũi, quen thuộc về đất nước. Đến với “Đất Nước” của Nguyễn Khoa Điềm, ta như đứng trước muôn màu văn hóa, truyền thống, phong tục tươi đẹp vô ngần. Hãy cùng tìm hiểu đoạn trích “Đất Nước”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 28** | |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **?**Phần tiểu dẫn trình bày những nội dung chính nào?  - Trữ tình chính luận: thể hiện cảm xúc, tâm trạng riêng về các vấn đề chính trị xã hội bằng một giọng điệu sắc sảo.  **?**Nêu hoàn cảnh ra đời? Nội dung cơ bản? Nghệ thuật bài thơ?  **?**Với cảm hứng ấy, nhà thơ đã triển khai đoạn thơ theo trình tự như thế nào?  **?**Tác giả đã sử dụng những chất liệu văn hoá và lịch sử nào để thể hiện sự cảm nhận về đất nước?  **?**Đất nước được cảm nhận trên phương diện kgian như thế nào? Nhận xét gì về những kgan đó?  **?**Xét về phương diện thời gian, đất nước tồn tại trong thời gian “đằng đẵng”. Em hãy tìm dẫn chứng để làm rõ ý trên?  **?**Hãy nhận xét chung về cách cảm nhận đất nước của nhà thơ?Qua đó giáo dục chúng ta điều gì?  **?**Tác giả suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của mình đối với đất nước?    **?** Nhận xét nghệ thuật thể hiện ?  **?** Phần sau của đoạn thơ tập trung làm nổi bật tư tưởng "*Đất Nước của Nhân Dân*". Tư tưởng ấy đã quy tụ mọi cách nhìn nhận và đưa đến những phát hiện và mới của tác giả về địa lí lịch sử và văn hoá của đất nước như thế nào?  **?**Tác giả đã cảm nhận đất nước qua những địa danh , thắng cảnh nào?  **?**Những địa danh gắn với cái gì, của ai ?  **?** Vì sao khi nói về bốn nghìn năm lịch sử của đất nước, tác giả không điểm tên các triều đại cùng bao nhân vật anh hùng trong sử sách? Đối tượng mà tác giả muốn nhắc đến là ai? Vì sao tác giả lại nhắc đến họ? (Họ là những con người như thế nào?)  Khi nói về truyền thống của nhân dân tg đã chọn những yếu tố văn học dân gian nào để làm sáng tỏ? Đó là những truyền thống gì ?  **?**Nhận xét về nghệ thuật của đoạn thơ?  - Thể thơ?  - Giọng thơ?  - Nhận xét về cách sử dụng chất liệu văn hoá dân gian của tg ? Vì sao có thể nói chất liệu văn hoá dân gian ở đoạn này gợi ấn tượng vừa quen thuộc vừa mới lạ? **?** Qua đoạn trích, tác giả thể hiện quan điểm về vấn đề gì? Mục đích của tác giả? | **I. Tìm hiểu chung :**  **1. Tác giả :**  ***a. Tiểu sử:***  - Sinh ra trong một gia đình trí thức, giàu truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng.  - Học tập và trưởng thành trên miền Bắc, tham gia chiến đấu và hoạt động văn nghệ ở miền Nam.  ***b. Phong cách sáng tác :***  - Giàu chất suy tư , xúc cảm dồn nén .  - Giọng thơ trữ tình chính luận .  **2. Bài thơ:**  ***a. Hoàn cảnh sáng tác***: Hoàn thành ở chiến khu Trị -Thiên 1971 .  ***b. Nội dung:*** thức tỉnh tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam.  ***c. Nghệ thuật:*** mang đậm phong cách thơ Nguyễn Khoa Điềm.  **3. Đoạn trích :**  ***a. Vị trí:*** Trích chương V của trường ca .  ***b. Cảm hứng chủ đạo:*** tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân”.  ***c. Bố cục:*** Hai phần  - Phần I : 42 câu đầu :  + Đất nước được cảm nhận từ nhiều phương diện lịch sử văn hoá dân tộc, chiều sâu của không gian, chiều dài của thời gian.  + Quan hệ giữa con người và đât nước.  - Phần II: 47 câu cuối : Tư tưởng cốt lõi, cảm nhận về đất nước : Đất nước của Nhân dân .  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Cảm nhận về đất nước:**  **a. Đất nước được cảm nhận ở nhiều phương diện:**  **\* Phương diện lịch sử, văn hoá dân tộc:**  **(**Đất nước có từ bao giờ?)  - Đất nước gắn liền với:  + Văn hoá lâu đời của dân tộc: truyện cổ tích, phong tục.  + Cuộc trường chinh không nghỉ ngơi: chống ngoại xâm, cuộc sống lao động vất vả.  => Đất nước được hình thành và phát triển theo quá trình sống của mỗi con người, rất bình dị, thân thộc và gần gũi.  ***Nghệ thuật:*** Giọng thơ nhẹ nhàng, âm hưởng đầy quyến rũ đã đưa ta về với cội nguồn của đất nước : Một đất nước vừa cụ thể vừa huyền ảo đã có từ rất lâu đời.  ***\*Phương diện không gian địa lí và thời gian lịch sử:***  **(**Đất nước là gì?)  - **Phương diện không gian:** Chiết tự: ***Đất nước***: mới mẻ, độc đáo, mang tính cá thể*,*  hết sức táo bạo  + Không gian gần gũi với con người: nơi sinh hoạt của mỗi người, không gian tuyệt diệu của tình yêu và nỗi nhớ đầy thơ mộng với bao kỉ niệm ngọt ngào.  + Không gian đại lí mênh mông từ "*núi bạc*" đến "*biển khơi*" và không gian sinh tồn của dân tộc bao thế hệ: "*Những ai đã khuất...mai sau*".  =>Đất nước hiện lên thiêng liêng những vẫn gần gũi, gắn bó với mỗi con người. Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng.  -**Phương diện thời gian:**  + Nhắc đến cội nguồn dân tộc: “*Lạc Long Quân và Âu Cơ*” và ngày giỗ Tổ cho đến hiện tại với những con người không bao giờ quên nguồn cội dân tộc.  + Đất nước là sự kế tục của các thế hệ: quá khứ, hiện tại và tương lai: "*Những ai đã khuất...mai sau*".  **Tóm lại:** Tác giả đã hướng tới cái nhìn toàn vẹn và nhiều chiều về đất nước để khơi dậy một đất nước có chiều dài của thời gian lịch sử, chiều rộng của không gian địa lí và chiều sâu của truyền thống văn hoá dân tộc.  ***c. Trách nhiệm của thế hệ mình với đất nước***: Điểm mấu chốt về tư tưởng, tập trung cảm xúc.  + Đất nước kết tinh trong sự sống, trong máu thịt của mỗi cá nhân.  + Tình yêu lứa đôi thống nhất, hài hoà với tình yêu đất nước.  + Sự phát triển từ cá nhân, tình yêu lứa đôi đến tình yêu đồng loại + kết hợp với hình ảnh “*Đất nước vẹn tròn to lớn*” => gợi tả tình đoàn kết dân tộc (làm nên sức mạnh Việt Nam).  - Niềm tin vào thế hệ mai sau.  - Trách nhiệm của thế hệ mình:  + Đất nước - "*máu xương*" của mỗi con- là những giá trị vật chất và tinh thần mà mỗi người được thừa hưởng (quyền lợi).  + Trách nhiệm của mỗi người:phải biết gắn bó, san sẻ, hoá thân  =>Xây dựng và bảo vệ **Đất nước muôn đời**. (nghĩa vụ).  + Nghệ thuật:  **.** Điệp ngữ “*phải biết”* => giọng thơ **chính luận**.  **.** Âm điệu “*em ơi em”*=> **trữ tình** thiết tha.  **.** Dùng từ “*hoá thân”*(# hi sinh): hiến dâng, hoà nhập, sống còn vì đất nước => sâu sắc, giàu ý nghĩa.  **.** Lời thơ giản dị nhưng mang ý nghĩa sâu xa.  => Ý thơ mang tính chất tâm sự nhiều hơn là kêu gọi, giáo huấn nên sức truyền cảm rất mạnh.  **2. Tư tưởng cốt lõi :** "*Đất Nước của Nhân Dân*".  - ***Phương diện địa lí:*** cảm nhận đất nước qua những địa danh thắng cảnh gắn với cuộc sống tính cách số phận của nhân dân:  + Tình nghĩa thuỷ chung thắm thiết (núi Vọng Phu, hòn trống mái).  + Sức mạnh bất khuất (Chuyện Thánh Gióng).  + Cội nguồn thiêng liêng (hướng về đất Tổ Hùng Vương).  + Truyền thống hiếu học (Cách cảm nhận về núi Bút non nghiêng).  + Hình ảnh đất nước tươi đẹp (Cách nhìn dân dã về núi con Cóc, con Gà , dòng sông)  => Đất nước hiện lên vừa gần gũi vừa thiêng liêng.  ***- Phương diện lịch sử:*** Nhìn vào bốn nghìn năm đất nước mà nhấn mạnh đến những con người vô danh- Họ âm thầm cống hiến và hi sinh.  ***- Truyền thống của nhân dân:***  + Say đắm trong tình yêu (*Yêu em từ thuở trong nôi.*)  + Biết quý trọng tình nghĩa (*Biết quý công*...)  + Quyết liệt trong căm thù và chiến đấu (*Biết trồng tre.*..)  => Sự phát hiện thú vị và độc đáo của tác giả về đất nước được triển khai trên hai hướng vừa khơi sâu, vừa phát triển những ý nghĩa mới trên các phương diện địa lí, lịch sử, văn hoá với nhiều ý nghĩa mới : Muôn vàn vẻ đẹp của đất nước đều là kết tinh của bao công sức và khát vọng của nhân dân , của những con người vô danh , bình dị .  **Tư tưởng cốt lõi và tụ điểm** là "*Đất Nước của Nhân Dân*" : Vì Đất Nước là của nhân dân nên Đất Nước là của ca dao thần thoại.Đây là một định nghĩa giản dị mà độc đáo.  **c. Nghệ thuật :**  - Thể thơ tự do phóng túng .  - Giọng thơ suy tưởng: đặt câu hỏi và tự trả lời.  - Sử dụng các chất liệu văn hoá dân gian không phải là thủ pháp nghệ thuật mà là để chi phối tư tưởng ***"Đất Nước là của Nhân Dân".***  - Giọng thơ trữ tình – chính luận .  **III. Tổng kết:**  - Đoạn trích thể hiện một cái nhìn mới mẽ về đất nước : Đất nước là sự hội tụ và kết tinh bao công sức và khát vọng của nhân dân . Nhân dân là người làm ra đất nước.  - Đoạn trích nằm trong ý đồ tư tưởng của tác giả: thức tỉnh tinh thần dân tộc. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố** :

- Về tiểu sử và phong cách sáng tác của Nguyễn Khoa Điềm.

- Vị trí và hoàn cảnh sáng tác của văn bản .

- Cách cảm nhận đất nước vừa cụ thể vừa độc đáo của tác giả ở phương diện thời gian, không gian và văn hoá.

- Tư tưởng Đất Nước của Nhân dân .

**5. Dặn dò** :

- Học thuộc đoạn trích.

- Soạn bài mới *Đất Nước* của Nguyễn Đình Thi.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

***Tiết 29: Đọc thêm:* ĐẤT NƯỚC**

***Nguyễn Đình Thi***

**A. Mục tiêu cần đạt** :

**1. Kiến thức**

- Tác giả Nguyễn Đình Thi là một nhà văn đa tài thành công hơn cả vẫn là thơ.

- Thơ của ông giàu cảm xúc, kết tinh chất trí tuệ khi viết về nhân dân, đất nước.

- Vẻ đẹp sâu lắng, gợi cảm và thuyết phục qua tác phẩm thơ “Đất nước”.

**2. Kĩ năng**

- Đọc hiểu tc phẩm theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Tình yêu quê hương đất nước.

**B. Phương tiện thực hiện :**

- GV: SGK, SGV, Các tài liệu đọc thêm.

- HS: SGK, Vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp:**

- Nêu vấn đề, phát vấn, kết hợp diễn giảng.

- Hoạt động song phương giữa GV và HS.

- Về nhà, đọc kỹ bài thơ, tìm hiểu phần Hướng dẫn học bài.

- Cố gắng giải đáp các câu hỏi SGK, nhất là phải thấy được dụng ý của tác giả khi sử dụng các biện pháp nghệ thuật tu từ.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ……………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Tác giả Nguyễn Khoa Điềm cảm nhận Đất Nước theo phương diện nào?

- Cơ sở tác giả xác định *“ Đất Nước của Nhân Dân”?*

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Đất nước là chủ đề rộng lớn và đa dạng . Đến với Đất nước của Nguyễn Đình Thi sẽ giúp cho người đọc hiểu thêm về thời kì đau thương của đất nước trong những năm thực dân Pháp xâm lược. Bên cạnh đó còn có hình ảnh con người đi cứu nước với tư thế hiên ngang và ý chí sắt đá , lòng kiên định trong buổi ra đi. Với bản sắc riêng , âm điệu hào hùng và xu hướng sáng tác Nguyễn Đình Thi đã sáng tác bài thơ rất giàu cảm xúc.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOAÏT ÑOÄNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **?**Em hãy sơ lược vài nét về tác giả Nguyễn Đình Thi ?  **?**Nêu quá trình sáng tác tác phẩm?  **?**Trình bày bố cục bài thơ?  **?**Đoạn đầu thể hiện điều gì ?  **?**Nghệ thuật thể hiện qua câu, chữ tiêu biểu?  **?**Các em hãy chỉ ra các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong từng khổ thơ ? Biện pháp nghệ thuật ấy nhằm biểu đạt nội dung gì ?  **?**Em thích nhất những câu thơ nào? Lý giải vì sao em yêu thích nó ?  **?**Bằng cảm nhận riêng của bản thân, em khai thác giá trị đặc sắc trong 4 câu thơ cuối của bài thơ.  ? Khái quát nghệ thuật và nội dung bài thơ. | **I. Giới thiệu chung :**  **1. Tác giả**: (SGK)  **2. Quá trình hoàn thành :**  - Ấp ủ trong thời gian 8 năm, (1948 – 1955), tác phẩm mới hoàn thành.  - Tuy có thể lắp ghép các mảng thơ nhưng tác phẩm thơ vẫn là một chỉnh thể.  **3. Bố cục :**  + Phần 1 (7 câu) : Tâm trạng – nỗi luyến nhớ về mùa thu & Hà Nội.  + Phần 2 (8 câu🡪 câu 21) Cảm xúc về mùa thu, suy nghĩ về đất nước, con người VN.  + Phần 3 (còn lại) Nhận thức tình yêu quê hương – đất nước, ý thức căm thù và quật khởi quật cường.  **II. Đọc hiểu văn bản :**  **1. 7 câu đầu:** (cảm xúc về đất nước được khơi nguồn từ 1 buổi sáng mùa thu)  + “sáng mát trong”  + “hương cốm”  + Lặp từ “thu”  + “sáng chớm lạnh”  + “Xao xác hơi may”  + “Thềm nắng – lá rơi đầy”  => mùa thu đặc trưng Hà Nội.  “*Người ra đi / đầu không ngoảnh lại*" => thể hiện ý chí quyết tâm.  **2. 14 câu tiếp theo**: Mùa thu mới nơi Việt Bắc. Lòng kiêu hãnh, tự hào vẻ đẹp của đất nước, truyền thống bất khuất của dân tộc Việt Nam.  - Câu thơ 5 chữ “mùa thu nay khác rồi”  - Lời thơ ngắn gọn, chắc khoẻ nhằm khẳng định sự thay đổi của hoàn cảnh xã hội, trong nhận thức của con người.  - Chú ý các biện pháp nghệ thuật tu từ, ngôn ngữ thơ.  + Đứng – vui – nghe : niềm vui, sự hân hoan phơi phới.  + Nghệ thuật nhân hoa, lối nói ***ẩn dụ***  + Sự phối hợp thanh ***trắc*** thanh ***bằng***  =>Bức tranh thu đẹp, lóng lánh niềm vui sướng, tự hào.  + Cụm từ “Nước chúng ta” – trang nghiêm, trang trọng.  + Lặp từ “Những” – hình ảnh đất nước trù phú, mênh mông.  + Tự láy “đêm đêm”, “rì rầm” – sự liên tưởng về mỗi quan hệ giữa hiện tại và quá khứ.  **3. Những câu thơ còn lại:**  ***a. Đất nước trong đau thương:***  - Cánh đồng quê – chảy máu.  - Dây thép gai – đâm nát trời chiều.  - Bát cơm chan đầy nước mắt.  - Đứa đè cổ – đứa lột da.  (Cần thấy được các biện pháp tu từ đã góp phần đắc lực trong việc thể hiện nội dung tư tưởng)  ***b. Đất nước của những con người anh hùng, dũng cảm, bất duyệt:***  - Ngời lên nét mặt quê hương.  - Bật lên những tiếng căm hờn.  => quyết liệt, dữ dội  - Nghệ thuật đối lập :  Xiềng xích > < trời đầy chim  Súng đạn > < đất đầy hoa  yêu nước,  thương nhà  => khẳng định sức mạnh tinh thần, tâm hồn người Việt Nam  - Động từ ***ôm*** (trong câu thơ: “ôm đất nước …”) được hiểu theo nghĩa như một tính từ : sự níu giữ, niềm tin yêu vô bờ, không để ai cướp lấy.  - Nổi bật và đặc sắt nhất vẫn là 4 câu thơ cuối bài “Súng nổ…đứng dậy sáng loà”  + Hình thức thể hiện : thơ 6 chữ cô đúc, rắc rỏi.  + Bút pháp nhân hoá, kết hợp với sự linh hoạt, nhuần nhị trong việc đưa thành ngữ “tức nước vỡ bờ” vào thơ.  => Tạo nên vẻ đẹp hào hùng, tráng lệ về con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Đoạn thơ đã khái quát được sức vươn dậy thần kỳ của dântộc Việt Nam chúng ta.  **III. Tổng kết:** Đất nước là một tác phẩm thơ gây một ấn tượng mạnh nhờ vào chất chính luận – trữ tình hoà quyện tự nhiên, uyển chuyển.  Tác phẩm đã khắc chạm thành công một tượng đài kỳ vĩ bằng thơ về con người Việt Nam. Tổ quốc Việt Nam |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố :** “*Đất nước*”, một đóng góp đáng nể của Nguyễn Đình Thi cho nền thi ca dân tộc.

**5. Dặn dò:**

**-** Học thuộc lòng bài thơ.

- Chuẩn bị bài : Luật thơ (tiếp).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 30. Làm văn: LUẬT THƠ**(Tiếp)

**A. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :** Giúp HS:Hiểu luật thơ của một số thể thơ truyên thống: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn Đường luật.Qua các bài tập, hiểu thêm về một số đổi mới trong các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng.

**2. Kĩ năng** : Làm thơ

**3. Tư duy, thái độ** : Yêu thích thơ

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

- Hướng dẫn HS quan sát vần, nhịp, phép hài thanh qua các vị dụ đã nêu trong SGK. Có thể dùng phát vấn, đối thoại để tiết học thêm sinh động.

- Bài tập có thể hướng dẫn ngay tại lớp, không cần yêu cầu HS làm trước ở nhà.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Sĩ số: ………………………………

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Tác giả Nguyễn Đình Thi có cảm xúc như thế nào về hai mùa thu của đất nước?

- Hình ảnh con người, dân tộc Việt Nam trong chiến đấu được miêu tả như thế nào?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Luật thơ là toàn bộ những quy tắc về số câu , dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp , hài thanh…để thể hiện tâm tư tình cảm mà người viết muốn bày tỏ . Và một câu thơ hay, bài thơ hay được đánh giá tổng thể nhưng tuyệt đối phải hay về luật . Hãy cùng làm các bài tập để hiểu thêm về luật thơ.*

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **\*GV : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài tập 1 :**  **- GV:** Những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh trong hai bài *Mặt trăng* và bài *Sóng*?    **\*GV : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài tập 2 :**  **- GV:** Sự đổi mới, sáng tạo của bài thơ trong thể thơ 7 tiếng hiện đại so với thơ thất ngôn truyền thống?  **\*GV : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài tập 3 :**  **- GV:** Đánh dấu mô hình âm luật bài thơ *Mời trầu*?  **\* GV : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài tập 4 :**  **- GV:** Ảnh hưởng của thơ thất ngôn Đường luật đối với thơ mới trong bài thơ? | **1. Bài tập 1:**  Những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh (bài *Mặt trăng* và bài *Sóng*):  \* Giống nhau: gieo vần cách  \* Khác nhau:     |  |  | | --- | --- | | **Ngũ ngôn truyền thống**  **( Mặt trăng)** | **Thơ hiện đại:**  **năm chữ (Sóng)** | | - Vần: độc vận (bên, đen, lên, hèn)  - Ngắt nhịp lẻ: 2/3  - Hài thanh: Luân phiên ở tiếng 2 và 4 | - Vần: 2 vần (thế, trẻ, em, lên)  - Nhịp chẵn: 3/2  - Thanh của tiếng thứ 2 và 4 linh hoạt |   **2. Bài tập 2:**  Sự đổi mới, sáng tạo trong thể thơ 7 tiếng hiện đại so với thơ thất ngôn truyền thống:  \* Gieo vần:  - Vần chân, vần cách: lòng - trong (giống thơ truyền thống)  - Vần lưng: lòng - không (sáng tạo)  - Nhiều vần ở các vị trí khác nhau: sông- sóng- trong lòng – không (3)- không (5)- trong (5)-trong (7)  → sáng tạo  \* Ngắt nhịp:  - Câu 1 : 2/5 → sáng tạo  - Câu 2, 3, 4: 4/3→giống thơ truyền thống  **3. Bài tập 3:**  Mô hình âm luật bài thơ *Mời trầu*:  *Quả cau nho nhỏ / miếng trầu hôi*  B T B  *Này của Xuân Hương / mới quệt rồi*  T B T Bv  *Có phải duyên nhau / thì thắm lại*  T B T  *Đừng xanh như lá / bạc như vôi*  B T B Bv  **4. Bài tập 4:**  Ảnh hưởng của thơ thất ngôn Đường luật đối với thơ mới:  \* Gieo vần: sông - dòng: vần cách  \* Nhịp: 4/3  \* Hài thanh:  - Tiếng 2: gợn, thuyền, về, một: T – B – B – T  - Tiếng 4: giang, mái, lại, khô: B –T – T – B  - Tiếng 6: điệp, song, trăm, mấy: T – B – B – T  🡪 Vần, nhịp, hài thanh đều giống thơ thất ngôn tứ tuyệt |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

- Sự khác nhau giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại .

- Mối quan hệ giữa thơ hiện đại và truyền thống.

**5. Dặn dò:**

**-** Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: ***Thực hành một số phép tu từ ngữ âm.***

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

***Tiết 31.Tiếng Việt:* THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM**

**A. Mục tiêu bài học :**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS:Củng cố và nâng cao nhận thức về một số phép tu từ ngữ âm (tạo nhịp điệu, âm hưởng, điệp âm, điệp vần, điệp thanh): đặc điểm và tác dụng của chúng.

Cảm nhận và phân tích các phép tu từ trong văn bản, bước đầu biết sử dụng các phép tu từ.

**2. Kĩ năng** : Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hiệu quả biểu đạt của một số câu/ đoạn văn, thơ có sự phối hợp ngữ âm.

**3. Tư duy, thái độ** : Phân tích, đối chiếu sự phối hợp âm thanh, nhịp điệu, âm hưởng của một số câu/ đoạn thơ, văn.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp:**

\* Tuỳ đối tượng HS mỗi lớp, GV chọn một trong những hình thức sau:

- Cá nhân Hs làm bài tập, Gv yêu cầu trình bày trước lớp.

- Thảo luận ở tổ, nhóm, sau đó cử đại diện trình bày trước lớp.

- Thi giải bài tập giữa các tổ, nhóm.

\* Sau mỗi bài tập, GV tổng kết, chốt lại những kiến thức và kĩ năng cơ bản.

**D**. **Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số : …………………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không.

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Bài học sẽ giúp cho HS rèn luyện kĩ năng về việc tích hợp kiến thức đọc văn, phân tích thơ ca . Rèn luyện về kiến thức tiếp nhận thơ ca dựa vào : nhịp điệu và âm hưởng thơ ca, giúp hiểu cách gieo vần , hài thanh, sự đăng đối , sắc thái thơ ca nói chung.Chúng ta sẽ chia nhóm thảo luận và cùng giải bài tập :

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **GV: Hướng dẫn HS tìm hiểu phần I**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Bài tập 1**  **+ GV:** Nhận xét cách ngắt nhịp trong đoạn?  **+ GV:** Nhịp dài có tác dụng ra sao?  **+ GV:** Nhịp ngắn tạo nên tác dụng gì ?  **+ GV:** Cách phối hợp thanh điệu như thế nào, tác dụng của nó?  **- Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu Bài tập 2**  **+ GV:** Điều gì nổi bật về nghệ thuật trong đoạn văn này?  **+ GV:** Nhịp điệu khi nhanh, khi chậm thể hiện điều gì ?  **- Thao tác 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu Bài tập 3**  **+ GV:** Cách ngắt nhịp của đoạn văn như thế nào? Tạo nên âm hưởng gì?  **+ GV:** Cách ngắt nhịp của hai câu cuối như thế nào? Tạo nên âm hưởng gì?  **\* GV: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phép điệp âm, điệp vần, điệp thanh.**  **- Thao tác 1: Hướng dẫn tìm hiểu bài tập 1.**  **+ GV:** Tác dụng của lặp âm đầu trong câu thơ sau là gì?  *Dưới trăng quyên đã gọi hè*  *Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông*  **+ GV:** Nếu thay từ *bóng* thành từ ánh thì câu thơ sau như thế nào?  *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe*  **- Thao tác 2: Hướng dẫn tìm hiểu bài tập 2.**  **+ GV:** Sắc thái ý nghĩa của vần *ang* trong đoạn thơ sau là gì?  *Lá bàng đang đỏ ngọn cây.*  *Sếu giang mang lạnh đang bay ngang trời*  *Mùa đông còn hết em ơi*  *Mà con én đã gọi người sang xuân* !  **- Thao tác 3: Hướng dẫn tìm hiểu bài tập 3.**  **+ GV:** Khung cảnh hiểm trở và sự giao sự gian lao vất vả được gợi ra nhờ những yếu tố nào? Phân tích? | **I. Tạo nhip điệu và âm hưởng cho câu:**  **1. Bài tập 1:**  - Đoạn văn có 4 nhịp: 2 nhịp dài, 2 nhịp ngắn phối hợp diễn tả nội dung đoạn:  + Hai nhịp dài: thể hiện lòng kiên trì và ý chí quyết tâm dân tộc trong đấu tranh vì tự do với thời gian dài.  + Hai nhịp ngắn: khẳng định dứt khoát và đanh thép quyền tự do và độc lập của dân tộc  - Sự thay đổi thanh điệu cuối nhịp:  + Kết thúc 3 nhịp đầu: thanh bằng và âm tiết mở tạo âm hưởng ngân vang, lan xa.  + Nhịp cuối: thanh trắc và âm tiết khép, tạo nên âm hưởng mạnh mẽ, dứt khoát, phù hợp với lời khẳng định.  **2. Bài tập 2:**  Để tạo nên sắc thái hùng hồn, thiêng liêng, đoạn văn phối hợp:  - Phép điệp (lặp từ ngữ, kết cấu ngữ pháp và nhịp điệu 4/2/4/2) + phép đối (đối xứng từ ngữ, về nhịp điệu, về kết cấu ngữ pháp)  - Câu văn xuôi + có vần (Câu 1,2: bà / già, súng / súng)  - Nhịp ngắn, nhịp dài: câu 1, 4.  🡪 Tạo âm hưởng khi khoan thai, khi mạnh mẽ, thích hợp với lời kêu gọi cứu nước.  **3. Bài tập 3:**  - Ngắt nhịp (dấu phẩy ở ba câu đầu) khi cần liệt kê.  - Câu 3:  + Ngắt nhịp liên tiếp  🡪 như lời kể về từng chiến công của tre.  + Nhịp ngắn trước, nhịp dài sau  🡪 tạo âm hưởng du dương cho lời ngợi ca.  - Hai câu cuối: ngắt nhịp giữa CN và VN  🡪 Tạo âm hưởng mạnh mẽ, dứt khoát cho lời tuyên dương công trạng, khẳng định ý chí kiên cường và chiến công vẻ vang của trẻ.  **II. Điệp âm, điệp vần, điệp thanh:**  **1. Bài tập 1:**  - Lặp âm đầu gợi cảm giác về hình ảnh : hoa lựu như những đóm lửa nhỏ, đẹp và ẩn hiện trên đầu tường.  - Lặp âm đầu gợi cảm giác phản chiếu của bóng trăng như phát tán trong không gian và trên mặt nước.  **2. Bài tập 2:**  - Vần *ang* – âm thanh mở lặp lại nhiều nhất, xuất hiện 7 lần  - Tác dụng:  + Tạo cảm giác rộng lớn, chuyển động, kéo dài (đông – xuân)  + Phù hợp với cảm xúc chung: mùa đông đang còn tiếp diễn vậy mà đã có lời mời gọi mùa xuân.  **3. Bài tập 3:**  Khung cảnh hiểm trở và sự gian lao vất vả được gợi ra nhờ:  - Nhịp điệu: 4/3 ở 3 câu đầu.  - Sự phối hợp: B – T ở 3 câu đầu  + Câu 1: Thiên về vần T  🡪 Gợi không gian hiểm trở, mang màu sắc hùng tráng, mạnh mẽ.  + Câu 4: Thiên về vần B  🡪 Gợi không khí rộng lớn, thoáng đãng trước mắt khi vượt qua con đường gian lao, vất vả.  - Từ láy gợi hình, phép đối, phép lặp, phép nhân hoá (*súng ngửi trời.*)  - Lặp cú pháp: câu 1 và 3. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:**

Tác dụng của các biện pháp tu từ ngữ âm trong khi diễn đạt nội dung câu văn.

**5. Dặn dò:**

- Luyện tập ở nhà: chỉ ra phép tu từ ngữ âm và ý nghĩa của nó trong những đoạn thơ, đoạn văn đã học trong chương trình.

- Chuẩn bị: Bài viết số 3: ***Nghị luận văn học.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 32-33. VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức**: Vận dụng kiến thức đã học trong phần Văn học ở nửa đầu HKI. để viết bài nghị luận văn học về một bài thơ, đoạn thơ trong đó sử dụng các thao tác phân tích, bình luận, nêu cảm nghĩ.

**2. Kĩ năng**: Rèn luyện, củng cố kĩ năng tìm hiểu đề, lập dàn ý, tổ chức bài văn, các thao tác phân tích, bình luận vh; Bước đầu rèn luyện cho HS tập trung vào một khía cạnh, một vấn đề nổi bật trong đặc điểm nghệ thuật hoặc nội dung của tác phẩm,

**3. Tư duy, thái độ**: Ý thức tự rèn luyện cách trình bày ngắn gọn, rõ ràng, đồng thời nâng cao năng lực tư duy tổng hợp.

**B. HÌNH THỨC**

Bài kiểm tra tự luận trong thời gian 90 phút.

**C. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Thấp** | **Cao** |
| Làm văn |  | Chỉ ra được tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* (Tố Hữu). |  | Vận dụng kiến thức đọc hiểu về bài thơ *Tây Tiến* và kỹ năng tạo lập văn bản để viết bài nghị luận văn học về vẻ đẹp hình tượng người lính Tây Tiến. |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỷ lệ: |  | 1  3,0  30% |  | 1  7,0  70% | 2  10  100% |
| Tổng số câu:  Tổng số điểm:  Tỷ lệ: |  | 1  3,0  30% |  | 1  7,0  70% | 2  10  100% |

**D. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA**

**Thời gian làm bài: *90 phút***

**Câu 1**. Tính dân tộc trong bài thơ “Việt Bắc” - Tố Hữu được biểu hiện cụ thể ở những phương diện nào? Trình bày vắn tắt và nêu dẫn chứng minh hoạ. (3 điểm)

**Câu 2**. Phân tích vẻ đẹp hình tượng người lính trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng. (7 điểm)

**E. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1:**

- Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh ra đời, đề tài của bài thơ (0.5đ)

- Những biểu hiện cụ thể của tính dân tộc trong bài thơ:

+ Nội dung: đề tài, hình tượng trung tâm, cảm hứng chủ đạo của bài thơ đều hướng tới những vấn đề lớn lao của ls dt(cuộc kc chống Pháp); hình tượng đất nước con ngườiVN vừa anh dũng, quật cường vừa tràn đầy vẻ đẹp thơ mộng đằm thắm (1 điểm)

+ Nghệ thuật: Thể thơ lục bát, giọng điệu trữ tình, cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh (1.5 đ)

**Mức đầy đủ:**

Mã 2: Trả lời đầy đủ được các ý.

**Mức không đầy đủ**

Mã 1: Nêu được một trong các ý trên hoặc nêu được các ý nhưng chưa đầy đủ.

**Mức không tính điểm:**

Mã 0: Có câu trả lời khác.

Mã 9: Không trả lời.

**Câu 2:**

**1. Yêu cầu về kĩ năng**

Hiểu đề, biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Biết phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc các lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

**2. Yêu cầu về kiến thức**

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải làm nổi bật được những ý cơ bản sau:

*Sau đây là một số gợi ý:*

\* Mở bài: (0.5đ)

- Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh ra đời, đề tài, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

- Giới thiệu khái quát về hình tượng nt chủ đạo - đối tượng trữ tình của tp: ha người lính TT với vẻ bi tráng, đậm chất lãng mạn, hào hoa, bay bổng.

\* Thân bài (6đ)

- Vẻ đẹp bi tráng của người lính TT(3 đ)

+ Hình tượng người lính TT mang vẻ đẹp hào húng mãnh liệt có bóng dáng của các tráng sĩ thủa xưa nhưng cũng rất thời đại, rất mới mẻ. ý chí quên mình, ty mãnh liệt với quê hương đất nước, ty cs làm bừng sáng vẻ đẹp cuộc đời cđ gian khổ.

+ Vẻ đẹp của người lính khong tách rời nỗi đau chiến tranh ác liệt. Sự hi sinh của những người lính được biểu hiện bằng những hả bi thương nhưng không bi luỵ

- Vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn, hào hoa (3 đ)

+ Nét khác biệt giữa hình tượng người lính trong bài thơ TT với người lính trong bài thơ một số bài thơ khác: Sự khác biệt xuất phát từ đ. điểm bản thân đối tượng trữ tình, từ tâm hồn của chính chủ thể trữ tình.

+ Vẻ đẹp lãng mạn không chỉ bộc lộ ở dáng vẻ “oai hùm” phóng túng mà luôn thăng hoa trong tâm hồn trong từng giai điệu cảm xúc của người lính giữa sự tàn khốc của ct.

\* Kết bài: (0.5đ)

- Nhận định tổng quát về dặc trưng của hình tượng nghệ thuật: chất lãng mạn và chất anh hùng trong hình tượng người lính.

- Đóng góp của Quang Dũng trong cách biểu hiện hình tượng người lính trong thơ ca kháng chiến.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ kết quả cần đạt.** | | | | |
| **Giỏi** | **Khá** | **TB** | **Yếu** | **Kém** |
| **Nội dung 1** | **Tiêu chí:**  - Chỉ ra được tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc*, phân tích sâu sắc, đầy đủ các phương diện đó.  ***- Điểm: 3,0*** | **Tiêu chí:**  **-** Chỉ ra được tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* nhưng phân tích không sâu các biểu hiện.  - ***Điểm: 2,0 - 2,5*** | **Tiêu chí:**  - Chỉ ra được tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* nhưng phân tích sơ sài, chưa đầy đủ  ***-Điểm: 1,0 – 1,5*** | **Tiêu chí:**  - Chưa chỉ ra đầy đủ các phương diện của tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc.*  - Bài viết sơ sài.  ***Điểm: 0,5 – 0,75*** | **Tiêu chí:**  - Không làm hoặc hoàn toàn không phân tích, không chỉ ra được bất cứ một phương diện nào.  ***- Điểm 0*** |
| **Nội dung 2** | **Tiêu chí**  - Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc và sáng tạo; có thể còn một vài sai sót về chính tả, dùng từ.  - Giới thiệu được hoàn cảnh ra đời, chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Phân tích được đầy đủ vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn của người lính Tây Tiến.  - Đóng góp của nhà thơ Quang Dũng.  ***- Điểm: 6,0 – 7,0*** | **Tiêu chí:**  - Bố cục rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ; còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  **-** Giới thiệu được hoàn cảnh ra đời, chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Phân tích được vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn của người lính Tây Tiến nhưng chưa sâu.  - Chỉ ra được những đóng góp của nhà thơ Quang Dũng nhưng chưa sắc sảo.  ***- Điểm: 4,5 – 5,75*** | **Tiêu chí:**  - Bố cục, lập luận chưa rõ ràng, mắc nhiều lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  - Giới thiệu hoàn cảnh ra đời, chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ chưa thực sự rõ ràng.  - Phân tích được vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn của người lính Tây Tiến nhưng chưa sâu, còn mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.  - Chỉ ra được đóng góp của nhà thơ Quang Dũng nhưng diễn đạt không rõ ràng.  ***Điểm: 3,5 – 4,25*** | **Tiêu chí:**  - Mắc lỗi bố cục, lập luận, rất nhiều lỗi về diễn đạt.  - Chưa giới thiệu được hoàn cảnh ra đời, chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ, chưa phân tích được vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn của người lính Tây Tiến, những đóng góp của nhà thơ Quang Dũng.  ***- Điểm: 1 -3,25*** | **Tiêu chí:**  Không làm hoặc hoàn toàn lạc đề.  ***- Điểm: 0*** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 34-35. Đọc văn. Đọc thêm. - DỌN VỀ LÀNG (*Nông Quốc Chấn*)**

**- TIẾNG HÁT CON TÀU(*Chế Lan Viên*)**

**- ĐÒ LÈN (*Nguyễn Duy*)**

**Bài 1: DỌN VỀ LÀNG**

*(Nông Quốc Chấn)*

**A.** **Mục tiêu cần đạt** :

**1. Kiến thức** :Giúp HS hiểu được:Vẻ đẹp rất riêng của thơ Nông Quốc Chấn, đại diện cho thơ của tầng lớp trí thức dân tộc ít người.Cảm nhận vẻ đẹp về nội dung và hình thức của bài thơ “ *Dọn về làng”.*

**2. Kĩ năng :** Rèn thêm kĩ năng đọc hiểu thơ cho học sinh.

**3. Tư duy, thái độ** : Tình yêu quê hương.

**B. Phương tiện :**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.**Phương pháp :** Nêu vấn đề, hợp tác nhóm...

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

Sĩ số: ………………………………..

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Chỉ ra cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh trong đoạn thơ:

*“Nhớ gì như nhớ người yêu*

*…*

*Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy”*

*(Việt Bắc -* Tố Hữu*)*

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã trở thành nguồn cảm xúc sáng tác phong phú cho giới văn nghệ sĩ bấy giờ, cũng lấy từ nguồn cảm xúc ấy, Nông Quốc Chấn sáng tác* ***Dọn về làng.***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  -Cho HS tham khảo phần tiểu dẫn, gọi 1 em nêu những nét chính về tác giả và đặc điểm thơ Nông Quốc Chấn.  **?** Em cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ? Hoàn cảnh ấy có tác động như thể nào đến cảm hứng của tác giả?  - Gọi HS đọc bài thơ  **?**Tác phẩm “*Dọn về làng*” nói về vấn đề gì?.  *Cuộc sống của nhân dân ta dưới ách thống trị của thực dân Pháp và niềm vui được giải phóng.*  **?** Từ bố cục rất lạ của bài thơ, em có thể suy ra được bài thơ có những nội dung cơ bản nào?  **Nhóm 1:** phát hiện nghệ thuật từ câu 7 đến 37.  HS bình câu: *“ Cơn sấm sét lán sụp xuống nát cửa”*  **Nhóm 2:** câu 38 đến 48.   * Biện pháp đối lập (vd). * Giàu liên tưởng, âm thanh ánh sáng (vd).   **?** Nhân dân đã sống cay cực ra sao? Phải chăng đó là bi kịch của một gia đình?.  **?** Có người cho rằng từ hiện thực đau thương đó, niềm vui được giải phóng của nhân dân là niềm vui lớn mang tính thời đại, dân tộc. Em nghĩ sao?.  **?** Để có được những nội dung trên, tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật độc đáo nào? Từ đó suy ra thơ của tác giả có gì đặc biệt? | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả, tác phẩm:**  **-** Nông Quốc Chấn là nhà thơ dân tộc Tày. Thơ ông đậm bản sắc dân tộc miền núi.  **-** Tác phẩm: (SGK)  **2.** **Hoàn cảnh ra đời:**(SGK)  **II. Hướng dẫn đọc thêm**:  **1. Đặc sắc về nội dung:**  ***a. Cuộc sống gian khổ của nhân dân Cao- Bắc- Lạng và tội ác của giặc Pháp:***  **- Cuộc sống “*cay đắng* *đủ mùi*” của nhân dân:**  + Chạy giặc loạn lạc trong cảnh mưa bão mịt mù, sấm sét dữ dội.  *+* Sống đói khát, ngột ngạt, kinh hoàng; chết không ai chôn.  + Đặc biệt là hình tượng người mẹ- chịu đựng bao đau thương, mất mát nhưng cũng hết sức can trường trước mọi gian nan, thử thách trước mọi suy ngẫm. Đó vừa là người mẹ thân yêu trong tâm thức tác giả, vừa là người mẹ quê hương trong ý nghĩa tự thân của tác phẩm.  - **Tội ác của giặc Pháp:** Đốt trơ trụi, vét hết quần áo, bắt dân làng, tra tấn, đánh đập.  => Đó là bi kịch của dân tộc ta, nỗi đau lớn của nhà thơ. Có thể coi bài thơ là bản cáo trạng kẻ tọi thực dân xâm lược, qua đó bộ lộ thái độ của tác giả về sức chịu đựng và tình cảm yêu nước của dân tộc vùng cao.  ***b. Niềm vui khi được “Dọn về làng”:***  - Bố cục giản dị: Mở đầu là niềm vui khi Cao- Bắc- Lạng được giải phóng => nỗi buồn tủi, xót x,a căm giận bọn ngoại xâm đã tàn phá, gieo rắc tội ác lên quê hương => đoạn kết: trở lại cảm xúc mừng vui, hân hoan vì quê hương thanh bình trở lại.  - Thể hiện niềm vui mang nét riêng: lối nói cụ thể, cảm xúc, suy nghĩ được diễn đạt bằng hình ảnh: *"Người đông như kiến, súng đầy như củi", "Đường cái kêu vang tiếng ô tô... mái nhà lá"*  => Niềm vui Cao- Bắc- Lạng giải phóng được thể hiện bằng một phong cách riêng, đậm màu sắc độc đáo của tư duy người miền núi. Từ những chi tiết, hình ảnh, âm thanh cụ thể, niềm vui tràn ngập như vút lên trên từng câu thơ. Qua đó, thể hiện khát vọng tự do của dân tộc ta.  **III.** **Tổng kết:**  Bài thơ có nội dung và nghệ thuật đặc sắc. Góp một gương mặt đặc biệt cho nền thơ Việt Nam. |

**Bài 2: TIẾNG HÁT CON TÀU**

**(*Chế Lan Viên*)**

**A Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được khát vọng về với nhân dân và đất nước với những kỷ niệm sâu nặng nghĩa tình trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhà thơ.

- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật thơ Chế Lan Viên: sáng tạo hình ảnh, liên tưởng phong phú, bất ngờ, cảm xúc gắn với suy tưởng.

**2. Kĩ năng**

**-** Đọc hiểu bài thơ theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ**

- Ý thức cống hiến, xây dựng đất nước.

**B. Phương pháp :**

- Nêu vấn đề, phát vấn, thuyết giảng.

- Gợi mở, dẫn dắt, hướng dẫn HS đọc thêm

**C. Phương tiện :**

GV: Sách giáo viên, sách giáo khoa, giáo án.

HS: Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Khát vọng xây dựng đất nước sau khi miền Bắc giành được độc lập của một tâm hồn nghệ sĩ giàu tình yêu quê hương.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  HS đọc tiểu dẫn nêu vài nét chính về tác giả Chế Lan Viên?  Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  Bài thơ mang đậm phong cách sáng tác của Chế Lan Viên.  Em hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ? Thực tế ó con tàu đi Tây Bắc không?  Vậy con tàu có ý nghĩa như thế nào? Tây Bắc có ý nghĩa gì?  Từ đó rút ra ý nghĩa của lời đề từ.  Nên tìm hiểu bài thơ theo bố cục như thế nào?  Hai khổ đầu tác giả thể hiện nội dung gì? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng?  Nội dung chính của khổ 3- 11?  Nét độc đáo của khổ 5 là gì? Biện pháp nghệ thuật gì?  Ý nghĩa của khổ 5?  Những con người Tây Bắc hiện lên như thế nào?  Tình quân dân được thể hiện trong đoạn thơ như thế nào?    Nội dung của đoạn còn lại. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả: Chế Lan Viên (1920 - 1989):**  - Thơ Chế Lan Viên nóng hổi tính thời sự, giàu chất sử thi, chất anh hùng ca và chất chính luận, có vẻ đẹp trí tuệ độc đáo.  - Phong cách thơ Chế Lan Viên độc đáo: có vẻ đẹp trí tuệ, khai thác triệt để những tương quan đối lập, giàu chất suy tưởng, triết lí với thế giới hình ảnh đa dạng, phong phú, đầy sáng tạo.  **2. Tác phẩm:** Rút từ tập*“Ánh sáng và phù sa”.*  - Bài thơ được gợi cảm hứng từ một sự kiện lịch sử những năm 1958- 1960: cuộc vận động đồng bào miền xuôi xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc.  **II. Hướng dẫn đọc thêm:**   1. **Lời đề từ:**   - Con tàu: biểu tượng cho khát vọng ra đi.  - Tây Bắc:vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa biểu tượng cho miền đất xa xôi của Tổ quốc.  => Đến với nhân dân, với Tây Bắc chính là trở về với lòng mình, với tình cảm sâu nặng, gắn bó.  **2. Hai khổ đầu:** Sự trăn trở và lời mời gọi lên đường:  - Biện pháp đối lập.  - Câu hỏi tu từ => nhân vật trữ tình tự phân đôi để chất vấn, đối thoại với chính mình.  → Không thể có ý nghĩa cuộc đời, không thể có thơ hay nêú chỉ quẩn quanh trong thế giới chật hẹp của cái tôi.  **3. Khổ 3- 11:** Hoài niệm về Tây Bắc trong kháng chiến .  - Khổ 3,4: Tây Bắc là xứ núi rừng anh hùng, cuộc kháng chiến chống Pháp là sân khấu để tôi luyện nhà thơ chuyển biến cuộc đời và nghệ thuật.  - Khổ 5: so sánh độc đáo.  Sự trở về với nhân dân là niềm hạnh phúc lớn lao của tác giả: trở về để được tắm mát, để tâm hồn được hồi sinh, tìm thấy ý nghĩa sự tồn tại của cuộc đời mình, được chăm sóc, vỗ về, an ủi. Những hình ảnh so sánh vừa gần gũi có vẻ đẹp thơ mộng mượt mà, vừa sự hoà hợp giữa nhu cầu, khát vọng của bản thân với hiện thực đã nhấn mạnh niềm hạnh phúc tột độ và ý nghĩa sâu xa của việc trở về với nhân dân.  - Khổ 6-11: Hình ảnh Tây Bắc hiện lên qua những con người cụ thể:  + Đó là người anh du kích với chiếc áo nâu , đứa em liên lạc linh hoạt, dũng cảm, người mẹ nuôi quân giàu đức hi sinh, cô gái xung phong với vắt xôi nuôi quân giấu giữa rừng => sự gắn bó và niềm biết ơn của tác giả.  + Nhóm từ chỉ thời gian vĩnh hằng, từ xưng hô nói lên mối quan hệ gắn bó, gần gũi.  + Đoạn thơ có những câu mang tính triết lí:  "*Khi ta ở chỉ là nơi đất ở*  *Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn"*  =>bình thường khi ta ở mảnh đất ấy chỉ là chốn trú thân. Khi rời xa mới nhận ra nơi ấy đã lưu giữ một phần tâm hồn.  *"Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương".*  *=>* Tình yêu có khả năng gắn kết những tâm hồn xa lạ.  **3. Còn lại:** Khúc hát lên đường  - Tiếng gọi của đất nước, của nhân dân, của đời sống trở thành động lực bên trong làm nhà thơ khao khát, bồn chồn: mắt ta thèm, tai tai nhớ, mắt ta nhớ, lòng ta cũng như tàu...  - Những hình ảnh có tính biểu tượng và ẩn dụ chỉ cuộc sống lớn của nhân dân... thành lời thôi thúc, mời gọi lên đường xây dựng Tây Bắc, xây dựng Tổ quốc.  - Âm hưởng đoạn thơ dồi dào lôi cuốn.  →Khao khát, bồn chồn, giục giã lên đường sôi nổi, mê say đáp lại lời mời gọi của hai khổ thơ đầu.  **III. Tổng kết:** Với những nét đặc sắc trong sáng tạo hình ảnh, với những liên tưởng phong phú bất ngờ, xúc cảm gắn với suy tưởng, bài thơ là tiếng lòng của nhà thơ hướng về đất nước với những kỉ niệm sâu nặng trong kháng chiến chống Pháp. Đó cũng là khát vọng trở về với ngọn nguồn cảm hứng sáng tạo thơ ca. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố**

**-** Nghệ thuật của bài thơ *Dọn về làng*  mang màu sắc dân tộc.

**-** Những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng trong bài thơ *Tiếng hát con tàu.*

**5. Dặn dò**

- Học thuộc lòng hai bài thơ.

- Chuẩn bị bài : *Đò Lèn* (Nguyễn Duy).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐÒ LÈN**

**(***Nguyễn Duy*)

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu thêm về thơ Nguyễn Duy - “ một thế giới nội tâm có bản sắc”.

Cảm nhận được tình cảm tri ân sâu sắc pha nỗi xót xa ân hận muộn màng của nhà thơ đối với người bà đã khuất.

- Hiểu được những nét riêng của Nguyễn Duy trong cách nhìn về quá khứ, về tuổi thơ cũng như trong cách thể hiện những cảm nhận về người bà lam lũ tảo tần giàu yêu thương.

**2. Kĩ năng**

**-** Góp phần củng cố kĩ năng tiếp nhận văn bản văn học cho HS : Cách dùng PP đối chiếu, so sánh để tìm ra nét riêng của VBVH, của tác giả.

**3. Tư duy, thái độ**

**-** Giáo dục tình cảm và hành vi đạo đức cho HS : Biết quý trọng người thân, biết hành động, quan tâm, chia xẻ đối với những người thân yêu nhất trong cuộc sống của mình.

**B**.**Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề , gợi mở .So sánh văn học

**C**.**Phương tiện**:

GV :SGK , SGV, thiết kế bài giảng , bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt.

HS : SGK, Vở soạn, vở ghi.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ..................................................**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

**-**Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ *Dọn về làng.*

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ *Tiếng hát con tàu.*

**3.Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Bài thơ như lời ru, một nỗi niềm xa xưa vọng lại. Bài thơ mở ra một thế giới tuổi thơ thắm đẫm tình bà cháu.*

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS |
| HOẠT ĐỘNG 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI  ?GV yêu cầu HS: Phát biểu một vài nét về Nguyễn Duy  GV nhấn mạnh một số nội dung quan trọng đã ghi trong tiểu dẫn.  GV đọc diễn cảm bài thơ.Hướng dẫn cách đọc.  GV nói nhanh về xuất xứ và đại ý , bố cục bài thơ.  ? Hai khổ thơ đầu khắc họa cái tôi ND thời thơ ấu. GV nêu một vài chi tiết và nhận xét về cái tôi tác giả.  + GV đọc đoạn đầu bài thơ Quê Hương của Giang Nam. So sánh với bài thơ này để học sinh thấy rõ cách nhìn mới mẻ của ND về tuổi thơ  - Hình ảnh người bà , qua hồi ức của tác giả,hiện lên như thế nào ? ( các chi tiết, hình ảnh )  -Tình cảm của nhà thơ như thế nào khi nghĩ về người bà một thời tần tảo, yêu thương nuôi nấng mình ?  ( Lưu ý trạng thái cảm xúc nhiều chiều trong tâm hồn nhà thơ )  GV đối chiếu bài này với bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt.Từ đó rút ra nét đặc sắc của Nguyễn Duy trong cùng thi đề viết về tình bà cháu.GV gợi mở :  - Để khắc hoạ hình ảnh người bà và gửi gắm tình cảm đối với bà, Nguyễn Duy đã sử dụng hiệu quả hai thủ pháp nghệ thuật :  + Thủ pháp đối lập.  + Thủ pháp so sánh, đối chiếu  GV so sánh giọng điệu ở 2 bài thơ.  GV tổng kết | I.Tìm hiểu chung:  1.Tác giả: (SGK)  2. Bài thơ: Đò Lèn (SGK)  II. Hướng dẫn đọc hiểu:  1. Cách nhìn về tuổi thơ của tác giả:  -Thời thơ ấu : câu cá , bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật,ăn trộm nhãn, đi chơi đền,chân đất đi đêm, níu váy bà đòi đi chợ...=> tinh nghịch, hiếu động, hồn nhiên.  - Cách nhìn: thành thực, thẳng thắng, tự nhiên, đậm chất quê, khác với lối thi vị hoá thường gặp => cách nhìn mới mẻ.  2.Tình cảm sâu nặng đối với người bà:  - Hình ảnh người bà: mò cua xúc tép ,gánh chè xanh những đêm lạnh ,bán trứng ga Lèn ngày bom Mỹ dội, năm đói củ dong riềng luộc sượng.. .  =>cơ cực, tần tảo, yêu thương .  - Tình cảm của nhà thơ khi nghĩ về bà ngoại:  + Thấu hiểu nỗi cơ cực, tần tảo, tình yêu thương của bà .Thể hiện tình yêu thương, sự tôn kính, lòng tri ân sâu sắc đối với bà.  + Sự ân hận , ngậm ngùi , xót đau muộn màng :  “Khi tôi biết thương bà thì đã muộn  Bà chỉ còn một nấm cỏ thôi"  3. Những đặc sắc trong cách thể hiện của ND trong thi đề viết về tình bà cháu:  - Sử dụng thủ pháp đối lập :  + Đối lập giữa cái tinh nghịch vô tư của người cháu với cái cơ cực, tần tảo của người bà.  + Đối lập giữa chiến tranh ác liệt với tình yêu thương của người bà.  + Đối lập giữa cái vĩnh hằng của vũ trụ với cái ngắn ngủi, hữu hạn của cuộc đời con người.  => thấu hiểu nỗi khổ cực của bà; thể hiện nỗi ngậm ngùi, sự ân hận muộn màng khi bà không còn nữa.  -Sử dụng phép so sánh đối chiếu :  + Giữa cái hư và cái thực; giữa bà với Tiên , Phật, thánh thần => tương đồng  + Giữa thần thánh với bà đặt trong một bối cảnh chiến tranh => tương phản  =>Tôn vinh, ngợi ca tấm lòng nhân từ cao cả của bà.Khẳng định sự bất diệt của hình ảnh người bà.  - Giọng điệu: thành thực, thẳng thắng.Vì thế tạo được dư vị về nỗi ngậm ngùi, đắng xót , ân hận pha lẫn những suy niệm đầy màu sắc triết lí về sự sống con người.  III. Kết luận:  - Bài thơ để lại nhiều dư vị trong tâm hồn, chạm đến cõi sâu kín và thường nhật trong cuộc sống tình cảm của mỗi con người. Dường như ND vừa nói hộ vừa nhắc nhở cho nhiều người về lẻ sống ở đời, đặc biệt là thái độ sống của mỗi người trong hiện tại đối với những gì gần gũi nhất trong cuộc sống của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố:** Cái nhìn mới mẻ của Nguyễn Duy về tuổi thơ và cách thể hiện rất riêng của nhà thơ về tình cảm đối với người bà.

**5. Dặn dò**

**-** Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài **: *Thực hành một số phép tu từ cú pháp.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 36. Tiếng Việt. THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ CÚ PHÁP**

**A. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Nắm được một số phép tu từ cú pháp ( phép lặp cú pháp, phép liệt kê, phép chêm xen ) : đặc điểm và tác dụng của chúng. Nhận biết và phân tích các phép tu từ cú pháp trong văn bản và biết sử dụng chúng khi cần thiết.

**2. Kĩ năng** : Trình bày, trao đổi về hiệu quả biểu đạt của một số câu/ đoạn văn, thơ có sử dụng một số biện pháp tu từ cú pháp.

**3. Tư duy, thái độ** : Phân tích, đối chiếu tác dụng của các biện pháp tu từ trong một số câu/ đoạn thơ, văn.

**B. Phương tiện :**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp:**

\* Tuỳ đối tượng HS mỗi lớp, GV chọn một trong những hình thức sau:

- Cá nhân HS làm bài tập, GV yêu cầu trình bày trước lớp.

- Thảo luận ở tổ, nhóm, sau đó cử đại diện trình bày trước lớp.

- Thi giải bài tập giữa các tổ, nhóm.

\* Sau mỗi bài tập, GV tổng kết, chốt lại những kiến thức và kĩ năng cơ bản.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số : ………………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Tình cảm sâu nặng của tác giả đối với bà được biểu hiện ở những góc độ nào trong bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

*Bài học ngày hôm nay giúp chúng ta nắm được một số phép tu từ cú pháp thường dùng trong văn bản nói chung, văn bản nghệ thuật nói riêng.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  GV hướng dẫn học sinh lần lượt thực hiện các bài tập ở phép lặp cú pháp .  -Bài tập 1  HS đọc ngữ liệu trong SGK và xác định yêu cầu của bài tập.  *-* Bảng phụ 1 *:*  *“ Buồn thay ! ( 1 )* ***Đàn muỗi vo ve bay, đùa nhau quanh ngọn đèn.(2) Lá cây sột soạt rụng, đuổi nhau trên đường nhựa”***( NCHoan ) Yêu cầu HS nhận xét về kiểu cấu trúc cú pháp của câu (1),(2) và kiểu cấu trúc cú pháp đó có tác dụng như thế nào ?  Cách nhận biết phép lặp cú pháp ?  Hướng dẫn HS làm bài tập , chia HS thành từng nhóm để thảo luận.  Bài tập 2 : Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK và xác định yêu cầu của bài tập.    Bài tập 3 : HS về nhà làm.  GV hướng dẫn HS thực hành về phép liệt kê .  Bảng phụ 2 :  *Này chồng này mẹ này cha.*  *Này là em ruột này là em dâu .*  ( Nguyễn Du )  -Yêu cầu HS liệt kê những người trong gia đình Kiều, tác dụng của việc liệt kê này ?  HS trả lời được 5 người trong gia đình Kiều . Cách liệt kê đã thể hiện được một trật tự hợp nhân tình và một tôn ti đúng chế định (phong kiến)  - Sự sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp đồng loại ( nhưng khác nhau về từ ngữ ) nhằm tạo ra những ý nghĩa bổ sung về mặt nhận thức hoặc thể hiện cách đánh giá, cảm xúc chủ quan về các sự vật được đưa ra.  -HS làm việc theo nhóm, cử đại diện trình bày, các nhóm khác bổ sung.  Cách nhận biết phép liệt kê ?  Hướng dẫn HS làm bài tập, chia nhóm để HS thảo luận.  GV hướng dẫn HS thực hành về phép chêm xen .  -Bảng phụ 3 : “ *Ông già giương hai mắt lên, rồi như đã nhận biết, bèn nhăn bộ răng ra cười,* ***cái cười khó khăn,*** *và gật gật mấy cái, giơ tay ra bắt”* (NCHoan)  Yêu cầu HS nhận xét về tác dụng của phép chêm xen trong câu trên.  Cách nhận biết phép chêm xen ?  Hướng dẫn HS làm bài tập 1, chia nhóm để thảo luận  Bài tập 2 : HS về nhà thực hiện | **I . Phép lặp cú pháp** :  **1. Bài tập 1:**  ***a.- Câu có hiện tượng lặp kết cấu cú pháp (lặp cú pháp):***  + Hai câu bắt đầu từ “ Sự thật là ”.  + Hai câu bắt đầu từ “ Dân ta”.  ***- Phân tích kết cấu cú pháp đó :***  + Kết cấu lặp ở hai câu bắt đầu từ “*Sự thật là*”: P – C – V1 – V2. Kết cấu khẳng định ở vế đầu và bác bỏ ở vế sau.  + Kết cấu lặp ở hai câu bắt đầu từ “ Dân ta”: C–V–Tr.  ***- Tác dụng :*** Tạo cho lời tuyên ngôn âm hưởng đanh thép, hào hùng, thích hợp với việc khẳng định nền độc lập của Việt Nam, đồng thời khẳng định thắng lợi của CMT8 là đánh đổ chế độ thực dân và chế độ phong kiến.  ***b.Các câu có lặp kết cấu cú pháp***  - Câu 1 và câu 2: C-V.  Câu 3,4,5 : cụm danh từ.  - **Tác dụng :** Khẳng định mạnh mẽ chủ quyền của chúng ta và bộc lộ cảm xúc sung sướng, tự hào, sảng khoái đối với thiên nhiên, đất nước khi giành được quyền làm chủ đất nước.  ***c. Đoạn thơ vừa lặp từ ngữ, vừa lặp cú pháp.***  - Ba cặp câu lục bát lặp các từ *nhớ sao* và lặp kết cấu ngữ pháp của kiểu câu cảm thán.  **- Tác dụng :** Biểu hiện nỗi nhớ da diết của người ra đi đối với những cảnh sinh hoạt và cảnh vật thiên nhiên ở Việt Bắc.  ***2. Bài tập 2 :*** So sánh :  ***a. Ở mỗi câu tục ngữ:*** hai vế lặp cú pháp nhờ phép đối chặt chẽ về số lượng tiếng, về từ loại, về kết cấu ngữ pháp của từng vế.  ***b. Ở phép đối:*** phép lặp cú pháp đòi hỏi mức độ chặt chẽ hơn: số tiếng ở hai câu bằng nhau. Hơn nữa, phép lặp còn phối hợp với phép đối (đối ứng từng tiếng trong hai vế về từ loại, về nghĩa; trong mỗi vế còn dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa tương ứng)  ***c. Ở thơ Đường luật:*** phép lặp cú pháp cũng đòi hỏi mức độ chặt chẽ cao : kết cấu ngữ pháp giống nhau, số lượng tiếng bằng nhau, các tiếng đối nhau về từ loại và nghĩa (đặc biệt giữa hai câu thực và hai câu luận của bài thất ngôn bát cú)  ***d. Ở văn biền ngẫu,*** phép lặp cú pháp cũng thường phối hợp với phép đối. Điều đó thường tồn tại trong một cặp câu (câu trong văn biền ngẫu có thể dài, không cố định về số tiếng).  **II. Phép liệt kê :**  a. Phép liệt kê đã phối hợp với phép lặp cú pháp. Tác dụng : nhấn mạnh và khẳng định sự đối đãi chu đáo, đầy tình nghĩa của Trần Quốc Tuấn đối với tướng sĩ trong mọi hoàn cảnh.  b. Phép lặp cú pháp ( các câu có kết cấu ngữ pháp giống nhau : C- V ( + phụ ngữ chỉ đối tượng ) phối hợp với phép liệt kê để vạch tội ác của thực dân Pháp, chỉ mặt vạch tên kẻ thù dân tộc. Cũng cùng mục đích ấy là cách tách dòng liên tiếp, dồn dập.    **III. Phép chêm xen :**  **Bài tập 1 :**  -Tất cả các bộ phận in đậm trong các bài tập a, b, c, d đều ở vị trí giữa câu hoặc cuối câu, sau bộ phận được chú thích.  - Các bộ phận đó đều được tách bằng ngữ điệu khi nói, khi đọc. Còn khi viết thì chúng được tách ra bằng dấu phẩy, dấu ngoặc đơn hoặc dấu gạch ngang.  - Chúng có tác dụng ghi chú hoặc giải thích cho từ ngữ đi trước, bổ sung thông tin thêm sắc thái về tình cảm, cảm xúc của người viết.  **Bài tập 2 :** HS về nhà thực hiện. |

**HOẠT ĐỘNG 5. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG**

**4. Củng cố**

**-** Tác dụng của phép lặp cú pháp, phép liệt kê, phép chêm xen.

**5.Dặn dò**

- Làm các bài tập về nhà.

- Soạn bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 37-38. Đọc văn. SÓNG**

***Xuân Quỳnh***

**A. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức** :Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao của người phụ nữ về một tình yêu thuỷ chung, bất diệt.Thấy được đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, xây dựng hình ảnh, nhịp diệu và ngôn từ của bài thơ.

**2. Kĩ năng** : Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về sự thể hiện hình tượng sóng và em trong bài thơ. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của tình yêu trong thơ ca, về vẻ đẹp của gương mặt thơ Xuân Quỳnh.

**3. Tư duy, thái độ** : Tự nhận thức về vẻ đẹp tình yêu trong cuộc sống.

**B. Phương tiện**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+HS : đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp**

- Hướng dẫn HS tiếp cận và khám phá TP qua phát vấn, đàm thoại về các h/ả, từ ngữ, âm điệu của bài thơ.

- Kết hợp việc đọc diễn cảm với các hình thức nêu vấn đề, phát vấn, đàm thoại, thảo luận nhóm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ………………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Trong bài thơ ***Đò Lèn***, cái tôi của tác giả thời thơ ấu được thể hiện như thế nào?

- Tình cảm sâu nặng của tác gia đối với bà được thể hiện như thế nào?

- Cách thể hiện tình cảm của tác giả đối với bà có gì đặc biệt?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Một cuộc đời đa đoan, một trái tim đa cảm là một Xuân Quỳnh luôn coi tình yêu là cứu cánh nhưng cũng luôn day dứt về giới hạn của tình yêu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 37** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** Nêu vài nét về tiểu sử Xuân Quỳnh có ảnh hưởng đến sự nghiệp văn học, là phong cách nghệ thuật thơ.  Bài thơ ra đời vào thời gian nào?  **?**Hình tượng bao trùm, xuyên suốt bài thơ là hình tượng *sóng*. Mạch liên kết các khổ thơ là những khám phá liên tục về *sóng*. Hãy phân tích hình tượng *sóng*?  **?**Giữa *sóng* và *em* trong bài thơ có mối quan hệ như thế nào? Nhận xét về nghệ thuật kết cấu của bài thơ?  **?**Chỉ ra sự tương đồng giữa trạng thái tâm hồn của người phụ nữ đang yêu với những con sóng?  **?**Nhận xét gì về 2 câu đầu?  **?**Cảm nhận như thế nào về khổ 3, 4?  **Hết tiết 37 sang tiết 38**  **Sĩ số: ……………………….**  **?**Nội dung của khổ 5,6?  **?**Khổ 7 nêu lên qui luật gì?  **?** Cảm nhận hai khổ cuối của bài thơ?  **?** Tìm các biện pháp nghệ thuật được dùng để thể hiện tâm tư và cảm xúc của tác giả?  **?** Nhận xét về thể thơ, âm điệu, nhịp điệu bài thơ? Âm điệu, nhịp điệu đó được tạo nên bởi những yếu tố nào?      **?** Cảm nhận được điều gì qua bài thơ? | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:** Xuân Quỳnh (1942 – 1988)  - Mồ côi mẹ từ nhỏ, sống với bà nội, khao khát tình yêu thương.  - Một trong số ít gương mặt thơ trẻ thời chống Mĩ.  - Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc đời thường.  **2. Bài thơ:**  ***a. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:*** Sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình).In trong tập ***Hoa dọc chiến hào*** (1968).  ***b. Giá trị nội dung và nghệ thuật: Sóng*** là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.  ***c. Hình tượng “sóng”:*** Sóng là hình ảnh ẩn dụ của tâm trạng người con gái đang yêu, là sự hoá thân, phân thân của nhân vật trữ tình.  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1.Những biểu hiện cụ thể của tình yêu:**  **a. Hai khổ đầu:** Tình yêu là qui luật của muôn đời.  - dữ dội ><dịu êm  ồn ào>< lặng lẽ  => hai trạng thái đối nghịch của sóng cũng là những biến động khác thường về trạng thái tâm lí tình yêu của người phụ nữ đang yêu: tình yêu nồng nàn, mãnh liệt, đắm say nhưng cũng dịu dàng, e ấp, đầy nữ tính.  - Trước những trạng thái đối nghịch của lòng mình, sóng không thể nào tự lí giải được nên đã làm hành trình từ sông ra bể để thể hiện khát vọng tự nhận thức, cắt nghĩa hạnh phúc của mình. Đó là hành trình thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp để tìm đến chân trời mới.  - Ra đến bể, con sóng thấy những dao động trái ngược kia là vĩnh hằng, muôn thuở với thời gian. Cũng như khao khát tình yêu của con người là khát vọng vĩnh hằng, muôn thuở. Nó luôn làm bồi hồi trái tim con người mà nhất là tuổi trẻ.  ***b. Khổ 3,4:*** Nhu cầu tự nhận thức.  - Tình yêu còn mang đến nhiều suy tư, trăn trở: nghĩa về người mình yêu, nghĩa về mình và về cuộc đời.  - Truy nguyên đến tận cội nguồn của sóng- tận nơi xuất phát của tình yêu, nhà thơ đành chịu “*em cũng không biết nữa*”.  => Triết lí: “*chỉ có thể cảm nhận chứ không thể cắt nghĩa được tình yêu*”  \* Cách nói hồn nhiên, chân thành, là tiếng nói của chính tâm trạng thực của người con gái vừa bước vào tình yêu.  ***c. Khổ 5,6:*** Các sắc độ của tình yêu, tình yêu sắc son.  - Tình yêu đi liền với nỗi nhớ, nỗi nhớ là thước đo nồng độ của tình yêu: Sóng nhớ bờ- ngày đêm không ngủ, em nhớ anh: khi thức lẫn khi vô thức (mơ)=> nỗi nhớ thật sâu đậm, chiếm cả tầng sâu, bề rộng (lòng sâu, mặt nước); khắc khoải trong mọi thời gian (ngày- đêm, mơ- thức), bao trùm không gian bao la (phương Bắc, phương Nam), choáng ngợp cả lòng người.  - Tâm hồn khao khát tình yêu ấy luôn hướng về sự thủy chung ( Hướng về anh một phương) như định hướng của sóng biển là bờ. Trong tình yêu chỉ có một hướng duy nhất là hướng về phía người mình yêu- “Chiếc kim la bàn trong tình yêu”.  => Người phụ nữ khi yêu thật mạnh bạo, chân thành khi bày tỏ lòng mình.  ***d. Khổ 7:*** Tình yêu bền vững.  - Sóng vượt qua muôn trùng xa cách cuối cùng cũng đến bờ=> dùng qui luật của thiên nhiên để khẳng định niềm tin mãnh liệt vào tình yêu và cũng là niềm an ủi cho bản thân mình và cho cả người mình yêu: “*tình yêu đẹp là tình yêu biết vượt ua thử thách*”.  **2. Niềm khát vọng trong tình yêu:**  - Sử dụng nghệ thuật đối lập giữa cái vô hạn với cái hữu hạn vì thế mà Xuân Quỳnh hết mình trong tình yêu.  - Ở khổ cuối nhà thơ tự phân thân. Mong muốn tình yêu chung thủy nhưng không ích kỉ không chỉ có anh và em mà chan hòa vào tình yêu của mọi người có như vậy tình yêu mới vĩnh hằng “ nghìn năm còn vỗ”. Đây là khát vọng đẹp đẽ và đầy cảm động.  ⇒ Tình yêu của người phụ nữ trong thơ Xuân Quỳnh nồng nhiệt thiết tha, chủ động trong tình yêu, yêu hết mình, quên mình nhưng cũng đòi hỏi sự duy nhất, tuyệt đối luôn hướng về sự gắn bó thủy chung.  **3. Nghệ thuật:** Sóng là sự tìm tòi sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Xuân Quỳnh.  - Âm hưởng nhịp nhàng dào dạt, gợi ra những nhịp sóng dồn dập và liên tiếp. Lúc sôi nổi, lúc sâu lắng.  - Thể thơ năm chữ, cách ngắt nhịp linh hoạt tạo nên nhịp điệu của sóng biển dào dạt, sôi nổi, lúc sâu lắng, dịu êm chạy suốt bài thơ.  - Tâm trạng: hồn nhiên, chân thành  - Hình tượng sóng được miêu tả trở đi trở lại mà không lặp, diễn tả được tâm hồn người phụ nữ.  **III. Tổng kết:**  - Qua hình tượng “Sóng” nhà thơ nêu lên khát vọng về một tình yêu sâu sắc, nồng nàn, thủy chung và bất diệt, gắn với hạnh phúc đời thường. Qua đó, chúng ta cảm nhận được sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Học thuộc bài thơ.

- Hình tượng Sóng

- Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ đang yêu trong bài thơ .

- Đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

**5. Dặn dò:**

- Đọc thuộc bài thơ và phân tích hình tượng *sóng*, qua đó thấy được tâm trạng của chủ thể trữ tình.

- Chuẩn bị bài ***Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 39. Làm văn. LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP**

**CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS:Thấy được sự cần thiết phải vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng** : Biết cách vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong một đoạn văn, bài văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ** : Tư duy tổng hợp.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS : đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.  **Phương pháp**

- GV nhắc HS ôn tập các bài *Luyện tập đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận;Luyện tập đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận* trong SGK *Ngữ văn 8*. Trên lớp GV kiểm tra những điều HS đã biết bằng các hình thức như: kiểm tra, nhận diện phương thức biểu đạt trong các đoạn trích, thảo luận, tranh luận,...

- GV nên cho HS đi từ những điều đã biết về vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để suy ra cách thức vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt.

- Tích hợp với các tác phẩm nghị luận *Tuyên ngôn Độc lập, Mấy ý nghĩ về thơ...*

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ……………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra sự chuẩn bị bài tập của HS.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Trong bài văn nghị luận, việc kết hợp các phương thức biểu đạt, tự sự, miêu tả, biểu cảm đem lại sự hấp dẫn, sinh động cho bài văn nghị luận. Để sử dụng tốt các phương thức biểu đạt trong bài văn, chúng ta cùng đi vào luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**  **?** GV hướng dẫn HS ôn tập kiến thức đã học ở lớp 8 qua việc tìm hiểu ngữ liệu ở bảng phụ.  **?**Qua ngữ liệu 1 theo em đâu là yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả?  Yếu tố tự sự: mẹ chàng... sáng bạc.  Yếu tố miêu tả:  Còn nàng ... Người kinh.  **?**Ngữ liệu 2 sử dụng yếu tố nào?  **?**Theo em, sử dụng các yếu tố đó vào ngữ liệu có tác dụng gì?  GV hướng dẫn HS luyện tập ở lớp trên cơ sở trả lời các câu hỏi SGK.  **?**Vì sao cần phải vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm trong đoạn văn nghị luận?  Muốn vận dụng các phương thức biểu đạt có kết quả cao thì chúng ta cần chú ý điều gì?  GV cho HS luyện tập bằng cách chia nhóm  **?**Gọi HS đại diện mỗi nhóm xác định chủ đề của bài phát biểu? (phát biểu về nhà văn nào?)  Xác định nội dung của bài phát biểu?  *Lưu ý:* Bài văn phải vận dụng những phương thức biểu đạt mà các em thấy cần.  GV yêu cầu HS rút ra bài học sau khi đã làm bài tập.  **Hoạt động 4. Hoạt động ứng dụng**  - GV hướng dẫn HS luyện tập ở nhà. | **I. Luyện tập trên lớp:**  **1. Bài tập 1:**  ***a. Ngữ liệu:***  1. Mẹ chàng trăng đã nằm mơ thấy một con thỏ trắng, nhảy qua ngực mà thụ thai mà đẻ ra chàng. Sợ tù trưởng phạt vạ, mẹ chàng bỏ chàng trên rừng, phó mặc cho trời đất. Suốt ngày chàng không nói, không cười, chỉ thích chơi khiên đao. Sau đó, chàng cưỡi ngựa đá khổng lồ do trời đất cho, đi giết một tên bạo chúa đến chiếm đất rồi cuối cùng biến vào mặt trăng để đêm đêm soi xuống dòng thác Fông- Gơ-Nhi những vầng sáng bạc.  Còn nàng Han là một cô gái thông minh, dũng cảm, lớn lên đi đánh giặc ngoại xâm. Quân nàng liên kết với người kinh, theo cờ lệnh bằng chăn dệt chỉ ngũ sắc của nàng mà đánh tan được giặc. Mường bản đang vui thắng trận thì nàng hoá thành tiên lên trời, sau khi tắm ở sông Nậm Bờ để lại trên bờ thanh gương nàng đã dùng diệt giặc. Từ đấy, hằng năm đế ngày nàng lên trời, dân bản mường lại mở hội dước cờ nàng Han, vui chơi rồi kéo ra sông Nậm Bờ tắm. Và trên dày núi Fu-Keo vẫn còn đền thờ nàng Han ở trên rừng, gần đây có những vũng, những ao chi chit nối tiếp nhau là vết chân voi ngựa của quân nàng Han và quân đội người kinh.  2.Hỡi đồng bào toàn quốc !.  Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cước nước ta lần nữa!  Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.  Hỡi đồng bào !  Chúng ta phải đứng lên!  ***b.******Nhận xét:***  - Yếu tố tự sự  - Yếu tố miêu tả  - Yếu tố biểu cảm  Các yếu tố giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài văn được rõ ràng, sinh động có sức thuyết phục tác động mạnh mẽ đến tình cảm người đọc.  - Khắc phục hạn chế của bài văn nghị luận bởi đặc điểm của văn nghị luận khô khan, thiên về lý tính.  - Yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm làm cho bài văn nghị luận thêm cụ thể, sống động.  ***\* Yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận***  Bài văn phải thuộc một kiểu văn bản chính luận, dứt khoát phải là văn nghị luận.  **3. Bài tập 3:** Viết một bài văn nghị luận ngắn về chủ đề “Nhà văn tôi hâm mộ”  Tác giả Nguyễn Đình Chiểu  - Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác (tác phẩm chính có giá trị)  \* **Ghi nhớ:** SGK  **II. Luyện tập ở nhà:**  **1. Trả lời:** Cả hai nhận định đều đúng vì:  - Một bài văn nghị luận chỉ hấp dẫn khi sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt nếu không nó sẽ đi sa vào trừu tượng, khô khan.  - Tác phẩm nghị luận chỉ vận dụng một phương pháp sẽ rơi vào đơn điệu, nhàm chán và khô cứng.  **2. Viết bài:**  Chủ đề: Ô nhiễm môi trường . |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Việc vận dụng các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận là cần thiết.

- Việc vận dụng các phương thức biểu đạt phải xuất phát từ yêu cầu và mục đích nghị luận.

- Kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức người viết có thể làm cho tiến trình nghị luận đặc sắc, hấp dẫn.

**5. Dặn dò**

**-** Chuẩn bị bài mới: ***Đàn ghi ta của Lor-ca (Thanh Thảo).***

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 40. Đọc văn .ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA**

***Thanh Thảo***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Hiểu được vẻ đẹp của hình tượng Lor- ca qua cách cảm nhận và tái hiện độc đáo của Thanh Thảo.Nắm được những nét đặc sắc trong kiểu tư duy thơ mới mẻ, hiện đai của tác giả.

**2. Kĩ năng** : Trình bày, trao đối về mạch cảm xúc của bài thơ, về hình tượng Lor-ca, về cách thể hiện cảm xúc của tác giả. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của hình tượng Lor-ca, về những sáng tạo độc đáo của Thanh Thảo trong bài thơ.

**3. Tư duy, thái độ** : Tự nhận thức về tinh thần bất khuất của người anh hùng dân tộc.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS : SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.  **Phương pháp:**

- Đọc diễn cảm.

- Qui nạp từ dễ đến khó, từ cụ thể đến khái quát kết hợp vận dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp để HS chủ động khám phá tác phẩm.

- Cung cấp kiến thức về các trào lưu, trường phái văn học như chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa siêu thực trong văn học phương Tây và sự ảnh hưởng của nó đến văn học Việt Nam.

**D. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ......................................................**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Đọc thuộc bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.

- Phận tích các khổ thơ.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Thơ Thanh Thảo viết về đề tài nào cũng đậm chất triết lí. Mạch trữ tình trong thơ ông đều hướng tới những vẻ đẹp của nhân cách: nhân ái, bao dung, can đảm, trung thực và yêu tự do.Thơ ông dành mối quan tâm đặc biệt cho những con người sống có nghĩa khí như: Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, Ê-xê- nhin, Lor-ca...Và bài thơ “ Đàn Ghi ta của Lor – ca “ sẽ giúp cho chúng ta hiểu thêm về TBN , âm nhạc ghi ta, về Lor – ca về khát vọng cách tân nghệ thuật từ âm nhạc.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?**Nêu vài nét chính về nhà thơ Thanh Thảo, đặc biệt là phong cách sáng tác?  GV bổ sung các kiến thức về Lor-ca; về trào lưu văn học siêu thực; về trào lưu văn học tượng trưng…  Gọi 1 HS đọc bài thơ.  HS đọc bài thơ.(lưu ý cách đọc xúc cảm, luyến láy...như cung bậc đàn ghi ta)  **?**Nêu xuất xứ.  **?**Em hãy xác định bố cục bài thơ?  **?**Nêu cảm nhận về chủ đề của bài thơ.  Đọc lại 18 dòng thơ đầu.  **?**Em có suy nghĩ gì khi bắt gặp h/ả *“Áo choàng đỏ gắt”, “ tiếng đàn ghi ta…?”*  **?**Các hình ảnh *“đi lang thang, vầng trăng chếnh choáng, yên ngựa mỏi mòn, hát nghêu ngao, li la…”* giúp ta liên tưởng đến điều gì?  **?**Tác giả đã tái hiện cái chết oan khuất của Lor-ca qua các h/ả, chi tiết nào?  **?**Cảm nhận của em về các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ?  (ý nghĩa của các biện pháp nghệ thuật đó?)  Đọc phần thơ còn lại.  **?**Theo em, Lor-ca muốn nhắn gửi thông điệp gì qua câu nói *“khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”*?  **?**Cho HS nêu cảm nhận 4 câu thơ *“Không ai chôn …cỏ mọc hoang”.*  Yêu cầu HS giải mã các hình ảnh *“giọt nước mắt , đường chỉ tay, dòng sông, lá bùa, chiếc ghi ta màu bạc…”.*  **?**Tiếng “Li la- li la- li la” trong bài thơ có ý nghĩa gì?  Gợi: tiếng đàn và còn có nghĩa là hoa đinh tử hương.  Yêu cầu HS tự tổng kết bài học về phương diện nội dung và nghệ thuật. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:** Thanh Thảo.  - Được công chúng đặc biệt chú ý bởi những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến.  - Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Tuy nhiên, ông muộn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi.  - Nỗ lực cách tân thơ Việt qua hình thức thơ tự do.  **2. Tác phẩm:**  ***a. Xuất xứ:***  - Rút trong tập “Khối vuông Ru – bích”.  - Thể hiện tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuốm màu sắc tượng trưng, siêu thực.  ***b. Bố cục:*** Gồm 4 phần:  **\*** Câu 1 – 6: Lor-ca – con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật TBN.  **\*** Câu 7- 18: Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật.  **\*** Câu 19- 22: Niềm xót thương Lor-ca.  **\*** Câu 23- 31: Suy tư về cuộc giải thoát và cách giã từ của Lor-ca.  ***c. Chủ đề:***  - Khắc hoạ cuộc đời nghệ sĩ Lor-ca với lý tưởng cách tân nghệ thuật và cái chết oan khuất.  - Thể hiện niềm ngưỡng mộ và xót thương của tác giả đối với Lor-ca.  **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1. Hình tượng nghệ sĩ Lor-ca:**  ***a. Lor-ca, một con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị và nghệ thuật Tây Ban Nha:***  *- Áo choàng đỏ:*  + Gợi bản sắc văn hoá Tây Ban Nha.  + Hình ảnh Lor-ca như một đấu sĩ với khát vọng dân chủ trước nền chính trị Tây Ban Nha độc tài lúc bấy giờ.  *- Tiếng đàn:*  + Ghi ta: nhạc cụ của người Tây Ban Nha.  + Tài năng nghệ thuật của Lor-ca với khát vọng cách tân nghệ thuật.  *=>Tiếng đàn bọt nước:* đẹp, mong manh mà sinh sôi bất tận như "bọt nước" lặn rồi lại nổi làm dịu bớt và phần nào dập tắt màu "đỏ gắt" như đang bùng bùng thiêu đốt cả Tây Ban Nha.  =>Sắc thắm dịu dàng của hoa "li la" (Tử đinh hương) đang nở ra bát ngát trên từng giai điệu>< bối cảnh chính trị Tây Ban Nha.  - *Đi lang thang; vầng trăng chếnh choáng; yên ngựa mỏi mòn; hát nghêu ngao; li la…:*  + Phong cách nghệ sĩ dân gian tự do.  + Sự cô đơn của Lor-ca trước thời cuộc chính trị, trước nghệ thuật Tây Ban Nha già cỗi.  ***b. Lor-ca và cái chết oan khuất:***  - Hình ảnh:  + *Áo choàng bê bết đỏ* – Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca.  + *Tiếng ghi ta:*  . *nâu:* trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ấm nóng).  . *xanh:* thiết tha, hy vọng.  . *tròn bọt nước vỡ tan:* bàng hoàng, tức tưởi.  . *ròng ròng máu chảy:* sự đau đớn, nghẹn ngào.  => Phép chuyển đổi cảm giác: tiếng đàn mang tâm tư, thành thân phận, linh hồn, sinh thể của người tạo ra nó. Nó đau đớn vỡ ra thành màu sắc, đường nét, hình khối.  - Biện pháp nghệ thuật:  + Đối lập:  *Hát nghêu ngao* >< *áo choàng bê bết đỏ*    khát vọng >< hiện thực phũ phàng (giữa tiếng hát yêu đời vô tư , giữa tình yêu cái Đẹp và hành động tàn ác, dã man).  + Nhân hoá: Tiếng ghi ta… máu chảy.  + Hoán dụ: Áo choàng, tiếng ghi ta 🡪Lor-ca.  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.  + Gieo vần "ây" : khiến thơ như nhạc, nhạc như người. Tất cả như đang rướn mình lên kiên cường, không khuất phục  =>Khắc hoạ thật ấn tượng về cái chết đầy bi phẫn của người nghệ sĩ Lor-ca.  **2. Nỗi xót thương và suy tư về cuộc giã từ của Lor-ca:**  - Lời Lor-ca (đề từ): *“Khi tôi chết …cây đàn.”*  + Niềm đam mê nghệ thuật.  + Hãy biết quên nghệ thuật của Lor-ca để tìm hướng đi mới.  - *“Không ai chôn cất… cỏ mọc hoang”*  + Nghệ thuật của Lor-ca (cái Đẹp): có sức sống và lưu truyền mãi mãi như *“cỏ mọc hoang”*.  + Phải chăng không ai dám vượt qua cái cũ, thần tượng để làm nên nghệ thuật mới.  - *Giọt nước mắt …trong đáy giếng:*  + Vầng trăng nơi đáy giếng🡪sự bất tử của cái Đẹp.  - *Đường chỉ tay:* ẩn dụ về định mệnh nghiệt ngã.  -... d*òng sông, ghi ta màu bạc...*🡪 gợi cõi chết, siêu thoát.  - Các hành động: *ném lá bùa, ném trái tim:* có ý nghĩa tượng trưng cho một sự giã từ, một sự lựa chọn.  **\*** Tiếng lòng tri âm sâu sắc đối với người nghệ sĩ, thiên tài Lor-ca.  **3.Yếu tố âm nhạc trong bài thơ:**  - Chuỗi âm thanh “Li la- li la- li la” luyến láy ở đầu và cuối như khúc dạo đầu và kết thúc bản nhạc. Bài thơ khép lại nhưng thực ra âm thanh "Li la.." đã mở ra một thế giới suy tưởng. Đó là chuỗi âm đêm ru lòng mai hậu, phần nào an ủi nỗi xót thương người nghệ sĩ.  - Sự kính trọng và tri âm Lor-ca- nghệ sĩ thiên tài.  **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ tự do, không dấu câu, không dấu hiệu mở đầu, kết thúc.  - Sử dụng hình ảnh, biểu tượng - siêu thực có sức chứa lớn về nội dung.  - Kết hợp hài hoà hai yếu tố thơ và nhạc.  **2. Nội dung:**  Tác giả bày tỏ nỗi đau xót sâu sắc trước cái chết oan khuất của thiên tài Lor-ca- một nghệ sĩ khát khao tự do, dân chủ, luôn mong muốn cách tân nghệ thuật. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Người nghệ sĩ tự do Lor-ca.

- Cái chết oan khuất của Lor-ca.

- Nỗi xót thương và suy tư về cuộc từ giã của Lor-ca.

**5. Dặn dò**

**-** Học bài cũ.

**-** Chuẩn bị bài mới: Đọc thêm ***Bác ơi!, Tự do.***

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 41**. ***Đọc thêm:*  BÁC ƠI !**

***Tố Hữu***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được tình cảm của nhà thơ Tố Hữu, của nhân dân Việt Nam trước sự ra đi của vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

**2. Kĩ năng** :Đọc sáng tạo, gợi tìm, nghiên cứu

**3. Tư duy, thái độ** :Hiểu hơn về con người Hồ Chí Minh với đầy đủ những phẩm chất cao đẹp.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS : SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp:**Đọc sáng tạo, gợi tìm, nghiên cứu

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ……………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Em hãy cho biết hình tượng tiếng đàn trong bài thơ “ Đàn ghi-ta của Lor-ca” mang ý nghĩa ẩn dụ gì?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Đã có rất nhiều người làm thơ về Bác Hồ nhưng có lẽ sáng tác nhiều nhất, hay nhất, sâu sắc và cảm động nhất là nhà thơ Tố Hữu: Sáng tháng năm, Hồ Chí Minh, Theo chân Bác, Bác ơi... Trong đó, “Bác ơi” là bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. Bài thơ không chỉ là tiếng lòng của nhà thơ mà còn là tiếng lòng của cả dân tộc Việt Nam đối với Bác - Người anh hùng giải phóng dân tộc, vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam – trong giờ khắc Bác đi xa.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?**Tố Hữu có đóng góp như thế nào với đề tài viết về Bác?  **?**Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  GV đọc diễn cảm bài thơ.  **?**Tìm bố cục bài thơ? (Theo câu hỏi SGK)  Hướng dẫn HS tìm hiểu 4 khổ thơ đầu  **?** Nỗi đau xót lớn lao khi Bác qua đời được thể hiện như thế nào? (Cảnh vật? Lòng người?) Giữa cảnh vật và con người có gì tương đồng?  **?**Hình tượng Bác Hồ được thể hiện như thế nào?  (GV gợi mở: về tình thương yêu, lý tưởng, lẽ sống...)  Nhận xét, khái quát ý  Hướng dẫn HS tìm hiểu 3 khổ cuối  **?**Hãy cho biết cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi?  Nhận xét, khái quát ý.  Yêu cầu HS đọc lại bài thơ, tổng hợp kiến thức để đưa ra nhận xét chung. | **I. Tiểu dẫn:**  - Tác giả:  + Tố Hữu là nhà thơ viết về Bác nhiều nhất, có nhiều tác phẩm hay, sâu sắc và cảm động về Bác Hồ.  + Đó là tấm lòng của mọi người Việt Nam hướng về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.  - Hoàn cảnh ra đời: Ngày 02/9/1969, Bác Hồ từ trần, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho cả dân tộc Việt Nam. Trong hoàn cảnh ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ “Bác ơi”.  **II. Đọc – hiểu văn bản:**  **1. Bốn khổ đầu**: Nỗi đau xót lớn lao trước sự kiện Bác qua đời.  - Lòng người:  + Xót xa, đau đớn: chạy về, lần theo lối sỏi quen thuộc, bơ vơ đứng nhìn lên thang gác.  + Bàng hoàng không tin vào sự thật: “*Bác đã đi rồi sao Bác ơi*”  - Cảnh vật:  + Hoang vắng, lạnh lẽo, ngơ ngác (phòng im lặng, chuông không reo, rèm không cuốn, đèn không sáng...)  + Thừa thải, cô đơn, không còn bóng dáng Người.  - Không gian thiên nhiên và con người như có sự đồng điệu “ Đời tuôn nước mắt/ trời tuôn mưa”→ Cùng khóc thương trước sự ra đi của Bác  ⇒ Nỗi đau xót lớn lao bao trùm cả thiên nhiên đất trời và lòng người.  ***2.* Sáu khổ tiếp:** Hình tượng Bác Hồ.  - Giàu tình yêu thương đối với mọi người.  - Giàu đức hy sinh.  - Lẽ sống giản dị, tự nhiên, khiêm tốn.  ⇒ Hình tượng Bác Hồ cao cả, vĩ đại mà giản dị, gần gũi  **3. Ba khổ cuối**:Cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi:  - Bác ra đi để lại sự thương nhớ vô bờ  - Lý tưởng, con đường cách mạng của Bác sẽ còn mãi soi đường cho con cháu.  - Yêu Bác→ quyết tâm vươn lên hoàn thành sự nghiệp cách mạng.  ⇒ Lời tâm nguyện của cả dân tộc Việt Nam.  **III. Tổng kết**:  - Bài thơ là tình cảm ngợi ca Bác, đau xót, tiếc thương khi Bác qua đời. Đó cũng là tấm lòng kính yêu Bác Hồ của Tố Hữu, cũng là của cả dân tộc Việt Nam  - Bài thơ tiêu biểu cho giọng thơ tâm tình, ngọt ngào, tha thiết của thơ Tố Hữu. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Nội dung và nghệ thuật bài thơ.

**5. Dặn dò:**

- Học thuộc bài thơ, nắm vững nội dung bài học.

- Chuẩn bị bài đọc thêm: “***Tự do***” ( P. Ê-luy-a).

**Đọc thêm: TỰ DO**

**P. Ê-luy-a**

**A.Mục tiêu bài học**

**1**. **Kiến thức :** Hiểu được bài thơ là khát vọng tự do mãnh liệt không chỉ của cá nhân nhà thơ mà còn là của nhân dân Pháp khi bị phát xít Đức xâm lược trong chiến tranh thế giới lần thứ 2.

- Nắm được các biện pháp nghệ thuật cơ bản của bài thơ: điệp khúc, kết cấu vòng tròn, nhân cách hóa ... góp phần diễn tả cảm xúc dào dạt, tuôn trào.

**2. Kĩ năng:** Phân tích thơ theo đặc trưng thể loại.

**3. Tư duy, thái độ:**Vun đắp tình yêu tự do, nhận thức tự do của mỗi cá nhân phải luôn gắn với tự do của tổ quốc, dân tộc.

**B. Phương tiện** :

GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án.

HS: SGK, Vở soạn, vở ghi.

**C. Phương pháp:** Học sinh soạn trước trả lời các câu hỏi GV phân công. Trên lớp HS trình bày, lớp phát biểu thảo luận; Giáo viên kết luận vấn đề.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Tự Do là một đề tài lớn mang tính nhân văn phổ quát, thể hiện khát vọng vĩnh cửu của con người mọi thời đại. Đề tài Tự Do trở thành thánh ca của cuộc kháng chiến chống phát xít Đức trong thế chiến thứ 2, và bài thơ* ***Tự Do*** *của nhà thơ Pôn Ê-luy-a đã trở thành tiếng lòng đồng vọng của hàng triệu con tim nước Pháp đang rên xiết vì bị mất nước.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | Hoạt động của HS | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới** | | | **I. Tiểu dẫn** |
| 1. Dựa vào TD, em hãy tóm lược những nét cơ bản nhất về tác giả và tác phẩm?  2. Nhận xét phần trả lời của hs, nhấn mạnh nội dung chính.  3. Lưu ý hs: nguyên tác bài thơ có 21 khổ thơ (không kể dòng cuối cùng: Tự Do), không vần, không dấu chấm câu- trừ dòng cuối cùng. Bản dịch có 12 khổ thơ. | HS (đã đọc TD ở nhà) phát biểu.  - Nêu được các nét lớn về tác giả.  - Nêu được hoàn cảnh ra đời bài thơ. | | **1. Tác giả**  - Pôn Ê-luy-a (1895-1952) là nhà thơ lớn nước Pháp.  - Từng tham gia trào lưu siêu thực. Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, ông thoát ly chủ nghĩa siêu thực, cùng nhân dân Pháp kháng chiến chống chủ nghĩa phát xít.  - Thơ ông mang đậm chất trữ tình chính trị, mang đậm hơi thở của thời đại  **2. Bài thơ "Tự do"**  - Được viết vào mùa hè 1941, trong lúc nước Pháp đang bị phát xít Đức xâm lược, in trong tập "Thơ ca và chân lý, 1942" (1942).  - Bài thơ được coi là kiệt tác, là thánh ca của thơ ca kháng chiến Pháp. |
| **\*** Tổ chức đọc văn bản | | | **II. Đọc hiểu văn bản** |
| 1. Hướng dẫn cách đọc: giọng tha thiết, cảm xúc; nhấn giọng ở câu kết mỗi khổ thơ.  2. Gọi 1 hs đọc bài thơ | HS đọc. | |  |
| **\*** Thảo luận làm rõ giá trị văn bản | | |  |
| 1. Bài thơ điệp cấu trúc "Trên ... trên ... Tôi viết tên em". "Em" ở đây nên hiểu như thế nào? Đây có phải là một bài thơ tình yêu không ? Từ đó khái quát chủ đề của bài thơ ?  2. Tổ chức các nhóm trình bày trả lời câu hỏi được phân công.  3. Nhận xét.Gợi ý hs phát biểu bổ sung (nếu cần). Kết luận các nội dung chính.  GV: Hình ảnh thơ giản dị lấy từ cuộc sống nhưng vẫn rất sâu xa.  GV hướng dẫn tổng kết. | \* NHÓM 1 (C1 Sgk)  - Xác định từ TỰ DO- chủ đề nhất quán và xuyên suốt các khổ thơ.  \* NHÓM 2:(câu 2 sgk)Tìm hiểu câu kết mỗi khổ thơ, cách lặp từ (trên ...trên) và nhạc điệu bài thơ.  \* NHÓM 3 (C3 sgk): Xác định từ "trên" trong bài thơ ở trường hợp nào chỉ không gian, trường hợp nào chỉ thời gian. Nêu ý nghĩa?  \* NHÓM 1 (C1sgk): Nhà thơ viết tên em (Tự Do) lên đâu ? Liệt kê các hình ảnh trong bài thơ.  *(****Hữu hình****: Viết trên trang vở, trên bàn học, trên cây xanh, trên đất cát, trên tuyết, trên gươm đao người lính, trên mũ áo các vua quan).*  *(****Vô hình****: Viết trên thời thơ ấu âm vang, viết trên những mảnh đời trong xanh, trên ao mặt trời ẩm mốc, viết trên hồ vầng trăng lung linh...)* \* NHÓM 4 (Câu 4 sgk) "Tôi" có thể là tác giả và cũng có thể là độc giả của bài thơ; "viết" cũng có thể là ''ghi, chép '' hoặc"hành động".Từ đó hãy suy luận để chỉ ra tính chất thánh ca của bài thơ này trong cuộc kháng chiến chống phát xít Đức ? | | **1.Chủ đề bài thơ**  - Em = Tự do (***Tự do*** nhân hóa thành ***em***- cách nói tha thiết, gần gũi nhưng cũng rất thiêng liêng, sâu xa).  **Chủ đề**: Khát vọng tự do cháy bỏng của nhà thơ (và của cả dân tộc Pháp) khi đất nước bị xâm lăng.  **2. Những điểm nổi bật về nội dung và nghệ thuật**  ***a. Kết cấu bài thơ***  - Lặp kết cấu, cú pháp với tần số cao.  - Điệp từ "trên" theo kiểu "xoáy tròn".  - Kết cấu vòng tròn "Tự Do"  → Hiệu quả: Mạch cảm xúc hướng về tự do tuôn trào, triền miên, mạnh mẽ của những nô lệ rên xiết dưới ách phát xít.  ***b. Không gian, thời gian biểu hiện Tự Do và cách thức liên tưởng***  - Từ "trên" thể hiện cả không gian và thời gian:  + Chỉ địa điểm - không gian (tôi viết Tự Do ở đâu, vào đâu)  . Địa điểm cụ thể (khổ 1,2) hoặc trên những điạ điểm khác thường hơn (hiện vật, sách sử- khổ 3).  => Tình cảm gắn bó, khát khao tự do của tác giả và cũng là của mọi người.  . Địa điểm trừu tượng, mơ hồ, mang tính chất vô hình (khổ 4,5,6).  => Cảm xúc bức bách, khao khát khôn cùng đối với tự do. + Chỉ thời gian ( tôi viết Tự Do khi nào) => Tình cảm thiết tha vươn tới tự do.  - Cách thức liên tưởng: ngẫu hứng (Tự Do được viết mọi nơi, mọi lúc).  \* Khát vọng Tự Do hoá thân khắp không gian, xuyên suốt thời gian, hiện hữu trong cuộc đời mỗi con người.  ***c. Đại từ nhân xưng "tôi":***  - "tôi": tác giả. đa chủ thể.  độc giả.  => Đáp ứng được khát vọng của tất cả mọi người. Nó trở thành thánh ca của cuộc chiến chống phát-xít.  - Động từ "*viết*"(11khổ)=> "*gọi*" (khổ cuối): tính chất phát triển của hành động, hành động của mỗi con người để hướng tới tự do.  **III. Kết luận:**  Tình yêu tự do tha thiết tuôn trào trong trái tim nhà thơ đã đồng vọng trong tâm hồn cả dân tộc. Khát khao tự do biến thành khát khao hành động để giành lấy tự do cho tất cả mọi người. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Nội dung và nghệ thuật bài thơ.

**5.Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài ***Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.***

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 42. Làm văn.**

**LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Củng cố vững chắc hơn kiến thức và kĩ năng về các thao tác lập luận chứng minh, phân tích, giải thích, so sánh, bác bỏ, bình luận. Biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để viết bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng** : Trình bày suy nghĩ của cá nhân về tác dụng của việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ** : Lựa chọn và vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai các vấn đề nghị luận.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp**

\* Tuỳ đối tượng HS mỗi lớp, GV chọn một trong những hình thức sau:

- Cá nhân HS làm bài tập, GV yêu cầu trình bày trước lớp.

- Thảo luận ở tổ, nhóm, sau đó cử đại diện trình bày trước lớp.

- Thi giải bài tập giữa các tổ, nhóm.

\* Sau mỗi bài tập, GV tổng kết, chốt lại những kiến thức và kĩ năng cơ bản.

**D. Tiến trình tổ chức:**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: …………………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra sự chuẩn bị bài tập của HS.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Nhắc lại các thao tác lập luận đã học cùng những đặc điểm của từng thao tác. Chứng minh, Giải thích, Phân tích, So sánh, Bác bỏ, Bình luận…Và bài học sẽ giúp các em nắm vững hơn về lập luận diễn đạt.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**  GV giúp HS ôn tập kiến thức đã học.  - Hãy kể tên các thao tác lập luận đã học?  - Hãy phân biệt các thao tác lập luận trên? | **I. Ôn tập kiến thức:** 6 thao tác lập luận  - Chứng minh là để người ta tin.  - Giải thích là để người ta hiểu.  - Phân tích giúp ta biết cặn kẽ, thấu đáo.  - So sánh nhằm nhận rõ giá trị của sự việc, hiện tượng này so với sự việc, hiện tượng khác.  - Bác bỏ nhằm phủ nhận một điều gì đó.  - Bình luận là thuyết phục người khác nghe theo sự đánh giá, bàn bạc của mình về một hiện tượng, vấn đề. |
| GV giúp HS luyện tập nhận biết sự kết hợp các thao tác lập luận.  -Trong đoạn trích ở SGK trang 174, tác giả đã vận dụng kết hợp các thao tác lập luận nào? Đâu là thao tác chính? Căn cứ vào đâu mà xác định như thế?  +Thao tác chính: phân tích (để thấy việc bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái áp bức đồng bào ta).  + Thao tác kết hợp: chứng minh (về chính trị, về kinh tế).  - GV dùng bảng phụ ghi lại đoạn văn (b) trang 89 sách Bài tập ngữ văn 12 Tập 1 để yêu cầu HS nhận biết các thao tác lập luận đã được kết hợp trong văn bản.  + Thao tác chính: bình luận (về việc nâng cao dân trí, nhằm cổ vũ cho công cuộc đổi mới, hướng nước nhà đi đến văn minh).  + Thao tác kết hợp: so sánh và bác bỏ.  . So sánh: để phân biệt rõ hai thứ chữ, hai lối học.  . Bác bỏ: để phủ nhận ý kiến của một số người trong thời ấy.  GV giúp HS vận dụng lí thuyết vào thực hành viết văn bản.  - Thao tác 1:  **\*** GV ra đề (đề tùy thuộc ở GV song phải gần gũi với thực tế đời sống và học tập để HS có điều kiện phát biểu những suy nghĩ, ý kiến thật của mình).  + Đề: Hãy bàn về bệnh quay cóp của HS trong thi, kiểm tra.  **\*** GV chia HS thành 4 nhóm theo tổ.  - Thao tác 2: GV yêu cầu HS viết thành đoạn văn có vận dụng kết hợp ít nhất hai thao tác lập luận.  - Thao tác 3: Sau 15 phút, GV gọi một vài HS đại diện nhóm trình bày văn bản đã viết và chỉ ra các thao tác lập luận mà nhóm mình đã sử dụng.  - Thao tác 4:  \* GV nhận xét phần trình bày của HS, củng cố bài học, có thể thưởng điểm nếu làm tốt. | **II. Luyện tập nhận biết:**  Hãy xác định các thao tác lập luận được vận dụng kết hợp trong các văn bản sau:  **1. Đoạn trích trang 174:**  **-** Thao tác chính: phân tích.  **-** Thao tác kết hợp: chứng minh.  **2. Văn bản giáo viên cung cấp:**  **-** Thao tác chính: bình luận.  - Thao tác kết hợp: so sánh và bác bỏ.  **III. Luyện viết đoạn văn vận dụng kết hợp các thao tác lập luận**   1. **Đề bài**: *Đề: Hãy bàn về bệnh quay cóp của HS trong thi kiểm tra.*   **2. Luyện viết văn bản theo chủ đề**  **\*** Gợi ý về nội dung:  + Có thể triển khai đoạn theo bố cục sau:  Thực trạng của bệnh quay cóp trong HS ngày nay.  Tác hại của bệnh quay cóp.  Lời khuyên .  + Có thể chọn 1 trong các ý trên để dựng đoạn.  **\*** Về kĩ năng: Vận dụng kết hợp ít nhất 2 thao tác lập luận   1. **Trình bày văn bản và chỉ ra các thao tác lập luận đã sử dụng** |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Các yêu cầu khi vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.

**5. Dặn dò**

- Về nhà HS cần rèn luyện kĩ năng viết văn bản kết hợp nhiều thao tác lập luận.

- Chuẩn bị bài mới***: Quá trình văn học và phong cách văn học.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 43-44. QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Nắm được khái niệm quá trình văn học, bước đầu có ý niệm về các tràolưu văn học tiêu biểu. Hiểu được khái niệm phong cách văn học, Làm rõ quá trình văn học là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển của toàn bộ đời sống văn học qua các thời kì lịch sử.

Hoạt động nổi bật của quá trình văn học là trào lưu văn học.Thành tựu chính của quá trình văn học kết tinh ở các phong cách văn học độc đáo.

**2. Kĩ năng** : Biết nhận diện những biểu hiện của phong cách văn học.

**3. Tư duy, thái độ** : Tư duy khái quát, tổng hợp.

**B. Phương tiện**

+GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học.

+HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C. Phương pháp**

- Nêu vấn đề, đàm thoại với HS.

- Chú ý tính ứng dụng của kiến thức đã học: nhận biết sáng tác của một tác giả cụ thể thuộc trào lưu văn học nào đó, ý nghĩa của sáng tác ấy trong quá trình văn học dân tộc, phân tích những biểu hiện phong cách ở một trường hợp nhất định.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ………………………………..**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Văn học là một loại hình nghệ thuật, một hình thái ý thức XH đặc thù luôn vận động biến chuyển. Diễn tiến của VH như một hệ thống chỉnh thể với sự hình thành tồn tại, thay đổi có mối quan hệ chặt chẽ với thời kỳ lịch sử. Quá trình VH là diễn biến hình thành tồn tại, phát triển, thay đổi của VH qua các thời kỳ lịch sử. Mỗi tác giả có cách diễn đạt khác nhau tạo ra sự phong phú và đa dạng cho văn học.Và bài học hôm nay sẽ giúp các em thấy rõ hơn.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 43** | |
| ***H*oạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  - Cho HS đọc mục I trong Sgk trang 178 và trả lời các câu hỏi.  - Văn học là gì?  -Lịch sử văn học khác với quá trình văn học như thế nào?  - Bản thân văn học và toàn bộ đời sống văn học khác nhau như thế nào?  - Giữa văn học và lịch sử có mối quan hệ ra sao?  - Mối quan hệ giữa các thời kỳ văn học như thế nào?  - Qui luật bảo lưu và tiếp biến là gì ?  - Có nền văn học nào tồn tại, phát triển mà không cần giao lưu ? Vì sao ?  - Trào lưu Vh là gì ?   * Có phải mỗi trào lưu chỉ có một khuynh hướng, một trường phái ?   Hãy nêu các trào lưu lớn trên thế giới ?  \**Thảo luận nhóm*  ***\* Nhóm 1 :***  -VH thời phục hưng  - Chủ nghĩa cổ điển  ***\* Nhóm 2 :***  - Chủ nghĩa lãng mạn  ***\* Nhóm 3 :***  - Chủ nghĩa hiện thực phê phán  - Chủ nghĩa hiện thực XHCN  ***\* Nhóm 4 :***  - Chủ nghĩa siêu thực  - Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo  *Nhận xét chung các nhóm, kết luận* | **I. Quá trình văn học**  **1. Khái niệm**  - Văn học là một loại hình nghệ thuật, một hình thái ý thức xã hội luôn vận động biến chuyển.  - Diễn tiến của văn học như một hệ thống chỉnh thể với sự hình thành, tồn tại thay đổi có mối quan hệ khắng khít với thời kỳ lịch sử.  - Quá trình văn học là diễn tiến, hình thành, tồn tại, phát triển và thay đổi của văn học qua các thời kỳ lịch sử.  ***\* Những quy luật chung tác động đến quá trình văn học***  + *Qui luật văn học gắn bó với đời sống xã hội :* Bản chất của đời sống xã hội trong từng thời kỳ lịch sử sẽ qui định nội dung, tính chất của văn học.  + *Qui luật kế thừa và cách tân*  . Kế thừa là dựa trên nền tảng truyền thống, là cơ sở tồn tại của văn học.  . Cách tân là làm ra cái mới, làm chovăn học luôn vận động và phát triển.  + *Qui luật bảo lưu và tiếp biến*: Văn học mỗi dân tộc để tồn tại và phát triển phải giao lưu với văn học các nước khác đồng thời biết chọn lọc, cải biến để làm giàu cho văn học tộc mình.  **2. Trào lưu văn học**  Trào lưu văn học là một hiện tượng có tính chất lịch sử. Đó là một phong trào sáng tác tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, tư tưởng, nguyên tắc miêu tả hiện thực tạo thành một dòng rộng lớn có bề thế trong đời sống văn học của một dân tộc hoặc một thời đại.  \****Các trào lưu văn học lớn trên thế giới :***  ***a. Văn học thời phục hưng***(ở Châu Âu vào TK XV- XVI)  - *Đặc trưng* : Đề cao con người, giải phóng cá tính chống lại tư tưởng khắc nghiệt thời trung cổ.  - *Tác giả tiêu biểu* : Sêch-xpia ( Anh), Xec- van- tec (Tây Ban Nha).  ***b. Chủ nghĩa cổ điển***(Pháp VàoTK XVII)  - *Đặc trưng* : Coi Văn hóa cổ đại là hình mẫu lý tưởng, luôn đề cao lý trí, sáng tác theo các quy phạm chặt chẽ.  - *Tác giả tiêu biểu* : Cooc- nây,  Mô-li-e ( Pháp )  ***c. Chủ nghĩa lãng mạn :*** ( Ở các nước Tây âu sau cách mạng tư sản Pháp 1789)  -*Đặc trưng* : Đề cao những nguyên tắc chủ quan, lấy đề tài trong thề giới tưởng tượng của nhà văn, hình tượng nghệ thuật thường có vẻ đẹp khác thường  - *Tác giả tiêu biểu* :V.Huygô(Pháp)  F. Si-le ( Đức)  ***d. Chủ nghĩa hiện thực phê phán*:** (Châu âu TKXIX )  - *Đặc trưng* : Thiên về những nguyên tắc sáng tác khách quan. Thường lấy đề tài từ đời sống hiện thực, xây dựng những tính cách điển hình, vừa có tính khái quát, vừa có tính cụ thể.  -*Tác giả tiêu biểu* : H. Ban- dăc( Pháp) L. Tôn-tôi ( Nga)  ***e. Chủ nghĩa hiện thực XHCN :***(TK XX sau Cách mạng tháng Mười Nga)  - *Đặc trưng* : Miêu tả cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng.  -*Tác giả tiêu biểu*:M.Gooc-ki(Nga)  Giooc – giơ A-ma- đô ( Braxin)  ***g.Chủ nghĩa siêu thực*:** ( Pháp- 1922)  -*Đặc trưng :* Quan niệm thế giới trên hiện thực mới là mảnh đất sáng tạo của người nghệ sĩ  - *Tác giả tiêu biểu*:A. Brơ- tôn ( Pháp )  ***h. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo :*** (Mỹ La tinh sau thế chiến thứ hai)  - *Đặc trưng* : Coi thực tại bao gồm cả đời sống tâm linh, niềm tin tôn giáo , các huyền thoại, truyền thuyết  -*Tác giả tiêu biểu* : G. Mac- ket.  \* **Ở Việt Nam** :  - Trào lưu xuất hiện vào những năm 30 của TK XX.  + Trào lưu lãng mạn  + Trào lưu hiện thực phê phán  + Trào lưu hiện thực XHCN |
| **TIẾT 44** | |
| ***Phong cách văn học***  Cho HS đọc và tìm hiểu VB  - Phong cách văn học là gì ?  -Phong cách văn học có những biểu hiện gì ? | **II. Phong cách văn học**  **1. Khái niệm**  -PCVH là sự độc đáo, riêng biệt của các nghệ sĩ biểu hiện trong tác phẩm.  - PCVH nẩy sinh do chính nhu cầu, đòi hỏi sự xuất hiện cái mới và nhu cầu của quá trình sáng tạo văn học.  - Quá trình văn học được đánh dấu bằng những nhà văn kiệt xuất với phong cách độc đáo của họ.  - Phong cách in dậm dấu ấn dân tộc và thời đại.  **2. Những biểu hiện của phong cách văn học :**  - Giọng điệu riêng biệt, cách nhìn, cách cảm thụ có tính khám phá .  - Sự sáng tạo các yếu tố thuộc nội dung tác phẩm  - Hệ thống phương thức biểu hiện, các thủ pháp kỹ thuật mang dấu ấn riêng.  - Thống nhất từ cốt lõi, nhưng có sự triển khai đa dạng đổi mới.  - Có phẩm chất thẩm mỹ cao, giàu tính nghệ thuật. |
| ***Tổng kết***  Cho HS đọc ghi nhớ Sgk trang 183 | **III. Ghi nhớ** : (SGK) |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  -Cho HS làmluyện tập Sgk trang183 | **V. Luyện tập** :Căn cứ hướng dẫn SGK trang 183 |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố** :

- Quá trình phát triển của văn học .

- Phong cách văn học.

**5. Dặn dò** :

- Đọc lại văn bản, nắm vững ý chính.

- Chuẩn bị trả bài viết số 3.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 45. Làm văn.TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 3**

**A. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** : Giúp HS nhận ra những điểm đạt và chưa đạt yêu cầu về kiến thức, kĩ năng trong bài làm.

**2. Kĩ năng** : Điều chỉnh, phát huy những điểm mạnh, sữa chữa và hạn chế những điểm yếu để rút kinh nghiệm, nâng cao kĩ năng, chuẩn hóa lại kiến thức, chuẩn bị cho những bài viết sau.

**3. Tư duy, thái độ** : Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong bài văn sau.

**B. Phương tiện:**

- GV: Thiết kế bài dạy, bài viết của học sinh.

- HS: Vở ghi, bài viết của bản thân.

**C**. **Phương pháp:** Kết hợp thuyết trình, giảng giải và phát vấn của GV với ý kiến HS tự nhận xét, đánh giá kết quả bài làm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: ……………………………………………..

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Tiết trả bài văn số 3 giúp các emnhận ra những điểm đạt và chưa đạt về kiến thức, kĩ năng trong bài làmđể có được bài viết tốt hơn trong thời gian tới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn HS tìm hiểu đề  *- Đề bài có những yêu cầu gì về nội dung và hình thức?* | **I. Tìm hiểu đề:**  *1. Tính dân tộc trong bài thơ “Việt Bắc” - Tố Hữu được biểu hiện cụ thể ở những phương diện nào? Trình bày vắn tắt và nêu dẫn chứng minh hoạ. (3 điểm)*  *2. Phân tích vẻ đẹp hình tượng người lính trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng.*  *\** Câu 1: Trả lời vắn tắt, ý chính, cơ bản, không nên dài quá một trang  Câu 2:  - Yêu cầu về hình thức: Kiểu bài nghị luận văn học về thơ trữ tình. Vận dụng các thao tác: phân tích (là chính) kết hợp với lập luận, giải thích, so sánh, bình luận.  - Yêu cầu về nội dung: Vẻ đẹp hình tượng người lính trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng |
| Hướng dẫn HS lập dàn ý:   * *Biểu hiện tính dân tộc trong thơ TH qua những phương diện nào?*   Lưu ý: HS khi làm bài thi TN nếu có những dạng câu 2 hoặc 3 điểm thì cần trình bày vắn tắt không nên dài quá một trang.   * *Phần mở bài cần trình bày những điểm nào để người đọc có thể nắm bắt được vấn đề mà ta đề cập đến?* * *Phân thân bài cẩm đảm bảo những ý chính nào?*   *- Kết bài cần khẳng định điều gì?* | **II. Lập dàn ý:**  Câu 1: - Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh ra đời, đề tài của bài thơ (0.5đ)  - Những biểu hiện cụ thể của tính dt trong bài thơ:  + Nội dung: đề tài, hình tượng trung tâm, cảm hứng chủ đạo của bài thơ đều hướng tới những vấn đề lớn lao của ls dt(cuộc kc chống Pháp); hình tượng đất nước con ngườiVN vừa anh dũng, quật cường vừa tràn đầy vẻ đẹp thơ mộng đằm thắm (1 điểm)  + Nghệ thuật: Thể thơ lục bát, giọng điệu trữ tình, cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh (1.5 đ)  Câu 2: \* Mở bài: (0.5đ)  - Giới thiệu ngắn gọn về hoàn cảnh ra đời, đề tài, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Giới thiệu khái quát về hình tượng nt chủ đạo – đối tượng trữ tình của tp: ha người lính TT với vẻ bi tráng, đậm chất lãng mạn, hào hoa, bay bổng.  \* Thân bài (6đ)  - Vẻ đẹp bi tráng của người lính TT(3 đ)  + Hình tượng người lính TT mang vẻ đẹp hào húng mãnh liệt có bóng dáng của các tráng sĩ thủa xưa nhưng cũng rất thời đại, rất mới mẻ. Ý chí quên mình, ty mãnh liệt với quê hương đất nước, ty cs làm bừng sáng vẻ đẹp cuộc đời cđ gian khổ.  + Vẻ đẹp của người lính khong tách rời nỗi đau chiến tranh ác liệt. Sự hi sinh của những người lính được biểu hiện bằng những hả bi thương nhưng không bi luỵ  - Vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn, hào hoa (3 đ)  + Nét khác biệt giữa hình tượng người lính trong bài thơ TT với người lính trong bài thơ một số bài thơ khác: Sự khác biệt xuất phát từ đ. Điểm bản thân đối tượng trữ tình, từ tâm hồn của chính chủ thể trữ tình.  + Vẻ đẹp lãng mạn không chỉ bộc lộ ở dáng vẻ “oai hùm” phóng túng mà luôn thăng hoa trong tâm hồn trong từng giai điệu cảm xúc của người lính giữa sự tàn khốc của ct.  \* Kết bài: (0.5đ)  - Nhận định tổng quát về đặc trưng của hình tượng nt: chất lãng mạn và chất anh hùng trong ht người lính.  - Đóng góp của Quang Dũng trong cách biểu hiện hình tượng người lính trong thơ ca kháng chiến. |
| Giáo viên nhận xét về bài văn của học sinh.  GV: *Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?* | **III. Nhận xét chung:**  ***1. Ưu điểm:***  - Về kĩ năng: một số biết vận dụng kiểu văn nghị luận  - Về kiến thức: xác định được các luận điểm cần thiết cho bài văn  - Bố cục: rõ ràng, đủ 3 phần  - Về diễn đạt: tương đối rõ ràng, biết vận dụng các phương tiện để liên kết câu và đoạn.  ***2. Nhược điểm:***  - Đa số chưa xác định được các luận điểm cần thiết.  - Bài viết thiếu dẫn chứng, chưa đủ sức thuyết phục.  - Còn sai nhiều lỗi chính tả, trình bày bẩn. |
| **Trả bài:**  GV trả bài và yêu cầu HS:  - Xem lại bài và đọc kĩ lời phê của GV.  - Tự sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, bố cục, liên kết.  - Trao đổi bài cho bạn để cùng nhau rút kinh nghiệm. | |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố*:*** Giáo viên yêu cầu học sinh rút kinh nghiệm cho bài văn của mình.

**5. Dặn dò*:***  Soạn bài mới: “ Người lái đò sông Đà “ – Nguyễn Tuân.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 46-47. Đọc văn. NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ (Trích)**

***Nguyễn Tuân***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được vẻ đẹp của con sông Đà và hình tượng người lái đò. Từ đó hiểu được tình yêu say đắm của Nguyễn Tuân đối với thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc Tổ quốc.Thấy được sự tài hoa, uyên bác của nhà văn và hiểu được những nét đặc sắc nghệ thuật của thiên tùy bút.

**2. Kĩ năng** : Tự nhận thức về vẻ đẹp của người lao động mới trong công cuộc dựng xây và phát triển đất nước; thấy được tấm lòng nâng niu, trân trọng các giá trị con người của tác giả.

**3. Tư duy, thái độ** : Phân tích, bình luận về cá tính sắc nét, độc đáo trong cách thể hiện hình tượng sông Đà và hình tượng người lái đò trong cuộc vượt thác.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học.

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.**Phương pháp**

- Phát huy tính chủ động, tích cực, cùng tinh thần độc lập suy nghĩ của HS.

- Đọc diễn cảm một số đoạn chọn lọc trong tác phẩm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ……………………………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Quá trình văn học là gì? Nêu các quy luật chung của quá trình văn học.

- Thế nào là phong cách văn học? Phân tích những biểu hiện của phong cách văn học?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

Có một nhà văn từng quan niệm: *Văn chương trước hết phải là phải là văn chương, nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật. Và đã là nghệ thuật thì phải có phong cách độc đáo.* Nhà văn ấy chính là Nguyễn Tuân. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ được tiếp xúc với tác giả này qua tùy bút *Người lái đò Sông Đà.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 46** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  GV tổ chức cho HS nhớ lại và trình bày những nét cơ bản về tác giả đã được học ở bài *Chữ người tử tù* lớp 11.  **?** Cho biết thể loại và xuất xứ tác phẩm?  **?** *Người lái đò sông Đà* được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  **?** Thiên tùy bút đã kế thừa những nét riêng biệt, đặc sắc nào trong phong cách nghệ thuật của NT về đề tài, nguồn cảm hứng, thể loại và ngôn ngữ?  **?** Vì sao có thể nói rằng, so với những tập tùy bút viết trước CM, *Người lái đò sông Đà* nói riêng và tập *Sông Đà* nói chung đã cho thấy diện mạo của một Nguyễn Tuân đã căn bản đổi thay, để trở thành một nhà văn mới trong thời đại mới?  **?** Từ điều vừa mổ xẻ, thử phát biểu cảm hứng chủ đạo của tác phẩm?  GV gọi HS đọc các đoạn văn ở trang 186,187.  Tổ chức cho HS thảo luận câu 2 SGK: Trong thiên tùy bút, tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để khắc họa một cách ấn tượng hình ảnh con sông Đà hung bạo? Gợi ý:  - Nhóm 1,2: Tác giả đã khắc họa sự hung bạo ấy trên nhiều dạng vẻ. Chỉ ra những dạng vẻ đó?  Nhóm 1 trả lời, nhóm 2 bổ sung.  - Nhóm 3,4: Để diễn tả chính xác và sinh động những gì Nguyễn Tuân quan sát thấy về sự hung bạo của dòng sông, tác giả đã thêm vào rất nhiều nét tài hoa vốn có nào? Thử nêu vài dẫn chứng minh họa?  Nhóm 3 trả lời, nhóm 4 bổ sung.  **?** Nguyễn Tuân còn cho ta thấy, bên cạnh và cả bên trong sự hung bạo ấy, hình ảnh con sông vẫn nổi bật lên như một biểu tượng cho điều gì?  **?** Nếu phải cho một lời nhận xét ngắn gọn về khả năng sử dụng ngôn từ của Nguyễn Tuân, em sẽ nói thế nào?  GV lưu ý: Dòng Đà giang chỉ thực sự trữ tình khi đã chảy qua Chợ Bờ, và đã để lại những hòn đá thác xa xôi trên thượng nguồn Tây Bắc.  Gọi 1 HS đọc các đoạn văn ở trang 190, 191.  **?** Chứng minh rằng những đoạn văn viết về vẻ trữ tình của sông Đà cũng là kết quả của những công phu tìm tòi khó nhọc của một người nhất quyết không bao giờ chịu bằng lòng với những tri thức hời hợt?ví dụ: Để chắc chắn dòng Đà không hề đen🡪mấy lần bay tạt ngang trên con sông, quan sát kĩ càng để đi đến quả quyết:  + Vào mùa xuân: nước sông Đà có sắc xanh - xanh ngọc bích.  + Mỗi độ thu về: lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa.  **?** Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh hoạ? (Câu 3, SGK)  **Hết tiết 46, chuyển sang tiết 47**  Sĩ số: ………………………….  Gọi HS đọc đoạn miêu tả 1 quãng thuỷ chiến ở mặt trận sông Đà.  **?**Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo?  Gợi ý:  + Thoạt nhìn, em có nhận xét gì về tính chất của cuộc chiến?  + Kết quả ra sao?  + Nguyễn Tuân cho thấy nguyên nhân làm nên chiến thắng của con người có hề bí ẩn không? Đó chính là điều gì?  **?**Hãy cắt nghĩa vì sao, trong con mắt của Nguyễn Tuân, thiên nhiên Tây Bắc quý như vàng nhưng con người Tây Bắc mới thật xứng đáng là vàng mười của đất nước ta?  **?**Thử phát hiện nét độc đáo trong cách khắc hoạ nhân vật ông lái đò?  Hướng dẫn HS vận dụng phép so sánh *Người lái đò sông Đà* với *Chữ người tử tù* viết trước cách mạng ở phương diện khắc họa con người.  **?**Có thể xem *Người lái đò sông Đà* như một khúc hùng ca, ca ngợi điều gì?  **?**Qua tác phẩm, em có thể rút ra được điều gì về tác giả Nguyễn Tuân?  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  - Làm bài tập 1,2 phần Luyện tập ở nhà. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1.Tác giả:** (Xem lại phần tiểu dẫn bài *Chữ người tử tù,* SGK Ngữ văn 11, tập I, tr 107).  **2.Tác phẩm *Người lái đò Sông Đà****:*  - Bài tùy bút được in trong tập *Sông Đà* (1960).  - Thành quả thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi.  - Tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân: uyên bác, tài hoa, không quản nhọc nhằn để cố gắng khai thác kho cảm giác và liên tưởng phong phú, bộn bề, nhằm tìm ra những chữ nghĩa xác đáng nhất.  - Cho thấy diện mạo của một Nguyễn Tuân mới mẻ, khao khát được hòa nhịp với đất nước và cuộc đời (không giống với Nguyễn Tuân trước cách mạng, con người chỉ muốn xê dịch cho khuây cảm giác “thiếu quê hương”)  - Cảm hứng chủ đạo: Nhiệt tình ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi nhân dân của một nhà văn mà trái tim đang tràn đầy niềm hứng khởi khi thấy nay mình đã có đất nước, mình đã không còn “thiếu quê hương”.  **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1. Hình tượng con sông Đà:**  **a. Con sông Đà hung bạo:**  - *Quan sát công phu, tìm hiểu kĩ càng để* *khắc họa sự hung bạo trên nhiều dạng vẻ:*  + Trong phạm vi một lòng sông hẹp, như chiếc yết hầu bị đá bờ sông chẹt cứng.  + Trong khung cảnh mênh mông hàng cây số của một thế giới đầy gió gùn ghè, đá giăng đến chân trời và sóng bọt tung trắng xóa.  + Những cái hút nước xoáy tít lôi tuột mọi vật xuống đáy sâu.  + Những trùng vi thạch trận sẵn sàng nuốt chết con thuyền và người lái.  + Âm thanh luôn thay đổi: oán trách 🡪 khiêu khích, chế nhạo 🡪 rống lên.  - *Mượn ở các ngành, các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ.*  + Hình dung một cảnh tượng rất đỗi hoang sơ bằng cách liên tưởng đến hình ảnh của chốn thị thành, có hè phố, có khung cửa sổ trên “cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện”.  + Tả cái hút nước quãng Tà Mường Vát: *nước thở và kêu như cửa cống cái bị sặc*, *ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào.*  + Lấy hình ảnh “*ô tô sang số nhấn ga*” trên “*quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực*” để ví von với cách chèo thuyền…  + Tưởng tượng về cú lia ngược của chiếc máy quay từ đáy cái hút nước🡪 cảm thấy có một cái thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày.  + Dùng lửa để tả nước:  🡪Biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước.  🡪Bậc kì tài trong lĩnh vực sử dụng ngôn từ (sự phá cách mà ngoại trừ các tay bút thực sự tài hoa, không ai làm nổi).  **b. Con sông Đà trữ tình:**  \* Sự tài hoa đã làm nên sức gợi cảm của một dòng chảy trữ tình:  - Viết những câu văn mang dáng dấp mềm mại, yên ả, trải dài như chính dòng nước: *con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình,...*  - Dụng công tạo ra một không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được lạc vào một thế giới kì ảo.  + Con sông giống như một cố nhân lâu ngày gặp lại.  + Nắng cũng “giòn tan” và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi “yên hoa tam nguyệt”  + Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ.  + Con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời.  + Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích.  \* Đây là kết quả của những công phu tìm tòi khó nhọc của một người nhất quyết không bằng lòng với những tri thức hời hợt, hoặc đã quen nhàm (Dẫn chứng: miêu tả nước sông Đà thay đổi theo mùa).  🡪Sự tài hoa đã đem lại cho áng văn những trang tuyệt bút.  🡪Tạo dựng nên cả một không gian trữ tình đủ sức khiến người đọc say đắm, ngất ngây.  **2. Hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo**  - Tính chất cuộc chiến: không cân sức  + Sông Đà: sóng nước hò reo quyết vật ngửa mình thuyền; thạch trận với đủ 3 lớp trùng vi vây bủa, được trấn giữ bởi những hòn đá ngỗ ngược, hỗn hào và nham hiểm 🡪 dữ dội, hiểm độc với sức mạnh được nâng lên hàng thần thánh.  + Con người: nhỏ bé, không hề có phép màu, vũ khí trong tay chỉ là chiếc cán chèo trên một con đò đơn độc hết chỗ lùi.  - Kết quả: Thác dữ đã không chặn bắt được con thuyền; con người chiến thắng sức mạnh thần thánh của tự nhiên.  + Con người cưỡi lên thác ghềnh, xé toang hết lớp này đến lớp kia của trùng vi thạch trận; đè sấn được sóng gió, nắm chặt cái bờm sóng mà thuần phục sự hung hãn của dòng sông.  + Những thằng đá tướng phải lộ sự tiu nghỉu, thất vọng qua bộ mặt xanh lè.  - Nguyên nhân làm nên chiến thắng: sự ngoan cường, dũng cảm, tài trí, chí quyết tâm và nhất là kinh nghiệm đò giang sông nước, lên thác xuống ghềnh.  \* **Nhận xét:**  + Thiên nhiên: vàng; con người lao động: vàng mười 🡪 trong cảm xúc thẩm mĩ của tác giả, con người đẹp hơn tất cả và quý giá hơn tất cả.  + Con người được ví với khối vàng mười quý giá lại chỉ là những ông lái, nhà đò nghèo khổ, làm lụng âm thầm, giản dị, vô danh.  + Những con người vô danh đó đã nhờ lao động, nhờ cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên mà trở nên lớn lao, kì vĩ, hiện lên như đại diện của Con Người.  =>Nét độc đáo trong cách khắc hoạ:  - Tô đậm nét tài hoa nghệ sĩ.  - Tạo tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ phẩm chất.  - Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đầy cá  tính, giàu chất tạo hình.  \* Khúc hùng ca ca ngợi con người, ca ngợi ý chí của con người, ca ngợi lao động vinh quang đã đưa con người tới thắng lợi trước sức mạnh tựa thánh thần của dòng sông hung dữ. Đó chính là những yếu tố làm nên chất vàng mười của nhân dân Tây Bắc và của những người lao động nói chung.  **III. Tổng kết:**  - Tác phẩm: Ngợi ca vẻ đẹp vừa kì vĩ, hào hùng, vừa trữ tình, thơ mộng của thiên nhiên và nhất là của con người lao động bình dị ở miền Tây Bắc  - Tác giả Nguyễn Tuân:  + Tình yêu đất nước say đắm, thiết tha.  + Lao động nghệ thuật nghiêm túc, cần cù, công phu.  + Tài hoa, uyên bác trong việc dùng chữ nghĩa.  **IV. Luyện tập**  - Làm câu 5 phần Hướng dẫn học bài ở lớp  - Làm bài tập 1,2 phần Luyện tập ở nhà |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

**-** Hình tượng Sông Đà hung bạo và trữ tình. Thủy chiến Sông Đà.

**5. Dặn dò:**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài *Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận.*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 48. Làm văn. CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Giúp HS:Hệ thống hoá những lỗi thường gặp khi lập luận.Tự phát hiện, phân tích và sửa chữa lỗi về lập luận trong bài văn nghị luận của chính mình.Có ý thức thận trọng để tránh lỗi về lập luận trong các bài viết.

**2. Kĩ năng** : Tự nhận thức về các lỗi cá nhân thường gặp trong việc viết các văn bản nghị luận và biết cách sửa chữa để nâng cao chất lượng bài văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ** : Xác định các lựa chọn phù hợp để nhận ra và chữa lỗi lập trong bài văn nghị luận.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học.

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.  **Phương pháp**

- Thảo luận theo nhóm.

- Phát huy khả năng làm việc độc lập của từng cá nhân, kết hợp với khả năng hợp tác, giao tiếp của các thành viên trong nhóm và giữa các nhóm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ……………………..**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Trong quá trình viết văn nghị luận, chúng ta thường mắc nhiều lỗi về cách nêu luận điểm, luận cứ và luận chứng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu các lỗi thường gặp để tìm cách phân tích và sửa chữa khi viết văn nghị luận.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | |
|  |  | | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu các lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm.  Bài tập 1: Tìm hiểu những đoạn văn trong sgk và cho biết việc nêu luận điểm mắc lỗi là gì?  - GV cho HS thảo luận theo nhóm sau đó nhận xét.  + Nhóm 1: đoạn văn a  + Nhóm 2: đoạn văn b  + Nhóm 3: đoạn văn c | - HS thảo luận và trả lời:  + Luận điểm nêu ra không rõ, trùng lặp ý: “cảnh vật trong bài thơ thu điếu của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ”, “ngưng đọng, im lìm”, “cảnh sắc im ắng”  + Luận điểm “Người làm trai thời xưa…để mở mày, mở mặt với thiên hạ” dài dòng, không nêu được trọng tâm của luận điểm (ý nghĩa của nợ công danh theo quan niệm của PNL là gì)  + Giữa luận điểm “VHDG ra đời từ…phát triển”, với luận cứ tiếp theo “Nhắc đến nó…cuộc sống” rời rạc và không có sự liên kết về nội dung. | | **I. Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm:**  **1. Bài tập 1: Lỗi nêu luận điểm**  a. Việc nêu luận điểm chưa rõ ràng, nội dung trùng lặp mà không có sự nhấn mạnh hay phát triển ý  b. Đoạn văn b: Luận điểm nêu ra dài dòng, rườm rà, không rõ ràng, không trình bày được đúng bản chất của vấn đề.    c. Đoạn văn c: Luận điểm không rõ ràng, nhiều luận điểm nhưng không luận điểm nào được triển khai đầy đủ, chưa logic với luận cứ nêu ra. |
| Bài tập 2: GV hướng dẫn HS chữa lại những đoạn văn trên cho đúng.  - GV yêu cầu HS chữa lại các đoạn văn sao cho mỗi đoạn nêu rõ luận điểm  - Sau khi HS đưa ra cách chữa đoạn văn của mình, gv yêu cầu một HS khác nhận xét, sau đó GV kết luận. | - Đoạn văn a: nên thay từ “vắng vẻ” bằng một tính từ khác để phù hợp với các luận cứ  - Đoạn văn b: thay bằng luận điểm “Người làm trai thời xưa luôn mang theo bên mình món nợ công danh”  - Đoạn văn c: Luận điểm cần sửa lại là “VHDG là kho tàng kinh nghiệm của cha ông được đúc kết từ xưa” | | **2. Bài tập 2**  - Đoạn văn a: (GV đọc đoạn văn mẫu đã sửa)  - Đoạn văn b: (GV đọc đoạn văn mẫu đã sửa)  - Đoạn văn c: (GV đọc đoạn văn mẫu đã sửa)  \* HS đọc ghi nhớ về các lỗi nêu luận điểm. |
| GV hướng dẫn HS tìm hiểu lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ.  - GV yêu cầu HS chỉ ra lỗi nêu luận cứ ở mỗi ví dụ và sửa lại cho đúng.  - GV cho HS thảo luận theo nhóm và trả lời. Các thành viên tổ khác tham gia nhận xét và sửa chửa bổ sung. | HS trao đổi, thảo luận và trả lời.  - Cần nêu rõ sự tương đồng giữa hình tượng thiên nhiên và cảm xúc của nhà thơ-tâm trạng riêng của Huy Cận, nhưng trong đó cũng hàm chứa tâm trạng của cái tôi thơ Mới.  - Sửa lại luận cứ:  “Nắng …sâu chót vót”  - Luận cứ thiếu chính xác: “Đất nước…hoàn toàn” (sửa lỗi)  - Thiếu toàn diện: chỉ nêu dẫn chứng về Hai Bà Trưng không phù hợp với luận điểm “trong lịch sử…cũng có” (Bổ sung luận cứ)  - Sắp xếp luận cứ theo trình tự hợp lý  - Luận cứ không phù hợp với luận điểm. “Ải chi Lăng…Bạch Đằng” các địa danh này không phải là “tên tuổi”. | | **II. Lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ:**  **1. Bài tập 1:**  - Lỗi nêu luận cứ: dẫn thơ sai, luận cứ đưa ra chưa chính xác, mơ hồ.  (GV cho HS tham khảo đoạn văn đã sửa đúng)  **2. Bài tập 2**  - Lỗi nêu luận cứ: luận cứ đưa ra thiếu chính xác, thiếu toàn diện.  **3. Bài tập 3**  - Lỗi luận cứ: lộn xộn, không theo trình tự logic.  - Luận cứ không phù hợp với luận điểm.  \* HS đọc ghi nhớ về các lỗi nêu luận cứ. |
| - GV hướng dẫn HS tìm ra lỗi liên quan đến việc vận dụng cách thức lập luận.  - GV yêu cầu HS phân tích lỗi về cách thức lập luận và sửa chữa lại cho đúng  - GV yêu cầu HS phân tích lỗi và sửa chữa đoạn. Sau đó Gv nhận xét.  - GV yêu cầu HS tìm lỗi của đoạn và chữa lại cho đúng.GV nhận xét câu trả lời và điều chỉnh bài của HS  - Qua các bài tập đã làm em rút ra kết luận gì về những lỗi nên tránh khi viết văn nghị luận? | \* HS thảo luận theo nhóm.  - Bổ sung luận cứ  - Sắp xếp lại luận cứ cho phù hợp.  - Các luận cứ đều nói về cái đói và những nhân vật gắn với cái đói nhưng Lđiểm nêu ra lại là “Nam Cao viết về nông thôn”. Sửa lại: “NC viết nhiều về miếng ăn và cái đói”  - LĐ không rõ ràng: phần gợi mở, dẫn dắt không giúp cho việc nêu bật luận đểm chính.  - Luận cứ không phù hợp với phạm vi đề tài đã nêu ở câu trước “tinh tế…Đỗ Phủ (Thu hứng)”  - HS suy nghĩ trả lời. | | **III. Lỗi về cách thức lập luận:**  **1. Bài tập 1**  - Lỗi về cách thức lập luận: trình bày luận cứ thiếu lôgic, lộn xộn. Hệ thống luận cứ không đủ làm sáng tỏ cho luận điểm chính.  **2. Bài tập 2**  - Lỗi về cách thức lập luận: Luận điểm không rõ ràng.  - Luận cứ thiếu toàn diện (chỉ tập trung vào “cái đói”trong tác phẩm viết về đề tài nông thôn và nông dân của Nam Cao)  **3. Bài tập 3**  - Luận điểm không rõ ràng, luận cứ không phù hợp với phạm vi đề tài.  (GV cho HS tham khảo đoạn văn).  \* HS đọc ghi nhớ về các lỗi liên quan đến cách thức lập luận.  **IV. Tổng kết:** (ghi nhớ)/sgk |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

**-** Những lỗi nên tránh khi viết văn nghị luận.

**5.Dặn dò**

- HS về nhà xem lại các lỗi ở bài viết số 3 và làm bài tập trong sách bài tập Ngữ văn 12.

- GV sẽ kiểm tra vở bài tập của một số HS trong giờ trả bài cũ tại lớp.

- Chuẩn bị bài mới: “*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*” (Hoàng Phủ Ngọc Tường).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 49. Đọc văn. AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?**

**(*Trích)***

***Hoàng Phủ Ngọc Tường***

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Giúp học sinh hiểu được:Thấy được tình yêu, niềm tự hào tha thiết, sâu lắng của tác giả dành cho dòng sông quê hương, cho xứ Huế thân yêu. Hiểu được đặc trưng của thể loại bút ký và đặc sắc nghệ thuật của bài ký.

**2. Kĩ năng** : Phân tích, bình luận về cá tính sắc nét trong sự thể hiện vẻ đẹp của dòng sông ở hai tác phẩm của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường.

**3. Tư duy, thái độ** : Tự nhận thức về tấm lòng trân trọng trước những giá trị văn hóa của đất nước, qua đó rút ra bài học về sự gắn bó của mỗi cá nhân với quê hương đất nước.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**.  **Phương pháp**

- Tác phẩm thuộc thể loại bút kí, khi phân tích, cần chú ý đặc trưng thể loại. Trong đó, cảm xúc và suy tư của tác giả về đối tượng phản ánh là trọng tâm.

- Kết hợp giữa đàm thoại và diễn giảng, phát vấn vè gợi ý giúp HS cảm nhận nét riêng của đối tượng phản ánh và nét riêng trong lối viết bút kí của tác giả.

Vẻ đẹp thiên nhiên phong phú, đa dạng, huyền ảo, đầy chất thơ như đời sống, như tâm hồn con người xứ Huế qua hình tượng dòng sông Hương được diễn tả trong thể loại bút kí bởi cây bút uyên bác và tài hoa.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: …………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Phân tích hình tượng con sông Đà.

- Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà.

- Qua bài tuỳ bút, em có nhận xét gì về tác giả Nguyễn Tuân?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Nguyễn Tuân từng ca ngợi: Kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường có rất nhiều ánh lửa. Bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông? đi sâu khám phá cá tính Huế từ một dòng sông xứ Huế. Đây là một tác phẩm đặc sắc vừa thể hiện những nét đẹp độc đáo của sông Hương, vừa thể hiện nét tài hoa, uyên bác của cái tôi Hoàng Phủ Ngọc Tường nhạy cảm, tinh tế, nhất mực say mê cái đẹp của quê hương, đất nước.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **?** Hãy nêu vài nét chính về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường giúp ta hiểu sâu sắc hơn tác phẩm?  **?** Em hãy xác định thể loại của tác phẩm?  **?**Khi tìm hiểu một tác phẩm tuỳ bút, chúng ta cần nắm những vấn đề chung nào?  GV kể huyền thoại tên dòng sông ở phần cuối tác phẩm.  Bài tuỳ bút mang đậm phong cách nghệ thuật viết ki của Hoàng Phủ Ngọc Tường.  **?**Về đoạn trích, chúng ta nên tìm hiểu những nội dung nào?  **?**Hãy xác định vị trí và nội dung của đoạn trích?  **?**Chia bố cục và xác định nội dung của từng phần.  **GV hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.**  **?** Sông Hương vùng thượng lưu được tác giả miêu tả như thế nào? Những hình ảnh, chi tiết, những liên tưởng và thủ pháp nghệ thuật nào cho thấy nét riêng trong lối viết kí của tác giả?  Trong “ Sử thi buồn”, Hoàng Phủ Ngọc Tường từng nói: “*Trước khi về hội nhau ở ngã ba Tuần, cả hai nhánh nguồn của sông Hương đều đã rong ruổi triền miên qua địa bàn sinh sống của người Cờ Tu giữa rừng già. Trước khi là sông Hương của Huế, nó đã là một dòng sông của dân tộc Cờ Tu, mang cái tên gốc “Pô-ly-ê-điêng” là sông “A Pàng”.*  *Nếu mải mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của dòng sông…*  Hé mở một phát hiện mới của tác giả về vẻ đẹp của Sông Hương: Người ta hay nghe tới  sông Hương gắn với Huế “dịu dàng pha lẫn trầm tư”, êm đềm, trong trẻo nay lại biết tới phần dữ dội, mê hoặc, khó cưỡng của dòng sông.  Chuyển: Kết thúc đoạn văn tác giả vừa giới thiệu trọn vẹn con sông với tâm hồn sâu thẳm của nó; vừa dẫn dắt, gợi mở sang đoạn tiếp theo sẽ miêu tả khuôn mặt kinh thành của dòng sông.  **-**Sông Hương trong mối quan hệ với kinh thành Huế:  + Quan hệ giữa sông Hương và có đô: “người tình mong đợi” =>hành trình về cố đô được hình dung như “một cuộc tìm kiếm có ý thức” một người tình trong mộng của người con gái.  + Hành trình về xuôi tìm “người tình mong đợi”:  **?** Đoạn tả sông Hương chảy xuôi về đồng bằng và ngoại vi thành phố bộc lộ chất tài hoa của tác giả như thế nào? Hiệu quả thẩm mỹ của lối viết đó?  - Em hãy tìm câu nhận xét chung của tác giả về sông Hương chảy về đồng bằng và ngoại vi thành phố?  - Sông Hương giữa cánh đồng Châu Hoá như thế nào?  - Sông Hương ra khỏi vùng núi?  Từ sự đổi dòng liên tục cuả dòng sông, các em có cảm nhận gì về sức sống và tâm hồn của nó?  - so sánh độc đáo, giàu sức gợi => tả mặt nước phẳng lặng và không gian bờ bãi u tịnh bằng liên tưởng tới triết học, thơ cổ => nổi bật vẻ thâm nghiêm, bao nhiêu thăng trầm lịch sử, bao nhiêu dời đổi của các triều đại đã tạo thành trầm tích văn hóa lặn vào vẻ đẹp ngàn năm không suy xuyển của dòng nước > thấp thoáng hình ảnh một “cái tôi” giàu suy tư.  Bộc lộ hết nét lịch lãm và tài hoa trong lối hành văn của tác giả.  **Chuyển:** Thuỷ trình của sông Hương chảy về đồng bằng và ngoại vi thành phố đã khép lại trong âm vang ngân nga của tiếng chuông chùa Thiên Mụ và bát ngát tiếng gà và mở ra một hành trình mới của sông Hương.  **?** Khi chảy vào thành phố, sông Hương có nét đặc trưng gì?  - *…tiếng vâng*”: so sánh lạ, dùng tiếng “vâng” vốn trừu tượng, e ấp, ngập ngừng, ý vị, thiêng liêng trên bờ môi cô gái đang yêu để tả hình dáng mềm mại nơi cánh cung của dòng sông => cái nhìn tình tứ, thống nhất, đem lại cho người đọc những khoái cảm thẩm mĩ độc đáo.  • So sánh sông Hương với sông Xen của Paris, sông Đa-nuýp của Bu-đa-pét > những tên sông đã trở thành linh hồn của thủ đô các nước, thành biểu tượng văn hóa của quốc gia > ngầm thể hiện lòng tự hào về sông Hương và kinh thành Huế. (Liên hệ với Nguyễn Trãi trong “Bình Ngô đại cáo”: đặt các triều đại Việt Nam sánh ngang với các triều đại Trung Hoa)  Liên hệ:  *- Con sông dùng dằng, con sông không chảy.*  *Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu. (Thu Bồn)*  *- Gió theo lối gió, mây đường mây*  *Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay. (Hàn Mặc Tử)*  *- Hương giang ơi, dòng sông êm*  *Qua tim ta vẫn ngày đêm tự tình*  *(Tố Hữu)*  • Nền âm nhạc cổ điển Huế: “được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này” > Sông Hương gắn với lịch sử âm nhạc lâu đồi của Huế, là cái nôi hình thành nền âm nhạc truyền thống > gợi nhắc đến sông Nile, sông Hắng, sông Hoàng Hà – cũng là những cái nôi hình thành những nền văn hóa lớn trên thế giới > nhà văn cảm nhận dòng sông ở góc độ văn hóa.  **?** Sông Hương trong mối quan hệ vớí lịch sử dân tộc như thế nào?  **?** Sông Hương có vai trò như thế nào trong thơ ca?  GV:Chữ ***tài*** và chữ ***tâm*** của Hoàng Phủ Ngọc Tường thể hiện trong tác phẩm?  **GV hướng dẫn HS tổng kết**  Nét riêng trong nghệ thuật viết kí của tác giả?  So sánh với nghệ thuật viết kí Nguyễn Tuân: Nguyễn Tuân- tạng nóng, Hoàng Phủ Ngọc Tường- tạng lạnh; Nguyễn Tuân- tài hoa kêu bạc, Hoàng Phủ Ngọc Tường- tài hoa, sâu lắng; Nguyễn Tuân là con sông Đà “*Chúng thuỷ giai đông tẩu, Đà giang độc bắc lưu”* thì Hoàng Phủ Ngọc Tường là “*Con sông dùng dằng, con sông không chảy.*  *Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu”.*  Đoạn trích giáo dục em điều gì?  Bài học rèn luyện cho em kĩ năng gì? | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực.  - Quê gốc ở Quảng Trị sống, học tập, trưởng thành và gắn bó sâu sắc với Huế.  - Chuyên viết thể loại bút ký.  - Phong cách nghệ thuật: kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hoá, lịch sử, địa lý... Tất cả được thể hiện qua lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa.  **2. Tác phẩm:**  ***a. Thể loại:*** bút kí.  ***b. Tiêu đề:* “***Ai đã đặt tên cho dòng sông*” → giàu chất thơ.  ***c. Đề tài:*** Viết về sông Hương và xứ Huế.  ***d. Nội dung:*** miêu tả vẻ đẹp của sông Hương từ nhiều góc độ như thiên nhiên văn hoá, lịch sử và nghệ thuật.  **3. Đoạn trích:**  ***a. Vị trí:*** đoạn trích thuộc phần đầu của tác phẩm. Tác giả xuôi theo sông Hương từ thượng nguồn đến cửa biển và trình bày những hiểu biết của mình về dòng sông.  ***b. Bố cục:***  - Đoạn 1: “*Trong những dòng sông*…*dưới chân núi Kim Phụng*”: Sông Hương vùng thượng nguồn là dòng chảy có mối quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn.  - Đoạn 2: Từ “*Phải nhiều thế kỷ … quê hương xứ sở*”: Sông Hương những mối quan hệ với kinh thành Huế.  - Đoạn 3: “*Hiển nhiên là sông Hương... cho dòng sông?”*: Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc, với cuộc đời và thi ca.  **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1. Sông Hương vùng thượng nguồn- quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn:** Tên gốc: “A Pàng”→ dòng sông tựa như “Đời người”, nó đã chở đầy phận người từ thuở giọt địa chất sinh ra (***Sử thi buồn***) => cảm xúc hướng nội.  - “*rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn”* → Sự mãnh liệt, hoang dại.  - “*dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng”* (màu sắc rực rỡ)→ Vẻ đẹp dịu dàng, say đắm.  - “*như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại”* (nhân hoá) , rừng già đã hun đúc một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng; cũng chính rừng già đã chế ngự sức mạnh bản năng để khi ra khỏi rừng, nó mang “*một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa”.*  *=>*Sông Hương là “*một bản trường ca của rừng già”* với nhiều tiết tấu vừa hùng tráng, dữ dội. Nó mang vẻ đẹp của một sức sống vừa mãnh liệt, hoang dại; vừa dịu dàng, say đắm, đầy cá tính (nét riêng trong lối viết kí của tác giả). Đó cũng là tâm hồn sâu thẳm vừa sục sôi vừa đằm thắm của “*thiếu nữ A Pàng*”.  \* **Nghệ thuật**:  - Liên tưởng kì thú, xác đáng.  - Ngôn từ gợi cảm.  => Sức cuốn hút, hấp dẫn về một con sông mang linh hồn, sự sống.  **2. Sông Hương trong mối quan hệ với kinh thành Huế:** “*người tình mong đợi”*  ***a. Sông Hương chảy về đồng bằng và ngoại vi thành phố:*** *“người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng”* được *“người tình mong đợi đến đánh thức”.*  - Giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại: sông Hương là “*cô gái đẹp nằm ngủ mơ màng”.*  - Ra khỏi vùng núi:  + Xuôi về đồng bằng: *Chuyển dòng liên tục, vòng giữa những khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm… vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ* → như nàng tiên được đánh thức, sông Hương bỗng bừng lên sức trẻ và niềm khao khát tuổi thanh xuân.  + Đến ngoại vi thành phố: *sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn…*  *.* Chân núi Ngọc Trản: *sắc nước xanh thẳm… trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách.*  *.* Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo: *dòng sông mềm như tấm lụa… những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím”… giấc ngủ nghìn năm của vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ lan toả khắp một vùng thượng lưu.*  *=>* Vẻ đẹp dịu dàng, khi thì kiêu hãnh, bừng sáng, tươi tắn, trẻ trung ; khi thì trầm mặc như triết lí, như cổ thi.  \* **Nghệ thuật:**  - Kiến thức địa lí đã giúp tác giả miêu tả tỉ mỉ sông Hương với những khúc quanh và lưu vực của nó.  - Kiến thức văn hoá, văn học tạo ấn tượng về vẻ đẹp trầm mặc.  - Quan sát tinh tế và ngôn từ phong phú tạo ra câu văn đầy màu sắc tạo hình và ấn tượng.  - Bút pháp tả và kể kết hợp nhuần nhuyễn và tài hoa tạo ra sự phối cảnh kì thú mà hài hoà giữa sông Hương với thiên nhiên xứ Huế.  ***b. Sông Hương chảy vào thành phố:*** Sông Hương “*tìm đúng đường về”.*  - *Sông Hương vui tươi hẳn lên* → gặp thành phố như đến với điểm hẹn tình yêu.  - *chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non.*  *- uốn một cánh ung rất nhẹ sang đến Cồn Hến, đường cong làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu.*  *-* Chảy lặng lờ như *điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế.*  *- ngập ngừng như muốn đi, muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vấn vương của một nỗi lòng.*  => Sông Hương êm dịu, mềm mại, chậm rãi, ngập ngừng như có “*những vấn vương của một nỗi lòng”* không nỡ rời xa thành phố.  - *trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm thánh Bảy*→ vẻ đẹp lộng lẫy.  - *như sực nhớ một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối … nỗi vương vấn cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu* → phát hiện độc đáo.  Tóm lại, sông Hương như một cô gái Huế tài hoa, dịu dàng mà sâu sắc; đa tình mà kín đáo; lẳng lơ nhưng rất mực chung tình, khoé trang điểm mà không loè loẹt như cô dâu Huế ngày xưa trong sắc áo điều lục.  \* **Nghệ thuật:**  - Hình ảnh ấn tượng, cảm nhận tinh tế, liên tưởng so sánh bất ngờ lí thú → tình yêu say đắm con sông đã làm cho ngòi bút tác giả thăng hoa. Đó là những nét bút dịu dàng, tình tứ, đắm đuối.  - Cảm nhận sông Hương với nhiều góc độ: con mắt hội hoạ (sông Hương với những đường nét tinh tế làm nên vẻ đẹp cổ kính của cố đô), cảm nhận âm nhạc (điệu slow chậm rãi, sâu lắng, trữ tình; tiếng đàn của Kiều), cái nhìn đắm say của một trái tim đa tình (sông Hường là người tình dịu dàng và chung thuỷ).  **3. Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc, với cuộc đời và thi ca:**  ***a. Với lịch sử dân tộc:***  - *Dòng sông biên thuỳ xa xôi của đất nước các vua Hùng.*  *- Dòng Linh Giang (dòng sông thiêng) trong sách* ***Dư địa chí*** *của Nguyễn Trãi.*  *- Dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ*  *biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt qua những thế kỉ trung đại.*  *- Nó vẻ vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ.*  *- Nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ XIX với máu của những cuộc khởi nghĩa.*  *- Nó đi vào thời đại Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển.*  => Sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu những thế kỉ vinh quang từ thời vua Hùng dựng nước đến Cách mạng tháng Tám thàng công.  ***b. Sông Hương với cuộc đời và thi ca:***  - ***Với cuộc đời***:  + Sông Hương là nhân chứng nhẫn nại và kiên cường qua những thăng trầm của cuộc đời.  + *Khi nghe lời kêu gọi, nó biết cách tự hiến mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống đời thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước* → dòng sông mang vẻ đẹp giản dị mà khác thường.  - ***Với thi ca:***  + “*Dòng sông trắng – lá cây xanh*” trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà.  + Là vẻ đẹp hùng tráng “như kiến dựng trời xanh” trong thơ Cao Bá Quát.  + Nỗi quan hoài vạn cổ vạn cổ với bóng chiều bảng lảng trong thơ Bà Huyện Thanh Quan.  + Nó đột khởi thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn trong thơ Tố Hữu.  => Dòng sông *“ không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ*”.  **III. Tổng kết:**  - Văn phong tao nhã, cảm xúc hướng nội tài hoa, cách cảm nhận tinh tế của một cây bút giàu trí tuệ, tổng hợp từ vốn hiểu biết sâu rộng đã làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của bài kí.  - Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp của dòng sông Hương và xứ Huế. Qua đó, tác giả gởi gắm tình yêu và lòng tự hào tha thiết về sông Hương, xứ Huế và cũng là cho đất nước.  - Có tình cảm với Huế, trân trọng và giữ gìn những cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp và những nét đẹp văn hoá truyền thống; tinh tế và nhạy cảm đối với cuộc sống xung quanh.  – Kĩ năng đọc hiểu thể tuỳ bút theo đặc trưng thể loại, vận dụng tri thức bài học để đọc và viết các văn bản tương đương. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Sông Hương trong tâm cảm của tác giả.

- Những nét đặc sắc về ý tưởng, hình ảnh và ngôn ngữ của tác giả.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị bài: Đọc thêm: ***Những ngày đầu của nước Việt Nam mới* (Võ Nguyên Giáp)*.***

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 50. Đọc văn. Đọc thêm: NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA NƯỚC VIỆT NAM MỚI**

**(Trích *Những năm tháng không thể nào quên*)**

**Võ Nguyên Giáp**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Giúp học sinh hiểu được: Hiểu được những khó khăn, nguy nan của nước Việt Nam mới trong những ngày đầu và quyết sách đúng đắn, sáng suốt của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, thấy rõ mối quan hệ khăng khít giữa đất nước và nhân dân, lãnh tụ và quần chúng.

**2. Kĩ năng** :Giọng văn chân thành, giản dị, phù hợp với đặc điểm của bài kí.

**3. Tư duy, thái độ**: Biết trân trọng và không quên những năm tháng đầy khó khăn và vinh quang của đất nước.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp:** Đọc, thảo luận nhóm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ………………………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ**

-Vẻ đẹp của sông Hương trong từng chặng hành trình?

- Tài năng của Hoàng Phủ Ngọc Tường?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Đại tướng Võ Nguyên Giáp là nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam. Cuộc đời ông gắn liền với những năm tháng không thể nào quên của cách mạng. Đoạn trích “Những ngày đầu của nước Việt nam mới” trích trong tập hồi kí “Những năm tháng không thể nào quên” của ông ghi lại những nỗ lực của Đảng, chính phủ, Bác Hồ và nhân dân ta trong những ngày đầu sau cách mạng tháng Tám để giữ vững nền độc lập, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, khẳng định vị thế của nước Việt Nam mới*.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Tìm hiểu tác giả, hồi kí “*Những năm tháng không thể nào quên*”  - Gọi HS đọc phần tiểu dẫn và thực hiện yêu cầu sau: đôi nét về Võ Nguyên Giáp, kể tên những tập hồi kí của tác giả.  - Giới thiệu đôi nét về thể loại hồi kí  -Tóm tắt nội dung của "*Những năm tháng không thể nào quên*".  - Gọi học sinh đọc đoạn trích "*Những ngày đầu của nước Việt Nam mới*" và phân chia bố cục nêu nội dung của từng đoạn.  Hướng dẫn đọc thêm.  - Theo em điểm nhìn của tác giả là bối cảnh của Đất nước ta năm nào?, tình hình Đất nước lúc đó như thế nào?  - Câu hỏi 1 : Cảm nghĩ cụ thể của tác giả về *Những ngày đầu của nước Việt Nam mới*  như thế nào? Được thể hiện bằng hình thức nghệ thuật gì?  - Câu hỏi 2 : NVNM vừa mới khai sinh đã phải đương đầu với bao khó khăn, nguy nan nào?  - Câu hỏi 3 : Để đưa Đất nước vượt qua những khó khăn nguy nan ấy Đảng và Chính phủ đã có những quyết sách đúng đắn và sáng suốt như thế nào? (những dẫn chứng cụ thể nào là tiêu biểu)  - Câu hỏi 4 : Hình ảnh Bác Hồ được tác giả ghi lại trong đoạn trích này đã giúp em hiểu thêm gì về Bác trong những ngày mới khai sinh ra Nước VNDCCH?  - Qua đoạn trích em nhận xét gì về vai trò của Đảng và Bác Hồ đối với con thuyền CM Việt Nam ?  - Nét đặc sắc của thể hồi kí từ đoạn trích | **I. Giới thiệu chung**  **1. Tác giả**  - Võ Nguyên Giáp sinh năm 1911, quê Quảng Bình. Là nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, đảm đương nhiều chức trách quan trọng.  - Các tác phẩm hồi kí: Những năm tháng không thể nào quên( 1970), Chiến đấu trong vòng vây (1978), Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử(1994),...  **2. Vài nét về tập hồi kí “*Những năm tháng không thể nào quên"***  ***a. Thể loại hồi kí***  - Ghi chép những gì xảy ra trong quá khứ trên cơ sở hồi tưởng  - Tác giả: nổi tiếng  - Hình thức: tự kể hoặc có người khác ghi lại và thể hiện.  - Nội dung: cuộc đời mình, những sự kiện lịch sử tiêu biểu, những biến động xã hội rộng lớn.  - Nghệ thuật: tính xác thực cao.  => có giá trị văn học và xã hội, lịch sử.  ***b. Nội dung của “Những năm tháng không thể nào quên”***  - Hướng tới tái hiện những sự kiện trọng yếu, những biến cố có tính chất bước ngoặt trong lịch sử việt nam từ những ngày sục sôi trước cách mạng tháng Tám đến những ngày gay go ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, khắc hoạ hình ảnh những con người tiêu biểu của thời đại.  - Nhân vật : người bình thường vô danh và những người lãnh đạo đất nước.  => Tái hiện lịch sử ở những nét lớn, những bức tranh toàn cảnh, có sự đánh giá, bình luận ở tầm khái quát  ***c. Đoạn trích “ Những ngày đầu của nước Việt Nam mới”***  - Vị trí:thuộc chương 12 do nhà văn Hữu Mai thể hiện.  - Bố cục:4 đoạn  \* Từ đầu ... *ập vào miền bắc*. Từ thế đứng hiên ngang của dân tộc thời chống Mĩ, hồi tưởng về giờ phút hiểm nghèo của đất nước việt nam mới.  \* Tiếp theo ... *thêm trầm trọng*. Những khó khăn của đất nước-“ ngàn cân treo sợi tóc”  \* Tiếp theo ... *ba trăm bảy mươi kí lô gam vàng:* Những biện pháp của chính quyền mới và tinh thần quyết tâm vượt khó khăn của toàn Đảng toàn dân ta.  \* Còn lại. hình ảnh Bác Hồ  - Điểm nhìn trần thuật: bối cảnh đất nước ta năm 1970- cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt  **II. Hướng dẫn đọc thêm**  **1. Cảm nghĩ của tác giả**  - Năm 1945 là thời kì làm mưa làm gió của chủ nghĩa đế quốc gần hai chục vạn quân Tưởng từ mấy ngả ập vào miền Bắc; còn bây giờ mọi cách tô son trát phấn của đế quốc Mĩ với bọn ngụy quyền tay sai ở miền nam đều hoài công vô ích.  - Năm 1945 nước việt nam chưa có tên trên bản đồ thế giới, cả đông dương chỉ mang tên Indo - China thuộc Pháp; còn bây giờ là nước Nước Việt nam dân chủ cộng hòa  => qua lối so sánh thể hiện tình cảm tự hào ngợi ca dân tộc tổ quốc  **2. Hình ảnh nước Việt Nam mới**  ***a. Những khó khăn khi nước Việt Nam mới ra đời***  - Nhận định: “ nằm giữa bốn bể hùm sói, phải tự dốc mình đấu tranh dũng cảm, mưu trí, phải tìm mọi cách để sống còn”  - Cụ thể:  \* Đảng hoạt động bí mật, đảng viên công tác dưới danh nghĩa Việt minh. Chính quyền mới “ chưa được nước nào công nhận”  \* Kinh tế: ruộng đất vẫn trong tay địa chủ, bão lụt hạn hán liên miên, buôn bán với nước ngoài đình trệ, kho bạc chỉ còn có 1 triệu bạc rách.  \* Chính trị: nạn thất nghiệp tăng, nạn đói, dịch tả phát sinh và thực dân Pháp xâm lược.  => khó khăn “ càng thêm trầm trọng”, là thách thức quá lớn đối với chính quyền cách mạng còn non trẻ.  ***b. Những quyết sách đúng đắn và sáng suốt của Đảng và chính phủ:***  - Củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng.  - Giải tán chính quyền cũ, xây dựng bộ máy chính quyền mới, từ chính quyền cơ sở như HĐND, UB hành chính đến TW là quốc dân Đại hội, toàn dân đóng góp ý kiến cho dự án hiến pháp.  - Thi hành một số chính sách mới như: địa chủ phải giảm tô 25%, xóa nợ cho nông dân, tòa dân tăng cường học chữ quốc ngữ, học tập thi cữ đều miễn phí, động viên tinh thần đóng góp trong nhân dân, lập quỹ độc lập, kêu gọi đồng bào hưởng ứng “tuần lễ vàng”  => Nội lực của Nước Việt Nam mới được nâng lên nhanh chóng.  ***c. Hình ảnh Bác Hồ-Người cầm lái con thuyền cách mạng vượt qua sóng to gió lớn:***  - Toàn tâm, toàn ý vì dân, vì nước : “Ở Người, ...trong tình cảm”  - Chủ trương xây dựng mối quan hệ giữa những người làm việc trong bộ máy chính quyền mới với nhân dân.  - Đề ra 3 mục tiêu quan trọng : Diệt giặc đói, diệt giặc dôt, diệt giặc ngoại xâm(dựa vào lực lượng và tinh thần của dân).  - Lý tưởng và tấm lòng của Người được tác giả khái quát:  + Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập không có nghĩa lý gì.  + Hạnh phúc cho dân đó là mục đích của việc giành lấy chính quyền và giữ vững chính quyền ấy.  => tác giả kết luận : “Đồng bào ta đã nhận thấy ở Bác Hồ hình ảnh tượng trưng cao đẹp nhất của dân, của nước, của cách mạng.  **III. Tổng kết**:  **1. Về nội dung**: Những nỗ lực lớn của Đảng, các quyết sách kịp thời, thông minh và đầy hiệu quả. Lý tưởng và lòng yêu nước lớn lao của Bác.  **2. Về nghệ thuật:** Điểm nhìn trần thuật của một người đại diện cho bộ máy lãnh đạo Đảng và Chính phủ, do đó các sự kiện được kể lại mang tính chất toàn cảnh, tổng thể, phát họa những nét lớn, tạo án tượng sâu sắc vớ nhiều người, làm cho tác phẩm này không phải là sách tự thuật về một cuộc đời mà gần như là cuốn biên niên sử của cả một dân tộc. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

***-*** Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

**5. Dặn dò**

***-*** Chuẩn bị bài***Ôn tập văn học.***

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

***Tiết 51. Đọc văn :* ÔN TẬP VĂN HỌC**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Giúp HS:Nắm được những tri thức cơ bản về các tác giả và các tác phẩm văn học đã học, củng cố và hệ thống được những kiến thức đã học trên hai phương diện lịch sử và thể loại.

Hiểu được một cách cơ bản những kiến thức lí luận văn học về thể loại và phong cách văn học.

**2. Kĩ năng** : Trau dồi kĩ năng đọc hiểu và viết văn nghị luận.

**3. Tư duy, thái độ** : Tư duy khái quát, tổng hợp.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp**

- HS chuẩn bị các câu hỏi ôn tập trước.

- Trên lớp, GV nên chon những câu hỏi tiêu biểu để hướng dẫn HS phát biểu, trao đổi, thảo luận theo nhóm.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ………………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam đã học trong chương trình Ngữ văn 12 tập 1. Từ đó biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo những kiến thức đó vào bài kiểm tra Ngữ văn, trong đọc sách văn học, trong cuộc sống.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**  HDHS ôn tập phần khái quát VHVN từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.  - Trình bày quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX (những giai đoạn và thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn)?  + GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận theo sự chuẩn bị ở nhà.  + Sau khi các nhóm thảo luận xong, GV yêu cầu đại diện từng nhóm trình bày.  + Sau khi các nhóm trình bày và các học sinh khác nhận xét, bổ sung xong, GV nhận xét và chốt ý.  + GV lưu ý: Ở mỗi giai đoạn phát triển của văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX, các em cần nhớ những vấn đề cơ bản sau:  \* Đề tài, cảm hứng chủ yếu  \* Thành tựu:  🡪 Văn xuôi  🡪 Thơ ca  🡪 Kịch  🡪 Nghiên cứu, lí luận, phê bình  \* Những hạn chế (nếu có)  \* Những tác giả tác phẩm tiêu biểu.  + Để giúp HS có thể khắc sâu kiến thức, GV cho HS lập bảng thống kê tác giả tác phẩm tiêu biểu của từng giai đoạn.  - Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975?  HĐ2: (20 phút) HDHS ôn tập, củng cố kiến thức về một số tác giả tác phẩm tiêu biểu.  - Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh?  - Chứng minh mối quan hệ nhất quán giữa quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của Người?  + GV hướng dẫn HS chọn một số tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh để phân tích làm rõ ba quan điểm văn học của Người.  - Mục đích và đối tượng của bản *Tuyên ngôn độc lập* (căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể khi Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn)?  - Vì sao nói Tố Hữu là nhà thơ trữ tình – chính trị?  + GV bổ sung: Các tập thơ của Tố Hữu, từ *Từ ấy* cho đến *Ta với ta* hầu như đều bám sát và đánh dấu những chặng đường của cách mạng Việt Nam.  - Phân tích khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu?  + GV hướng dẫn HS về nhà tập trung phân tích một số tác phẩm tiêu biểu của Tố Hữu: *Từ ấy*, *Tâm tư trong tù*, *Việt Bắc*…  - GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện câu 6 và câu 7.  - Phân tích vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng (so sánh với hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu)?  + GV hướng dẫn thêm: Để làm rõ được vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng, trước hết phải phân tích từ chính nội dung tác phẩm, sau đó mới so sánh với hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu.  - GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện các câu 9, 10, 11.  - So sánh *Chữ người tử tù* (Ngữ văn 11, tập Một) với *Người lái đò Sông Đà*, nhận xét những điểm thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?  + GV lưu ý thêm cho HS vì sao lại có sự khác biệt đó trong phong cách sáng tác của Nguyễn Tuân.  - Sau khi các nhóm trình bày, GV nhận xét và chốt ý. | - HS hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV:  + Nhóm 1: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954.  + Nhóm 2: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1955 đến năm 1964.  + Nhóm 3: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975.  + Nhóm 4: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.  - Đại diện từng nhóm trình bày nội dung.  - Các thành viên của nhóm và của các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  \* Bảng thống kê các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Văn xuôi | Thơ ca | Kịch | | Từ 1945 đến 1954 | …… | ….. | ….. | | Từ 1955 đến 1964 | ……. | …… | …… | | Từ 1965 đến 1975 | …….. | ……. | ……. | | Từ 1975 đến hết thế kỉ XX | ……. | ……. | ……. |   - HS dựa vào kiến thức đã học để trình bày.  - HS tái hiện kiến thức, trình bày ba quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh.  - HS chứng minh mối quan hệ nhất quán giữa quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh trên cơ sở những tác phẩm đã học trong chương trình phổ thông:  + Văn chính luận: *Tuyên ngôn độc lập*  + Truyện kí: *Vi hành*  + Thơ: Một số tác phẩm trong tập *Nhật kí trong tù* hoặc các tác phẩm Bác làm trong thời gian kháng chiến chống Pháp…  - HS xác định mục đích và đối tượng của bản *Tuyên ngôn độc lập*.  - Phần phân tích nội dung và hình thức của tác phẩm để chứng minh *Tuyên ngôn độc lập* vừa là một áng văn chính luận mẫu mực vừa là một áng văn chan chứa những tình cảm lớn học sinh tiếp tục thực hiện ở nhà.  - HS xác định các yếu tố để khẳng định Tố Hữu là nhà thơ trữ tình – chính trị, thơ Tố Hữu tiêu biểu cho thể loại thơ trữ tình – chính trị.  - HS thảo luận, xác định khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu.  - HS thảo luận, làm rõ vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.  - So sánh:  + Nét chung:…  + Nét riêng:…  \* HS có thể lập bảng so sánh nét riêng của hình tượng người lính trong *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Đồng chí* của Chính Hữu để dễ ghi nhớ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Tây Tiến | Đồng chí | | Xuất thân | ……. | ……. | | Bút pháp miêu tả | ……. | ……. | | Khung cảnh | ……. | ……. | | Tính chất hình tượng | ……. | ……. |   - HS thực hiện thảo luận theo nhóm, ghi vào phiếu học tập:  + Những điểm thống nhất:  ………  ……….  ………  + Những điểm khác biệt:  ………  ……….  ………  - Các nhóm cử đại diện trình bày, tiếp tục thảo luận cả lớp để thống nhất. | 1. **Khái quát Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX**   **Câu 1:** Quá trình phát triển của Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX:  ***a. Chặng đường từ năm 1945 đến năm 1954:***  - Chủ đề:  + Ca ngợi Tổ quốc và quần chúng cách mạng.  + Kêu gọi tinh thần đoàn kết toàn dân.  + Cổ vũ phong trào Nam tiến.  + Biểu dương những tấm gương vì nước quên mình…  - Từ cuối năm 1946, VH tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống TD Pháp.  *- Thành tựu*:  *+* Văn xuôi: truyện ngắn và kí: *Một lần tới thủ đô, Trận phố Ràng* (Trần Đăng), *Đôi mắt, Nhật kí ở rừng* (Nam Cao)…  + Thơ: đạt nhiều thành tựu xuất sắc. Tác phẩm tiêu biểu: *Cảnh khuya, Rằm tháng giêng* (Hồ Chí Minh), *Đèo Cả* (Hữu Loan), *Bên kia sông Đuống* (Hoàng Cầm)…  + Kịch: Bắc Sơn, Những người ở lại (Nguyễn Huy Tưởng), Chị Hòa (Học Phi)…  + Lí luận, nghiên cứu, phê bình VH: *Chủ nghĩa Mác và mấy vấn đề văn hóa Việt Nam* (Trường Chinh), *Nhận đường, Mấy vấn đề nghệ thuật* (Nguyễn Đình Thi)…  ***b. Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964***  - VH tập trung thể hiện hình ảnh người lao động, ca ngợi những đổi thay của đất nước và con người trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.  - Thành tựu:  *+* Văn xuôi:  \* Mở rộng đề tài, bao quát được khá nhiều vấn đề và phạm vi của hiện thực đời sống: *Mùa lạc* (Nguyễn Khải), *Cao điểm cuối cùng* (Hữu Mai)…  \* Viết về hiện thực đời sống trước cách mạng với cái nhìn, khả năng phân tích và sức khái quát mới: *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Mười năm* (Tô Hoài)…  \* Hạn chế: Nhiều tác phẩm viết về con người và cuộc sống một cách đơn giản, phẩm chất nghệ thuật còn non yếu.  + Thơ: phát triển mạnh mẽ  \* Đề tài: sự hồi sinh của đất nước, thành tựu bước đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nỗi đau chia cắt hai miền Nam – Bắc…  \* Kết hợp hài hòa yếu tố hiện thực và yếu tố lãng mạng cách mạng.  \* Tác phẩm tiêu biểu: *Gió lộng* (Tố Hữu), *Ánh sáng và phù sa* (Chế Lan Viên), *Riêng chung* (Xuân Diệu)..  + Kịch: *Một đảng viên* (Học Phi), *Quẫn* (Lộng Chương), *Chị Nhàn* (Đào Hồng Cẩm)…  ***c. Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975***  - Tập trung viết về cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ.  - Chủ đề bao trùm: Ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.  *- Thành tựu*:  + Văn xuôi:  \* Phản ánh cuộc chiến đấu và lao động.  \* Khắc họa thành công hình ảnh con người Việt Nam anh dũng, kiên cường.  \* Tác phẩm: *Người mẹ cầm súng* (Nguyễn Thi), *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành)…  + Thơ:  \* Đạt được nhiều thành tựu xuất sắc.  \* Khuynh hướng mở rộng và đào sâu vào hiện thực.  \* Tăng cường sức khái quát, chất suy tưởng, chính luận.  \* Tác phẩm tiêu biểu: *Ra trận, Máu và hoa* (Tố Hữu), *Những bài thơ đánh giặc* (Chế Lan Viên), *Tôi giàu đôi mắt* (Xuân Diệu)…  + Kịch: *Đại đội trưởng* (Đào Hồng Cẩm), *Đôi mắt* (Vũ Dũng Minh)…  + Các công trình nghiên cứu, lí luận, phê bình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh…  ***d. Văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX***  - Từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI, Văn học bước vào chặng đường đổi mới.  - Văn học phát triển dưới tác động của nền kinh tế thị trường.  **Câu 2:** Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975:  a. Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hóa, gắn bó sâu sắc với vận mệnh của đất nước.  b. Nền văn học hướng về đại chúng.  c.Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.  **II. Những tác giả tiêu biểu và tác phẩm của những tác giả đó:**  **Câu 3:** Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh:  a. Coi văn học là vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng.  b. Luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học.  c. Phải xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức tác phẩm.  - Mối quan hệ nhất quán giữa quan điểm sáng tác và sự nghiệp văn học của Người: (chứng minh bằng việc phân tích các tác phẩm đã học)  **Câu 4:** Mục đích viết *Tuyên ngôn độc lập* của Bác:  - Khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, đồng thời còn là cuộc tranh luận nhằm bác bỏ luận điệu xảo trá của bè lũ xâm lược Pháp, Mĩ…  - Tuyên bố với đồng bào cả nước và nhân dân thế giới về quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.  **Câu 5:**  ***a. Tố Hữu là nhà thơ trữ tình – chính trị***  - Tố Hữu là một thi sĩ – chiến sĩ, một kiểu mẫu nhà văn – chiến sĩ thời đại cách mạng.  - Thơ Tố Hữu, trước hết nhằm phục vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng, cho những nhiệm vụ chính trị cơ bản của mỗi giai đoạn cách mạng.  - Thơ Tố Hữu chủ yếu khai thác cảm hứng từ đời sống chính trị của đất nước, từ tình cảm chính trị của chính bản thân nhà thơ.  ***b. Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu***  - Thơ Tố Hữu mang đậm chất sử thi:  + Tập trung thể hiện những vấn đề trọng đại, có ý nghĩa sống còn của cả cộng đồng, của cách mạng, của dân tộc.  + Con người trong thơ Tố Hữu chủ yếu được nhìn nhận từ nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.  + Cái tôi trữ tình trong thơ Tố Hữu, từ buổi đầu đến với cách mạng là cái tôi – chiến sĩ, sau đó là cái tôi – công dân mang hình thức trữ tình nhập vai.  - Thơ Tố Hữu cũng rất tiêu biểu cho cảm hứng lãng mạn. Đó là cảm hứng lãng mạn cách mạng.  **Câu 8:** Hình tượng người lính trong *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Đồng chí* của Chính Hữu:  ***a. Nét riêng:***  - Trong bài thơ *Tây Tiến*:  + Người lính Tây Tiến phần lớn là học sinh, sinh viên được khắc họa chủ yếu bằng bút pháp lãng mạn: Họ hiện ra trong khung cảnh khác thường, kì vĩ, nổi bật với những nét độc đáo, phi thường.  + Hình tượng người lính vừa có vẻ đẹp lãng mạn, vừa đậm chất bi tráng, phảng phất nét truyền thống của người anh hùng.  - Trong bài thơ *Đồng chí*:  + Người lính được khắc họa chủ yếu bằng bút pháp hiện thực: hiện ra trong không gian, môi trường quen thuộc, gần gũi, cái chung được làm nổi bật qua những chi tiết chân thực, cụ thể.  + Người lính xuất thân chủ yếu từ nông dân, gắn bó với nhau bằng tình đồng chí, tình giai cấp. Tình cảm, suy nghĩ, tác phong sống giản dị. Họ vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, thực sự là những con người bình thường mà vĩ đại.  ***b. Nét chung***  - Hình tượng người lính trong cả hai bài thơ đều là người chiến sĩ sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gian khổ, xả thân vì Tổ quốc, xứng đáng là những anh hùng.  - Họ mang vẻ đẹp của hình tượng người lính trong thơ ca giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và thể hiện cảm hứng ngợi ca của văn học kháng chiến.  **Câu 12:** Điểm thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945 qua truyện ngắn *Chữ người tử tù* và tùy bút *Người lái đò Sông Đà*:  - ***Những điểm thống nhất:***  + Có cảm hứng mãnh liệt trước những cảnh tượng độc đáo, tác động mạnh vào giác quan nghệ sĩ.  + Tiếp cận thế giới thiên về phương diện thẩm mỹ, tiếp cận con người thiên về phương diện tài hoa nghệ sĩ.  + Ngòi bút tài hoa, uyên bác.  ***- Những điểm khác biệt:***  + Nếu trong *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân đi tìm cái đẹp trong quá khứ “vang bóng một thời”, thì trong *Người lái đò Sông Đà*, nhà văn đi tìm cái đẹp trong cuộc sống hiện tại.  + Trong *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ ở tầng lớp những con người thực sự là những nghệ sĩ. Còn trong *Người lái đò Sông Đà*, ông đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ trong đại chúng nhân dân. Cái đập mạnh vào giác quan nghệ sĩ của ông giờ đây là những thành tích của nhân dân trong lao động. |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố**

- Các câu hỏi chưa tiến hành trên lớp, các em tiếp tục về nhà thực hiện.

- Về những tác phẩm khác, các em dựa vào Hướng dẫn học bài và Hướng dẫn đọc thêm để ôn tập.

**5. Dặn dò**

- Nắm vững những nội dung đã học và vận dụng những nội dung ấy vào việc làm bài kiểm tra tổng hợp cuối HKI.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 52. Làm văn: THỰC HÀNH CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG**

**VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức** : Giúp HS:Củng cố kĩ năng tự phát hiện và chữa những lỗi thường gặp khi lập luận.

**2. Kĩ năng** : Nâng cao kĩ năng tạo các đoạn văn có lập luận chặt chẽ, sắc sảo.

**3. Tư duy, thái độ** : Có ý thức thận trọng để tránh những lỗi về lập luận trong các bài viết.

**B. Phương tiện**

+ GV : Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học

+ HS chuẩn bị: đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

**C**. **Phương pháp**

- Thảo luận theo nhóm để phát hiện lỗi.

- Phát huy khả năng làm việc độc lập của từng cá nhân, kết hợp với khả năng hợp tác, giao tiếp của các thành viên trong nhóm và giữa các nhóm.

- Thảo luận để tổng hợp các ý kiến về cách sửa lỗi, nhằm giúp HS tự lựa chọn và điều chỉnh cách sửa lỗi sao cho hiệu quả nhất.

- Hướng dẫn HS đối chiếu, so sánh để tìm ra những phương án, những kết luận xác đáng nhất.

**D**. **Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: …………………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm**

*Văn nghị luận nói chung rất phong phú và đa dạng . Người viết thường mắc phải những lỗi diễn đạt do : thiếu kĩ năng diễn đạt , lập luận về luận điểm và luận cứ … Bài học hôm nay sẽ giúp các em khắc phục những lỗi lập luận đó.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**  - GV yêu cầu một HS nhắc lại những lỗi lập luận thường gặp (đã tìm hiểu trong bài *Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận*).  - HS trình bày Ghi nhớ.  - GV hướng dẫn HS chia nhóm HS (hai bàn thành một nhóm) thảo luận phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn và thực hành chữa lại đoạn văn để lập luận chặt chẽ, lôgíc và có sức thuyết phục.  **+ Nhóm 1:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **a** và chữa lỗi.  **+ Nhóm 2:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **b** và chữa lỗi.  **+ Nhóm 3:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **c** và **d** rồi chữa lỗi.  **+ Nhóm 4:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **e** và chữa lỗi.  **+ Nhóm 5:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **g** và chữa lỗi.  **+ Nhóm 6:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **h** và chữa lỗi.  - Các nhóm thảo luận trên cơ sở mỗi thành viên đã soạn bài, thống nhất ý kiến, ghi vào bảng phụ trong thời gian 10 phút.  - Sau khi thảo luận, GV mời từng đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận; các nhóm khác có thể bổ sung ý kiến.  - GV căn cứ vào kết quả trên bảng phụ của các nhóm và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  - GV có thể cho điểm trực tiếp những nhóm làm việc tích cực và có kết quả tốt.  - HS tự bổ sung vào bài soạn của mình. | **1. Đoạn văn a:**  - Lỗi lập luận: Ví dụ đưa ra không phù hợp với nội dung của câu trước đó, không làm toát lên được ý “tác động mạnh mẽ đến tâm hồn con người”.  - Gợi ý sửa lỗi: *Giá trị quan trọng nhất của VHDG là giá trị nhận thức ... vừa tác động mạnh mẽ đế tâm hồn con người. Ví dụ như câu: “Thân em như tấm lụa đào – Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”. Câu ca dao cho người đọc thấy sự ý thức của người phụ nữ về vẻ đẹp, về giá trị của mình. Đồng thời, người đọc cũng thấy được nỗi đau về thân phận bị phụ thuộc và hạnh phúc bấp bênh ở họ. Họ đáng trân trọng và cũng đáng thương.*  **2. Đoạn văn b:**  - Lỗi lập luận: Nội dung câu kết không phù hợp với các câu trên.  - Sửa lỗi: bỏ đi câu cuối.  **3. Đoạn văn c:**  - Lỗi lập luận: Các câu văn diễn đạt ý rời rạc, không phù hợp với nhau, thiếu mạch lạc.  - Sửa lại: *Truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân đã cho ta thấy sức mạnh của tình người trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống. Trong cái đói gay gắt, họ đạ biết nương tựa vào nhau, chia sẻ cho nhau. Đó chính là biểu hiện của giá trị nhân đạo trong tác phẩm.*  **4. Đoạn văn d:**  - Lỗi lập luận: Câu 3 và 4 có nội dung không phù hợp với nhau.  - Sửa lỗi: *Nếu ai đã từng đi ra biển thì hẳn phải cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu và sức mạnh của những con sóng miên man vỗ bờ. Những con sóng luôn biến đổi khôn lường, lúc thì êm ả dịu dàng, lúc lại sôi sục, dữ dội. Chính vì thế XQ đã ví tình yêu của mình như những con sóng để nói lên tình yêu của mình.*  **5. Đoạn văn e:**  - Lỗi lập luận: Câu chốt đầu đoạn đúng nhưng các câu sau không tập trung làm sáng rõ được, hơn nữa còn mắc lỗi khác ngoài lỗi lập luận.  - Sửa lỗi: *Lòng thương người của ND bao trùm lên toàn bộ tác phẩm “Truyện Kiều”. ND viết truyện thơ này như có “máu chảy trên đầu ngọn bút” (Mộng Liên Đường Chủ nhân). Đó chính là nỗi xót xa vô hạn trước kiếp hồng nhan bạc mệnh mà tiêu biểu là Thúy Kiều. Chính vì thế mà nhà thơ Tố HỮu đã khái quát rất đúng khi viết: Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều’.*  **6. Đoạn văn g:**  - Lỗi lập luận:  + Câu trích dẫn đưa ra không phù hợp với ý kiến đưa ra: “Hình ảnh những thế hệ cây xà nu cũng gợi lên sự tiếp nối của thế hệ những người dân Xô Man” không phù hợp với trích dẫn: “Có những cây non vừa lớn...lông vũ”.  + Có những câu tối nghĩa.  - Sửa lỗi: *Cây xà nu là một cây họ thông ..ở Tây Nguyên. Xà nu là loài cây gỗ quý và đặc biệt có sức sống rất mãnh liệt. Rừng xà nu là biểu tượng cho người dân Xô Man. Hình ảnh những thế hệ cây xà nu gợi lên sự nối tiếp của các thế hệ người dân nơi đây trong cuộc chiến không cân sức với kẻ thù hung bạo là đế quốc Mĩ.*  **7. Đoạn văn h:**  - Lỗi lập luận: Đưa ra những câu có ý nghĩa không ăn nhập với nhau: “Các tác phẩm VHDG đề hướng con người tới “chân, thiện, mĩ”. Không một ai là không biết đến truyện cổ tích “Tấm Cám”; ...  - Sửa lỗi: *Chính vì ra đời từ rất sớm và gắn liền với cuộc sống nhân dân lao động nên VHDG có giá trị trong việc bảo tồn và nuôi dưỡng tâm hồn nhân dân, hướng tới cái “chân, thiện, mĩ”. Qua nhiều tác phẩm, ta đều thấy nhân dân luôn luôn khát khao cho cái thiện thắng cái ác, ở hiền gặp lành. Không những thế, văn học dân gian còn có rất nhiều giá trị nghệ thuật đặc sắc trên các thể loại. Ta thử tìm hểu điều ấy qua truyện cổ tích “Tấm Cám”.* |

**Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung**

**4. Củng cố:**

- Phát hiện những lỗi sai và thực hành sửa lỗi; rút kinh nghiệm cho việc viết văn của bản thân.

**5. Dặn dò:**

- Chuẩn bị cho bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 53: KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ 1**

**(Thi chung theo đề của Sở giáo dục)**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*